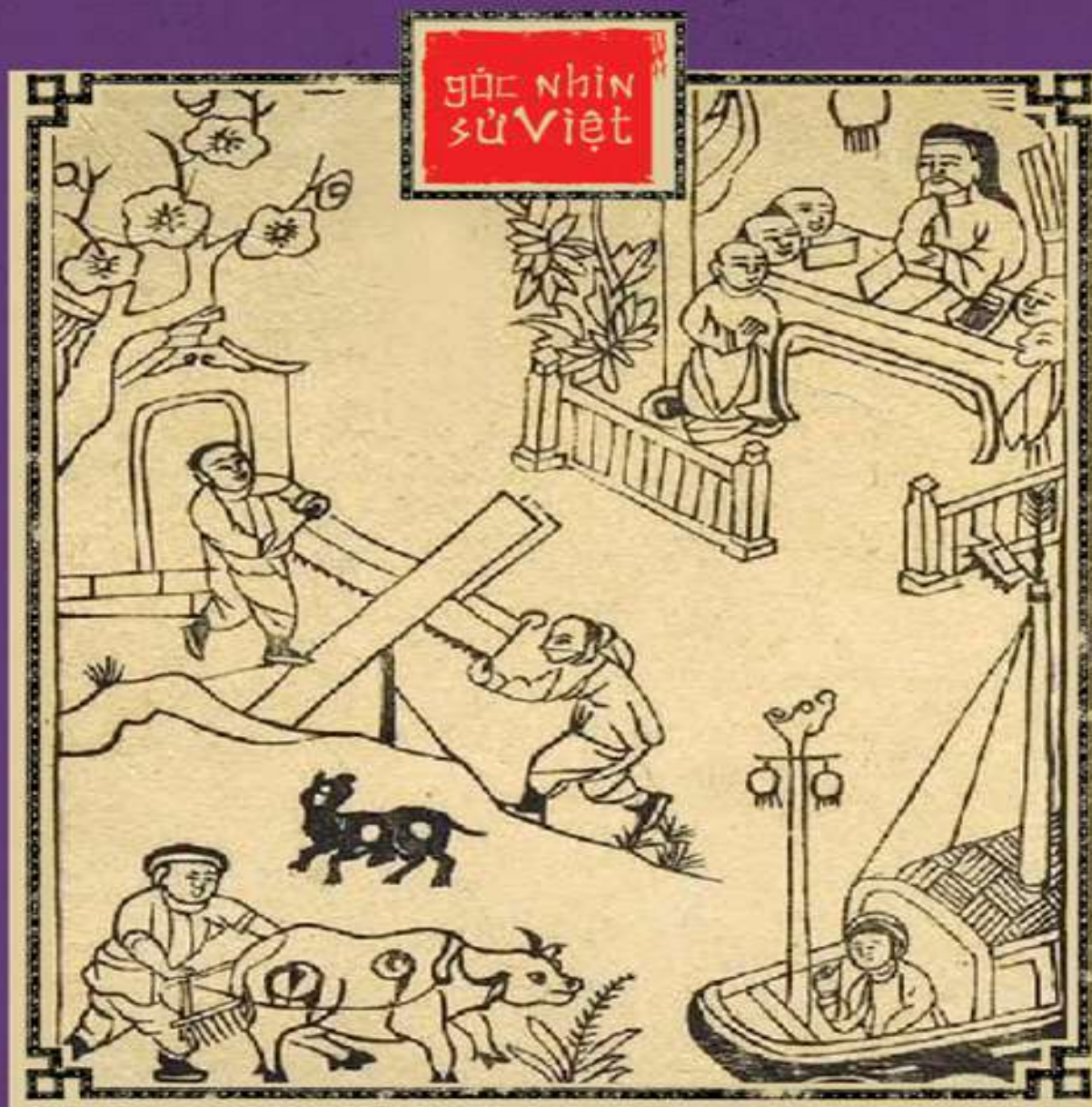


Phạm Đình Hồ & Nguyễn Ân

TANG THƯƠNG NGÃU LỤC



*Những câu chuyện quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép.
Tài liệu quý dùng để khảo cứu lịch sử, địa lý, điển lễ,
phong tục vào cuối đời Lê.*



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

Table of Contents

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TIỂU DẪN

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỒ

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

TỰA

I.

II.

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ(13)

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

HỒ GƯƠM

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

MA ĐỒNG XUÂN

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

THÀNH ĐẠO TỬ

ÔNG LÊ THÌ HIẾN

ÔNG ĐỖ THỂ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

CHÙA TIÊN TÍCH

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

NGƯỜI LÀM MUỐN Ở KINH THÀNH

ÔNG LÊ ANH TUẤN
ÔNG BÙI THẾ VINH
ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN
ÔNG LÊ HỮU KIỀU
ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG
BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)
DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TẾ
ÔNG ĐÀM THẬN HUY
ÔNG LÊ TUẤN MẬU
ÔNG DƯƠNG BANG BẢN
ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN
HÓA HỒ
ĐỨA CON ĐEN
HANG NÚI
ANH KẼ TRỘM LÀNG LÂM HỘ
ÔNG ĐỖ UÔNG
TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG
SÔNG DỪNG
NÚI ĐÔNG LIỆT
NÚI RỄT
NỘI ĐẠO TRÀNG
BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU
PHẦN II. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN HẠ
ÔNG CHU VĂN TRINH
ÔNG LÊ TRÃI
ÔNG BÙI CẦM HỒ
THƠ MA
ÔNG PHẠM NGŨ LÃO
THI HỘI
MẢ MẸ ĐÀO KHẢN
CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA
TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

BIA NÚI THÀNH NAM
 CỤ THÁI TẾ TÔI
 SÔNG ĐỘC
 MẢ TỔ QUẬN BẰNG
 MIẾU THANH CẨM
 DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM.
 ÔNG ĐẶNG CHẤT
 ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ
 QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG
 TẢ AO TIÊN SINH.
 THÀNH CŨ TRIỀU KHẨU
 ÔNG VŨ DUỆ
 ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI(102)
 MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SƯ
 NGƯỜI KHỔNG LỒ
 ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG
 CHÙA THIÊN MỤ
 HỒ HOÀN KIẾM
 CỬA KINH THÀNH
 ÔNG HOÀNG SẦM
 ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN
 MẸ RANH CÀN SÁT
 ĐỀN TRẦN VỖ
 NÚI DỤC THÚY
 MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ồ
 ÔNG SẤM
 ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO
 ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO
 ÔNG BÙI HUY BÍCH
 THÁP BÁO THIÊN
 TIÊN QUẬN CHÚA
 NGƯỜI BÁN THAN

II

III

I

II

III

IV

PHẠM TẤU

ÔNG VÕ CÔNG TRẦN

ÔNG NGUYỄN TRẬT

ÔNG VÕ SỬƠNG

CHUYẾT CÔNG THIỀN SƯ

ĐỀN LINH LANG

CHÙA KIM LIÊN

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

THƠ ĐỀ SAU

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Table of Contents

Landmarks

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TIÊU DẪN

TIÊU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỒ

TIÊU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

TỰA

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỀN THƯỢNG

THÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

HIỀN TÔNG HOÀNG ĐẾ

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

HỒ` GƯƠM

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

MA ĐỒ`NG XUÂN

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

THÀNH ĐẠO TỬ

ÔNG LÊ THÌ HIẾ'N

ÔNG ĐỖ THẾ' GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

CHÙA TIÊN TÍCH

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

NGƯỜI LÀM MUỐN Ở KINH THÀNH

ÔNG LÊ ANH TUẢ'N

ÔNG BÙI THẾ' VINH

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

ÔNG LÊ HỮU KIỀ'U

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦ'Y)

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TÊ

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

ÔNG LÊ TUẢ'N MẬU

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

HÓA HỒ

ĐÚA CON ĐEN

HANG NÚI

ANH KẼ TRỘM LÀNG LÂM HỒ

ÔNG ĐỖ UÔNG

TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

SÔNG DỪNG

NÚI ĐÔNG LIỆT

NÚI RÊ' T

NỘI ĐẠO TRÀNG

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIÊ' U

PHÂN II. TANG THƯƠNG NGÃU LỤC - QUYỀN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

ÔNG LÊ TRÃI

ÔNG BÙI CẬ' M HỒ

THƠ MA

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

THI HỘI

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

CÁI MIẾU CỎ Ở CỬA ĐÔNG HOA

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐÔNG

BIANÚI THÀNH NAM

CỤ THÁI TẾ TÔI

SÔNG ĐỐC

MẢ TỔ QUẬN BẮNG

MIẾU THANH CẨM

DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM

ÔNG ĐẶNG CHÁNH

ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ

QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG

TẢ AO TIÊN SINH

THÀNH CỬ TRIỀU KHẨU

ÔNG VŨ DUY

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

MIẾU THUẬN DƯƠNG TỔ SỰ

NGƯỜI KHÔNG LỖ

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG

CHÙA THIÊN MỤ

HỒ` HOÀN KIẾ`M

CỬA KINH THÀNH

ÔNG HOÀNG SẦ`M

ÔNG ĐẶNG TRẦ`N CÔN

MỀ RANH CÀN SÁT

ĐỀ`N TRẦ`N VÕ

NÚI DỤC THÚY

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUÊ` Ồ

ÔNG SẦ`M

ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO

ÔNG BÙI HUY BÍCH

THÁP BÁO THIÊN

TIÊN QUẬN CHÚA

NGƯỜI BÁN THAN

PHẠM TẦ`U

ÔNG VÕ CÔNG TRẦ`N

ÔNG NGUYỄN TRẬT

ÔNG VÕ SƯỜNG

CHUYÊT CÔNG THIÊN SƯ

ĐỀ N LINH LANG

CHÙA KIM LIÊN

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

THƠ ĐỀ SAU

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thối ng kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bên chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là thế hệ lớp thanh niên ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ “Tri thức là sức mạnh” - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, “lỗ hổng lịch sử” ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù đắp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên **Góc nhìn sử Việt** với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

QUY CÁCH BIÊN TẬP

Tủ sách “Góc nhìn sử Việt” ra đời, mục đích giới thiệu đến bạn đọc những tác phẩm hay, có giá trị, đồng thời góp phần bảo lưu gìn giữ những giá trị văn hóa của đất nước. Để thực hiện bộ sách này, chúng tôi tuân thủ một số quy cách sau:

1. Bảo toàn văn phong, nội dung nguyên gốc, từ ngữ mang đậm văn hóa vùng miền trong tác phẩm (trừ khẩu âm).
2. Biên tập đối chiếu trên bản gốc sưu tầm được và có ghi rõ tái bản trên bản năm nào.
3. Chú thích từ ngữ cổ, từ Hán Việt.
4. Tra cứu bổ sung thông tin: tiểu dẫn, tiểu sử, sự kiện, nhân vật, phụ lục (nếu cần thiết)...
5. Sửa lỗi chính tả trong bản gốc.
6. Giảm lược gạch nối từ ghép, khôi phục từ Việt hóa tiếng nước ngoài khi có đủ tài liệu tra cứu tin cậy (trừ trường hợp từ ngữ đó đã dịch thành thuần Việt).
7. Trường hợp thông tin lịch sử trong sách có sai lệch so với chính sử, chúng tôi sẽ chú thích hoặc đăng phụ lục ở cuối sách.
8. Một số hình ảnh trong sách gốc bị mờ, chất lượng kém... chúng tôi sẽ đăng bổ sung - thay thế các hình ảnh có nội dung tương tự, chất lượng tốt (nếu có).

Mong đón nhận những ý kiến đóng góp của độc giả, hỗ trợ chúng tôi hoàn thiện tủ sách này.

Alpha Books

TIỂU DẪN

Bộ *Tang thương ngẫu lục* 桑滄偶錄 này do hai ông Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án cùng soạn về năm Gia Long, chép những chuyện lật vật trong triều, ngoài nội mà hai ông đã nghe hoặc thấy từ khoảng cuối Lê trở về trước.

Toàn bộ gồm có 90 chuyện, chia làm hai quyển, quyển trên 40 chuyện, quyển dưới 50 chuyện. Hai ông sinh hồ i cuối Lê, cái khoảng đời đã xảy ra rất nhiều những việc bể dâu biế n đổi, mà bộ sách này chép nhiều câu chuyện biế n thiên của hồ i ấy, cho nên tên sách đặt là *Tang thương ngẫu lục*, nghĩa là những câu chuyện ghi chép tình cò trong cuộc bể dâu.

Ban đầu sách này chỉ có bản viết trong một thời gian gần trăm năm. Đến năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái thứ 8 (1896), ông Nghè Gia Xuyên Đỗ Văn Tân, Tổng đốc Hải Dương, quyển tiên khắc ván, từ đấy mới có bản in mà sự lưu hành mới được rộng hơn trước.

Vì nghĩ là một bộ sách xưa, có bổ trợ cho nên sử học, nên chúng tôi đem phiên dịch in ra.

Ngòi bút thô lậu của chúng tôi, không biế t khỏi có những chỗ sai lầm chẳng, còn chờ ở các bậc cao minh chỉ giáo.

Người dịch

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỔ

Ông Phạm Đình Hổ 范廷琥 (1768-1839⁽¹⁾), tự Tùng Niên 松年, hiệu Đông dã Tiê`u 東野樵, người làng Đan Loan huyện Đường An⁽²⁾ trấn Hải Dương, con quan Tham tri chính sự Phạm Đình Dư 范廷璵. Vì là con vị đại thân, nên đương thời thường gọi là ông Chiêu Hổ.

Ông tư chất thông minh, học văn rộng rãi. Tuổi trẻ thi đậu Sinh đồ, rồi vào học trường Quốc tử giám. Gặp khi quân Tây Sơn từ phương Nam kéo ra đất Bắc, nhà tan nước vỡ, từ đây ông sống cái đời của một kẻ hàn nho. Bản triều đại định, trong đời Gia Long, ông có đi thi ba khoa hương, nhưng đều trượt cả. Nhân sĩ Bắc Hà, ai cũng biết tiếng ông là người hay chữ. Vì thế thầy ông thi trượt, có người bảo ông bị quan trường ghét mà đánh hỏng, bởi có ông nói năng không chịu giữ gìn. Hò`i ấy ông có nhà ở phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, trong thành Thăng Long, hằng ngày rèn dạy học trò, và vui với văn chương học văn, có soạn ra được nhiều sách vở, trở nên một nhà đại trước tác. Cũng trong hò`i này ông kết bạn thơ rất thân mật với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, thường cùng nhau vịnh ngâm xướng họa, có những bài quốc âm bén giọng chót nhả.

Niên hiệu Minh Mệnh năm đầu (1820), có chỉ triệu bọn các ông Phạm Đình Hổ, Phan Huy Chú vào kinh đọi mệnh cất dùng, nhưng ông đương ốm không đi được. Mùa đông năm sau, ngự giá ra Bắc, vời ông vào chầu ở điện Càn Chánh trong thành Thăng Long, hỏi về học văn thi cử và tình hình nhân tài đất Bắc, lại khuyên hãy có những sách vở về điển cố tiền triều, cùng là sách trước thuật ra được đề`u nên đem tiến trình. Bấy giờ ông cũng đương ốm yếu liệt bệ, vua truyền cấp cho mỗi tháng 2 phượng gạo lương và 2 quan tiền. Ông lay tạ trở về rồi có dâng lên bốn bộ sách chép tay là

những bộ này: *Lê triê`u hải điển* (2 quyển); *Bang giao điển lệ* (1 quyển); *Sứ quán bạn tiê`p thư trát tập* (1 quyển); *Bạn tiê`p thù phụng thi tập* (1 quyển).

Sau khi ông mạnh, được triệu vào kinh. Ban đầ`u lĩnh chức Hành tẩu trong viện Hàn lâm, sau thăng lên Biên tu, rô`i lại thăng Thừa chỉ. Cuối cùng, được thăng đê`n chức Tế` tửu ở trường Quô`c tử giám. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), vì già yê`u xin về` trí sĩ.

Những sách ông trước soạn ra được, ngoài bộ *Tang thương ngẫu lục* này soạn chung với ông Nguyễn Án thì còn có những bộ như: *Vũ trung tùy bút lục*, *Hy kinh trắ`c lãm*, *Càn khôn nhắ`t lãm v.v...*

Ông thọ đê`n ngoài 70 tuổi mới mắ`t.

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

Ông Nguyễn Án 阮案 (1770-1815), tự Kính Phủ 敬甫, hiệu Ngu Hồ 愚湖, người làng Du Lâm, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh), cháu đích tôn của ông tiên sĩ Nguyễn Bá (sau đổi là Nguyễn Thường). Sinh gặp hồ i cuối Lê loạn lạc, ông chỉ lấy thơ văn sách vở làm vui. Có làm nhà ở tại trên bờ hồ Gươm, tự hiệu là Kiếm Hồ ngư ân. Vì là bạn chơi thân của ông Chiêu Hồ, nên hai ông cùng nhau soạn chung ra bộ sách này. Bản triê u thơ ng nhâ t, niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), mở khoa thi hương đầu tiên ở xứ Bắc, ông Án đi thi đỗ Cồ ng sinh. Năm Gia Long thứ 7 (1808), ông được bổ Tri huyện Tiên Minh (Hải Dương). Làm quan được 7 năm thì mấ t, thọ 46 tuổi. Văn chương trước thuật, trừ bộ sách *Tang thương ngẫu lục* soạn với ông Chiêu Hồ, ông còn có tập thơ *Phong lâm minh lã* 風林鳴籟詩集 nữa.

TỰA

I.

Trời đất là một hóa cảnh, mở, đóng riêng chia, người vật là một sinh cơ, xưa, nay có khác. Duy lẽ đạo của ta như một bể nguyên khí bàng bạc, mà thường ký ngụ ở trong khoảng chữ nghĩa văn chương. Ôi, gọi là *tang thương*, vì sao mà có tập sách này? Ở trên núi, đó là tang thương của vận giới; guơm cỏ trong ruộng, đó là tang thương của việc người; kinh xưa không thể lại thấy, chỉ thấy những sách chưa đốt của người Tà⁽³⁾, sử đúng không thể lại được, chỉ được bản thảo đã thành của Ban, Mã⁽⁴⁾, đó là tang thương của sách vở. Song có người đem xương mình ra, thì lại có sự không tang thương ở trong.

Nước Nam ta từ đời Hồ⁽¹⁾ng Lạc đến nay, chính thống thì như Đinh, Lý, Trầ⁽²⁾n, Lê, tiếm nguyệt thì như Mạc, Hồ⁽³⁾, Nhạc, Huệ, lại nào sứ quân rạch đất, đô hộ cả⁽⁴⁾m quyề⁽⁵⁾n, những cuộc tang thương, há chẳng đã rất nhiều rồi sao! Than ôi, đạo ta vốn không có thời kỳ tang thương, nhưng người ta tất có cái cảm khái tang thương, ấy tập sách tang thương này sở dĩ có là vì thế⁽⁶⁾ đó.

Tùng Niên là quan Quốc tử Tế⁽¹⁾ tửu, hiệu Đông Dã Tiê⁽²⁾u, do chân trung triệu mà ra, ông họ Phạm đó; Kính Phủ là quan huyện doãn Tiên Minh, hiệu Ngu Hồ⁽³⁾, ông họ Nguyễn đó. Hai ông sinh về cuối đời Lê, gặp những cuộc biế⁽⁴⁾n bể dâu, nhưng bề học của các ông vẫn giữ được nguyên trong lặng. Cho nên phát hiện ra văn, Tùng Niên viết bài ký núi Phật Tích, Kính Phủ viết bài ký núi Tiên Tích, trong lời ký như có nét vẽ, có thể cùng với bài ký ngườ⁽⁵⁾n Đào hoa của Uyên

Minh đời Tân cùng truyền. Lại còn như kể chuyện ba vị vua hiền đời Lê như Thánh Tông, Thái Tông, Hiến Tông mà tường cả đến việc cũ ở trong phủ chúa; kể chuyện các vị danh thần đời Trần như Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, mà đến cả thời ngang ngành của Quận mã Đặng Lân. Chép chuyện đến miêu ở thôn ấp, thì đến cả việc Thuần Dương tổ sư nhận làm là Liễu Hạnh công chúa, tượng cổ ở ngôi chùa đồng, bia đá ở núi Thành Nam, thần thiêng ở quán Trấn Võ, thánh giang ở đền Linh Lăng. Chép chuyện mà tổ nhà người thì đến cả má mẹ Đào Khản, lại đem má người thiếp của Phục Ba ra để đối chứng, thầy địa ở Tả Ao, má phát ở Vân Diêm, tiết phụ nhà họ Đàm, võ thần làng Quế Ổ. Tuy bậc danh công của lịch đại, hay người tài nữ của một thời, đều vào trong ngọn bút phẩm bình. Chân nhân đi theo tiên, cùng là nông phu trồng thầy quý, cũng không hiền là quái đản. Thậm chí đến cột gỗ biện gian, Thái Tây truyền đạo, cùng những việc lạ ăn người, hóa hổ, cũng đều ghi chép. Từ Lý, Trần, Lê, Trịnh đến nay, trên dưới mấy trăm năm, có những điều quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép, hai ông đều thu cả vào trong cõi mắt tang thương. Nếu hai ông hết thấy đều cho là việc tang thương mà quên đi, thì những chuyện ấy phỏng được mấy lâu mà mai một đi mất. May mà lấy ngôi bút tang thương biên chép, nên nó còn là cánh bè chở bến mê, ngọn đèn soi nhà tối, đặt tên là *Tang thương ngẫu lục*, ý nghĩa có thể nhận biết được vậy.

Nay ông Gia Xuyên đã gặp thời mà để ý vào việc kiếm sách, bác Hải Nông chưa gặp thời mà dùng công vào việc khắc ván, cùng với tôi đều người trong cuộc tang thương mà ý thú tình cờ gặp nhau. Vì thế nên tôi quen mình bỉ lậu, viết mấy lời lên đầu giấy, mong rằng không vì tang thương mà phải bỏ đi thì may lắm.

*Hoàng triều năm Bính Thân⁽⁵⁾ tháng tiểu xuân ngày thượng
cán⁽⁶⁾*

Chủ nhân đình Tam An

Phùng Dực Bǎ`ng Sô

Cẩn tựa

II.

Việc không gì lớn bǎ`ng giữ gìn cái cũ, học không gì câ`n bǎ`ng bỏ trớ`ng chỗ ngờ, đó thật là lời nói biế`t lẽ.

Nước Nam ta trải trăm nghìn năm, vẫn là một nước văn hiế`n cũ, nhà làm sử đời nào cũng có. Song từ Lê về` trước phâ`n nhiề`u giản lược, khiế`n cho người khảo cổ thường phải bǎn khoăn, vậy thì những đã sử ngoại truyện, sao nên để cho mai một.

Mậu này từ thừa nhỏ hâ`u học gia nghiêm<sup>(7)</sup>, thường được người đem những chuyện các bậc danh hiế`n đời trước của nước nhà mà kể cho nghe, như ông Hương cô`ng họ Nguyễn ở làng Cổ Đô mãi miế`t học tập⁽⁸⁾, ông Thám hoa họ Giang ở làng Mông Phụ đi sứ về vang⁽⁹⁾, ông Trạng nguyên họ Vũ ở làng Trình Xá gieo ấ`n xuô`ng bể mà chấ`t theo nạn nước<sup>(10)</sup>, và còn nhiề`u chuyện khác nữa. Đó cũng là đem những chuyện thật ở ngoài chính sử mà kể, trẻ đại biế`t gì, bǎ`y giờ tôi chỉ biế`t vâng dạ mà thôi. Rô`i sau đó đi làm quan xa, tôi từng được trông thấ`y tập *Tang thương ngẫu lục* ở nhà người bạn. Xem tên người viế`t thì là Tùng Niên và Kính Phủ, cũng chưa biế`t rõ là ai. Nhưng những chuyện biên chép trong đó, có nhiề`u chuyện đúng như tôi đã được nghe, vậy không còn ngờ gì đó là một tập chép những sự thực. Năm nay tôi ở nhà báo Đô`ng Văn, đã đem chuyện ông Hương cô`ng Cổ Đô vào báo. Chợt người bạn cũ là bác Lê Hải Nông đem tập này đế`n mà bảo: “Đây là sách của bậc danh hiế`n làng tôi soạn ra, nay ông bạn đỗ đô`ng khoa của bác là quan Tổng đô`c Hải Dương Đỗ

Gia Xuyên quyền tiệ̀n lương bổng để khặ́c ván, vậy bác làm cho một bài tựa”. Hỏi ra thì Tùng Niên là quan Tệ̀ tửu Phạm Đình Hồ người làng Đan Loan, Kính Phủ là ông Hương cộng Nguyễn Án độ̀ khoa thi hương thứ nhậ́t của Quộ́c triệ̀u, người làng Du Lâm. Hai ông sinh vệ̀ thời Cảnh Hưng nhà Lê, đệ́n khi hoàng triệ̀u dậ́y lên mới ứng mệnh mà ra làm quan. Trong khoảng đó Tây (Tây Sơn), Bặ́c (Tàu) tranh giành non sông biệ́n đổi, trặ́ng xanh nhậ́p nhoáng, chớp mặ́t muôn màu, những việc tang thương, nói làm sao xiệ́t. Bộ sách này vộn không phải là đúng với bộ mặt thật, những chữ lậ̀m lạc, không khỏi chen lẫn ít nhiệ̀u, vậy cứ để khuyệ́t nghi là phải. Tự trung ghi chép những việc tai nghe mặ́t thậ́y, đủ để bỏ khuyệ́t cho cái chỗ sử không chép đệ́n. Có những câu chuyện quái đản, đại khái là rút ra từ nét bút của chức Tả sử⁽¹¹⁾ và để ngụ cái ý thâm vi. Ban đậ̀u chép các vua Thậ̀n Tông, Hiệ́n Tông, sau cùng thì lậ́y giậ́c mộng của Thạ́nh Tông, Thuậ̀n Tông để kệ́t. Chuyện thuộc vệ̀ bên nhà Phật, đáng nhẽ người quân tử không nói, hai ông cũng đã rặ̀ng vậy. Vậy mà trong sách lại thường nói đệ́n luôn, và chép một cách thẳng thặ́n, không tỏ ra nghi ngờ gì cả, chính là có ký thác một cái ý ở trong đó vậy. Chao ôi, đó há chẳng là ý “độ́i với cái thời các bậc anh hiệ̀n đời Tam Đại, ta chưa kịp thậ́y nhưng mà vẫn để lòng mong ước”⁽¹²⁾ đậ̀y ư? Thời nay phong khí mở mang, mỗi ngày mỗi lạ. Bên ngoài bệ̀ cả, bậc đá phẳng như đá mài, đường sặ́t giặ́ng như bàn cờ, rục rộ̀ lậ̀u pha lê, tung bùng đèn điện khí, đó là nương dậ̀u đó chẳng? Lại như cặ́p cánh máy bay lên trên không, cuợ̀i khí cậ̀u đi tìm Bặ́c cực. Sau đây mậ́y chục năm nữa, những dậ̀u vệ̀t của thời kỳ cũ kỹ, há chẳng theo cùng một giậ́c mộng mà biệ́n mặ́t không còn tý gì. Song trạm khặ́c đã chán thì lại nhớ độ̀ mộc, góc giặ́c đã vỡ thì lại nhớ hình tròn, đó là cái tình rặ́t thường mà cái lý tặ́t đệ́n như thệ́. Lậ́y cái ý khuyệ́t nghi tộ̀n cổ mà suy, không nên cầu thả làm cho văn xuôi chữ thuận, hặ́ng để dành lại cho những người học kỹ nghĩ

sâu sau này, như nhời ở bài tựa quyển *Chiến Quốc* sách đã nói, Mậu
đôi với quyển sách này, cũng nghĩ như vậy.

Niên hiệu Thành Thái năm Bính Thân sau tiết Đông chí.

*Phó bảng khoa Canh Thìn, trông coi công việc tòa báo Đông
Văn.*

Giá Sơn Kiều Oánh Mậu

Cẩn tựa

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGÃU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ⁽¹³⁾

Vua Kinh Tông hồ i tiên triê u (triê u Lê), ở ngôi lâu năm, mà chưa sinh hoàng nam để lập làm Thái tử, thường câ u khâ n trời đấ t quý thâ n mãi. Rô i hoàng hậu Trịnh thị có mang, đế n ngày lên giường cũ, mãi chưa sinh được, lòng vua lo lă ng. Chợt vua chiêm bao thấ y có người bảo: “Hoàng tử còn ở chợ Báo Thiên⁽¹⁴⁾, hậu cung sinh mau sao được!”. Tỉnh dậy, vua sai nội giám thử ra chợ á y dò xem. Bắ y giờ vừa tang tảng sáng, chợ vắ ng tanh chưa có ai. Nội giám chỉ thấ y dưới gầ m phản hàng thịt, có lão ăn mày tóc bạc phơ, tuổi chừng 81, 82, đương nằ m ở mặt đấ t mà rên hừ hừ, ngắ c ngoài chò chề t. Nội giám vội chạy về tâu. Vua lại sai ra thăm hỏi xem. Sáng ra thì lão ăn mày chề t mà giữa lúc á y, trong cung hoàng hậu đã sinh ra hoàng tử. Hoàng tử nhón lên nô i ngôi, tức là Thầ n Tông. Khi ở ngôi, lắ y ngày sinh làm tiế t Thọ Dương. Hắ ng năm đế n ngày, nhà chức trách dựng hành tại⁽¹⁵⁾ ở chợ Báo Thiên; bộ Lễ sắ m xe giá tàn quạt, đế n nơi hành tại, rước hai cây thiên tuế, vạn tuế làm bắ ng trúc về cung; quan ở tòa Kinh Diên rước hai cây á y đi quanh giường ngự ba vòng, chúc Hoàng đế sô ng lâu muôn tuổi. Lễ cử hành xong, vua ngự ở điện Vạn Thọ, chịu lễ chầ u mừng, ban yế n ở sân điện. Các triê u vua sau cũng theo như thế, gọi là lễ Khánh Thọ bảo thâ n. Vua sinh được bô n con là Chân Tông, Huyê n Tông, Gia Tông, Hy Tông đề u lên ngôi thiên tử, phúc thọ vào bậc nhấ t ở đời trung hưng.

Khoảng năm Vĩnh Hựu (1735-1740), vua Ý Tông thường chế hạc gỗ và lục sĩ Chiêm Thành (người phồng) dâng cúng ở trước tượng thờ vua Lý Thận Tông tại chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích⁽¹⁶⁾, vì tương truyền hậu thân vua Lý Thận Tông tức là vua Thận Tông triều Lê.

Xét cái thuyết tiên thân, hậu thân là xuất tự kinh điển nhà Phật, người quân tử⁽¹⁷⁾ chẳng hề nói đến. Nếu quả có chuyện ấy thật thì tiên thân vua Lý Thận Tông là thầy tu Từ Đạo Hạnh, hậu thân là lão già ở chợ Báo Thiên, lại hậu thân là vua Thận Tông triều Lê; một ông sư, một lão ăn mày, tái sinh vào nhà đế vương, khiến người không thể hiểu nổi.

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Năm Cảnh Hưng Ất Ty (1785), gặp kỳ lễ thọ thất tuần của Hiển Tông hoàng đế, đình thần là ông Bùi Huy Bích, ông Hồ Sĩ Đống ở trong chính phủ, bàn dâng tôn hiệu là Uyên Ý Khâm Cung Nhân Từ Đức Thọ Hoàng Đế và làm lễ trong ngày tiết Thánh Thọ. Bấy giờ việc châu trong triều đường bỏ bề từ lâu; nên điện cũ ở Nùng Sơn bỏ làm điện Kính Thiên, thờ Hiệu thiên Thượng đế (giời), Hậu thổ Địa kỳ (đất), và phụ phôi đức Thái Tổ hoàng đế. Những ngày mùng một và rằm, vua ra coi châu ở điện Càn Chính. Viên Đãi Lậu ở hai bên điện ấy nối nhau sụp đổ, cỏ mọc lên thêm và ngập đến đầu gối, phân ngựa vầy ra bờ bãi. Đến bấy giờ, sai viên Đề lĩnh đôc suất bọn vệ sĩ sửa dọn thêm son, chữa viện Đãi Lậu. Trước một ngày, quan Phủ doãn Phụng Thiên⁽¹⁸⁾ là Hoàng Vĩnh Trân đem những thuộc quan mặc đồ triều phục, đến túc trực ở nhà giám Tư lễ, coi giữ biểu mừng. Đến ngày, hoàng thượng ngự lên bảo tọa, hai ban văn võ dàn theo thứ tự.

Ông Hoàng tử Đại tư đồ Sùng Nhượng công đứng đầu võ ban, ông Hồ Sĩ Đống đứng thứ hai; Quốc lão quận công Nguyễn Công Hãng⁽¹⁹⁾ đứng đầu văn ban, ông Bùi Huy Bích đứng thứ hai. Tòa Hoàng lô rống rả các viên Tự ban trong sở Hạp môn, chia ra nội tán ngoại tán để xướng lễ.

Ông Phan Huy Ích quỳ ở phía hữu ngự điện, tuyên đọc tờ biểu, tiếng vang ra tận cửa Đoan Môn. Lễ thành, viên thái giám mặc áo bào hồng, thắt đai văn tề, từ phía hữu ngự tọa xuống thêm tuyên chỉ, ban yến ở viện Đãi Lậu. Những ông già bà cả ở kinh đô đều nói:

- Từ niên hiệu Chính Hòa⁽²⁰⁾ đến nay, trải 80 năm, không được trông thấy lễ này.

Tờ biểu (có chép trong sách Hoàng Việt văn tuyển) mở đầu có hai vế:

黼座天開，龜籌薦壽康之福

Phủ tọa thiên khai, quy trù tiê'n thọ khang chi phúc,

彤庭日麗，虎拜揚保定之休

Đông đình nhật lệ, hổ bái dương bảo định chi hưu.

(Ngai thêu trời mở, thềm rồng dâng phúc thọ khang. Sân son nắng chói u, gó'i hổ chúc lành bảo định).

Giữa có hai vế:

千春歷始登四紀

Thiên xuân lịch thủy đẳng tứ kỷ,

萬年籌初逮七旬

Vạn niên trù sơ đại thất tuầ'n.

(Lịch nghìn xuân mới lên bốn kỷ⁽²¹⁾;

Thềm muôn năm vừa tới bảy tuầ'n).

Còn nữa không chép ra đây hết.

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

Kính Phủ

Sau khi vạc đổi⁽²²⁾, có tên Đàng làm mướn cho tôi. Vô¹ n là chân nội thị đòi chúa Tĩnh Vương⁽²³⁾, kể lại những chuyện cũ ở trong cung phủ rất tường. Mỗi năm đến Tết trung thu, từ trước mấy tháng, chúa phát gấm trong cung ra để làm hàng trăm hàng nghìn cái đèn lồng, cái nào cũng tinh xảo tuyệt vời, mỗi cái giá đến mấy chục lạng vàng. Đến ngày, chúa ngự giá ra chơi Bắc cung. Cung có ao gọi là Long Trì, rộng nửa dặm, trong ao trồng rất nhiều hoa sen, hoa súng. Ven ao đắp đất, chôn đá làm núi, chỗ cao chỗ thấp, dàn đặt có hình có thế. Có những chỗ khuỷu để cho nhạc công ngồi đàn sáo. Bờ ao trồng hàng mấy trăm cây phù dung, treo đèn ở trên. Sóng trắng dập dờn, trông xa tựa hồ hàng vạn ngôi sao sáng. Nội thị từ tam phẩm trở lên, chít khăn mặc áo như đàn bà, bày hàng ở rìa đường, bán những tạp hóa cùng các đồ hoa quả, chả, rượu, thức gì cũng có, chôn chặt như núi. Cung nhân qua lại mua bán, vừa mua vừa cướp, không cần hỏi giá cả bao nhiêu; đua nhau đem những câu hát quê ra đối chọi với nhau, tiếng cười đùa vang cả trong ngoài. Nửa đêm chúa ngự kiệu đến ao, xuống thuyền. Quan hầu và các phi thiếp gõ ván hò reo, đi lại vùn vụt và lên đèn trên sông. Chợt lúc lại đánh đàn, lại thổi sáo, lại ca hát, tiếng vang lanh lảnh, khiến người tưởng như lên chơi cung Quảng hàn⁽²⁴⁾ mà nghe khúc nhạc Quân thiên⁽²⁵⁾. Chúa nhìn ngắm lấy làm vui sướng, đến mãi gà gáy mới về.

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

Quan Thượng thư Nguyễn Duy Thì là quan tể tướng có tiếng đời Trung hưng, giữ mình ngay thẳng và khéo xoay đổi được ý của vua chúa. Trong phủ chúa có một cái kiệu, kiểu cách và sơn vẽ rất lộng lẫy. Một hôm, ông đứng cạnh, chợt ngã vật vào trong kiệu, cá m khẩu, không nói được câu gì. Chúa sai khiêng đưa về phủ. Sáng hôm sau, ông vào khai⁽²⁶⁾ rã ãng:

- Thâ ãn hôm qua ngộ cảm, đội ơn chúa thượng bao dung. Cái kiệu ấy, thâ ãn đã trót ô m ãm lên rô ãi, không tiện lại tiế n phụng nữa. Xin sẽ sã m cái khác đẹp ãẽ hơn, dâng nộp.

Chúa hiểu ý, không trách hỏi nữa.

Một lâ ãn, ông vào xin phép chúa ãẽ về Yên Lããg⁽²⁷⁾. Bã ãy giờ chúa yêu một bà phi người làng Mông Phụ, bà phi ấy ãược yêu chiề u quý báu nên uy thế ãũng khá to. Ông vẫn thường nói xa ãẽ khuyên ngăn chúa. Nay nhân dịp ông cáo về vã ãng, chúa ngự thuyề n rô ãng lên kinh lý Sơn Tây, tiện ãường rẽ vào thăm làng nhà bà phi. Thuyề n chúa qua hạt Yên Lããg. Ông chờ rô ãi phục lã ý ở bẽ ãn sông, nói bô ãn phương không có giãc giã, sao lại vì một người ãàn bà mà làm nhọc ãẽ ãn sáu quân, như vậy quô c thể còn ra sao nữa. Kíp truyề n cho quân sĩ không ãược bơi thuyề n tiế n lên, hẽ ai trái, sẽ lã ý quân pháp trị tội. Chúa vì thế ã phải hô ãi loan.

Trong phủ⁽²⁸⁾ của ông có một nề p nhà gọi là nhà Tư chính⁽²⁹⁾, ãó là nơi ãẽ khi lui chã u, ông về ã nghỉ ngơi. Trong nhà ấy chỉ có hai gã tiểu ãồ ãg hã u hạ; bà vợ và hã u thiế p, không ai ãược bẻn mãng tới, và ãũng không ãám ãem việc riêng kêu xin gì cả. Một lâ ãn, có một cái án lớn, tội nhân ãáng phải tử hình. Người nhà ãem tiế n của chạy

chợt hé t các cửa quỳnh quý, nhưng ai cũng bó tay, không thể cứu nổi. Người vợ tội nhân đón hai tiểu đồ òng mà khóc lạy, nhờ đưa hai nghìn lạng bạc lễ ông để ông gỡ tội cho. Tiểu đồ òng xua tay nói:

- Tướng công đây không phải là người đem vàng bạc làm động lòng được. Nhưng tôi không nỡ trông thấy chị đau đớn, vậy để hẵng thử xem.

Tiểu đồ òng đem bạc vào nhà Tư chính, để trên cạnh giường ông nằm. Đêm khuya, ông chợt từ trong chính phủ về, trèo lên giường nằm, đụng phải; bạc rơi loảng xoảng xuống đất. Giật mình hỏi tiểu đồ òng sao lại có những vật này. Tiểu đồ òng quỳ xuống xin chịu tội chết và nói duyên cớ. Ông im lặng lúc lâu rồi nói:

- Thôi cho đứng dậy, ta không bắt tội mày. Tử hình là một cái án lớn. Vì mọi lợi hai nghìn lạng, mày là một đứa bé con dám đem cái chết để đương lấy. Hoặc giả bởi ý giời chăng? Thế mà ầy cho mày bao nhiêu?

- Băm sáu trăm lạng.

- Thôi, số bạc này cho mày, ta không dùng gì nữa.

Liên ngay lúc ấy, ông đi xe đến gõ cửa cung. Chúa giật mình trở dậy, cho vờ vào, hỏi chuyện, tưởng là có việc gì lớn lao về quân quốc. Ông nói hôm qua xét án, đã xử tội nhân phải chết, nhưng đêm về chiêm bao, thấy có người nói oan ức, không biết kêu đâu, vậy xin nhờ chúa xét lại! Chúa cười:

- Tiên sinh chịu khó quá, để đến sáng mai vào hầu sẽ nói có được không?

- Nhưng thần sợ để chậm, chốc lát rồi bị ý riêng nó làm thay đổi đi.

Chúa ân cần yên ủi mà tên tù rô`i được khỏi ché`t.

HỒ GƯƠM

Đời Lê, năm Cảnh Hưng Bính Ngọ [1786] mùa hạ, tại hồ Hoàn Kiếm, đương nửa đêm bỗng có vật gì mọc lên ở hòn đảo, sáng rực bốn bề, bay sang đến bờ nam thì tắt. Sóng hồ cuộn lên. Sáng hôm sau, tôm cá nổi lên mặt hồ không biết bao nhiêu mà kể. Có người nói ở nhà Trung Hòa trong phủ chúa, cũng có vật gì mọc lên từ nóc nhà, sáng rực rồi tắt, cũng giống như ở hồ Hoàn Kiếm. Chưa bao lâu xảy ra việc quốc biến⁽³⁹⁾.

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

Ông Nguyễn Văn Giai ở Thiên Lộc⁽³¹⁾ họ i chương quản Lục bộ, các bậc thân quý của vua chúa đều phải nín hơi, không dám xúc phạm. Một vị quận mã⁽³²⁾ trong phủ chúa đi đánh trận thua chạy, ông bắt bỏ ngục, rồi xử vào tội tử. Chúa muốn tha nhưng rất khó nói. Nhân câu đề n dụ chỉ nhà vua, cũng vẫn không lay được chí định của ông. Bây giờ ông có nhiều vợ, có đến năm sáu bà, địa vị hậu như là bà Chính phu nhân, mà có bà Ba được ông yêu dấu lắm. Bà quận chúa đem châu ngọc, nhờ bà phó mẫu⁽³³⁾ dẫn đến thăm bà ba và kể việc quận mã. Bà Ba từ chối mà rằng:

- Tướng công tôi là người thanh liêm, thẳng thắn. Việc lớn của triều đình, tôi đâu dám dự.

Quận chúa cố nói thiệt thảm, bà Ba bèn bảo:

- Nếu vậy sáng mai, quận chúa cho đem một con lợn nhỏ luộc chín, một mâm xôi thổi nếp cái, và kèm cả tương giấm, dao thớt nữa, lựa lúc tướng công tôi đi vắng, đưa vào.

Quận chúa mừng rỡ cảm ơn.

Sáng hôm sau, sắp sửa vào triều, ông bảo dọn cơm sáng để ăn. Bà Ba nói:

- Trong triều bây giờ các quan đến đây rồi. Tướng công hãy vào rồi về sẽ xơi cơm thì hơn.

Ông lên kiệu đi. Lúc ở trong triều về thì bụng đói ngấu, thấy cái lòng bàn đặt, mở ra, sẵn dao và thớt, thái luôn ngay thịt lợn ăn lẫn với xôi. Chỉ có một lúc hết cả. Ăn xong, ông chợt hỏi:

- À, những thứ ấy ở đâu mà có thể nhỉ?

Bà Ba kể duyên do. Ông rất tức bực, lúc lâu mới nói:

- Ta làm lỗi rồi! Ta làm lỗi rồi! Nhưng vì một bữa ăn no mà làm sống một mạng người, chẳng cũng bởi giờ hay sao!

Liên lên xe vào phủ, xin tha cho người có tội. Chúa mừng rỡ mà nghe theo ngay.

Một hôm, ông vào triều đi qua chợ Cửa Đông, thấy con cá mè lớn, bề ngang đầy thước. Ông dừng lại hỏi và khen ngợi. Rồi ông về nhà, thấy rất nhiều người đem biếu cá, toàn là những khúc cá mè cả. Ông đùa, bảo thử chắt lại xem, thấy chỉ thiếu đuôi, còn thì đủ thân hình con cá. Ông than rằng:

- Có lẽ con cháu ta sau này không được thịnh vượng chăng⁽³⁴⁾?

Sau khi ông mất, quả đúng như lời ấy.

...(35)

Sau đây, Quốc lão Phạm Công Trứ căm quỳên quốc chính. Có một viên tù trưởng thượng du phạm tội chết. Chị vợ luôn lợt với người bếp nhà ông. Người bếp xui đem biếu chim sẻ vàng, vì đó là món ông rất thích. Đem chim sẻ đến, người bếp nướng chả dâng lên. Ông ăn xong rồi hỏi. Người bếp đưa số vàng lễ ra và phục xuống xin chịu tội. Ông thò tay vào cổ họng móc để thổ ra rồi nói:

- Thôi, mày đem số vàng ấy đi, tao tha cho không quả trách nữa.

Khi án đem ra xử, ông nói với chúa Trịnh tha cho người tù trưởng ấy. Chúa cũng nghe theo.

Việc này với việc trên kia thật giống nhau.

Ôi! Hai ông đều là những quan Tể tướng có tiếng đời Trung hưng; một người thì vì thịt lợn, một người thì vì chả chim, vậy những sự ưa thích, há chẳng rất nên cẩn thận!

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

Tùng Niên

Năm Kỷ Dậu (1789), binh lửa vừa yên, bệnh dịch nổi lên rất dữ. Người ta thường ban ngày trông thấy ma quỷ, tiếng kêu rên cùng tiếng khóc chen lẫn với nhau. Bạn tôi, bác Ninh Quý Hoảng, người ở Khôi Tri⁽³⁶⁾ thuật cho tôi nghe câu chuyện rằng:

“Một bác nông phu, người làng Như Kinh, đi ra ngoài đồng kiếm củi, gặp một đám đại quân tiến đến, bèn đặt gánh củi xuống, đứng tránh bên đường. Người lính đi đầu, đầu quân khăn đỏ⁽³⁷⁾, tay cầm gươm, chính là người quen cũ của bác nông phu. Người ấy thấy bác, rất vui mừng, trật khăn ở trên đầu mình, đội cho bác rồi rủ vào hàng cơm, uống rượu chảnh nướng. Chẳng thấy chủ hàng hỏi gì cả. Bây giờ đương hồi đói khát, bác nông phu được bữa thế, ăn uống thật no say. Chẳng mấy chốc, đạo trung quân đến; xe ngựa kéo qua đông nghìn nghịt và rất mau gập. Người lính vội đứng lên giật lấy cái khăn rồi đi ra. Bác nông phu ngờ dĩ dĩ làm cho chủ hàng và khách ăn đều phải giật mình. Họ bắt giữ lấy vì cho là ma quỷ⁽³⁸⁾. Nông phu kể việc mình đã thấy, đưa chủ hàng đến chỗ mình đặt gánh củi bên đường thì hai bó củi vẫn còn nguyên. Chủ hàng bèn tha cho đi”.

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

Ông Ninh lại nói chuyện:

“Năm ấy, ở một làng nhỏ trong huyện An Mô, có người nông phu rất nghèo khổ, phải đi ăn xin, đêm cùng với một người đồng bạn ngủ ở cái quán trống không, bên cạnh đường cái quan. Đêm khuya, bụng đói nóng sôi, năm trăm trăn trọc không sao ngủ được. Bấy giờ trăng sáng lơ mờ, xa trông thấy quân mã kéo đi đông nghịt.

Hai người cũng trông nhau sợ hãi, chui xuống gầm chõng năm, khề nhìn ngó ra, nín hơi không dám thở mạnh. Ước độ nửa trống canh, thấy chiêm trống cò quạt đi xúm chung quanh một cái kiệu bát cống đề n, dừng lại ở trước quán.

Trống chiêm tạm ngừng, thấy truyền gọi xã lệnh làng ấy ra hỏi, tiếng vang vang như là tiếng sấm. Không mấy chốc, thấy có một người đội mũ phước đầu⁽³⁹⁾, mặc áo thụng, đề n quỳ ở trước kiệu nói rằng:

- Tôi là xã lệnh ở làng mõ xin ra bái yết.

Bác nông phu nhìn ra, thấy giống như tạc pho tượng ở đình làng. Rồi trong kiệu truyền hỏi sổ lính đã làm xong chưa. Xã lệnh dập đầu nói:

- Chúng tôi đây làng nhỏ dân nghèo. Nay sau cơn binh lửa, họ đi trôi dạt chưa về, không lấy ai để bắt nộp được.

Trong kiệu quát lớn:

- Ta phụng lệnh điếm binh. Lệnh ra đã lâu mà nhà ngươi có ý nói quanh, không nộp cho đủ. Vậy phải lấy quân pháp thi hành mới được.

Bên cạnh kiệu có mấy viên mặc đồ triều phục quỳ xuống kêu xin:

- Vị thần này sáng suốt thẳng thắn, vẫn được Đế đình ban khen, vậy xin ngài hãy rộng tha cho.

Nhân thúc viên xã lệnh đưa sổ lính ra nộp. Xã lệnh bắt đầu khai hai tên đình ở trong làng, mà một tên chính là bác nông phu này.

Cả hai đều là người nghèo kiết, không bắt vào đâu mà nộp. Trong kiệu truyền ra cho quan hầu nhận sổ rồi lại rầm rộ kéo đi. Gà trong xóm lúc ấy đã bắt đầu gáy sáng.

Bác nông phu sợ toát mồ hôi, cùng người đồng bạn lật đật ra về. Nhưng cũng lấy sự được thoát khỏi bể khổ làm mừng, nói với người làng cho một bữa ăn uống no say để chết. Người làng cũng ưng cho. Sau đó không bao lâu thì hấn ốm chết, mà một người nữa bị biên tên vào sổ cũng vậy”.

MA ĐỒNG XUÂN

Kính Phủ

Ông Trầ̀n Văn Vỹ, người làng Từ Ô, khi đi thi hội, trọ ở phường Đồng Xuân, nhà cũ của viên nội thầ̀n là quận Báu, tức là ngụ sở của ông ngoại tôi là quan Thiêm hiế̀n, hiệu Thanh Khê.

Trên gác nhà ấy có lắ̀m yêu quái, hoặc hiện thành một vật to như cái đầ̀u, đỏ chói và sáng rực bắ̀n bằ̀, một nhoáng thì tắ̀t; hoặc kêu reo ở trên xà nhà, soi đèn thì chẳng thấ̀y gì cả. Ông Trầ̀n không tin, kê giường lên nằ̀m trên ấy, nói ma quái muố̀n trêu thì cứ trêu mình. Ngày đêm đọc sách mải miế̀t. Một hôm mỗi mệ̀t nằ̀m ngủ, ông thấ̀y có một người con gái trẻ đẹp, đế̀n gõ vào giường mà nói:

- Nhà Lê sắ̀p mắ̀t, ông cũng không đỡ, đừng đọc sách để nạt tôi nữa.

Rồ̀i ngâm một câu thơ:

沙場隱隱見漁村

Sa tràng ẩn ẩn kiế̀n ngư thôn.

Nghĩa là: Chố̀n sa tràng thấ̀p thoáng thấ̀y xóm phường chài.

Trầ̀n tỉnh dậy hã̀y còn ghi nhớ, bèn phải triệt giường không dám nằ̀m đầ̀y nữa.

Năm ấy, Trầ̀n đi thi không đỗ. Chưa bao lâu, xảy việc quố̀c c biế̀n.

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

Thượng thư Nguyễn Công Hãng là quan Tể tướng có danh đời chúa An Vương (Trịnh Cương)⁽⁴⁰⁾. Năm 21 tuổi, đỗ tiến sĩ, làm Đô đốc trấn An Bang (Quảng Yên). Đất trấn ấy, lưng dựa vào núi, mặt trông ra bể. Vua Hồng Thuận (Tương Dực) xưa có thơ ngự chế, khắc vào đá, trong có câu:

巨浸汪洋朝百川

Cự tảm nông dương triều bách xuyên

Nghĩa là: Bể lớn mênh mông trăm sông châu về. Ông chép bài thơ ấy cho các bạn đồng niên, chép lầm chữ “巨 cự” ra chữ “厓 táp” nên có người thường chế giễu. Ông từ chức về kinh, học những điển cố, luật lệnh, sổ sách của triều đình, ba năm thuộc hết, bèn nói:

- Được rồi!

Bèn lại xin lĩnh chức. Ông đứng ở trong triều, gặp việc gì, cũng bạo can ngăn, lời nói thường tha thiết, thẳng thắn, làm cho chúa phải tan cơn giận. Khi đi sứ, làm bài khải tạ, có câu: “Xoa vuốt vẩy rồng, từng thấy tạnh quang cơn sấm sét”, chính là lời nói đúng sự thực.

Năm thứ 57 niên hiệu Khang Hy (1719) đời nhà Thanh, gặp kỳ tuế cố, ông do chức Binh bộ Tả thị lang sung làm Chánh sứ. Nguyên xưa, đức Thái Tổ hoàng đế (Lê Lợi) cùng quân Minh đánh nhau ở núi Mã Yên⁽⁴¹⁾, chém chết tướng Minh là An Viễn hầu Liễu Thăng. Đến khi giảng hòa, nộp cống, người Minh bắt đền, phải đúc người vàng thay thế. Đến hồi nhà Mạc cướp ngôi, Minh sai

Cừu Loan, Bao Bá Ôn sang đánh; Mạc sợ phải đút người vàng đút lót để cầu hòa. Đầu đòi Trung hưng, nhà Minh lấy có tự tiện giết công thần của họ là Mạc Mậu Hợp, bắt phải đút người vàng tạ lỗi, từ đây thành thường lệ của sự tiến cống. Đến ông xin bãi bỏ lệ ấy. Các bộ viện đem cố sự ra hỏi. Ông nói:

- Quốc vương tôi ngày nay giữ gìn nghiệp cũ, không dám bỏ khoáng việc chức cống. Còn cái chuyện cũ về việc thâu thành nạp khoản thì sứ thần không dám biết.

Họ lại hặc⁽⁴²⁾ về chuyện Liễu Thăng. Ông nói:

- Liễu Thăng là tướng nhà Minh. Hoàng Thanh⁽⁴³⁾ nay bao gồm có cả muôn nước, lại đi khur khur đòi món của đút để trả mối thù của người xưa. Như vậy sao đủ để làm khuôn mẫu cho người sau.

Lệ cống phải có hồ nước để rửa ngọc trai, lấy ở cái giếng tại Loa Thành. Ông đồ đi, mức nước giếng Ba Sơn đem theo. Họ thử, không thấy nghiệm, kỳ kèo⁽⁴⁴⁾. Ông nói:

- Vì khí mạch lâu ngày nó biến đổi đi.

Hai thứ đồ cống ấy được miễn là bắt đầu từ ông vậy.

Đi sứ về, cùng ông Lê Anh Tuấn ở Thanh Mai cùng làm Tể tướng, hăm hở lấy việc thiên hạ làm trách nhiệm của mình, đem hết tâm tư, nghĩ việc chế tác, những phép tắc các chốn dinh tòa, đều là do ông sửa định cả. Vì nghĩ từ hồ i Trung hưng về sau, những thể lệ về việc mũ áo trăm quan chưa được đúng hợp. Khi đi sứ, ông để ý kiếm tìm chế độ nhà Minh đem về; bèn sửa lại các đồ phẩm phục. Phàm khi đại triều, các quan đội mũ phước đầu, mặc áo bổ phục⁽⁴⁵⁾, đỏ là trên, lằn xuông đến xanh, đến tím. Đồ mặc ngày thường làm việc thì văn chít khăn lang cân, võ chít khăn yếm vĩ, mặc áo thanh cát che đằng sau, thứ đến hạng chít khăn chữ đinh. Quân

phục thì nón thây chùa, áo chèn tay. Những thể thức ấy đến nay
hãy còn dùng.

Tính hay khích lệ khí tiết của kẻ sĩ; học trò trường Giám, thường
cho được ngỗ i nói chuyện với các quan như thể ngang hàng. Bắ t
chước lố i kinh nghĩa của Tàu, sai các Nho thầ n phải tập, muố n
thay đổi thể văn để thi học trò nhưng việc không thành. Vì thấ y sự
tiêu dùng của nhà nước không đủ, nên giảm bớt số ruộng của các
công thầ n, bị nhiề u người oán. Chúa Trịnh muố n cho được mở
phủ như ông Nguyễn Duy Thì đầ u đòi Trung hưng, sau có người gạt
đi nên lại thôi.

Khi Uy vương (Trịnh Giang) làm thê tử, An vương (Trịnh Cương)
sai ông làm chức su phó. Ông mật đệ tờ khai⁽⁴⁶⁾ lên chúa, nói thê tử
là người lười biế ng, không thể gánh vác công việc được. An vương
nói:

- Ta không phải không biế t như thê , nhưng nghĩ từ ngày quyề n
lý việc nước, hắ n không có lỗi gì lớn cho nên chưa nỡ.

Ông dập đầ u nói:

- Biế t con không ai bắ ng cha. Xin chúa thương nên vì xã tắ c mà
lo tính.

Chúa Trịnh bèn câ t tờ khai vào trong một cái hộp.

Gặp kỳ đại lễ, thê tử làm lễ sai nhầ m. Chúa giận, vờ đình thầ n
vào hộp, định truấ t bỏ đi. Việc chưa làm xong thì chúa nhân sang
chơi Cỗ Bi, mắ t ở dọc đường. Ông bắ y giờ ở kinh, Kỳ Viên phi giấ u
không phát tang, về đế n kinh mới báo tin dữ. Ông hợp trăm quan ở
Đô đường nói rắ ng:

- Thê tử có tội với Tiên vương, Tiên vương đã có nói, vậy nay sao ta không bàn lập ông thứ?

Mọi người đều lặng im. Ông Nguyễn Hiệu, người ở Lan Khê, là thầy học của thê tử, cãi lại nói:

- Thê tử có lỗi gì đâu! Lời Tiên vương nói chỉ là để răn bảo. Không nên khinh dị mà bàn đến việc ấy.

Thê tử lên ngôi, bắt được tờ khai của ông, bèn đem ông lên an trí ở Tuyên Quang, liền lại sai Trung sứ đánh thuốc độc cho chết.

Xưa, An vương vì biết trong kiểu đất nhà mình có câu “truyền được tám đời thì vạ nổi từ trong tường vách”, nên mới bày cuộc xây dựng ở Cổ Bi để yểm trù. Vương thường bảo ông rằng:

- Đất quý Cửu Long, tiên sinh nên đem mả nhà đến mà táng, đừng để rồi họ khác chiêm mả.

Vì thế rồi ông bị những nhời nói gièm. Khi đi sứ Tàu, qua thành Ứng Sơn, có làm bài thơ viết Trung Liệt công⁽⁴⁷⁾ ở Dương Thúc am, trong có hai câu:

暗主休論崇愛豎

Ám chúa hưu luận sùng ái thụ,

皇天何忍毒忠臣

Hoàng thiên hà nhẫn độc trung thân.

Nghĩa là: Kể gì chuyện một ông vua mờ tối đi tin yêu một anh quan hoạn, chỉ đáng phàn nàn sao ông giời lại nỡ độc hại người tôi trung. Hai câu này tỏ ra là lời sấm ứng nghiệm vào đời ông về sau.

Đời truyề n một hôm có một thầ y xem bói chiế t tự⁽⁴⁸⁾ vào thăm. Ông bảo xem cho mình. Nhân viế t mấ y chữ “十二月花殘 *thập nhị nguyệt hoa tàn*” (Tháng 12 hoa tàn) cho người ấ y đoán; người ấ y khuyên ông nên xử theo cách “cấ p lưu dũng thoái”⁽⁴⁹⁾. Ông im lặng không nói gì. Chưa bao lâu thì xảy ra tai vạ.

Người thầ y bói này không rõ tên họ, thường hay đi lại ở các nhà công khanh, nói nhiề u câu ứng nghiệm lắ m. Cuố i đời Long Đức (Lê Thuầ n Tông) (1732-1735) vua Hiến Tông là địa vị con nồ i mà không được lập, tro ́ n ở trên cái gác chuông chùa Phật Tích, gặp người thầ y bói ấ y, vua bảo xem hộ và viế t một chữ “景 *cảnh*”. Người ấ y liề n phục lạy mà nói:

- Mặt giới soi xuố ng kinh đô⁽⁵⁰⁾, đó là cái tượng Thiên tử rô i.

Quả nhiên, sau vua Ý Tông (1735-1740) nhường ngôi. Hiến Tông được lập, đặt niên hiệu là Cảnh Hưng (1740-1786).

Một thuyế t nói: Khi ông làm Tể tướng, có một ông quan trong triề u ố m sắ p chề t, học trò đế n lễ câ u đảo ở đê n Tản Viên, chiêm bao thấ y thầ n bảo: “Tòa Nam Đẩu giữ việc chú sinh⁽⁵¹⁾, đó không phải việc của ta”. Người học trò cô ́ kêu xin. Thầ n bảo: “Tướng công Nguyễn Hẫng là bậc dị nhân, sao không đế n kêu với ông ấ y!”

Tỉnh dậy, người ấ y về ́ kể chuyện với ông. Ông bảo cho sô ́ ng thêm một kỷ⁽⁵²⁾ nữa. Sau quả nhiên đúng như lời nói.

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Tùng Niên

Ông Nguyễn Bá Dương, người làng Nguyễn Xá, huyện Thôn Khê. Tính tuệch toạc, thích uống rượu. Nhà nghèo kiết, nhưng vẫn sống một cách thản nhiên. Hồi lên du học ở kinh sư, ngoài một tấm áo, không có một cái gì đáng giá. Thường uống chịu rượu của người đàn bà kẻ Mơ (Hoàng Mai) nợ đến trăm đồng tiền, bị người đàn bà ấy đón đường để đòi. Cùng đi với người đàn bà, có cô con gái cũng người kẻ Mơ. Cô đặt gánh xuống can ngăn người đàn bà kia không được, tức mình cõi tiền lưng ra giả hộ, rồi vội quảy gánh đi. Ông đuổi theo tạ ơn và hỏi họ tên. Cô xua tay nói:

- Tôi thấy cậu là học trò, vì nổi rượu chè mà bị xấu hổ với một người đàn bà, nên không đành lòng mà giả hộ, không có ý gì mong sự đền báo.

Nói rồi đi thẳng, không ngoảnh lại.

Ông trở lại, hỏi người đàn bà, rồi ghi để vào lòng. Sau quảy cặp lên du học ở Sơn Tây, trọ ở một nhà hào trưởng. Thường làm văn, không có giấy viết, phải viết cả vào ghế, son mực nhả ng nhit, màu gỗ lèm nhèm.

Gặp năm thi hương, ông từ biệt chủ trọ về quê đi thi. Qua các kỳ khảo ở huyện và ở trấn, nức tiếng là người hay chữ. Khoa ấy, thi đỗ Hương tiến, năm sau lại đỗ luôn Tiến sĩ, cùng bảng với ông Ngô Thì Sĩ. Các bạn đồng khoa ai nấy đã xe ngựa tới đòi rón rịp, nhưng ông vẫn nằ m khoèo ở nhà trọ. Một bà quận phu nhân nghe tin ông đỗ, sai người đem kiệu đến đón, ước sự hôn nhân, gọi những con cháu

mấy chục người ra, người nào cũng tha thướt gấm là, cho tùy ông kén chọn. Nhưng ông một mực xin lấy cô gái làng Mơ. Quận phu nhân nói:

- Cũng được.

Bèn sai đem xe ngựa vàng lụa đi đón cô gái làng Mơ về cho ông lấy làm vợ chính, còn người cháu gái quận phu nhân thì làm vợ thứ. Người ở kinh đô đều nể nể khen là một câu chuyện hay.

Làm quan trong triều, ông có tiếng là thẳng tính. Khi giữ việc hình án Ái Châu (Thanh Hóa), có viên án trấn Mỗ, cậy thế chính cung Đặng phi, làm việc càn bậy. Ông bắt trói, bách phải nộp ra số tiền ăn đứt, nếu không sẽ đánh trượng cho chết. Mỗ phải nộp ra số tiền đã ăn đứt bốn trăm lạng vàng. Ông bỏ Mỗ vào ngục, rồi lập tức giong xe về kinh, đem số vàng hồi lộ, kèm cả một tờ khai đưa vào chúa Trịnh. Đặng phi nghe tin việc Mỗ bị nhục, khóc kể với chúa. Chúa cười mà rằng:

- Số vàng ăn đứt hiện có đây, còn oan gì nữa!

Phi hồ thẹn lui ra. Mỗ bèn phải tội. Người Ái Châu đến nay hãy còn khen và kể lại. Đời truyền rằng khi ông chưa đỗ, du học ở kinh đô, một hôm gặp Bính Trung công, người ở Diên Hưng, đương chống gậy đứng ở cửa tư đệ⁽⁵³⁾. Công chợt hỏi rồi trở bức hình thông đã đắp ở trên tường bảo ông làm bài đề. Ông cầm bút đề ngay một bài tứ tuyệt:

石上青松百尺長

Thạch thượng thanh tùng bách xích trường,

飛花滿洞水生香

Phi hoa mãn động thủy sinh hương,

叮嚀樵子休輕伐

Đinh ninh tiê`u tử hưu khinh phạt,

留取他年作棟梁

Lưu thủ tha niên tác đô`ng lương.

Dịch:

Trăm thước thông trên đá vững vàng,

Hoa bay đầy động nước sinh hương.

Đinh ninh dặn chú tiê`u đừng đẵn,

Dành để mai sau chuô`t cột rường.

Bính Trung công khen ngợi, tặng cho năm quan tiê`n. Khoảng cuối niên hiệu Cảnh Hưng (1786), bài thơ đề` vách ấy vẫn còn.

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

Kính Phủ

Quận mã Đặng Lân là em bà Đặng Tuyên phi của chúa Tĩnh Vương⁽⁵⁴⁾, thường hay ngông càn phạm phép. Y cưỡng gian một người đàn bà không được, bèn cắ t vú người ta. Người chồ ng kiện đế n quan, y bị giam ở ngục Ngự sử đài, rồ i vì có phi xin cho mà được tha. Tĩnh Vương đem nàng quận chúa thứ hai gả cho Lân, các đồ trang liêm và của hồ i môn, so với các triề u trước, nhiề u gấ p mười lầ n. Phủ đệ dựng ở phía tây nam kinh thành Thăng Long, đồ ăn thức dùng đàng hoàng như một vị vương giả. Lân càng làm nhiề u sự càn dỡ, nuôi trong nhà hơn trăm gia đồ ng, thường cho đội mũ, đeo guơm, ra ngoài chợ phồ đi nhưng nhă ng, uồ ng rượu say, đánh người bị thương. Quan Kinh doãn không kiề m chề t nôi. Mỗi khi Lân đi ra, đem theo đế n hàng má y chục con chó săn, con nào cũng đeo nhạc vàng, khoác áo thêu, hét trước hò sau, lắ p cả đường lộ i. Một lầ n, nhân cơn tức giận, Lân giề t chề t nội giám là Sử Thọ hầ u, rồ i cắ m thanh guơm ở trước cửa để không ai dám vào bắ t. Quan Thự phủ quận mã Hoàng Bình Khiêm đế n quát mắ ng, Lân sợ không dám nhúc nhích, bèn bị bắ t tồ ng ngục. Đình thầ n họp bàn không biề t quyề t định ra sao, sau cùng xin với phi đầy Lân ra ở An Quảng. Lân xế p dọn nhà cửa, mặc áo tù đi ra khỏi kinh. Nhà chức sự sắ m sẵn ghe thuyề n ở bê n sông Nhị Hà, y đem theo nàng hầ u vợ lẽ rắ t nhiề u, tiề ng đàn sáo véo von không dứt. Ra đế n nơi, quan địa phương phải làm nhà cửa cho y ở.

Về sau, Tuyên phi và Cung quố c công (Trịnh Cán) bị phê . Đặng Lân bị bắ t bỏ ngục rồ i nhin ăn mà chề t.

THÀNH ĐẠO TỬ

Thành Đạo Tử người ở Sơn Tây, tuổi trẻ thi đỗ Hương tiển, rồi chán nghề thi cử, đi giang hồ bônông. Sau gặp và đi theo chân nhân Phạm Viên, về tới chân trái khắp những sông to núi đẹp. Một hôm cùng với hai người đồng bội theo chân nhân đi chơi trên bể. Giữa khoảng gió to sóng lớn, bỗng thấy một con đường dài quanh co như ruột dê. Mọi người trèo lên chơi, rồi đi đến một trái núi, thấy có những cây cối um tùm, những quả đào lớn bằng cái đầu.

Chân nhân ngời tạm nghỉ, nghiêng bầu uống rượu, cho mỗi người mấy quả đào và bảo đừng ai giấu hạt đem về. Kẻ theo hầu đều vâng nghe. Uống rượu xong, chân nhân ra đi. Thành Đạo Tử đi sau, cho là chân nhân không biết, giấu hạt trong lòng. Rồi lần quản nửa ngày không tìm được đường đi ra. Nghĩ có lẽ vì hạt đào giấu ở trong mình, bèn sờ lấy vật đi, mới đi ra được khỏi núi. Chân nhân đương ở phía trước, ngời rót rượu uống, thấy Thành Đạo Tử đến, cười mà bảo rằng:

- Sao đi chậm thế?

Rồi chân nhân lấy một quyển sách bí mật trao cho, đoạn cùng với mấy người theo hầu bay vút đi mất.

Thành Đạo Tử trở về, đi phóng lãng khắp nơi sơn thủy. Một lần cùng với kẻ đồng đi chơi, dọc đường vào gõ cửa một nhà, hỏi thăm chủ nhân cận trạng⁽⁵⁵⁾ ra sao. Người coi cửa mỉm cười nói:

- Chủ nhân tôi mắc chứng đau tim, bùa đầu tiên kém, vẫn chẳng ăn thua gì. Chẳng hay tiên sinh có chữa được không?

Thành Đạo Tử đáp: - Chữa được.

Người coi cửa mừng rỡ vào nói với bà chủ. Bà chủ mời vào, làm rượu thết, sai người nhà sắm sửa đàn tràng. Thành Đạo ngăn đi mà rằng:

- Không cần. Kìa, trên nóc nhà có một con ma nó cầm ngọn giáo đâm vào tim người bệnh. Bây giờ bắt một con cóc treo lên dọa nó, tự khắc nó phải lui.

Nhà chủ nghe nhời làm theo. Bệnh quả nhiên khỏi. Nhà chủ đưa biếu rất hậu, nhưng Thành Đạo nhất định không lấy.

Thành Đạo lên chơi núi Thu Tinh, cầm đuốc vào soi xem trong hang, giữa chừng đuốc tắt, không biết lối nào mà ra cả. Trong hang có những tảng đá nát nhẽo như bùn, ăn thấy mùi thơm ngon và khỏi được đói. Sau lâu thấy có một cái kiệu đi qua, kẻ theo hầu rất rộn rịp. Đến gần xem thì người đi kiệu là một người bạn học đã chết từ trước. Người ấy giật mình hỏi:

- Đây là nơi cửa ải của người và ma chia cách nhau. Sao bác lại đến đây làm gì?

Người bạn cởi áo mặc cho. Thành Đạo thấy trước mắt sáng sủa, bèn theo lối trở mà đi ra khỏi hang. Về đến nhà thì người nhà tưởng là chết, đã để tang trở, sắp đến kỳ cúng giỗ hết rồi.

Thành Đạo cùng với ông cụ họ Vũ làng tôi có quen, mỗi lần đến chơi, trong lúc uống rượu, thường giờ ra nói chuyện. Sau không biết đi đâu mà mất.

ÔNG LÊ THÌ HIẾN

Kính Phủ

Quan Thái úy Lê Thì Hiến là người làng Phú Hào, huyện Lôi Dương (Thanh Hóa) tính nết ngang tàng. Ông ra chơi Kinh, quen với chàng Năm là học trò ở Chiêu Văn quán. Chàng Năm là con nhà kép hát, không được thi cử, nhà rất nghèo nàn. Ông thường đi lấy trộm của người khác đem cho chàng Năm; hỏi ở đâu ra thì chỉ cười không đáp. Một hôm, chàng Năm bảo ông rằng:

- Tôi nghe xứ Quảng, Thuận⁽⁵⁶⁾ đất hiểm mà dân giàu, vị chúa ở đây lại biết đãi người một cách nhường nhịn, đó là tư cách của bậc bá vương. Nếu ta đến đó, rồi đem mưu kế ra thuyết cho họ nghe, thì trên có thể làm được như Tề Hoàn, Tần Văn, dưới cũng không mất được cái thế chân vạc. Ý bác nghĩ thế nào?

Ông thùng thỉnh nói:

- Chỉ tôi thì khác thế, nhưng tôi cũng không ngăn cản bác.

Ông hỏi định bao giờ đi, chàng Năm nói sáng mai sẽ đợi đề từ biệt ở trạm Hoàng Mai. Ông y hẹn, đi qua hiệu bán vàng bạc ở Hoàng Đình, vào cuỗm lấy hai món đồ rồi chạy đi rất nhanh không ai đuổi kịp. Đến Hoàng Mai, thấy vợ chồng chàng Năm đã ở đây, hành lý tro trống chỉ có mấy cân gạo. Ông đưa đồ vàng tặng; chàng Năm cầm tay từ biệt nói:

- Chuyên này tôi đi xa muôn dặm mà được không chết, toàn là nhờ cái ơn của bác, tôi há dám chẳng ghi lòng. Ngày khác gặp nhau ở biên cương, tôi sẽ xin làm thành cái chí của bác để đề lên báo lại.

Sau hơn một tuần, chàng Năm vượt qua bờ cõi châu Hoan đến bờ bắc Linh Giang⁽⁵⁷⁾. Quân canh giữ bên sông quát hỏi nghiêm ngặt. Thuyền không qua được. Chàng Năm phải chặt gậy tre chống cự rồi dè dặt đi tràn mới sang được đến bờ nam. Quân coi giữ bờ nam bắt được trôi lại, đem về dâng với chúa. Sau khi trò chuyện, Nam chúa bần lòng lắm, bèn tha ra cho và dùng làm tướng. Chàng Năm bày những kế đánh giữ; đắp lũy ở Đông Hải, dài hơn trăm dặm, cong như hình câu vô nguyệt, chắn ngang nam bắc, dựng vòm khói, khoét cửa súng, để có việc cảnh cấp thì vừa bắn súng vừa đốt lửa, thông đến tận quốc đô; các cửa bể Minh Linh, Nhật Lệ, đều đóng cọc và buộc khóa sắt để ngăn cản tàu thuyền, tùy tiện bố trí một cách vững bền và liên lạc. Đoàn rồi đem quân qua sông sang bắc, hạ thành giết tướng không biết bao nhiêu mà kể. Triều đình quên ăn mất ngủ, lo tính mọi cách để chống giữ, tuy có làm cho họ bớt sự tràn lấn, nhưng bờ cõi vẫn chưa lấy lại được hết. Bây giờ ông Lê Thì Hiến ứng mộ tòng quân, từng đã lập được nhiều công trận, được thăng lên làm Đô đốc trấn, coi giữ hết các việc quân ở châu Hoan. Chàng Năm nghe tin nói:

- Tướng Bắc là bác Lê, vậy ta phải nên tránh mới được.

Bèn thu binh lui về, đưa thư xin giả những đất đã lấn, tự xưng là Nam phiên. Ông Lê dâng thư về triều xin ứng cho, nam bắc nghỉ binh, nhân dân châu Hoan châu Diễn được yên ổn mà sống. Ông ở trấn hơn 20 năm, trong địa hạt được vô sự, tiến phong Thái úy Hào quận công, khi mất được tặng tước vương. Dân Hoan châu nhớ ơn, lập miếu lên thờ đến nay hãy còn.

Cháu xa của ông là Thì Diệu đỗ Đông tạo sĩ xuất thân, làm quan đến Hữu kiểm điểm, có quen với tôi, thường đem những chuyện cũ của ông nói cho tôi nghe.

Một thuyê t bảo khi chàng Năm sang qua sông, đi làm nghề chẵn trâu cho người. Một hôm dắt trâu qua cửa nhà quan Tướng quốc, nghe thầy trên nhà có tiếng đọc sách sang sang, bèn buộc trâu ở ngoài đi vào. Quan Tướng quốc lúc ấy đương mặc đồ nho phục, ngồi giảng sách với các học trò. Chàng Năm chắp tay đứng ở dưới thềm nhòm ngó vào lúc lâu. Quan Tướng quốc lấy làm lạ hỏi:

- Có biết chữ không?

Chàng Năm nói:

- Tôi vừa thầy nói về Nho quân tử và Nho tiểu nhân, tôi thích được nghe lắm.

Tướng quốc nói:

- Thế nào là Nho quân tử và Nho tiểu nhân?

- Về Nho thì tôi chưa được rõ. Tôi làm nghề chẵn trâu, xin nói về kẻ chẵn trâu. Này kẻ chẵn trâu có kẻ chẵn trâu quân tử, có kẻ chẵn trâu tiểu nhân. Thế nào là tiểu nhân? Đi kiếm cỏ ở ngoài đồng kia đều là hạng này cả. Quân tử thì không thế; ôm tài chứa khí, bức bó i không được cởi mở ra, bèn tạm trốn vào cái nghề đó, Ninh Thích gõ sừng, Bách Lý Hề bón cỏ, chính là hạng đó.

Quan Tướng quốc nghe lời nói ấy rất lấy làm kỳ, bèn xuống dưới thềm đón rước lên, nhưng chàng Năm xua tay rồi đi. Dò được biết chỗ chàng làm mướn, Tướng quốc sai người đến vời. Chàng từ chối mà rằng:

- Ngày xưa vua Tề Cảnh công đi săn, vời quan Ngưu Nhân bằ ng cò tinh mà người ta không đến, bởi vì không hợp lễ. Quan Tướng quốc đã không cho tôi là một kẻ hèn hạ, vậy mà lại muốn làm nhục

tôi bắ`ng cách vời không hợp lễ ư? Như vậy kẻ hèn hạ này không muố`n đế`n.

Người đi mời trở về`. Quan Tướng quố`c bèn hun xông trai giới, sai sứ đem thư và lễ vật đế`n đón. Chàng Năm bắ`y giờ mới đứng dậy mặc áo nâu ngắ`n, đầ`u trầ`n chân không mà đi. Sứ giả xin thay áo, chàng khước đi mà nói:

- Tôi vô`n là một kẻ làm mướn, sao nên thay đổi cái vô`n có của mình.

Chàng đế`n nơi, quan Tướng quố`c ngoảnh về` phía đông mà tôn thờ làm thầ`y, rô`i tiế`n dẫn lên với chúa; chúa đắ`p đàn phong cho làm tướng.

Hai thuyế`t chưa rõ thuyế`t nào đúng, hãy chép lại cả⁽⁵⁸⁾.

ÔNG ĐỖ THỂ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

Kính Phủ

Ông Đỗ, ông Hoàng khi chưa gặp thời, làm bạn với một viên quan hoạn, Uy Vương ở m, bọn tiểu nhân làm nát chính sự, bốn phương trộm giặc nổi lên như ong. Viên quan hoạn hăm hở nói:

- Tôi xem vận giới và việc người, họ Trịnh chắc là sắp mất, vậy sao ta chẳng phù một vị hoàng tử, vào trong rừng núi nổi nghĩa binh như việc cũ của Đức Cao hoàng khi xưa, nghiệp lớn chắc có thể thành được.

Hai ông nói:

- Không phải. Nhà Trịnh có công lớn, giới cũng giúp vì, hoặc giả lại phục hưng cũng chưa biết chừng. Vả hãy để chờ xem, nếu không sẽ liệu cũng chưa muộn.

Viên quan hoạn sầm mặt đứng dậy, vung áo đi. Một lúc ông Đỗ đi ra, qua phủ Lương Quốc, thấy người em thứ tư và cùng một mẹ với Uy Vương đương ở cửa phủ, cùng bọn nội giám ngồi ở đất xem đánh chọi gà. Ông trông thấy kinh ngạc, về nói với ông Hoàng rằng:

- Đây thật là vì chúa của ta.

Bèn đem trâu rượu đến nói với người coi cổng để được vào yết kiến. Vương đệ rất trọng hai ông là người có tài khí. Chưa bao lâu Uy Vương thoái ngôi, vương đệ được lập, đó là Minh Vương. Vì hai ông đã theo từ khi ở tiếm đế⁽⁵⁹⁾, nên chúa hết lòng tin dụng. Ông Đỗ chủ việc trong, ông Hoàng chủ việc ngoài, giặc cướp các nơi đều bị quét trừ đến hết.

Viên quan hoạn đi, đem hoàng tôn Duy Chúc, Duy Mật cùng đi, đánh úp được đất Trăn Ninh mà chiếm giữ lấy, phụng hoàng tôn lên làm chúa, viên quan hoạn thì xưng là Minh quận công, đắp thành lũy, sửa giáp binh, hơn ba mươi năm, quân ngoài biên không được cỏi giáp. Chúa Trịnh mỗi khi hỏi đến việc miền Tây (Trăn Ninh), hai ông lại thưa:

- Mưu chủ của họ hãy còn, chưa thể đồ tính được.

Duy Chúc mất, Duy Mật nổi, quận Minh đã chết, ông Hoàng mới nói với triều đình:

- Quận Minh chết thì hạ Trăn Ninh dễ dàng như thể đập nứa vậy.

Chúa Trịnh bèn dấy quân, sai Đôc trăn Hoan Châu (Nghệ An) là ông Bùi Thế Đạt thống suất quan quân ba đạo tiến đánh. Duy Mật tự đổ t mà chết, việc Trăn Ninh mới xong.

CHÙA TIÊN TÍCH

Chùa Tiên Tích phía Nam kinh thành, đời chúa Tĩnh có sửa chữa lại. Người ở kinh thành khuôn tre gỗ, vác xẻng cuốc, bôn tầu ở đường sá mấy năm công việc mới xong. Chùa rộng lớn, nóc chôn, cửa kép. Sân bảy tám miêng đá vuông, cao chừng hai thước, trên bày những chậu lan, gió thổi hây hây, thơm đưa phưng phức. Chùa đằng sau dựa vào đường cái, đằng trước trông xuống một con ngòi nước trong; cây tháp ở phía hữu cao chín tầng, bốn góc đeo nhạc, trang sức bằng những nét vàng xanh rực rỡ.

Từ đằng phía tây đi về phía nam vào đền chúa, đường xe quanh co đều lát đá cả. Con kênh oằn oèo chảy ra một cái hồ. Hồ sâu mà rộng, nước rất trong, mùa hè hoa sen nở nhiều, mùi hương bay xa ra mấy dặm. Men bờ hồ vào đến bờ kênh, chỗ cây chỗ đá chen lẫn nhau. Phía trước chùa về phía tả, chỗ nước kênh chảy thông ra hồ có bắc cái cầu, dưới cầu ghe thuyền đi lại được, trên cầu dựng thành mái nhà, khảm vẩy rồng trên những tấm ván. Bên cạnh cầu mấy chục bước, phía nam kênh và phía bắc hồ, dựng cái ly cung để làm chỗ vua chúa ngự chơi, trông sáu, bảy cây muôm cây trắc và cây thông, cành lá chỉ chít đến nổi ánh mặt trời không lọt xuống được.

Dưới đất bày trâu đá hươu đá mỗi thứ hai con, sừng châu vào nhau, chế tạo rất tinh tế và hoạt động. Đó là những vật cũ của nước Chiêm Thành, do ông Hoàng khi đi đánh Nam lấy được. Cách hồ là nhà Kiêu Nhạc hậu Nguyễn Khản. Hậu là bạn áo vải của chùa, thường mặc quần áo thường ra vào trong cung. Mỗi khi chúa đến chơi chùa lại đến thăm nhà hậu, thân viết bốn chữ “Tâm phúc hòa chung” để ban cho. Trụ trì chùa ấy là con gái của bà Thái trưởng

quận chúa, em họ ngoại của chúa. Chúa những khi nhàn rỗi ngự giá chơi chùa, cùng các phi tần nội thị thả thuyền chơi trên hồ, hát khúc ca hái sen, trên dưới thả p thoáng những ánh sóng bóng cây, so với cuộc đi chơi ở ngòi Vũ Lăng⁽⁶⁰⁾ cũng không phải quá đáng.

Năm Ất Ty (1785), lính canh cửa chùa đêm thấy có tiếng lát chát, tiếng y ý tựa như khóc lóc rất thâm, lắng nghe thì tiếng ấy phát ra ở trên bờ hồ, lúc không lúc có.

Sáng hôm sau ra xem chỗ ấy, thấy nước mắt của trâu còn ướt má, cỏ trên mặt đất đều bị xéo nát bừa bãi, hình như hai con trâu đá đã chọi húc nhau. Lính canh sợ hãi, bẩm báo vào triều: Triều đình sai thợ đá đập phá cả trâu lẫn hươu vắt vào lò lửa. Chùa này đã triệt bỏ, khói mờ cỏ rậm phát phơ ở trong ngọn gió thu; muốn tìm lấy một hòn ngói vụn, một viên gạch tàn cũng không thể được. Trò đời thịnh suy thay đổi, buồn biết chừng nào!

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

Kính Phủ

Liệt phụ Đoàn phu nhân là vợ thứ của ông Du Lĩnh hâu Ngô Phúc Du người làng Trảo Nha (Hà Tĩnh). Hâu là con nhà tướng, trong năm Cảnh Hưng quân đội quân tiên phong. Tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), hâu chết tại trận. Bà vợ cả đi quy y cửa Phật. Đoàn đẹp mà không con, vẫn được hâu đối đãi như là vợ chính. Hâu chết nạn, Đoàn phu nhân vẫn cười nói như lúc thường; người nhà đều lấy làm lạ. Chưa bao lâu, phu nhân đem việc nhà dặn dò con hâu, rồi đến lập một đàn chay ở chùa Kiến Sơ làng Phù Đồng, tức chốn tu của bà vợ cả. Làm chay xong, phu nhân cùng bà vợ cả đem lũ con của hâu ra thiết vị ở bên Thuyết Ái, nơi hâu chết nạn khi trước, ngoảnh về phía nam mà làm lễ chiêu hồn; mọi người xa gần kéo đến xem đông lắm. Đoàn rồi phu nhân vận mặc chải chuốt lịch sự, bơi một chiếc thuyền con ra giữa dòng, gieo mình xuống nước mà chết. Dân ở đây lập miếu lên thờ.

Quan Huân đạo An Nhân Hà Sách Hiền có vịnh thơ rằng:

可憐二百餘年國

Khả liên nhị bách dư niên quốc,

天理民彝一婦人

Thiên lý dân di nhứt phụ nhân.

Nghĩa là: Thương thay một cái nước dựng nên đã hơn hai trăm năm (nói triều Hậu Lê), mà đến lúc mất, chỉ có một người đàn bà giữ được lễ giới và đạo người. Người ta đều truyền tụng.

NGƯỜI LÀM MUỐN Ở KINH THÀNH

Tùng Niên

Kinh thành có một người làm muốn, thường đến ở làm lụng cho Phạm chân nhân. Hết n than mình nghèo khổ, xin chân nhân cấp giúp cho. Chân nhân im lặng, rồi thông thả bảo chìa bàn tay hữu ra, thắm vẽ bùa vào, dặn sau này khi nào gặp lúc cùng quẫn, nên ngửa tay ấy để xin người cho tiền, có thể được 36 đồng. Anh phúc bạc, đừng nên lấy quá.

Người ấy theo nhời. Nhưng một hôm lại lấy quá số ấy, đến mãi năm quan mới thôi, rồi từ đấy không linh nghiệm nữa.

ÔNG LÊ ANH TUẤN

Tùng Niên

Ông Lê Anh Tuấn khi cầm quyền chính phủ, bà phu nhân từ làng Thanh Mai đến kinh, đi qua làng Đắc Sở⁽⁶¹⁾, ngủ trọ ở nhà cạnh đến quan Tướng quân Lý Phục Man, chiêm bao nghe thấy tiếng ngựa xe rộn rịp, rồi có người nói là bà phu nhân của quan Tướng quân họ Lý vào thăm. Ngồi chơi xong, Lý phu nhân nói:

- Phu nhân đối với tôi là chỗ quen biết, tôi muốn nói xin một điều, chẳng hay có được không?

- Xin vâng.

- Nhờ phu nhân nói với tướng công họ rằng, nhà cũ của chúng tôi đã nát, xin lưu ý cho.

Hỏi duyên cớ sao thì nói:

- Ông Lê Anh Vũ trước và ông Lê Anh Tuấn bây giờ, đều là hậu thân của Tướng quân tôi, phu nhân quên rồi sao?

Lê phu nhân vâng nhờ rồi bưng tỉnh, đến kinh nói với ông Lê. Ông tự bỏ tiền ra sửa chữa đến ấy. Nay đến hãy còn.

ÔNG BUI THẾ VINH

Tùng Niên

Ông Bùi Thế Vinh là cụ ngoại bảy đời của tôi, đỗ tiến sĩ trong năm Diên Thành, làm quan đến Tự khanh. Nhà Mạc mất ngôi, ông lui về ở nhà, rồi cùng ông Đỗ Uông ở làng Đoàn Tùng, ông Nhữ Công Tòng ở làng Nhữ Xá đều bị tiên triêu vời ra. Nhưng ông lấy một con dao rạch ở dưới đầu gối, rồi cáo bệnh không chịu ra. Bảy giờ bà Thường quốc phu nhân, tự thắt cổ tuần tiết. Hai người đều được người ta khen ngợi, có câu hát rằng:

Loài chi mày Thượng Thông Thượng Nhữ⁽⁶²⁾,

Những dơ tuông tặc tử gian thần.

Nào dao lá trúc Đông Luân⁽⁶³⁾,

Nào thừng tiết nghĩa phu nhân kia là.

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

Tùng Niên

Ông Nguyễn Công Hoàn người làng Cổ Đô huyện Tiên Phong⁽⁶⁴⁾, là thân phụ ông Thượng thư Bá Lân. Ông có tiếng văn hay lấy lòng trong một thời; đối với ai ông cũng nhã nhặn lịch sự, nhưng về chữ nghĩa thì không nhường ai bao giờ cả, đó là cái thiên tính như vậy.

Ông Lê Anh Tuấn người cùng huyện, thua nhỏ với ông là bạn vong niên. Gặp kỳ khảo ở huyện, ông Lê trúng nhất, ông trúng thứ hai. Ông đem văn ra so sánh, nhất định không chịu là mình kém. Ông Lê đỗ rồi làm quan, ông không chơi với nữa. Ông Thượng thư Bá Lân thua nhỏ học giỏi văn hay, tài năng suýt soát với ông, ông thường cùng ganh thi hơn kém. Ông Thượng cố tránh thì bị ông đánh chửi. Một lần hai cha con thả thuyền ở giữa dòng sông để làm văn thi, bảo hễ ai văn kém thì phải ném xuống sông. Văn làm xong, của ông hơi kém, liền nhảy xuống sông tự trầm thật; ông Thượng khóc lóc lôi vớt lên. Một lần đến thăm quan Tể tướng Nguyễn Công Hãng, đến cổng ông đã réo ngay tên. Người canh cổng vào báo, ông Hãng lật đật chạy ra đón rước. Xin ông làm thơ *Lưu, Nguyễn vào Thiên Thai*, trong tiệc ông làm thành sáu bài, còn thuyền ở đời. Hồ i xuống chơi kinh, làm bạn với chân nhân Phạm Viên; một hôm hỏi về sự cùng đạt, chân nhân nói:

- Số ông tiếng không làm nên được, nhưng con ông thì làm nên to.

Ông bèn bỏ cả việc đời, theo chân nhân học thuật nhìn lâu. Vào núi Mỹ Lương, nhưng dọc đường thiếu lương ăn, đến một xóm nọ. Trong xóm có ông già đón khách vào nhà... bảo làm món sơn hào

đem lên. Chưa bao lâu, đi đến chỗ biệt nghiệp của sơn nhân, gã nhỏ dọn lên món thịt chuột thối để uống rượu, mùi hôi bắn xông lên góm chết, ông lấy vạt áo che mặt không dám trông. Chân nhân nói:

- Ông tục duyên còn nhiều, chưa thể học được.

Bèn đưa ông trở về.

Ông Thượng thư khi đỗ Hội nguyên, cả hai cha mẹ đều còn. Các bạn đồng khoa đến họp cả ở làng Cổ Đô để mừng. Ông Hoàn mặc bộ quần áo quê mùa ra tiếp khách, cười mà nói rằng:

- Thằng Bá Lân nhà tôi mà nó đỗ đầu thì ra thiên hạ vô nhân thật.

Hồi ông Lê Anh Tuấn làm tể tướng, ông Lân vì việc công bị lỗi, nghĩ phải nhờ cha đi nói hộ thì không thể gỡ được, bèn nói với cha. Nhưng ông Hoàn mặc kệ không nói gì. Cả họ khóc lóc van nài, ông mới khẽ gật đầu một cái. Rồi ông đi chân không đến dinh quan Tể tướng, lội qua hồ mà vào, để chân bê bê t những bùn vào gò nơi chỗ công sảnh, hỏi tướng công có nhà không. Lê công áo đai chững chạc ra đón mời. Ông nói:

- Vì chuyện thằng bé nhà tôi nên phải đến quấy quả cố nhân, một tiếng nhận nhời giá trọng nghìn vàng, tướng tôi không phải nói lắm.

Ông Lê vâng nhời thì ông liền đứng dậy ra về, nài thư thả nói chuyện vài câu, nhất định không ở.

Tuổi ông càng cao, sức học càng sâu rộng. Nghe ở Thanh Trì có một người học trò tập văn trường Giám lâu nào cũng trúng giải nhất, bèn dò tìm đến tận nơi. Đêm khuya vào làng, vì đường quanh co, bèn lội qua ao, đến gõ cửa nhà người học trò mà nói:

- Ta là Nguyễn Công Hoàn đây. Có giỏi thì làm văn thi với ta nào.

Người học trò lật đật đi ra, nói nhún nhường từ chối. Ông không nghe. Người ấy xin khất đến kỳ văn trường Giám, ông mới trở về. Sau ông làm bài thi, luôn mấy kỳ chiêm được giải nhất trường Giám, ông mới về Sơn Tây.

Tuổi già, một lần ông đến thăm nơi thờ thiến sư Huyề n Quang, chiêm bao thầy thiến sư bảo rằng:

- Việc Bích Cơ⁽⁶⁵⁾ được ông tìm ra, nghe đầu Thượng đế tăng tuổi cho ông một kỷ đầy.

Sau ông được sống lâu rồi mất.

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

Ông Lê tuổi trẻ là người không chịu buộc mình theo lễ phép; học ông Thám hoa Vũ Thành, vẫn được ông Thám coi trọng. Thường giao du với chân nhân Phạm Viên. Một lần ông Thám ra bài cho tập làm, đầu bài là: “Vê Sở, người Sở không tin; vê Hán, người Hán sợ hãi, vậy thì tức hạ định vê đâu?” Chân nhân đùa làm thử, nhờ ông đưa đề ông Thám chấm cho. Ông Thám giật mình nói:

- Người làm văn này phải là bậc thần tiên.

Sai người đón mời nhưng chân nhân chối từ không đến.

Ông đi theo má y tháng, chân nhân khuyên nên trở về. Sau thi đỗ làm quan, giữ mình ngay thẳng không chịu a dua với ai, nhất là ghét đạo Phật lắm. Hôm đi sứ Tàu qua một cái chùa, thấy ở chỗ mái hồ i lang⁽⁶⁶⁾ có một tòa tượng chữ đề là “Lê Hữu Kiều Bồ Tát”. Ông bỗng giác ngộ, từ đây để tâm nghiên cứu kinh điển nhà Phật. Khi thôi làm quan, mở ra một sở tuyên giảng đạo Phật, người đến nghe giảng lúc nào cũng hàng mấy trăm, phần nhiều là những người có tiếng trong rừng thiêng cả. Chúa Trịnh Minh Vương và Tĩnh Vương có ban cho nhiều vị sư được hiệu là hòa thượng, những vị ấy đều là những học trò nghe giảng của ông.

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

Ông Nguyễn Trọng Thường người làng Trung Khê huyện Thanh Chương (Nghệ An). Thủa nhỏ nhờ ông ngoại nuôi nấng dạy bảo, có khiêu văn chương; đến tuổi thành đô thì theo thầy học ngoài. Một đêm ông chiêm bao thấy một mỹ nhân đem chè, quả đến tặng biếu, cùng ông trò chuyện nói cười thân mật. Từ đấy thường đêm vẫn chiêm bao thấy thế, nhưng trải mấy năm giờ, giữa hai người không hề có chuyện sàm sỡ. Rồi một đêm mỹ nhân từ biệt để về, ông cầm tay hỏi ngày tái hội thì nói:

- Chúng ta sẽ gặp nhau ở trạm Phù Dung tại hồ Động Đình.

Năm 16 tuổi đỗ khoa hương, sắp sửa rồ tới kinh thi hội. Một hôm ông ngoại ra bài cho học trò tập, thầy trong bụi cây có một chàng thiếu niên chưa đến giờ ngọ đã vào nộp quyền rồ đi ra. Ông ngoại xem rồ nói:

- Có lẽ là chân nhân Phạm Viên đùa ghẹo ta đây.

Nguyễn Trọng Thường liền ném bút đi theo. Ra đến ngoài đô thì theo kịp. Khi đó chân nhân đi chơi núi Long Hồ. Đến cửa ải Trấn Nam, ông quỳ xuống thỉnh giáo, chân nhân nói:

- Việc thổ nạp không phải là việc của nhà ngươi. Tiên trình rộng lớn, đừng nên đi theo đuổi việc thừa.

Bèn trao cho tập số Thái Ất, hẹn đến hồ Động Đình sẽ phải trả lại.

Ông thi đỗ rồ, trải làm quan trong quan ngoài nhưng rất hững hờ, không lấy sự làm quan làm thú. Khi đi sứ Tàu, đem việc nhà dặn

bảo con cái, rồi đem nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù Dung ở hồ Động Đình, thấy ở vệ đường có hai cái miếu, mà một cái đã hầu hỏng nát. Hỏi dân ở đây thì họ bảo: “Cái miếu sắp đổ, thần húy là Nguyễn Trọng Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm rồi. Còn một cái miếu kia thờ bà phu nhân”.

Ông hoảng nhiên nghĩ ra, bỏ tiền của nhờ người dân đây làm lại hộ. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động Đình, ông giờ cái hộp đựng tập sớ Thái Ất ném xuống, cái hộp cuộn vào trong nước mà chìm mất. Đêm ngủ ở trạm Phù Dung, lại thấy mỹ nhân đến. Sáng hôm sau ông mất ở thuyền, sứ bộ phải đưa tang về.

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

Tùng Niên

Ngày 12 tháng Ba năm Bình Thìn (1796), cùng bác Nguyễn Nghiêu Minh, bác Trần Văn Chi, bác Nguyễn Quế Nham, bác Hoàng Hy Đỗ đi chơi núi Phật Tích. Giờ mao từ kinh đô đi ra, giờ ngo qua làng Kim Chi (làng Thìa ở huyện Đan Phượng), lên cái lầ u chuông ở cạnh đường nhìn sang phía tây, trông núi Phật Tích thấ y sắ c núi xanh xanh. Qua bắ n đò Đắ c Sở (Giá) đắ n làng Thụy Khuê, ở ngụ tại đắ n Nguyễn phu nhân ở phủ Quốc Oai. Phu nhân là em gái bà Minh Vương thái phi, xuấ t gia rồ i chữa sửa các chùa ở làng Thiên Phúc, người dân đắ y lập đắ n lên thờ. Đắ n gồ i vào núi. Núi ở giáp giới hai làng Thiên Phúc, Thụy Khuê, sử gọi là núi Thạch Thấ t, tục gọi là núi Thầ y, đó là nơi chứng đạo của Từ Đạo Hạnh đời Lý. Phía tả núi là ngọn Hàm Long, hình thề cao ngắ t và bay bướm, có cái ao Long Trì ôm lắ y; một cái gò dựa vào ngọn á y, là chính điện chùa Thiên Phúc. Điện kề nước, do thiề n sư họ Từ dựng nên, một gian hai chái, quy chề rá t cổ. Giữa thờ Phật, bên tả là chân thân của thiề n sư, bên hữu là ngự dung vua Lý Thầ n Tông. Trước ngự dung, có những tượng chim hạc và lực sĩ Chiêm Thành mỗi thứ đắ u hai, do khoảng năm Vĩnh Hựu sắ c truyề n chề tạo. Tương truyề n vua Thầ n Tông triề u Lê là hậu thân vua Thầ n Tông triề u Lý. Hai bên vách chùa bắ c hai cái câ u qua ao: bên tả là câ u Nhật Tiên, trông vào đắ n Tam Phủ ở cái đảo trong ao, bên hữu là câ u Nguyệt Tiên, chặ n lên trên tay hữu trái núi.

Giờ dầ n lên chùa Thiên Phúc, nhà sư trú trì là Tịch Khiề t mời gồ i chơi nói chuyện. Tịch Khiề t là người làng Thiên Phúc, trò chuyện rá t có vẻ phong nhấ. Giờ tuấ t trở về đắ n Phu nhân. Sáng

hôm sau, Chân Túc Ông lên ngọn Hàm Long. Ông là con giai thứ ba của Nguyễn phu nhân, đỗ Hương tiến, nay nhập tịch làng Thụy Khuê.

Phía tả ngọn Hàm Long độ nửa dặm, có mỏ và miếu thờ Lã Nam Đế, dân đây bảo là di tích của Lã Gia. Sách *Thiên Nam quốc ngữ* nói: “Mỏ Lã Gia ở vườn trúc”; chưa rõ đàng nào phải. Xét trong sử ký thì Nam đế là hiệu của hai vua Tiên Lý, Hậu Lý, Lã Gia chỉ là Thừa tướng của Triệu Ai Vương; lời dân đây nói tựa như không đúng, hãy cứ ghi vào đây để đợi người thức giả.

Trên sông núi có hai cái hang: một là Bô Côc, và một cái có cá sản ở trong nước gọi là Thôn Côc. Tiên triều đến ngự chơi đây, sai nội thân vào xem, thấy con rắn lớn lại phải quay ra.

Giờ ty, qua cửa Nguyệt Tiên, lên bậc lên núi. Trên lưng có núi bia, khắc bài thơ ngự chế của chúa Định Vương (Trịnh Căn). Lên mấy bậc nữa đến chùa Thiên Phúc riêng, nơi thiền sư đô t hương trì tụng khi trước. Trụ trì chùa này nguyên là một viên nội thân của tiên triều, thấy khách đến mới thiết ân cần bằng những món ăn trong núi. Trước chùa đi xuống ba bậc là vườn trúc, nay không có trúc nữa, trong vườn dựng bốn cây tháp. Động Phật Tích ở sau chùa, động ngoài không đến nổi tôi lắm, có bàn thờ Sơn thần ở bên phía tả. Một cái suối ở khe đá từ trên núi xuống, miệng suối có cái đầu rồng trời lên, đây về mùa hạ mà cạn về mùa đông. Những tảng bia mài đá tạc thành nhón nhỏ rất nhiều, nét chữ mập mờ, đều từ hồ i Trung hưng trở về sau cả. Khoảng giữa động vách đá đứng sừng. Chỗ đá trèo lên độ một trượng đến cửa động trong, đi vào phải bò, gọi là hang Cắc Cớ. Động trong ngang dọc ước độ 1 trượng, thiền sư trú xác ở đó, vết đầu vết chân trên vách đá đến nay hãy còn, người ta thường lấy sơn rập in. Cảnh đây là một pho tượng của thiền sư. Tôi có lưu đề ở động ngoài 11 chữ “丙辰季春松年甫攜友登此 *Bính Thìn quý xuân Tùng Niên phủ huê hữu đăng*

thứ”, nghĩa là tháng quý xuân năm Bính Thìn, gã Tùng Niên dắt bạn lên chơi đây.

Giờ ngọ lên chòm Chợ Giời, khắp giời mây quang, gió thanh hây hây. Đá núi lởm chởm, cái thành hình bàn, cái thành hình ghế, rồi hình lò rượu, hình chén rượu, vị trí thiên nhiên, khéo đẹp tuyệt vời. Trên đỉnh có một tảng đá phẳng phắc. Đứng trên ngọn này trông ra chung quanh, các núi Phụng Hoàng, Quy Lân, Mã Yên, Long Đầu, Hoa Phát, đều quanh quất chầu lại cả. Bác Hoàng Hy Đỗ đốt hơn trăm cái pháo hoa, những kẻ kiếm củi chẵn trâu đều trông nhau ngơ ngác. Trở về động ngoài động Phật Tích, Chân Túy Ông và Trần Văn Chi cùng nhau uống rượu. Vượn núi ba bốn con thập thò qua lại ở khoảng nóc điện và cành cây. Hy Đỗ, Quế Nham vỗ tay cười, hang núi nổi lên những tiếng vang đáp lại. Giờ mùi xuống thăm chùa Phúc Lâm ở phía bắc núi, đề vài dòng chữ lên vách:

登山遊覽，不覺詩興滿山，不能收拾

Đăng sơn du lãm, bất giác thi hứng mãn sơn, bất năng thu thập.

Nghĩa là: Lên núi chơi xem, bất giác hứng thơ đầy núi, không thể thu nhặt lại được. Lạc khoản đề là “Song Thanh”. Bác Chân Ngô đùa mà đề nói vào rằng:

我亦不約而合

Ngã diệc bất ước nhi hợp.

Nghĩa là: Ta cũng không ước hẹn mà đúng như thế.

Rồi lên chùa Bồ i Am ở chòm núi Bồ i Am. Chùa nhân cái động mà làm thành, nửa gỗ nửa đá. Theo bia ở trên vách đá thì do một bà tôn nữ họ Mạc về đời Hồ ng Ninh xuất của mà dựng nên. Trụ trì ở

đó có nhiều những sư nữ. Trên vách thơ vịnh đề bừa bãi. Xem qua một lượt rồi trở xuống. Dưới núi ấy có hang Dũng Phật, thờ mẫu tượng cổ.

Giờ thân kéo Chân Túy Ông, Trần Văn Chi cùng đến ngôi uống rượu ở cầu Nhật Tiên. Sen trong ao mới mọc tốt tươi, màu xanh phơi phới trên mặt nước. Các bác Nghiêu Minh, Quê Nham, Hy Đỗ không biết uống rượu, ngồi bên bàn rượu uống nước trà. Đêm khuya mới trở về chỗ ngủ.

Ngày 14, sáng sớm khởi hành lên núi Hoa Phát. Núi ở phía tả núi Phật Tích, gần đá chập chịt, kém núi Phật Tích. Trên lưng chừng núi có cái gác chuông, Phật điện là chùa Hoa Phát. Sư nữ trú trì nguyên là vợ người khách họ Phan, tuổi già xuất gia đầu Phật, pha trà tiếp khách, có cái phong vị chốn kẻ chợ. Đằng sau chùa đi xuống một bậc có cái tháp đá đứng sừng. Từ phía tả chùa men đá đi lên đỉnh núi, thấy có một khối đá lớn bằng cái nhà, chênh vênh như muốn lăn xuống. Cạnh khối đá ấy có cái chùa nửa mái, gần đây do người ở Ô Châu quyền tiền dựng lên, quanh vắng không có ai.

Giờ ty từ núi Hoa Phát lên núi Phượng Hoàng. Hình thế núi này như một con chim lớn sà xuống. Giữa mở ra một cái động đá để bày thờ Phật tượng; hơi lam nặng trĩu, ướt cả áo người vào du quan. Trong động có ba cái hang, hai cái nhỏ mà nông, còn một cái nhón sâu thẳm không có đáy, tục truyền là có đường thông xuống địa phủ. Cửa động cây cối bà xòa, nhân nhóm lò ngồi nghỉ một lúc.

Giờ mùi giã cảnh trở về phía đông. Đến làng Vân Canh (Từ Liêm), vào ngủ nhờ ở nhà người anh họ ngoại là ông Huyện thừa họ Phạm. Đêm nói chuyện về chùa Phật Tích, ông anh ngoại nói:

- Cụ ngoại tôi là quan Bảng nhãn có bà con gái tức bà cô ngoại tôi, thừa nhỏ mộ đạo Phật, chỉ đòi đi tu. Cụ Bảng tôi ép lấy chồng, bà tự đốt hai ngón tay để tỏ chí. Rồi bà xuất gia tu ở chùa Tiên Lữ, thường sang chơi núi Phật Tích, vào hang Thần Côc. Hang này tối đen mù mịt, ngày cũng như đêm. Đốt đuốc đi vào ước hai, ba ngày, hãy còn nghe tiếng gà tiếng chó kêu trên đất. Đi vào càng lâu càng thấy cảnh khác lạ, ở một chỗ thấp lổm, thấy những xương người chồng chết, nhũ đá rủ xuống, thành ra vô số hình hiêm quái, người đi thú bò, giường ghế mặc áo, không biết bao nhiêu mà kể.

Bên cạnh đường, có một dòng nước, sắc xanh như lam; một ông lái cá m thuyên đợi khách. Bờ bên kia trời lơ mờ sáng, chợ búa người vật, không khác gì ở nhân gian. Hỏi thăm thì ông lái bảo đó là chợ âm phủ. Do con đường đá đi lên phía trước, gặp một ông già khuyển sư nên trở về. Sư không nghe.

Chợt có một con rắn to bằng cái vựa nậm chắn ngang đường, bây giờ sư mới chịu quay về. Ra khỏi hang thì tính từ khi đi đã được một tháng hai ngày. Sư là người trì giới rất cao, chắc không nói nhảm. Vì vậy cũng chép câu chuyện ấy vào đây.

Trên này là kể đại lược của cảnh núi, còn những cái gì tai mắt không tiếp xúc đến thì không dám nhiều nhời.

*Ngày 15 giờ Ngọ,
Đông Dã Tiều Tùng Niên phủ chép.*

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TỂ

Kính Phủ

Cụ Thái tể Trung Thuần công nhà tôi xưa đi công cán về, người Mạc bắt giữ lại. Bây giờ, xa giá về Thanh Hoa, tin tức của triều đình đoạn tuyệt. Thượng thư nhà Mạc là ông Trăn Lịch Chiêu, người làng Hoa Thiều cùng huyện, thấy ông là người có nghĩa khí, muốn tha cho, đem qua sở giam, nói chung chiêng là giới sắp sáng.

Cụ hiểu ý, lén bước đi ra. Đến làng An Thường thì quân đuổi theo đã cấp bách, cụ phải trốn vào nhà người, đào hang mà ẩn, đổi lót người làm mướn, gánh một gánh rau đi. Qua sông Bái, gặp một viên tướng du kích nhà Mạc là Mỗ. Hấn nhìn kỹ rồi mời về nhà, làm rượu khoản đãi. Cụ bờ ngỡ không hiểu. Chợt viên ấy đưa vợ con ra, lạy mà rằng:

- Năm nọ ngài ở đài sảnh, có người kiện chúng tôi, ngài xử kẻ ấy kiện trái lẽ, đã quên rồi ư?

Bây giờ cụ mới nhớ ra. Cụ ở đây mấy bữa rồi viên ấy cũng theo cụ vào Nam (Thanh Hóa).

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

Kính Phủ

Ông Đàm Thận Huy người làng Ông Mặc (Bắc Ninh); bà mẹ là Mỗ phu nhân sinh ra được ông và ông thứ tên là Thận Giản. Trong làng bấy giờ có một ông già người làng Tả Ao, đất Hoan Châu (Nghệ An) đến làm địa lý, nhiều sự ứng nghiệm lạ. Phu nhân nghe tiếng, đến xin đặt họ ngôi mà chôn. Ông già nhận nhời đặt cho nhưng có ý trùng trình mãi, đi làm đất những đâu đâu, tôi vẫn cứ về ở nhà họ Đàm.

Một khi gặp mưa, ông già bắt phu nhân cõng mình, hai ông xin thay thì ông già không khiêng. Phu nhân cũng vui vẻ xin cõng. Đến đêm, ông già lên vào buồng ngủ thì phu nhân chôn cự một cách nghiêm nghị. Ông già than rằng:

- Đó thật là một người đàn bà tiết tháo, ta phải đến bồi cho mới được.

Rồi ông già chọn chỗ đất tốt đặt mộ cho. Sau hai ông nói nhau thi đỗ. Gặp khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông trưởng, nhân đương làm Thượng thư bộ Lại, đem quân đánh kẻ nghịch, bị thua mà chết. Triều Lê khi Trung hưng, tặng tước vương và lập đền tiết nghĩa để thờ.

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

Kính Phủ

Ông Lê Tuấn Mậu, người làng Xuân Lôi, huyện Yên Phong (Bắc Ninh) làm quan tiên triều u đến chức Đô ngự sử. Bà y giờ Mạc Đăng Dung do đánh vật giỏi mà vọt lên đến quan to. Ông nhiệt c hấn rằ ng:

- Anh đừng cậy sức. Ta rấ t có thể như thế được, nhưng không thềm làm đấ y thôi.

Đăng Dung tức, xin với vua cùng ông thử sức. Ông hăng hái nhận lời, rô i bơi mỡ vào mình, cài kim vào tóc và khô , vật cho Đăng Dung ngã suýt chết.

Khi Đăng Dung cướp ngôi, ông thác bệnh không ra. Y cô mời mãi, ông bảo người đỡ vục ông vào triề u, rô i nhổ vào mặt y mà chết.

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

Ông Dương Bang Bản người huyện Thanh Liêm; được ban quốc tính, đổi là Lê Tung. Tuổi già sinh được cậu con giai, nhờ vợ người phường chài nuôi hộ. Nhớn lên về nhà, nhưng người con giai không thích học hành, chỉ cứ đi theo nhà phường chài. Ông nghĩ vì tính nết đã quen, không lấy làm lạ. Gặp ngày tiên hỷ, đương khi ông ở kinh, chiêm bao về nhà thấy những con ma tóc đỏ ngời chễm chệ ở trên giường thờ, còn ông cha của ông, đai mũ chỉnh tề, nhưng đều đứng giãn ra ngoài cửa. Tỉnh dậy nghĩ ra, ông cho tìm khắp chỗ.

Nhưng thuyền trôi bè nổi, lênh đèn chằng biết là về đâu. Nhà phường chài đem công tử đi, nhập tịch ở huyện Giao Thủy. Nhớn lên, công tử đỗ tiến sĩ. Khi vinh quy, người làng bảo nhau rằng:

- Anh chàng ở đâu, sao lại đến ở làng chúng ta!

Công tử nghe nói, dò hỏi những người thân cô, mới biết được gốc rễ.

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

Kính Phủ

Ông Uông Sĩ Đoan khi chưa đỗ, ở rể tại một nhà giàu kia trong làng tôi, sinh được một con gái. Người vợ dữ tợn, hề thầy bè bạn chôn ông đến chơi đều đuổi quây và nói:

- Cái đồ dài lưng tôi ăn no lại nãm, làm gì mà bè bạn bả ng nhả lên thế!

Gặp khoa, ông sắm sửa đi thi, người vợ keo kiệt không chịu cấp hành lý cho đủ. Ông giận dữ, vùng văng đi ra. Người vợ đuổi theo lột hết cả quần áo. Ông phải lội xuống ao nấu núp. Một cô con gái làng bên cạnh, cùng bà mang vải đi chợ bán, thấy thế bảo bà thử hỏi xem đầu đuôi ra sao.

Rồi xé vải tặng cho để ông đóng khô. Khoa ấy, ông thi đỗ, bèn cưới người con gái nọ làm vợ. Ông làm quan trong triều hơn 60 năm, thọ 99 tuổi. Người con gái ấy được phong là chính phu nhân. Quan Bộ tể tụng Sĩ Lãng, quan Huyện lệnh Cẩm Giàng Sĩ Thiến, quan Lại bộ lang Sĩ Trạch, đều do phu nhân sinh ra cả.

HÓA HỔ

Kính Phủ

Mỗ là người Sơn Vi, vào rừng lạc đường, gặp một ông cụ già cởi áo mặc cho và dẫn đi sau. Mỗ ngựa ngáy, một lúc đã thấy mình thành một con hổ. Các hổ khác kéo đến cùng mình thân cận, cùng nằm cùng ở, được thịt thì chia cho mình ăn.

Một hôm về nhà, nghe thấy vợ đương khóc, Mỗ thương xót gầm lên. Vợ sợ hãi khua thanh la để dậm dọa, Mỗ sợ phải đi. Mỗi một năm trên một tảng đá, lại thấy ông già đến bảo rằng:

- Cái áo mượn của ta ngày trước, giờ phải trả đây.

Nói rồi cười lên bụng Mỗ lấy gươm rạch rồi lột da, đau đớn tưởng đến chết được. Ông già chợt đi đằng nào mất. Nhìn thì mình lại trở lại là người ngày xưa; vội vã về nhà thì đã sắp đến kỳ giỗ đầu. Vạch lưng ra, trên lưng hãy còn những vết lông.

Chao ôi! Mỗ là hổ mà lại là người, người đầy mà lại là hổ, lạ lùng thật không nói xiết.

ĐỨA CON ĐEN

Kính Phủ

Người con gái ở phố Lai Trào, trấn Hoa Dương, lấy người lái buôn nước Tây đen. Sau người lái buôn về nước, nàng hỏi kỳ tái hội, thì hă' n nói:

- Hễ ba năm không thấ' y sang thì cứ việc đi lấ' y chồ' ng.

Quá kỳ hạn ấy, nàng đi cải giá về một người là Mỗ, sinh được một con giai, da thịt đen xạm, y như người chồ' ng cũ. Hỏi người biế' t thì người ta bảo:

- Đó là dư khí hăy còn sót lại, cho nên rợ Hô' có cái tục rửa ruột.

Không bao lâu, người lái buôn đê' n tìm vợ, thấ' y đứa con, bèn kiện để đòi lại. Quan xử đưa con về người lái buôn, còn người vợ vẫn thuộc về Mỗ. Sau, nàng sinh mấ' y đứa con nữa thì đê' u như thường cả.

HANG NÚI

Kính Phủ

Hồ i vào đánh Nam (Đàng Trong), có mấ y người lính đi qua trong rừng, thấ y một cái hang. Vào xem, ban đầ u còn tồ i đen, nhưng sau sáng rạng dầ n. Một lúc, thấ y trong đó có dân cư, tiế ng nói ríu rít, không thể hiểu được. Bọn lính vì đói, phải cướp lấ y cái ăn, bọn người kia phải tan chạy cả. Một lúc, họ lại kéo đế n rấ t đông. Bọn lính sợ, phải ra, dùng những tên nhon vừa đi vừa bắ n lại. Về thuật với mọi người, lại kéo vào xem thì đã chẳng thấ y gì nữa.

ANH KỂ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

Người chánh lý Mỗ làng Lâm Hộ, huyện Kim Hoa, vô n xưa là một anh ăn trộm. Hô ì thân phụ tôi làm tri huyện â y. Mỗ nhân việc quan đén huyện, kể lại hế t những chuyện thiế u thời. Mỗ thường cùng Ấ t sang ăn trộm ở làng bên cạnh, đêm đi qua trong rừng, bỗng thấ y động tâm. Đén làng bên, chia nhau rình ở cổng làng. Ước chừng nửa trớ ng canh, Mỗ chợt nghe thấ y tiế ng huỳnh huých rấ t lớn, vội chạy lại xem. Một con hổ đương ôm Ấ t ngò ì chồ m chồ m. Mỗ nhìn đăm đăm rô ì vung tay xông đén đánh trúng trán hổ. Hổ gầ m lên mà chạy. Ấ t thì ngã vật ra đấ t. Mỗ đén gầ n nâng đờ , thấ y Ấ t hơi thở rấ t yế u, hai má bị cào toạc đén một tâ c thịt. Mỗ hỏi thì lúc lâu Ấ t mới nói:

- Khát lắ m!

Mỗ tìm loanh quanh, thấ y dưới một mái nhà có rãnh nước nông, bèn dấ p vào áo đem lại vắ t rỏ cho Ấ t uớ ng. Tỉnh rô ì cõng về , nửa đường thì phương đông đã rạng. Ấ t khởi, Mỗ thôi không làm nghề ăn trộm.

Than ôi! Cứu giúp bạn trong khi nguy câ p chẳng tiế c mình, đó là việc làm của những bậc liệt sĩ đời xưa. Nay lại thấ y ở trong đám kẻ trộm, thật cũng là lạ lắ m.

ÔNG ĐỖ UÔNG

Ông Đỗ Uông người làng Đoàn Tùng đời Mạc. Hồ i chưa đỗ, từ kinh đô về, đến huyện tôi. Trờì về tôi. Trên đường vắng tanh không có ai qua lại. Chợt ở trong đền Thời Cử có mấy chục quân kỵ kéo ra, đuổi theo sau ông. Ông đi nhanh gấp đường, qua làng Hoạch Trạch, gọi lớn: - Bác Hoạch Trạch, cứu tôi với! - Trong đền im lặng. Đến làng Minh Luân, cũng lại gọi như vậy, thân đền xa đáp rằng:

- Em دوست với bác Thời Cử là tình cùng huyện, không tiện ra giúp ông anh được, vậy ông anh nên đến cầu cứu với bác La Xá.

Ông theo nhờ. Đến La Xá, quả có mấy trăm quân giáp trụ theo ngay nhờ gọi mà kéo ra. Quân địch sợ phải rút lui. Về đến làng Đoàn Tùng, ông دوست hương làm lễ ở sân, viết một đạo số đem việc ấy tâu lên Thượng đế. Số دوست chưa xong, đã thấy giới nổi cơn sấm sét dữ dội. Mưa xuống như đổ chính nước. Đến sáng, nghe người ta đồn đền Thời Cử đã bị sét đánh tan tành rồi. Ông rất mừng thân. Sau ông thi đỗ Bảng nhãn, sang đời Lê, làm quan đến Thượng thư, phong phúc thân.

TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

Tùng Niên

Tướng quân Đoàn Thượng, người làng Hồ`ng Thị, huyện Trường Tân. Đời Lý Huệ Tông vâng mệnh đi dẹp giặc và trấ`n ở Hồ`ng Châu. Nhà Lý mấ`t, Đoàn chiế`m giữ riêng một châu á`y. Quan thái sư nhà Trầ`n là Thủ Độ bê` ngoài giả vờ giảng hòa, nhưng ngầ`m truyề`n lệnh cho Hoài Đạo Hiế`u Võ Vương Nguyễn Nộn đem trọng binh đánh úp.

Hai bên đương đánh nhau say sưa, quân Trầ`n lại tự miề`n Văn Giang đón đánh phía trước. Tướng quân bỏ Nộn, quay về` chồ`ng với phía tây, bị nhát thương ở cổ gầ`n đứt, phải cỡi đai lưng buộc lấ`y, tức giận hầ`m hầ`m, chạy về` phía đông. Đế`n làng An Nhân, có một ông già, đội mũ thấ`t đai, chấ`p tay đứng bên đường mà nói:

- Tướng quân là bậc người trung liệt, Thượng đế` đã cá`t dùng đấ`y.

Lại chỉ một cái gò làng bên mà nói:

- Đấ`y là nơi huyế`t thực⁽⁶⁷⁾ của ngài, xin đừng bỏ qua.

Tướng quân vâng nhời. Đế`n chồ` á`y, xuô`ng ngựa, gồ`i giáo mà nằ`m. Liề`n có mộ`i đùn đấ`t lấ`p lên. Dân cư tạc tượng, lập miế`u lên thờ. Đế`n sau, đê sông Nhị vớ, nước xói đổ miế`u. Khi nước xuô`ng, tượng dạt đế`n làng An Nhân. Làng An Nhân bèn dựng miế`u mới để thờ. Miế`u dựa sông An Nhân, trước mặt trông ra con đường cái chính đi thông hai tỉnh Đông, Bắ`c, uy linh hiển hách, người buôn bán qua đường rấ`t là sợ hãi. Một hôm, người coi miế`u

ấy bỗng ngã lăn ra đấy lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghế cao, gọi những kỳ cựu trong làng ra bảo rằng:

- Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ vì có đức vua đến thăm cảnh. Người nào mặc áo đen và đi chân không là chính đúng đấy, phải chờ đón.

Mọi người dạ dạ theo nhời. Hôm sau, ai nấy mũ áo chững chạc đợi ở dưới đền. Mãi đến chiều tối, vẫn chưa thấy gì; mỗi một, đã toan giải tán. Chợt bờ bên kia sông có một vị sư, mình mặc chiếc áo lục thù, đằng sau có một tên tiểu đồng theo hầu, đi ngang qua cầu, đến trước cửa đền ngồi nghỉ. Mọi người đổ tít hương sụp lạy. Nhà sư lấy làm lạ, hỏi. Ai nấy đem lời thân thưa lại. Nguyên bấy giờ vua Trần Nhân Tông đã nhường ngôi cho con, tự xưng là Điều Ngự đại sĩ, xuất gia tu ở chùa Yên Tử, bên mình mang một cái lọ, một cái bát, thường đi lại trong các xóm làng, nhiều khi cũng chả ai biết nữa. Tối hôm ấy, dừng bước ở làng An Nhân, nghe câu chuyện thân nhân báo trước, ngài lấy làm thích, bèn ngủ trọ ở đấy một đêm. Ngài giảng bảo thân nhân về lẽ nhân quả, khuyên nên theo đức hiếu sinh của Trời, đừng nên làm tai vạ cho những người qua lại. Sớm hôm sau, ngài dậy sớm, trở về kinh sư. Đến tối, bỗng một cơn mưa to gió lớn nổi lên, rồi thân tọa quay mặt về đông. Từ đấy những người đi qua đường, không còn bị tai nạn gì nữa. Lịch triều phong tặng là Thượng đẳng thân. Lũy cũ ở Trường Tân, đến nay vẫn còn.

SÔNG DỪNG

Tùng Niên

Sông Dừng ở huyện Nam Đường (nay là Nam Đàn) là con sông lớn ở Hoan Châu. Nguồn phát ra từ Trâu M Châu, đi qua Đại Đô ng, Đô ng Luân, lướt bên trại Sà Man, bên Phù Thạch mà chảy ra bể. Sóng xô dữ dội, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là về khoảng những làng Đại Đô ng, Đô ng Luân, càng nhiều lắm. Bên cạnh những cái vực ấy, có những làng xóm ở đông đúc. Người ta thường thấy có mấy người đàn bà con gái đến chợ mua bán vận mặc nói năng ra lối thị thành. Có người dò theo, thấy bọn người ấy đi gần đến bên sông thì mất. Một hôm, có một người giai dân, xuống bên Đô ng Luân rửa tay, rồi đứng hóng mát ở trong khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cưỡi ngựa chạy quanh ba vòng rồi cùng sóng cường mà đi xuống nước cả. Người ấy nín thở, đứng lặng xem ra thế nào. Một lúc, thấy mấy tòa lâu đài nổi lên ở giữa dòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ, kẻ đi người lại rộn rịp khá đông. Lúc lâu, người ấy ngựa cỏ không thể nhìn được, đành hất lên một tiếng. Lập tức những tòa lâu đài ấy đều chìm ngấm cả. Rồi có hai con cá lớn bị cụt đầu nổi ở bên sông, nước sông đỏ khé.

Đinh quân, người làng Đại Đô ng, quan làm đến tri phủ. Một lần qua chơi bên Rái Cá ở Hải Dương, Đinh quân thấy một bà già bán hàng, tuổi chừng 63, 64, hỏi mình rằng:

- Ông có phải là người làng Đại Đô ng không? Sao tiếng nói giọng thế!

Đinh quân nói:

- Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết.

Bà già cười:

- Đại Đô`ng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, có ông không biết đấy thôi.

Hỏi kỹ thì bà nói:

- Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra tắm sông, bị thần sông là Giang Đông hâu bắt lấy. Ở sông này được ba năm thì hâu cải bỏ vào làm việc ở trấn Đô`ng Luân, coi vực Đại Đô`ng. Ngoài những lúc hâu hạ chần mản, tôi thường lên chợ chơi, tiêu dao ở đấy đã nhiều ngày tháng lắm. À, cha con Thiệu Vệ, cha con Lý Chánh, nay vẫn còn cả chứ? Đó đều là những người hào trưởng trong làng. Thiệu Vệ có người con gái chết đuối ở đấy phải không?

- Phải.

- Thì chính hâu tôi kén làm vợ đấy. Long cung hay lấy vợ trên trấn, thường sai lính tráng đi bắt; cũng một đôi khi các ngài đi bắt lấy nhưng mà rất ít. Ở trấn được năm năm, một lần có cánh bè từ mạn ngược xuôi, chở kèm thêm bốn cây gỗ chò. Hâu bụng thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Mấy tên thủy thủ chết oan. Họ kiện đến quan trấn, quan trấn xử hâu phải đuối về chỗ cũ. Về đến đây, hâu thả tôi lên. Tôi theo sóng chìm nổi bồng bềnh, bàng hoàng như trong giấc mộng. Người nhà vớt tôi, mấy ngày tôi mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà già kể rất rành mạch. Đình quân đem chép vào trong quyển gia thư.

Đầm Đông Liệt ở huyện Ấy (Nam Đàn), cách sông khá xa, thuyền bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng luồng ngấn, vuốt linh thiêng lắm.

Một người lái buôn nước mắm ở huyện Hưng Nguyên, bữa kia từ Hoan Châu ra kinh, đỗ thuyền ở bên sông Nhị. Bấy giờ đương mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa giong buồm về được. Một hôm, người Ấy thấy có ba, bốn người công sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư, ghé tai bảo người lái buôn rằng:

- Tôi là quan hầu của thần thuồng luồng đầm Đông Liệt. Thần đi đánh núi Tản Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thư này đến vực Đông Luân hộ.

Người lái vâng nhời, nhỏ thuyền xuôi nam. Thuyền đi như tên, chốc lát qua nghìn dặm, tới hôm Ấy đã đến Đông Luân. Đến đây, người lái gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa, rồi nhận lấy thư, dặn người lái hãy chờ đây. Lúc lâu, nghe văng vẳng thấy tiếng khóc lóc. Đêm khuya, có hai người lính đội lên một hộp trâu, trong đó đựng 20 lạng vàng đưa để tạ ơn. Người lái từ chối:

- Xin cứ phù hộ cho sông nước vững vàng, đã là ban ơn rất nhiều rồi; tôi đâu dám nhận số vàng Ấy.

Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả lại vàng. Từ đây, đi xuôi ngược giang hồ, một đời không gặp sự rủi ro gì cả.

NÚI ĐÔNG LIỆT

Núi Đông Liệt đứng trên bờ đá m, trên đỉnh có một chỗ trũng, tương truyền là vết cũ sao sa, rộng đến hơn một mẫu, nước có khi đầy có khi cạn. Trong núi có bàn cờ đá, cạnh bàn có một lỗ t bàn chân, to hơn chân người thường. Có một người con gái giẫm chân vào đá y, bụng thầy cảm động rồi có mang, sinh ra một đứa con gái. Đứa con ấy lọt lòng ra đã biết nói, biết quá khứ và vị lai. Tiếng đồn đến triều đình, được vời vào kinh, hỏi việc quý thân. Hỏi đâu trả lời ngay đấy. Vì thầy là của quái dị, triều đình lại cho về. Được ba tuổi thì đứa bé chết. Người ta cho là tiên, lập miếu phụng thờ. Nay miếu này còn ở dưới núi.

NÚI RẾT

Núi ở giữa khoảng hai châu Hoan (Nghệ An), Ái (Thanh Hóa) có cái miếu thờ làm ngay ở cửa hang. Hàng năm phải lấy người làm vật cúng tế, người làng cắt lượt nhau mà chịu. Họ thường đem vàng bạc đi mua chuộc những người lang thang bốn phương đem về làm vật tế thân. Có một anh nghèo kiệt kia, đến lượt phải làm vật tế thân, không biết làm thế nào. Tới kỳ, anh tắm gội sạch sẽ để đi làm vật hy sinh, nhưng trong mình giấu sẵn một con dao sắc. Canh tư, anh ta hăng hái ra đi. Làng tế xong, khóa trái cửa lại rồi về. Anh ta cầm con dao, đứng ở cửa hang chực sẵn. Chừng độ một trống canh, thấy có mùi tanh nồng nặc. Rồi một con rắn cực lớn, từ trong hang bò ra. Anh ta giơ dao đâm ngay, chỉ chớp lát thì con rắn chết. Từ đấy, không còn cái quái ấy nữa. Núi này nay thành một nơi danh thắng, như là núi Phục Dục.

NỘI ĐẠO TRÀNG

Tùng Niên

Lê triê`u khi mới Trung hưng, việc binh đao vừa yên, tà yêu quỷ quái nổi lên nhiê`u, dân gian rấ`t khổ sở. Tại làng An Đông, huyện Quảng Xương, có người tên là Trầ`n Lộc, vớ`n làm nghề` phù thủy. Một hôm đi qua núi Na, nhân đương ngày hè nắ`ng dữ, Trầ`n Lộc ngô`i nghỉ ở dưới núi, bỗng ở trên đỉnh núi, giữa khoảng rừng cây rậm rạp, có một ông già đầ`u bạc phơ, đương đứng ngó xuố`ng mà vầy. Trầ`n Lộc xắ`n áo đi lên, giữa trưa thì lên đế`n đỉnh núi, phục xuố`ng làm lễ bái yế`t. Ông già vỗ vế` rắ`ng:

- Nhà ngươi là người thành thực, đôn hậu, Thượng đế` khen ngợi, sai ta trao cho những bí quyế`t.

Bèn ghé vào tai mà bảo cho và nói:

- Đó là những phép Phật thượng không. Nhà ngươi nên siêng năng làm việc tề` độ, tòa sen sẽ chẳng xa gì.

Nói xong thì không thấ`y đâu cả. Trầ`n Lộc trông lên trên không mà bái tạ. Rồ`i đem những phép ấ`y ra thử dùng thì đầ`u linh nghiệm. Từ đầ`y nổi tiế`ng về` nghề` phù lục<sup>(68)</sup>. Người ta gọi Trầ`n là Phật Tổ Như Lai, hai con là Tả Hữu Tôn Thánh, người đồ` đệ giỏi nhấ`t là Tiề`n Quan Tôn Thánh, còn những người khác là Bồ` Tát, Kim Cương, Minh Sư, Thượng, Trung, Hạ Thặng v.v... Nghe núi Mỏ Diề`u có một con yêu, thường làm tai nạn cho những khách qua đường, bèn đế`n để trị. Con yêu vận mặc lô`i cung trang, giữ trên đầ`u núi, cùng Tổ sư chồ`ng cự ba ngày không phân thua được. Tổ sư tức lắ`m, phóng một cái quyế`t lật đổ núi. Yêu hóa làm con quạ bay

vút lên gò. Tổ sư lại phóng mấy cái quyết trúng vào mình nó, nó phải sa xuống đất mà chết.

Mười hai cửa bể ở miền tây nam, mỗi cửa đều có một thần sóng, thường làm cho nước bốc cao lên như núi, chốc lát lại tan đi. Thuyền bè gặp phải, không tài nào sóng sót được. Tổ sư sai đồ đệ đi bắn, trừ được chín, còn sót lại ba. Xảy có việc phải đi coi nom ở Sùng Sơn nên không trừ nốt được.

Bấy giờ vua Thần Tông mắc một bệnh lạ. Có người bảo là cái nhân quả tái thế của vua Lý Thần Tông (xem *Lĩnh Nam chích quái*). Trong triều ngoài dã đều lo ngại. Đại nguyên súy Thanh Vương tính kế, xin vua nhường ngôi cho Thái tử, xưng Thái thượng hoàng, ở cung riêng để dưỡng bệnh. Trái dùng bùa, thuốc trong mấy năm, không chút hiệu nghiệm gì cả. Nghe tiếng Tổ sư, triều đình sai trung sứ đến vời. Tổ sư nghĩ vì cái yêu khí ở vùng tây nam mới yên, chưa dám rời mà đi vội, cử đồ đệ là Pháp bộ Kim cương đi thay; đâm vào ngực mà niệm chú. Hơn một tháng, Thượng hoàng khỏi bệnh, trở lại ngôi rồi, truyền xuống dựng đền thờ Nội đạo đức tinh biểu⁽⁶⁹⁾. Kim cương trở về; đường qua làng Bồ Vệ. Giữa khi người làng đương làm lễ tế thần, Kim cương đứng đái ở trước đình, bị mấy người trẻ tuổi trong làng tức giận trối lại. Kim cương nói mãi mới được tha ra, bèn bắt một cái quyết trối, rồi đi. Lập tức già trẻ trong đình, ai nắm hai tay chập vào nhau mà ngồì dựa cột, chỗ năm người, chỗ ba người, muốn giã ra cũng không được. Cả làng đều kinh ngạc. Có người nói vừa nãy có một vị thuật sĩ vô lễ, người làng trối rồi tha ra, hay là hấn phản chẳng? Cho người đi tìm thì chẳng thấy đâu cả. Việc đến tai triều đình, vua nói:

- Đó là Pháp bộ Kim cương đây.

Hỏi đến Tổ sư. Tổ sư sợ, trách mắng Kim Cương, rồi bao nhiêu bài quyết đã trao cho, đều thu lại hết, chỉ còn những bài quyết

thỉnh Phật và trừ tà là còn để lưu hành ở đời. Ở vùng Giang Bắc, có một phái gọi là Nội đạo tràng, lấy trọng trị bệnh. Đó không phải là phái này.

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

Bà vợ thứ ông Hạo Hiên Nguyễn Kiêu là Đoàn Thị Điểm, người đất Giang Bắc, nguyên là em gái ông tỉnh nguyên⁽⁷⁰⁾ Đoàn Luân. Bà nổi tiếng là người văn học cùng anh vui trong thú nghiên bút. Nghiễm nhiên, có cái thế là hai nước địch.

Một buổi tối, bà ngồi trước đài trang tô điểm, ông Đoàn thì rửa tay ở trên cầu ao. Ông Đoàn khẩu chiêng rằng:

照鏡畫眉，一點翻成兩點

Chiêu kính họa mi, nhât điểm phiên thành lưỡng điểm⁽⁷¹⁾

Bà liền đáp ngay:

臨池玩月，隻輪轉作雙輪

Lâm trì ngoạn nguyệt, chỉ luân chuyển tác song luân.⁽⁷²⁾

Ông Đặng Trăn Côn mê nổi tiếng, đưa bài thơ đến để xin được vào thăm. Bà cười mà rằng:

- Cậu học trò mới học chữ, bỏ gì nói chuyện.

Ông Đặng tức giận trở về, cô chỉ mài giũa học hành. Sau trở nên một bậc danh sĩ.

Bà kén chồng khe khắt lắm, bao nhiêu người muốn lấy, bà đều không vừa ý. Đến khi đã quá tuổi cập kê, mới lấy ông Hạo Hiên. Trong chốn khuê môn, vợ chồng kính trọng nhau như khách, đương thời lấy làm một chuyện đẹp.

Ông Hạo Hiên mất, những học trò theo học ông lại theo học bà, thành danh được mấy chục người.

Và có làm ra tập *Tục truyện kỳ*, trong có ba truyện *Hải khẩu linh từ*, *Vân Cát thân nữ*, *An Ấp liệt nữ*, còn lưu hành ở đời.

Người cháu là Mỗ, con gái ông tỉnh nguyên, bà vốn yêu dẫu. Người cháu ấy lấy ông Nguyễn Xuân Huy, đỗ trâm Sơn Nam. Khi ông Xuân Huy cùng người con giai chết, có câu đối rằng:

泉下承歡，應知君有子

Tuyệt hạ thừa hoan, ứng tri quân hữu tử,

夢中對話，誰謂妾無夫

Mộng trung đối thoại, thùy vị thiếp vô phu.

Nghĩa là:

Dưới suối hậu vui, tỏ biết chàng có con.

Trong mộng chuyện trò, ai bảo thiếp không chồng.

Năm bà 78 tuổi, vẫn còn đi lại ở kinh kỳ, mở trường dạy học.

PHẦN II. TANG THƯƠNG NGÃU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

Kính Phủ

Ông Chu Văn Trinh đời nhà Trầ̀n, húy là Văn An, tự là Linh Triệt, hiệu là Tiều Ân tiên sinh, người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ tiền sĩ, làm quan đền chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám.

Đời vua Dụ Tông, dâng bài sớ xin chém bảy người, treo mũ từ quan, về ằn ở núi huyện Chí Linh, dạy học trò. Sĩ phu đều kính ngưỡng như núi Thái Sơn, sao Bắ́c Đẩu. Quan tư đồ Chương Túc hằu Trầ̀n Nguyên Đán có tặng bài thơ rằ̀ng:

黼冕桓圭心已灰

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hôi,

風霜安敢困寒梅

Phong sương an cảm khốn hàn mai.

白雲萬疊山扉掩

Bạch vân vạn điệp sơn phi yểm,

紫陌多岐我馬隤

Tử mạch đa kỳ ngã mã đôi.

蕙帳勿驚孤鶴怨

Huệ trướng vật kinh cô hạc oán,

蒲輪好為下民迴

Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.

熙朝社稷天方祚

Hy triều xã tể c thiên phương tộ,

肯使先生老碧隈

Khổng sử tiên sinh lão bích ôi.

Nghĩa là: Cái lòng mũ đai trâm hồ t (tức là lòng công danh) của tiên sinh đã nguội lạnh rồi, thân như một cây mai lạnh, không gió sương nào làm khô n được. Mây trắng muôn đợt cài cánh cửa núi, chỗ tiên sinh ở ẩn; đường trăn lắ m lồ i làm cho ngựa tiên sinh chồ n mỏi mà không muố n đi. Nằ m trong màn huệ, đừng giật mình vì tiế ng một con hạc lẻ bay kêu (đó là nói cái cảnh thanh cao của sự ẩn dật), nhưng xe bồ êm ái, tương cũng nên vì bọn hạ dân trông cậy vào mình mà quay trở lại. Xã tể c của hoàng triề u đương được nhà Trời vừa giúp, lẽ đâu lại để cho tiên sinh già đời ở chố n non xanh.

Ấ y, ông được đời kính trọng như vậy.

Đời truyề n là khi ông dạy học ở thôn Cung Hoàng, trong bọn học trò có hai người thiế u niên, dung mạo kỳ vĩ, không bao giờ ngồ i cùng chiế u với các học trò khác. Có người trông thấ y họ đi từ nước lên; ông biế t họ là thủy thầ n. Gặp năm nắ ng to, ông sai đi làm mưa. Hai người từ chố i:

- Thượng đế ́ phong khóa cả sông hồ ́, không có giọt nào mà làm được.

Ông bảo lấy nước ở cái ao rửa nghiên. Hai người nói:

- Lời thầy dạy không dám trái, nhưng trái ý Thượng đế, sẽ phải chịu phạt cả.

Hai thiêu niên đi thì một lúc, mưa xuống như trút. Bỗng chỗ thầy có hai thân thuổng luôn luôn cụt đầu rơi xuống. Ông thu nhặt lại rồi đem chôn. Nay mà ở ngoài lũy làng, tục gọi mà thuổng luôn.

Sau khi ông mất, người làng nhân chỗ nền cũ nhà học dựng nên đền thờ, lấy những bậc thân sĩ trong làng phò hưởng.

Trong năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích chấp chính, dò hỏi dòng dõi, còn được mười sáu người, thầy đã đổi sang họ Nguyễn và đều ngụ ẩn không biết gì, đều ở vào hạng cùng dân cả. Ông bắt trở lại họ cũ, và chọn một đứa trẻ dạy cho học, muốn sẽ tiến dẫn lên triều đình, bàn việc phong ấm, như người Tàu đối với dòng dõi Tô Ng Nho là ông Trình, ông Chu. Nhưng chợt gặp biến nên việc ấy lại không làm được.

ÔNG LÊ TRÃI

Ông Lê Trãi thuở tiên triê`u, hiệu là Ước Trai tiên sinh, nguyên họ Nguyễn. Cha ông là Phi Khanh làm chức Tự khanh, người huyện Phụng Nhãn, thích về` phong thủy, nhân dời mà tổ đế`n táng ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, rồi làm nhà ở làng ấy.

Ông đỗ tiê`n sĩ đời nhà Hồ`, làm quan đế`n chức Ngự sử đài Chánh chương. Nhà Hồ` mất, ông theo ông Tự khanh tránh loạn ở Côn Sơn, có câu thơ: 夜依半斗望中原 *Dạ y Ngưu Đẩu vọng trung nguyên* (Đêm lầ`n theo sao Ngưu, sao Đẩu trông về` đấ`t nước). Tấ`m lòng thương thời mẫn thế`, thường lộ ra ở những câu thơ vịnh.

Bấ`y giờ, người làng Hoắ`c Sa ở Sơn Tây là Trầ`n Nguyên Hãn làm nghề` bán dầ`u, buổi tồ`i qua làng Thụy Hương, vào ngủ ở đầ`n Hy Khang đại vương Lý Ông Trọng. Đêm hôm ấy, nghe thấ`y vị thầ`n ở làng bên cạnh đế`n rủ vương cùng lên chầ`u đức Thượng đế`. Vương từ chồ`i là nhà có vị quố`c công ngủ trọ. Gà gáy, vị thầ`n ấy đi chầ`u về`. Vương hỏi hôm nay thiên đình bàn những việc gì, thầ`n nói:

- Thượng đế` nghĩ nước Nam vô chủ, nên có sai Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi.

Trầ`n tỉnh dậy, bèn đi dò tìm được ông, rồi báo cho biế`t. Lê Trãi đế`n hỏi lại thì chiêm bao thấ`y vương bảo rằ`ng:

- Việc bí mật ở Thiên đình, không dám tiế`t lộ. Chị Tiên Dung biế`t rõ cả đấ`y. Và lời người đàn bà nói thì Thượng đế` ngài không quở trách. Nên đem một mâm vàng sét đế`n lễ, chị ấy sẽ kể cho mà nghe.

Ông theo nhời, đến câu bà chúa Tiên Dung, chiêm bao thấy bà gọi mà bảo:

- Lê Trãi! Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi, nhà ngươi còn chưa biết ư?

Hỏi kỹ thì nói Lê Lợi người ở Lam Sơn, đất Thanh Hóa.

Ông bèn cùng ông Trãi đến tìm, thấy Thái Tổ đương mặc áo nâu ngả, vác bừa từ ngoài ruộng về. Vào ở mấy hôm, nhân khi gặp ngày tiên hỷ⁽⁷³⁾, nhà Thái Tổ giết lợn làm cỗ. Ông xuống bếp đun nấu. Thấy Thái Tổ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn; bèn bảo riêng với ông Trãi rằng:

- Bà Tiên Dung nói dò i ta đây.

Bèn đến để để đòi vàng lại. Đêm ấy, bà Tiên Dung lại bảo:

- Lê Lợi làm vua, đã có mệnh lệnh nhất định rồi; chỉ có rằng thiên tính chưa giáng đây thôi, sao không lại đến mà chờ đợi.

Bấy giờ Thái Tổ đã được quyền binh thư và thanh kiếm thần, đêm nă m đóng cửa mà đọc sách. Ông nhòm trộm, rồi cùng Trãi đẩy cửa bước vào. Thái Tổ tuốt gươm xông ra, hai người đều phục xuống nói: “Chúng tôi đường xa lặn lội tìm đến, chỉ vì minh công là người có thể làm chủ thiên hạ được đây thôi”. Thái Tổ cười mà lưu lại, mưu việc khởi binh. Ông bảo chưa nên phát động vội. Bèn làm nhà dạy học. Ông chế ra những cái trống con, lại nấu mật đặc, nặn ra những hình con gà con chó, cho lũ trẻ nhỏ làm đồ chơi. Trẻ khác thấy thế, đua nhau nói với cha đến xin theo học. Lại thường lấy mỡ viết khắp lên những lá cây trong rừng rằng: 黎利爲君黎鴈爲臣 (Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi).

Sâu kiế'n ăn mỡ, đục thành nét chữ. Những người đi kiế'm củi thấ'y thề', cho làm sự thiêng liêng. Người nọ bảo với người kia, nhân thề', kẻ theo về` mỗi ngày một nhiề'u.

Năm Mậu Tuấ't (1418) dấ'y quân, trước sau đánh hơn hai mươi trận. Ông thường tham dự vào quân trưởng bàn tính mưu lược. Năm Bính Ngọ (1426), đánh ở Tô't Động, quân ta đại thắ'ng, tiế'n đế'n áp bức thành Đông Đô⁽⁷⁴⁾. Thành Sơn hầ'u nhà Minh là Vương Thông đóng thành cô' giữ.

Năm Đinh Mùi (1427) vua Minh sai An Viễn hầ'u Liễu Thăng, Kiề'm quố'c công Mộc Thạnh chia đường đề'u tiế'n, sang cứu Đông Đô. Vua đánh nhau với giặc ở núi Mã Yên, chém chề't Liễu Thăng, bắ't số'ng bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc, hơn ba trăm người. Mộc Thạnh đương đêm phải chạy trồ'n, Vương Thông thì mở cửa thành ra hàng. Vua tha cho được trở về` bắ'c. Từ đấ'y, hai nước thông hiế'u, bao nhiêu giấ'y tờ đề'u do ông soạn cả. Khoảng năm Thiệu Bình, ông làm bài biểu tạ việc thăng quan, có những câu:

Viên môn trượng sách, lâm đại tiề't nhi bán sinh trung nghĩa tự tri; hổ khẩu điề'n thân, quyề't hòa nghị nhi lưỡng quố'c can qua dĩ túc.

Nghĩa là: Cửa quân hiế'n kề', đứng trước tiề't lớn mà nửa đời trung nghĩa tỏ hay; miệng cộp dấ'n mình, quyề't việc hòa nghị mà hai nước can qua yên ổn.

Đó là những lời đúng sự thực cả. Vì công lao được ban quố'c tính, trao cho chức Vĩnh Lộc đại phu, Nhập nội hành khiển, Tri tam quán sự.

Ông Trầ'n Nguyên Hãn sau tước đế'n Quố'c công, khi mấ't được phong phúc thầ'n. Nay có đề'n ở làng Hoắ'c Sa.

Văn chương của Lê Trãi có khí lực dồi dào. Khoảng năm Thuận Thiên, làm những bài văn như *Bình Ngô đại cáo*, *Bia Thôn Đạo ở Vĩnh Lăng* tại Lam Kinh; đều có chép ở sách *Thực lục*, không cần phải thuật ra đây cho thừa nữa. Khoảng năm Thiệu Bình, nhà vua tặng bà Chiêu Nghi làm Hoàng thái phi⁽⁷⁵⁾, ông phụng mệnh thảo bài chế rằng:

朕惟

Trẫm duy

克敬惟親

Khả c kính duy thân,

遙追來孝

Duyệt truy lai hiêu.

撫高帝艱難之業

Phủ Cao đế gian nan chi nghiệp.

惟中閨翊亮之勤

Duy trung khuê dực lượng chi cần.

載敷大號於朝廷

Tái dương đại hiệu ư triêu đình,

用妥淑靈於幽寂

Dụng thỏa thực linh ư u tịch.

具位某

Cụ vị mỗ,

秉持懿德

Bình trì ý đức,

經事先朝

Kinh sự tiên triều.

遭板蕩之乾坤

Tao bản đǎng chi càn khôn,

共櫛沐其風雨

Cộng trâm t mộc kỳ phong vũ.

奉承箕箒，無忘洒掃之心

Phụng thừa cơ trửu, vô vong sái tảo chí tâm,

紉補衣裳，期盡彌縫之益

Nhận bổ y thường, kỳ tận di phùng chi ích.

一心在御

Nhâm tâm tại ngự,

十載靡虧

Thập tải mỹ khuỵ.

芒碭雲氣，睢水風沙，允備嘗於險阻

Mang Đường vân khí, Tụy Thủy phong sa, doãn bị thường ư hiểm trở,

撐沱麥飯，萁亭豆粥，常相助其渴饑

Hô Đà mạch phạn, Lâu Đình đậu chúc, thường tương trợ kỳ khát cơ.

致鰲極之奠安

Trí ngao cực chi điện an,

多鷄鳴之儆戒

Đa kê minh chi cảnh giới.

方母后不幸而升逝

Phương mẫu hậu bất hạnh nhi thăng thế,

獨朕身有賴其扶持

Độc trẫm thân hữu lại kỳ phù trì.

深懷顧復之恩

Thâm hoài cô' phục chi ân,

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

粵考成周之遺制

Việt khảo Thành Chu chi di chế',

宜加太妃之新封

Nghi gia Thái phi chi tân phong.

于以彰保佑之功

Vu dĩ chương bảo hựu chi công,

于以盡哀榮之禮

Vu dĩ tận ai vinh chi lễ.

於戲

Ô hô!

諱翟命服，流輝無間其存亡

Húy địch mệnh phục, lưu huy vô gián kỳ tồn vong,

馬臚漏泉，賁飭有光於溟漠

Mã lạc lậu toàn, bí sức hữu quang ư minh mạc.

Nghĩa là:

Trẫm nghĩ: Đố i với đứng thân, trước nên hiế u kính. Giữ cái cơ nghiệp trải mấ y gian nan mới dựng nên được của đức Cao hoàng đế , tấ t nhớ công siêng năng giúp đỡ của đức bà trong chố n khuê môn. Vậy phải tôn xưng hiệu lớn ở triề u đình, để thỏa hờ n linh thiêng ở nơi u tịch. Đức bà Mỗ, câ m giữ đức tồ t, trải thờ tiên triề u, gặp buổi trời đấ t chông chênh, từng cùng đức vua tấ m gọi mưa gió. Nâng khăn sửa túi, vá áo khâu xiêm, một lòng không sai, mười năm chẳng thiế u. Đức Cao hoàng từng trải những bước hiểm nghèo như vua Hán Cao, nào mây ráng ở Mang Đườn⁽⁷⁶⁾, nào gió cát ở Tuy Thủy⁽⁷⁷⁾; lại từng trải những khi đói khát như vua Quang Võ, nào com chiêm ở Hồ Đà⁽⁷⁸⁾, nào cháo đậu ở Lôu Đình, đề u có đức bà chia sẻ và giúp đỡ cả. Rồ i đế n ngôi lớn được đặt vững, phầ n nhiề u nhờ công bà săn sóc sớm hôm. Đương khi đức mẫu hậu không may về `giời, chính trẫm được nhờ đức bà dìu dấ t. Nhớ đế n ơn ô m ấ p, dám nhăng việc truy sùng⁽⁷⁹⁾. Vậy xét theo phép của nhà Thành Chu, tôn phong bà

làm bực Thái phi, để tỏ công phù trì, để hợp lễ thương kính. Chao ôi, áo xiêm dăng tiếm vinh quang chẳng cứ khi mất còn; nếm đắng tưng vụn bời, rức rở đến tận cõi mình mặc”(80).

Khi tặng bà Chiêu Nghi làm Trinh Ý nguyên phi, ông phụng soạn bài ché răn:

朕惟

Trẫm duy,

聖人制禮，道莫大於親親

Thánh nhân ché lễ, đạo mạc đại ư thân thân,

朝廷推恩，義尤敦於貴貴

Triều đình suy ân, nghĩa vưu đôn ư quý quý.

載頒制綽

Tái ban ché phất,

用賁幽扃

Dụng bỉ u quynh.

具位某

Cụ vị mỗ,

淑慎柔嘉

Thục thận nhu gia,

端貞靜一

Đoan trinh tĩnh nhât.

當乾坤草昧之際

Đương càn khôn thảo muội chi tế,

形宮壺勤儉之風

Hình cung khốn cầ n kiệm chi phong.

靈山之糗糞艱難，尤資主饋

Linh Sơn chi khứu phâ n gian nan, ưu tư chủ quỹ,

凜露之衣裳襤褸，正賴彌縫

Lẫm Lộ chi y thường lam lũ, chính lại di phùng.

每念佐輔先朝之功

Mỗi niệm tá phụ Tiên triê u chi công,

豈忘保佑冲人之德

Khởi vong bảo hựu xung nhân chi đức.

時方大定

Thời phương đại định,

人已云亡

Nhân dĩ vân vong.

欲伸至孝之情

Dục thân chí hiê u chi tình,

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

是用擢眞三妃之列

Thị dụng trạc chân tam phi chi liệt,

以昭異數之榮

Dĩ chiêu dị số' chi vinh.

於戲

Ô hô!

生養雖殊，恩有同於罔極

Sinh dưỡng tuy thù, ân hữu đồng ư vô cực,

死生無間，默佑於永終

Tử sinh vô gián, kỳ mặc hộ ư vĩnh chung.

Nghĩa là:

Trẫm nghĩ: Thánh nhân đặt lễ, đạo không gì trọng hơn thân mẹ' n người thân. Triều đình ra ân, nghĩa chẳng gì hậu hơn quý trọng bậc quý. Vậy ban chế' sách để làm sáng rọi cõi tô' i mờ. Đức bà Mẫu, người vô' n đứng đắ' n, dịu dàng, đoan trang, tĩnh nhấ' t. Đương khi trời đắ' t còn mờ tô' i, đã tỏ ra phong cách câ' n kiệm của chồ' n cung vi. Khi ở núi Linh Sơn, lương thực gieo neo, từng nhờ lo chạy. Buổi ở trại Lãm Lộ, áo xiêm rách rưới, vẫn cậy khâu may. Những nhớ đế' n công giúp rập tiên triề' u, lại không quên đức bù trì tiêu tử. Buổi vừa bình định, người đã qua đời. Tình chí hiề' u muô' n tỏ ra, lễ truy sùng phải nhớ đế' n. Vậy tôn bà lên hàng ba vị hậu phi để tỏ sự vinh quý đặc biệt. Chao ôi, sinh nuôi dẫu khác, ân khôn cùng chính cũng như

nhau, vậy dù lúc sôi nổi hay lúc thán, xin cũng chờ đợi cho mãi mãi.

Đó đều là những bài văn đọc rất khoái trá miệng người cả.

Có lần, bị lỗi phải hạ ngục, nhưng ông lại được thả ra ngay. Lần thăng lên đến Tả gián nghị đại phu, kiêm Hàn lâm thừa chỉ học sĩ, tước Tể Văn hầu. Tính điềm đạm có chí ẩn dật, thơ tặng bạn có hai câu rằng:

身外浮名烟閣迥

Thân ngoại phù danh yên các quỳnh,

夢中花鳥故山知

Mộng trung hoa điều cô sơn tri.

Nghĩa là: Góc khói cao thăm để ghi công, đó chỉ là cái phù danh ở bên ngoài, thực mình vẫn mộng tưởng về chốn núi xưa thấy những hoa nở chim kêu, có núi xưa biết đất này.

Ông có cái biệt thự ở Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên (tức Lệ Chi viên). Cuối năm Thiệu Bình, ông lên đợi mệnh Bắc triều tại cửa Nam Quan. Bấy giờ Thái Tông hoàng đế đi Bắc tuần, ngự giá đến chơi Tiêu Viên, rồi đêm hôm ấy mất. Người ta bảo vợ ông là nàng Nguyễn Thị Lộ đã làm sự thí nghịch, ông vì thế mất nạn, cả một nhà không kỳ nhơn bé đều bị giết.

Khi xưa, trận đánh quân Minh ở núi Mã Yên, quân ta bắt được Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc. Hoàng giỏi xem phong thủy, khi ở nước ta đi xem khắp các kiểu đất và có biên ghi cả.

Đến nay Hoàng bị bắt, vì là một kẻ tù binh, nên ông Nguyễn⁽⁸¹⁾ không cần kính trọng. Hoàng cười bảo rằng:

- Mả tổ nhà tôi có Xá Văn tinh, nên dù có nạn cũng chỉ trong trăm ngày mà thôi; không như mả nhà ông có vạ tru diệt.

Ông không tin. Sau Hoàng được tha về, mà ông thì vì vợ mà phải tội. Người ta cho là ứng nghiệm.

Nay xét mả tổ nhà ông ở Nhị Khê, huyết táng ở ruộng bả`ng phẳng, người thì cho là cách tướng quân mở cờ, người thì cho là hình tướng quân cụt đầ`u. Về` phương Mùi, có cái gò Rùa, đuôi nó phản lại. Trong bản *Kiê`m ký* của Hoàng Phúc nói rằ`ng: “Nhị Khê mạch đoản, họa thảm tru di” chính là trở vào đầ`y vậy.

Đời truyề`n khi chưa hiển đạt, ông ở làng Nhị Khê dạy học trò, một hôm trở cái gò ngoài đầ`ng bảo học trò rằ`ng:

- Ngày mai các anh dọn cái gò á`y để thầ`y làm cái nhà học nhé!

Bọn học trò vâng nhời. Táng sáng hôm sau, ông nằ`m chiêm bao thầ`y một người đàn bà đế`n nói:

- Tôi mình yế`u mà con còn nhỏ, xin hãy khoan cho ba ngày để tôi được dời đi nơi khác.

Tỉnh dậy, ông ra đầ`ng xem, thầ`y học trò đã dọn cái gò xong rô`i. Họ bắ`t được hai quả trứng, hỏi duyên có thì họ nói:

- Vừa rô`i thầ`y một con rắ`n, chúng con đánh nó cụt đuôi.

Ông câ`m hai quả trứng đem về` giữ gìn. Đêm hôm á`y, giong đèn đọc sách, thầ`y một con rắ`n trắ`ng leo trên câu đầ`u, nhỏ giọt máu xuố`ng đúng vào chữ *đại* 代 là đời ở trên trang sách. Vế`t máu thầ`m xuố`ng ba tờ giấ`y. Ông nghĩ ra mà rằ`ng:

- Nó sẽ báo oán ta đế`n ba đời sau.

Trúng rắn nở ra được hai con, một dài, một ngắn. Ông sai đem thả xuống sông Tô Lịch ở làng bên; nay những rắn ấy làm thân sông.

Khi ông hiển đạt, thường mỗi ngày ở triều đình về, qua phố Hàng Chiếu, ông gặp một người con gái nhan sắc rất đẹp. Hai bên dùng thơ đùa cợt, rồi ông yêu mến, lấy về làm thiếp. Trong năm Thiệu Bình, người ấy thường đi lại vào trong cung cấm. Vua Thái Tông cho làm chức nữ học sĩ. Đến khi vua thăng hà, triều đình đem nàng ra tra hỏi. Nàng nói là do ông xui. Vì thế nên ông phải tội. Khi lâm hình, người con gái ấy hóa làm con rắn mà bò xuống nước mất.

Ông có một người thiếp chạy trốn xuống vùng Sơn Nam, ở ẩn nhà người, rồi sinh ra được một người con trai là Anh Võ. Sau lâu, nhà chủ mới biết người đàn bà ấy là vợ lẽ của ông. Khoảng năm Quang Thuận vua Thánh Tông lên ngôi, thương ông là oan, xuống chiếu tể tướng, truy tặng là Thái sư Tuệ quốc công. Dò hỏi dòng sau, mới tìm được công tử đem về. Nhón lên, Anh Võ trải làm quan ở đài ở sảnh, rồi phụng mệnh đi sứ Tàu. Khi qua hồ Động Đình, thấy trên mặt nước xuất hiện một con rắn, rồi sóng gió nổi lên dữ dội. Ông khấn xin cho đi xong việc nước, sóng gió mới im. Sau khi đi chầu vua Tàu về, đến hồ Động Đình, thuyền bị úp sập mà chết đuối. Ông được truy tặng đến Thái sư Sùng quốc công.

Trong năm Cảnh Hưng, làm sổ dân chính, triều đình bàn muốn rút bớt ân trạch đối với những công thần khai quốc. Khi xem đến đạo sắc của ông, quan Thị lang bộ Hộ là Bảng nhãn Lê Quý Đôn xé đi mà nói:

- Kẻ loạn thần tặc tử ấy, lại còn cáo sắc gì nữa!

Nói chưa dứt lời thì đã nă`m xuô`ng ngũ lịm đi, thâ`y hai người lính đê`n bắ`t đem đi một nơi, chung quanh có tường bao vây, những cây cổ thụ lớn đê`n hàng mười người ôm, trên điện có mấ`y chục cái ghê` bàn, hành lang phía hữu đặt một cái giường, trên giường ngô`i một vị quan văn, đội mũ phớ`c đầ`u, mặc áo bổ phục, hai bên tả hữu có những người hầ`u nghiêm túc. Lính điệu ông Bảng nhấ`n vào, bắ`t quỳ xuô`ng dưới thề`m. Vị văn quan ngô`i trên giường quát lớn lên rắ`ng:

- Ta là Tê` Văn hầ`u đây! Nhà ngươi là một gã tiểu sinh sơ học, sao dám can rỡ xúc phạm đê`n bậc huân cự của tiên triề`u. Tội đáng chề`t, không tha thứ được.

Ông Bảng nhấ`n nín hơi không dám ngắ`ng mặt lên trông. Cạnh đầ`y có một viên, khăn áo chững chạc, nài xin hộ. Lúc lâu, Tê` Văn hầ`u mới nguôi mà nói:

- Công danh sự nghiệp của ta, cô` nhiên không thề`m so sánh với nhà ngươi. Duy ngày thường ngươi vẫn lầ`y khoa bảng kiêu căng, vậy thử về` đọc bài *Bình Ngô đại cáo* của ta, nê`u văn ngươi có hay hơn thì xé sắ`c của ta cũng đáng.

Tỉnh dậy, ông Bảng nhấ`n vội phải viế`t giả đạo sắ`c như cũ. Các công thầ`n nhân thề` không bị rút bớt ân trạch.

Ôi! Ông là người có những huân liệt⁽⁸²⁾ như thề` mà không giữ nổi được mình, con cháu lại bị tru di hầ`u hế`t. Chó cỏ, rô`ng đầ`t<sup>(83)</sup>, vẫn là mô`i than chung từ xưa đê`n nay. Đáng buồn vậy thay!

ÔNG BUI CẦM HỔ

Ông Bui Cầm Hổ, người làng Đậu Liêu, huyện Thiên Lộc⁽⁸⁴⁾, học rộng và có tài kinh bang tế thế. Khi ông chơi ở kinh đô, có một người lái đi buôn xa về, người vợ nấu canh lươn cho ăn rồi chết, bởi có thứ lươn giống rắn và có nọc độc, có thể làm chết người được. Quan tòa xử người vợ ấy vào tội. Ông biết là oan, cố sức biện bạch, việc ấy được tỏ rõ ra. Vì thế, được triệu dùng làm quan trong triều. Đình thần thấy ông làm nên, không do thi cử, nên nhiều người không phục. Gặp khi có kỵ ở Thái miếu; định giờ làm lễ định vào trước lúc giờ sáng. Theo lệ thì trăm quan hôm ấy phải đến họp ở hành lang Thái miếu từ hồi nửa đêm, nhưng ông một mình lại đến túc trực từ giờ Dậu là tối hôm trước. Đêm hôm ấy, mưa to gió lớn. Chốc lát mưa giá tới nơi; trăm quan chưa một ai đến cả. Vua nghĩ là lễ lớn không nên đổi lại giờ khác, sai ông kiêm làm cả mọi việc. Một mình ông tới lui ở chỗ cái chén, cái nậm, hết thấy đều đúng lễ. Bấy giờ những thuộc viên bộ Lễ ý định chơi khăm, đốt trộm trong lư hương lại không lót gio ở dưới. Ông rút chiếc khăn ướt trong túi để lót dâng đến trước vua, tâu là lư hương nóng xin lấy khăn đỡ; lui xuống về mặt vẫn bình tĩnh. Lúc đọc chúc, cây nến ở trên điện bỗng tắt, ông cứ đọc mò, không sai một chữ nào cả. Đốt được lửa lên thì ông đọc đã xong. Vua nhân thế khen tài. Trong năm Thái Hòa, làm quan đến Ngự sử trung thừa, lĩnh chức Yên phủ trấn Lạng Sơn rồi thăng lên Tham tri chính sự. Làng ông ở giáp bể, ven núi, thường khổ về nạn nắng và lụt. Ông bèn men theo núi Hồng Lĩnh xếp đá làm cái đập, rồi khơi dẫn nước ngòi cho quanh queo chảy vào đồng ruộng, như kiểu kênh đào đời xưa. Cái ngòi ấy đào thành, tưới dội cho được hơn nghìn khoảnh ruộng, lợi cho người làng nhiều lắm.

Khi mất, người ta lập đền thờ ở dưới núi Bạch Ty và được phong là phúc thần. Cuối đời Cảnh Hưng, miền Hoan Châu⁽⁸⁵⁾ loạn lạc, duy đất ấy vì không lợi cả về quân bộ lẫn quân kỵ, nên riêng được yên ổn.

THƠ MA

Kính Phủ

Chùa Nguyệt Đường gâ`n trấ`n Hoa Dương là một nơi đô hội.
Gâ`n đây, có một người học trò qua chơi, thấ`y trên vách có đề` một
bài thơ tứ tuyệt rắ`ng:

幾年不到月堂門

Kỷ niên bấ`t đấ`o Nguyệt Đường môn,

上剎依依鎖淚痕

Thượng sát y y tỏa lệ ngân.

宿草墳前妻妹恨

Túc thảo phâ`n tiê`n thê muội hận,

荒邱一壘葬三魂

Hoang khâu nhấ`t lũy táng tam hô`n.

Nghĩa là: Đã mấ`y năm nay không đế`n chùa Nguyệt Đường, cảnh
chùa còn nguyên phong ngắ`n lệ. Cỏ cũ trước mộ`, mọc lên hỏi nỗi
hờn của vợ và của em gái, một cảnh bãi hoang chôn vùi ba cái hô`n.

Lời rắ`t thê thảm, ngờ rắ`ng đó là lời thơ ma.

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

Tùng Niên

Ông Phạm Ngũ Lão người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào. Nhà má'y đời vẫn làm nghề nông. Ông mặt mũi khôi ngô, có văn tài võ lược. Nhà ông ở gần đường cái quan, thường ngô'i xê'p bă'ng vót nan ở bên đường. Nhân khi đức Trầ'n Hưng Đạo từ dinh Vạn Kiế'p về' kinh, quân đi trước đế'n nơi, quát đuỏi đứng dậy. Ông vẫn ngô'i im không cựa cậ'y. Quân lấ'y ngọn giáo đâm vào đùi; ông vẫn cứ ngô'i yên như cũ. Rô'i xe ngài đế'n. Ngài lấ'y làm lạ hỏi. Ông thưa rằ'ng:

- Tôi đương mải nghĩ một việc nên không để ý đế'n.

Ngài càng lạ. Hỏi đế'n sự học thì kinh truyện thao lược, ứng đáp rấ't đầ'u ra đầ'y. Ngài sai lấ'y thuố'c rịt vào chỗ bị đâm, rô'i cho đi một chiế'c xe sau đưa về', tiế'n lên triề'u đình, cho coi quân Cá'm vệ. Vệ sĩ không phục, tầ'u xin cùng ông so đọ. Ông bă'ng lòng, nhưng trước khi so đọ, xin phép về' nghỉ nhà ba tháng. Về' nhà, ngày ngày ông ra cái gò lớn ngoài đò'ng, đứng cách một tầ'm mà nhảy lên. Nhảy mấ'i đế'n nổi cái gò phải trự't thấ'p xuố'ng mấ't một nửa. Hế't hạn nghỉ, ông lại trở lại Cá'm thành, cùng bọn vệ sĩ so đọ tài nghệ. Tay đầ'm chân đá, đi lại vùn vựt như bay, nghìn người không thể kháng cự nổi, ai nấ'y đề'u phải phục tài cả.

Bầ'y giờ, tù trưởng Ai Lao đem hơn một vạn con voi kéo sang cướp phá các trầ'n Hoan, Diễn; đi đế'n đầ'u thì quân bộ, quân kỵ của ta đề'u phải vỡ chạy. Triề'u đình sai ông đi đánh. Ông truyề'n cho những dân ngoài biên, làng nào cũng phải chặt những khúc gồ'c tre dài năm, sáu thước, để tích sẵn đầ'y. Khi gặp giặc, ông xua quân đứng

lùi lại, một mình đi chân không vào, vớ những khúc tre mà đánh vào chân voi. Voi đau, kêu rồ'ng lên rồ'ì chạy tán loạn. Quân Ai Lao đương đêm phải trồ' n.

Đức Hưng Đạo Vương hai phen đánh giặc Hồ` Nguyên, ông cũng có giúp sức được nhiê`u.

Ông trải làm đế' n Điện súy Thượng tướng quân, khi mấ' t được phong làm phúc thầ' n, dựng miê' u thờ dựng ở ngay chỗ nề' n nhà cũ.

Ông thường có thơ rắ' ng:

橫槩江山恰幾秋

Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,

三軍貔虎氣吞牛

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu.

男兒未了功名債

Nam nhi vị liễu công danh trái,

羞聽人閒說武侯

Tu thính nhân gian thuyê' t Vũ hầ' u.

Nghĩa là: “Cầ' m ngang ngọn giáo giữa non sông đã trải mấ' y thu, ba quân như hùm như sói có cái khí hùng muô' n nuô' t cả sao Ngưu. Làm người con giai mà không giả xong nợ công danh, sẽ phải hổ thẹn khi nghe người ta nói đế' n chuyện Gia Cát, Vũ hầ' u”. Cái khí khái của ông thừa sô' ng thê' nào, nay xem bài thơ cũng có thể tưởng tượng thấ' y được.

Gã này ông Phạm Quý Thích ở bên làng láng giềng, làm bài thơ đề miếu ông, có những câu:

三朝事業餘編在

Tam triều sự nghiệp dư biên tại,

萬古江山一槩橫

Vạn cổ giang sơn nhứt sóc hoành.

Nghĩa là: Sự nghiệp ba triều trong sử sách còn chép, non sông muôn thừa một ngọn giáo cầm ngang.

Lại có câu:

書生亦有吞牛志

Thư sinh diệc hữu thôn Ngưu chí,

惆悵遺吟和不成

Trù trướng di ngâm họa bất thành.

Nghĩa là: Kẻ thư sinh này cũng có chí nuốt sao Ngưu, nhưng buồn thay bài thơ của ông muốn họa mà không thành được. Đó là những nhời làm ra vì mớ sợ cảm vậy.

THI HỘI

Tùng Niên

Từ hòi Trung hưng trở về sau, mỗi khi gặp khoa thi hội nào, ngày vào trường (kỳ) thứ nhất, sáng sớm từ đầu tro'ng canh năm, trong ngoài đã phải chỉnh túc⁽⁸⁶⁾ đầu đầ'y. Tờ mờ sáng, hoàng thượng ngự ra với sự tiề'n hô hậu ủng đế'n điện Giảng Sách, hoặc gọi là điện Thi. Soái phủ (chúa Trịnh) đế'n trước ngự tọa làm lễ tham yế't. Hoàng thượng đứng dậy, truye'n miễn lạy và cho ngồ'i. Trăm quan đội mũ phớ'c đầ'u, mặc áo bổ' phục, đi hia, đóng đai chử'ng chạc, chầ'u hầ'u chung quanh. Thị thầ'n soạn đầ'u bài thi, tiề'n trình, rô'i quan Khâm sai chịu mệnh mà đi ra cửa, ngồ'i kiệu che lọng vào trướ'ng, ra đầ'u bài thi. Gầ'n trưa thì ngự giá về cung. Đế'n trường thứ hai, trường thứ ba, trường thứ tư, thì Sứ'y phủ đi thay. Các quan chỉ phải chít khăn, mặc áo rộng xanh, đi giày buộc dải, làm lễ, bớ'n lạy dâng đầ'u đề', rô'i quan Khâm sai chịu mệnh đi ra như trường thứ nhất. Trải qua các triề'u, vua chúa đề'u coi làm thường lệ.

Đế'n khoa thi Hội năm Ấ't Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng, Thành Tổ Thịnh Vương (Trịnh Sâm) đế'n điện Giảng Sách, truye'n chỉ cho trăm quan mũ áo triề'u yế't phải như khi Hoàng thượng ngự ra xem thi. Quan Thượng thư Nguyễn Bá Lân chỉ mặc đồ' thường phục, làm lễ bớ'n lạy, khải lên nói: “Các đầ'ng liệt thánh tiên vương, xưa nay vẫn giữ đạo tôn phù nhà vua, truye'n dõi trải hơn hai trăm năm; nay một sớm đổi thay, sợ làm kinh hãi cho sự xem nghe của mọi người.

Nguyễn Hoãn là Sư phó đại thầ'n, không biế't uớ'n nắ'n cho chúa đi vào đường chính, lại còn xin chém đầ'u ông Nguyễn Bá Lân

để tạ thiên hạ. Chúa không vui lòng, bèn hô ỉ loạn.

Tô ỉ hôm ấy, một người học trò ở trong trường ra, ngủ gà nă ỉm phục ở bên ngoài điện; đêm nghe thấ ỉ trong điện có tiể ỉng người nói:

- Ba giườ ỉg⁽⁸⁷⁾ đã đứt, nhà Lê còn bê ỉn được sao!

Bườ ỉng dậy tìm xem. Trong điện vắ ỉng về, chẳng có một ai cả, bèn ra về ỉ. Sau khi vạc đỏi, người ấy mới kể câu chuyện này với nhữ ỉng người quen thuộc.

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

Tùng Niên

Đất làng Đa Ngu, huyện Văn Giang trấn Kinh Bắc, nhà phong thủy vẫn bảo là kiểu đất đẹp, hình trâu nằ m. Trong tập *Địa kế m* của Cao Biền có câu: “Thầy đây thì dừng, gặp cỏ thì ngừng”, chính là trở vào đó vậy.

Trong năm Cảnh Hưng đời Lê, có một họ to kia, nhờ thầy tìm đất tốt để táng, đào phải cái huyết trong quan ngoài quách, sơn son đỏ chói, trên khắc bốn chữ “Đào Khản chi mẫu”, nghĩa là mẹ của Đào Khản⁽⁸⁸⁾. Việc đến tai Sứ phủ. Sứ phủ sai quan đến xét rồi lại lấp nguyên giả như cũ.

Xét mả mẹ Đào Khản, đời truyề n khi ông có tang, có người khách đến viế ng, trở chỗ đất trâu nằ m bảo là nên táng. Việc ấy có chép ở trong sử ký nhà Tầ n, rành rành đủ làm chứng cứ. Chưa từng nghe thầy nói là chôn ở cái gò đất hình con trâu nằ m. Và lại, mả mẹ mà lại ghi mượn tên con, cũng là việc chưa từng thầy. Hễ cứ chép vào đây để đợi người biế t.

Năm gầ n đây, con sông Ứng Mộ ở huyện Vĩnh Lai, nước chảy xói sâu vào một cái gò lớn làm bật ra một cổ quan tài sơn son thếp vàng, trên có dòng chữ: “Phục Ba tướng quân chi thiế p” nghĩa là vợ lẽ quan Phục Ba tướng quân. Lại ở một làng thuộc xứ Sơn Nam cũng vậy. Nhân phụ chép vào đây.

CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

Thành Thăng Long đã p từ đời vua Lý Thái Tổ. Hồ i ấy nhà vua xuống lệnh rất là nghiêm khắc, những học trò ở trường Quốc học cũng đều phải ra cuộc đấu sệt cả. Phạm sinh tên là Khởi Trương, người yếu ớt, không kham nổi việc nặng nhọc, ngã lăn ra ở bên cạnh cửa Đông Hoa, bị phu tráng đã p chôn lên. Sau mấy tháng, người vợ mới ở nhà quê lên, ngoảnh vào tường thành mà gào khóc ba ngày không dứt. Bỗng nhiên thành đổ, Phạm sinh lộ ra, mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sống, ai trông thấy cũng phải kinh dị. Việc đến tai triều đình, sai dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, đến nay hãy còn. Gã này người ta bảo là miếu Cửa Đông ở thành Lạng, đó là ngoa truyền⁽⁸⁹⁾.

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

Tùng Niên

Tháng Quý hạ⁽⁹⁰⁾ năm Mậu Ngọ (1798), vợ chồng anh Mỗ, người làng Kim Ngưu, huyện Văn Giang, cùng nhau gánh rơm cỏ nát ra đồng để phủ khoai. Buổi trưa, bỗng thấy một người đàn ông to lớn, cao hơn một trượng, mặt đỏ như gấc ở trong một ngôi chùa giữa đồng, đi ra, lôi người đàn bà vào. Mỗ vừa chạy vừa kêu, về đến cổng làng thì người làng kéo ra rấ t đông, cùng Mỗ đến cái chùa ấy. Mọi người vào chùa, thấy người đàn bà đang đứng dựa cột ở gian bên hữu phía trước Phật điện, mê mết như say; còn pho tượng Già Lam thì sắc mặt thốt nhiên biến đổi, trên tay hữu còn phủ một cái khăn vuông của người đàn bà. Ai nấy kinh dị, bèn đập đổ pho tượng mà phá hủy đi.

BIA NÚI THÀNH NAM

Kính Phủ

Thành Nam ở Tương Dương thuộc phủ Trà Lân trấn Nghệ An, xây đắp về đời nhà Trần. Vì thành ở phía nam sông lớn, nên gọi là Thành Nam. Cách thành một quãng, có cái núi gọi là núi Thành Nam. Vua Minh Tông nhà Trần đi thân chinh Ai Lao, xa giá về đến Kiềm Châu, sai từ thần là ông Nguyễn Trung Ngạn đo đạc ghi công. Chính là chỗ ấy.

Trong năm Cảnh Hưng đời Lê, Mường Thai kết liên với Lèo Lung đánh phá Ai Lao, bức bách đến Trấn Ninh. Quan Đô đốc đông Bùi Huy Bích phụng mệnh đi kinh lý việc biên, dừng xe ở Tương Dương, thường trèo lên núi xem bia. Chữ bia khắc to bằng bàn tay, sâu đến một tấc. Ông Bùi lấy mực đặc quét vào để in. Nay chép bài văn bia ấy như sau:

“Vị vua thứ sáu triều Trần nước Việt là Chương Nghiêu Văn Triết Thái thượng hoàng đế, ơn giời quyến cố, gồm có cả đất trung hạ, trong bể ngoài bể, chẳng đâu là chẳng thần phục. Vậy mà Ai Lao là một xứ nhỏ mọn, còn dám trái với đức hóa nhà vua. Năm Ất Hợi (1335), vua thân đem hai đạo quân, đi tuần ở bờ cõi phía tây. Thế tử nước Chiêm Thành, bày tội nước Chân Lạp, nước Tiêm La, tù trưởng dân Mán là Sái-cầm-xa-lặc, tù trưởng Lâm Bôn mới quy phụ là Xa-man, đâu đâu đều dâng đồ phương vật, tranh nhau đến xin vào bái kiến. Duy có nghịch Bồng giữ lỗi, sợ tội, chưa chịu đến chầu. Tháng Quý đông⁽⁹¹⁾, vua đến đóng ở bãi Cự Đồn tại Mật Châu, sai các tướng và quân man di kéo vào nước nó, nghịch Bồng phải trông chiều gió mà chạy trốn. Bèn xuống chiếu hô i

quân. Niên hiệu Khai Hựu năm thứ 7, Ấ t Hợi mùa đông, ngày tháng 12 nhuận, khắc đá”.

CỤ THÁI TẾ TÔI

Kính Phủ

Cụ tổ tám đời nhà tôi là quan Thái tử Trung Thuần, húy Thực, người làng Vân Diêm, huyện Đông Ngạn. Đời ông của người, húy là Bôn, tặng phong Thái bảo, Duyệt Phúc hầu. Thuở trẻ, trong làng có viên nội thân Mỗ mời thầy địa lý đến xem đất, điểm một cái huyết. Hầu đi chăn trâu trông thầy, bụng ghi nhớ lấy. Sau Mỗ táng ở chỗ khác, Hầu rước tiên phần đến táng ở huyết này. Ông Thái tử thuở nhỏ chăm chỉ học hành. Bây giờ quan Thượng thư Đàm Cư ở làng Ông Mặc cùng huyện là người được hưởng phong ấp ở Vân Diêm, thường xem ngôi đất ấy, biết rõ ông sẽ làm nên, bảo người lý trưởng nên miễn những tạp dịch cho ông để ông được chuyên vào việc học. Không bao lâu, ông đi du học về, cùng người trong làng làm việc cho ông Đàm. Ông Đàm trông thấy, hỏi tuổi rõ ràng ra câu đố rằng:

十八力能擡土

Thập bát lực năng đài thổ

Nghĩa là: Mười tám tuổi có sức khuôn vác được đất.

Ông liên đố:

九五龍飛在天

Cửu ngũ long phi tại thiên

Nghĩa là: Hào cửu ngũ tượng rồng bay trên trời.⁽⁹²⁾

Ông Đàm khen ngợi:

- Gã này, mai sau ta sẽ không thể theo kịp được.

Ông Đàm bèn vào nhà trong bàn việc hôn nhân, rồi đem người cháu gái (cháu gọi bằng ông) gả làm vợ ông. Bà ấy sau được phong là Quận phu nhân; ông tổ bảy đời tôi là quan Thái phó Cung Ý, húy Nghi, chính là do bà sinh ra vậy.

Khoa Ất Mùi niên hiệu Quang Hưng thứ 18 (1595) đời vua Thế Tông nhà Lê, là khoa thi thứ nhất của đời Trung hưng, ông thi đỗ Đình nguyên đệ nhị giáp tiến sĩ. Làm quan đến Tán trị Dục vận công thần, Hộ bộ Thượng thư, Thái phó, Lan quận công, về trí sĩ. Khi mất, được tặng Thái tử và ban tên thụy là Trung Thuần. Con là ông Cung Ý đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) niên hiệu Hoằng Định, làm quan đến Thiệu phó Dương quận công, khi mất tặng Thái phó, ban tên thụy là Cung Ý.

Thuở còn hàn vi, ông (Thái tử) cùng ông Trúng thức⁽⁹³⁾ ở làng Ông Mặc, là Đàm Nhi, đến năm cậu mòng ở đền Chân Võ, huyện Yên Phong. Ông năm chẳng thấy gì, duy ông Đàm thấy bài thơ rằng:

言覃玉耳夢詳明

Ngôn đàm ngọc nhĩ mộng tường minh,

第一開科第一名

Đệ nhất khai khoa đệ nhất danh.

父貴子貴孫又貴

Phụ quý, tử quý, tôn hựu quý,

子孫世世出公卿

Tử tôn thế thế xuất công khanh.

(Bài thơ này ở câu thứ nhấ t hai chữ “言覃 *ngôn đàm*” chấ p lại thành chữ 譚 *đàm*, là họ Đàm, hai chữ “玉耳 *ngọc nhĩ*” chấ p lại thành chữ 珥 *nhị*, là tên của ông Nhị. Nghĩa là Đàm Nhị chiêm bao tỏ tường, tên đồ thứ nhấ t, ở khoa thứ nhấ t, cha sang, con sang cháu lại sang, con cháu đời đời làm nên công khanh.)

Về sau chính ông (Thái tử) thi đỗ làm quan, con cháu quý hiển, lại đúng như bài thơ ấ y.

Đời truyề n rằ ng ông học ông Thượng thư ở làng Kiệt Đặc (Chí Linh) là Nguyễn Công Phong. Sau khi nhà Mạc mấ t, ông Kiệt Đặc⁽⁹⁴⁾ ở ẩn không ra. Vì ông tiế n cử, ông Kiệt Đặc được triệu dùng, trong năm Hoằ ng Định, làm quan đế n Hình bộ Thượng thư, Mỹ Khê hầ u. Bắ y giờ ông làm chức Lễ bộ Thượng thư, vị ở đầ u ban, cố t từ không nhận. Chúa Trịnh hỏi cớ, ông nói vì có ông Kiệt Đặc là thầ y. Chúa khen rồ i nhắ c ông Kiệt Đặc lên đứng đầ u ban. Chuyện này thầ y ở sách *Công dư tiếp ký*⁽⁹⁵⁾ phụ chép vào đây để tiện tham khảo.

SÔNG ĐỘC

Kính Phủ

Sông Độc ở xứ Sơn Nam, nguồn từ sông Hát chảy ra. Sông Hát là chi lưu của sông Phú Lương (sông Nhị), chảy đến làng Đốc Tín, ở huyện Kim Bảng hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông, trên có cái miếu thờ thần sông, vốn linh thiêng lắm. Những thuyền buôn qua lại, tất phải sửa đồ lên lễ, nếu không thì buồm, cột, chèo, lái, chẳng cái gì còn. Giữa sông có cái cột không biết dựng từ bao giờ. Tục truyền người ta có chuyện thần bô i, thường đến ôm cái cột ấy, ai cong queo sẽ bị lôi tuột xuống nước. Khoảng năm Cảnh Hưng, chúa Trịnh ngự giá đi tuần du phương Nam. Thuyền qua chỗ ấy, dưới sông bỗng nổi lên một cái bãi. Nước cạn, thuyền không đi được. Chúa sai khơi đào thì đào đến đâu lại đầy đến đấy. Sai người lên lễ, khấn thần đến, hứa sẽ thăng trật. Thì chỉ chốc lát, trong nước bỗng có hai con rắn xuất hiện, dài hơn một thước và to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Rắn bò đến đâu, cát tan ra đến đấy, nước sông lại đầy lên như cũ. Chúa thấy sự linh thiêng, tiến phong cho thần đến làm bậc thượng đẳng.

Một người lính thị hậu là Mỗ trung thuê ở cái làng gần đấy, thường ra sông tắm rồi ngồi ở bên hóng mát, lấy cái sáo ngấn ra thổi, tiếng véo von rất hay. Chợt thấy một con rắn nhỏ bò đến bên cạnh, ngang nhiên cất đầu lên, mắt đỏ như mặt giời. Mỗ bèn nói:

- Mày muốn nghe ta thổi sáo chẳng? Thế thì theo ta về nhà.

Con rắ n liề n bò lên nón Mỗ mà nằ m. Mỗ đem về` đê` n đình. Trong đình, mọi người đương uô` ng rượu, mời Mỗ vào thiế` t đấi. Chiề` u tô` i ra về`, dọc đường, đánh rơi cái nón. Con rắ n nằ m lắ n ra đấ` t, không dậy. Mỗ giận nói:

- À, mày lại dối với tao à?

Liề n lắ y gót chân nện chề` t.

Chưa bao lâu, vị hầ` u tước quản lĩnh thị hậu ở kinh đô bị ô` m, thuô` c thang chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầ` y phù thủy đê` n lập đàn thỉnh tướng. Tướng bô` c đô` ng lên nói rắ` ng:

- Hầ` u ô` m không có gì khác, chỉ tại tên Mỗ nó giề` t con thầ` n sông mà nên. Kíp bảo nó đê` n đê` n chịu tội. Nế` u không mà thầ` n giận quá, thì bệnh sẽ không thể khỏi được.

Gọi Mỗ đê` n hỏi. Mỗ kể rõ đầ` u đuôi và nói:

- Tôi làm trái thì tôi chịu lỗi, không dám đê` lụy đê` n ngài.

Hầ` u bèn sắ m lễ vật cho Mỗ đi lễ. Mỗ ngầ` m lắ y vài quầ` n chặt từ rô` n xuô` ng đê` n gồ` i, cài khắ` p những con dao nhọn vào, lại giầ` u riêng một con dao sắ c để dùng. Đê` n nơi, xuô` ng ôm cái cột. Một lúc trụt xuô` ng nước, nhưng chỉ ngập từ bụng trở xuô` ng. Ưóc một trố` ng canh lại ngoi lên, vầy thuyề` n. Người mà Mỗ đón coi, thắ y tay Mỗ đầ` m đầi những máu. Mọi người đứng xem, đê` u sợ toát cả mồ` hôi. Một lúc, Mỗ lại ôm cột, nhưng hồ` i lâu không bị trụt xuô` ng, bèn lên bờ về`. Sáng hôm sau, trên sông vô số` những thuồ` ng luồ` ng, ba ba, chề` t nổi, nước sông đỏ ngầ` u. Rồ` i viên quan quản kia cũng được vô sự.

MẢ TỔ QUẬN BẰNG

Kính Phủ

Quận Bằ ng Nguyễn Hữu Chính, người làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, đời trước vô ́n hào phú nhâ ́t trong một vùng. Thân phụ thích về ́ phong thủy, nghe nói ông Giám sinh họ Đỗ ở huyện Thanh Chương theo chân nhân Phạm Viên đi chơi, học được những bí quyết về ́ địa lý, bèn mời đê ́n xin tìm đấ ́t táng mả hộ. Giám sinh nhận nhời, bèn cắ m cho một cái huyệt ở núi Côn Bằ ng. Rồ i đó, người vợ có thai. Khi sinh, Đỗ giám sinh đê ́n cửa nghe thấ y tiê ́ng khóc, giắt mình mà nói:

- Đó là một kẻ gian hùng ở đời loạn, làm hại thiên hạ chính là ta rồ i.

Đứa trẻ â ́y nhón lên, chính là quận Bằ ng. Khoảng năm Chiêu Thố ́ng, quận Bằ ng làm đê ́n Đại tư đồ ́ Bình chương Quân quố c trọng sự. Một thầ y tướng xem thấ y, trở ra nói rằ ng:

- Đó là sao Thiên Cầu giáng xuô ́ng, ngôi đê ́n vương công, tai vạ tâ ́t không thể tránh khỏi.

Chưa bao lâu quận Bằ ng mắ c nạn, đúng như lời nói â ́y.

MIẾU THANH CẨM

Tùng Niên

Miếu Thanh Cẩm ở phường Đông Các, huyện Thọ Xương, thờ vị liệt sĩ nhà Mạc, là ông Mỗ. Ông họ tên không thể tra xét ra được, đỗ tiến sĩ nhà Mạc, làm quan đến đài sảnh. Bấy giờ Thành Tổ Triết Tông đem nghĩa quân xuống đông. Vua Mạc phải bỏ kinh thành chạy trốn sang bắc. Vương đem quân đuổi theo. Việc đã nguy cấp, ông đai vàng áo gấm, do hô Thái Cực đi ra phố Đông Các, cản cương ngựa của vương. Vương rung chuông đứng dừng lại, họp các tướng bàn rồi đem ra chém. Đoạn lại nổi hiệu tiến quân, nhưng vua Mạc đã qua sông rồi. Nghĩa quân rút về, họ Mạc lại chiếm giữ Long Biên, bèn dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, chắn ngang đường đi, hương lửa không dứt. Đời Hy Tổ Nhân Vương thường đã có lần sai phá miếu. Dưới miếu có mả, khơi đào rồi dùng một cơ lính kéo lên mà không nhúc nhích. Vì thế mà miếu không bị phá hủy nữa.

DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM.

Tùng Niên

Phạm chân nhân tên là Viên, người làng An Bài, huyện Đông Thành. Đầu đuôi việc ông gặp tiên, đã tường trong tập tiểu truyện ông Ngô Phúc Lâm viết ra, đây không cần phải rậm nhồi⁽⁹⁶⁾ nữa. Đời truyền khi chân nhân đắc đạo trở về, cha là Thượng thư đương làm quan ở kinh đô. Gặp ngày giỗ bà mẹ, chân nhân dẫn bốn tên gia đình khiêng một mâm cỗ đi biếu ông Thượng. Ra khỏi cổng làng độ một dặm, ông bảo bốn gia đình nhấm mẳt mà đi. Chốc lát, mở mẳt đã đến chợ Cầu Dền ở kinh đô rồi. Lúc trở về, cũng như vậy.

Một hôm, ông mặc đồ sô gai, chônng gậy vào nhà mà khóc âm lên. Các anh em đều trách là sao lại như vậy. Không bao lâu, ông Thượng thư mẳt. Chân nhân bảo các anh em rằng:

- Tôi là một đứa con hư của cha mẹ, đi bông lông lâu năm, nay xin nẳm rom gỏi đẳt chầu chực bên cữu để chuộc lỗi trước. Còn các việc lớn ma chay, xin để phân các anh em cả.

Mọi người bằng lòng. Khi sắp đưa ma, các anh em sắm sửa mọi thứ để làm nhà trạm, duy chân nhân vẫn lặng im chẳng làm gì cả. Đến trước một ngày, mới ra ngoài đông, xem ngắ m những chỗ làm lễ đình dư và thượng thực⁽⁹⁷⁾, một lúc trở về. Sáng hôm sau, đám đưa đến những chỗ ấy, đã thấy nhà cửa đô sộ sẵn sàng, đều là quán ngói của các làng chung quanh; lợn, rượu, cỗ bàn, chẳng thức gì không có. Tề xong, dọn ra thết đãi bạn bè, khách khứa. Đêm đến, các cái quán đó đâu lại về đẳy cả. Rồi ông hóa thành tiên, đi mẳt.

ÔNG ĐẶNG CHẤT

Tùng Niên

Ông Trọng nguyên làng Phù Đồng là Đặng Chất, khi chưa đỗ, một mình học tập ở trong một cái nhà. Một hôm dậy sớm, thấy người đàn bà bên láng giềng phơi hai cái yếm ở sân. Người ấy đi khỏi thì một người đàn bà khác cùng nhà rút mất. Tô i vè, hai mụ cãi nhau à mĩ, rô i sửa xôi gà đem nhau ra thê ở đề n Đồng Thiên vương. Ông tần mẩn lấ y bút ghi lấ y. Sau mấ y tháng, người đàn bà ăn trộm cũng vẫn như cũ, ông cười mà rắ ng:

- Quý thầ n mới linh thiêng làm sao!

Rô i thầ n đề n gõ cửa bảo:

- Ông trạng! Ông trạng! Sau này ông xử sự ở triê u đình, sẽ lấ y một mạng người đề đề n hai cái yếm phải không?

Ông sợ hãi rợn người, sáng ra đề n đề n tạ lỗi. Nhưng cũng nhân thê mà từ đó lòng mừng hí hửng.

ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ

Kính Phủ

Ông Nguyễn Tông Khuê người làng Phúc Khê, huyện Ngự Thiên (Hưng Nhân, Thái Bình), thuở nhỏ ngụ ở kinh đô, không thiếp học hành, hằng ngày chỉ theo bọn trẻ đùa nghịch. Cha giận đánh đập, ông đến ẩn ở chùa Diên Hưng hàng tuần, đói thì ăn trộm những oản quả cúng Phật để ăn. Người ta biết, mách với người cha. Cha đến bắt về, nhốt cũi nhốt rất nhọc nhằn. Ông xin từ nay chăm chỉ đi học, rồi đến học ở trường ông Thám hoa Vũ Thành. Ông Vũ là bậc tôn sư đời bấy giờ, những học trò làm nên nhiều lắm. Khi ông Nguyễn mới đến học, cũng không có gì là xuất sắc. Một lần, ông Vũ ra đề bài thơ “trông mái” để làm tập. Bài thơ ông làm có hai câu tam tứ rằng:

並立山頭玄石亂

Tịnh lập sơn đầu huyền thạch loạn,

雙飛漢表黑雲迷

Song phi hán biểu hắc vân mê.

Nghĩa là: Cùng đứng đầu non, đá xanh phải loạn, bay đôi trên giờ, mây đen phải mờ. Ông Vũ khen ngợi rằng:

- Gã này mai sau tất sẽ làm thơ hay nổi tiếng.

Năm 28 tuổi, ông thi đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) niên hiệu Bảo Thái. Bấy giờ ông Nguyễn Đức Đôn ở Vĩnh Kiêu vẫn tự căng tài học của mình, khi vào trường thứ tư ra, nói với người ta rằng:

- Khoa này đồ ấ ầ u, trừ ra có Nguyễn Tông Khuê, chứ những anh khác thì còn kém thua ta xa ấ m.

Lúc ra bảng, ông trúng thứ nhấ t mà ông Vịnh Kiê u trúng thứ hai. Vào đình đồ i, ông đồ Hoàng giáp. Hai ầ n phụng mệnh sang sứ Tàu, làm đồ n quan Hộ bộ Tả thị lang, tước hầ u. Tính ông ngay thẳng mà ghét sự tà khúc, không chịu kiêng tránh gì cả, nhân thế bị viên đại thầ n là Việp quận công (Hoàng Ngũ Phúc) không ưa, mượn chuyện tâu hặc, phải giáng xuố ng Hàn lâm thị độc và truấ t về làng. Thọ hơn 70 tuổi mới mấ t. Khi đi sứ Tàu có tập thơ *Sứ Hoa tùng vịnh* đồ n mấ y trăm bài, được người Tàu rấ t là khen ngợi. Đồ n nay trải hơn năm mươi năm, người trong nước vẫn đồ u truyề n tụng. Con là Tông Bảo làm Tri phủ Trà Lân, Tông Thực làm Hiê n phó Kinh Bắ c, cũng đồ u nổi tiế ng hay thơ.

QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG

Quận Lộc ở Hàm Giang là Đinh Văn Tả, hồi tuổi trẻ tên nh toàng, bừa bãi, thích chơi với những kẻ vô lại. Sức vóc khỏe mạnh, át hết cả mọi người. Trước làng có con sông to rộng chừng một dặm, thường xuồng bơi lội nô đùa luôn. Một hôm cùng bạn lứa uống rượu say nhè ở bên sông. Nghe bên kia sông có tiếng chiêng cúng tế trong một cái đình, bạn nói khích bảo đồ sang lấy trộm cái chiêng đem về được. Ông bảo: “Ừ, rồi sẽ lấy về cho coi”. Đêm hôm ấy, ông lội qua sông, sang lấy trộm chiêng, về đến giữa sông mới dấm vang lên. Người làng bên kia tỉnh dậy đuổi theo, nhưng đã không kịp.

Sau, ông vì mắc vào tội lỗi, phải giam ở ngục Đông Môn. Bảy giờ đương buổi dụng binh ở biên thù phía Nam, chúa Trịnh sai các tướng sĩ đặt bia ở trước lầu Ngũ Long thi nhau bắn súng. Ông cùng bọn ngục tốt đứng xem, cười mà rã ng:

- Bắn có thể mà không trúng, không biết triều đình dùng bọn họ làm gì!

Người bắn tức giận, đưa súng cho ông, bảo có giỏi, thử bắn xem nào. Ông lại lấy một cái súng lớn, cấ p vào bên má, bắn luôn mấy phát, phá vỡ ba bia. Người bắn ấy rất là kính phục. Bọn tướng sĩ lại kéo đến, bảo thử bắn lại cho xem. Ông bắn phát nào trúng phát ấy. Việc đến tai chúa, truyền tha tội cho, cho theo quân đi đánh phương Nam. Khi gặp quân địch, quan quân đóng giữ ở trên núi; quân địch tiến đánh, tướng sĩ đều lui chạy. Ông một mình phục trong rừng rậm, đợi quân địch đến, chĩa súng bắn ra. Quân địch sợ có mai phục phải rút lui. Quan quân quay lại đánh, bên địch phải thua vỡ lớn. Do thế mà ông nổi danh tiếng. Trái nhiều lần lập nên công lớn, ông được phong tước Quận công. Nhưng ông nộp giá

hết cáo sắc để xin xóa tên trong sổ tội nhân. Rồi sau đó lại lập chiến công, làm quan lên đến bậc cực phẩm. Năm 80 tuổi, ốm nặng, chúa thân đến thăm, và hỏi có muốn nói điều gì. Ông nói nếu được ngay lúc chưa chết này, chúa phong cho làm phúc thần thì nhắm mắt đi, sẽ không còn điều gì băn khoăn nữa. Chúa ưng cho, sai tuyên sắc ngay ở trước giường. Chưa bao lâu, khỏi ốm, lại sống mấy năm nữa mới mất. Con cháu về sau, nhiều người trở nên bậc dũng tướng, có tiếng đánh giặc tài.

Bây giờ Quốc lão Đặng Đình Tướng, con cháu đều quý hiển, áo xanh áo tía đầy triều. Người ta đặt ra câu ví: “Họ Đình đánh giặc, họ Đặng làm quan”, lời đó đúng với sự thực.

Cháu xa của ông là Nhạ Hành, thích thư sử, nhún nhường, nhã nhặn, có phong độ của kẻ nho sĩ. Cuối đời Chiêu Thống, làm đến Điện Khấu đại tướng quân, tước Hàm quận công. Năm Kỷ Dậu (1789), đem cả gia quyến theo vua chạy sang Trung Hoa. Khi bà mẹ mất, ông có làm câu đố:

日沉西領水東流，古今常態

Nhật trầm tây lĩnh, thủy đông lưu, cổ kim thường thái,

母夢南柯君北渡，家國俱憂

Mẫu mộng nam kha, quân bắc độ, gia quốc câu ưu.

Nghĩa là: Mặt trời chìm xuống núi tây, nước chảy về đằng đông, xưa nay vẫn thế; mẹ vào giấc mộng cảnh nam, vua chạy sang đất bắc, nhà nước đều buồn.

Ai nghe cũng phải thương cảm.

TẢ AO TIÊN SINH.

Thầy địa lý Tả Ao là ông Mỗ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Thuở nhỏ, mồ côi cha, nhà nghèo, mẹ mất sớm, ông theo một người khách buôn ở phố Phù Thạch⁽⁹⁸⁾ về Tàu, học nghề chữa mắt. Thầy thuốc Tàu khen người có hiểu, hết lòng dạy cho. Khi nghề đã thành, sắp sửa về nước, chợt có thầy địa lý chính tông, đau mắt đã lâu không khỏi, đến mời thầy thuốc này chữa cho. Thầy già yếu, không đi được, sai ông đi thay. Thầy địa lý khỏi mắt, trông mặt mũi ông rồi nói:

- Anh này có thể dạy được đây.

Bèn đem hết cái học của mình ra truyền cho. Hơn một năm, thầy muốn thử ông xem ra thế nào, bèn lấy cát đắp các hình sơn thủy, vùi một trăm đồng tiền ở dưới, đưa cho ông một trăm cái đinh để điểm huyết. Ông điểm xong, gạt cát ra xem thì trúng chín mươi chín huyết, sai có một huyết mà thôi. Thầy địa lý nói:

- Khá lắm!

Bèn cho ông về. Lúc chia tay, thầy dặn:

- Đi qua núi Hồng Lĩnh, chớ có ngẩng nhìn.

Ông vâng lời, ra về. Đến nhà thì mẹ hãy còn mạnh. Đem phương thuốc học được ra chữa, mẹ khỏi mắt. Nhân có việc đi qua núi Hồng Lĩnh, nhớ lời thầy dặn, không hiểu duyên có thế nào. Thử trèo lên núi trông xem, ngấm được một cái huyết rất quý, cười mà rằng:

- À, ra thầy dặn ta không được ngẩng lên nhìn là vì thế!

Bèn về đem tiên phả lên chôn. Không bao lâu, ông sinh ra được một con trai. Bấy giờ người Minh trông thiên văn nói:

- Các ngôi sao đều chầu cả về phương nam, nước An Nam được đất rộng!

Nhà vua xuống chiếu cho các nhà phong thủy, ai đã cấm đất cho người An Nam hay dạy phong thủy cho người An Nam thì phải dùng kế phá đi. Nếu không, sẽ phải tội tru di tam tộc. Chiếu ban xuống, thầy địa lý đoán hẳn lại chỉ có ông chứ không còn ai, liền sai con sang dò thám. Sang đến nơi, con thầy địa lý hỏi ông rằng:

- Từ khi về nước đến nay, bác đã táng được ngôi tiên phả nào chưa?

Ông đem tình thực kể. Người khách ấy bèn ngầm đào trộm ngôi mộ và lừa đem con trai ông về Tàu.

Chưa bao lâu bà mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải đảo. Ngày giờ đã định, không may sóng gió cản trở, không ra chôn được, thành ra lỗi kỳ. Ông than rằng:

- Đó là cái huyệt miệng rồng, năm trăm năm mới mở một lần, mà chỉ mở trong một khắc. Nay đã lỡ rồi, còn gì nữa. Thật là số mệnh của ta!

Từ đấy, ông không tưởng gì đến gia nghiệp, thường đi chu du bốn phương đặt mả cho người. Khi mất, chỉ có hai người con gái.

Trước kia, khi còn ở nhà, ông đã gả sẵn huyệt cho mình, nói là kiểu con chó đuổi đàn dê, táng chỉ ba ngày sẽ thành địa tiên. Tuổi già, ông ở kinh đô về, người đã yếu sẵn. Ông có đem theo một người học trò cùng về, dặn công việc sau này. Nửa đường, người học trò lại chết. Ông về đến nhà thì ốm nặng, bảo người nhà khiêng đến

huyệt ấy. Nhưng đường xa liệu chừng không đến nơi được, ông bèn chỉ một cái gò bên cạnh đường nói:

- Đó là một ngôi đất huyết thực⁽⁹⁹⁾. Bất đắc dĩ thì chôn đó cũng được.

Ông xuông cáng, chỉ hướng cho người nhà đào, chôn lấp mình. Sau, quả nhiên làm phúc thân.

Chao ôi! Phương thuật của ông kẻ cũng rất lạ, vậy mà họ tên không truyền lại! Tiếc thay! (Có thuyết bảo ông họ Hoàng, tên Chi)⁽¹⁰⁰⁾.

THÀNH CŨ TRIỀU KHẨU

Thành cũ Triều Khẩu ở làng Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên (Nghệ An), người Minh đắp trong năm Vĩnh Lạc. Đức Thái Tổ tiên triều từ thôn Đỗ Gia qua sông vây đánh, chính là chỗ đó. Phía tây bắc thành có núi bao bọc, còn phía đông nam thì xây gạch. Lâu năm thành đổ, gai rậm ngút mắt. Đàng cửa nam là trường nuôi ngựa. Trên núi có hòn đá cấm cò, hãy còn. Lưng chừng núi có miếu Tuyên Nghĩa, họ tên vị thần thờ đền ấy không rõ. Trong thành có một cái ao, tương truyền là di tích người Trung Hoa để rửa trâu bò xuống đầm bùn, đi lên, thường có những đồng tiền bám vào lông.

Khoảng năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích làm Đô đốc đồng Nghệ An, những lúc việc quan nhàn rỗi, thường lên chơi đây, có bài thơ vịnh, bốn câu giữa như sau:

鬼廟岩腰名不攸

Quỷ miếu nham yêu danh bất khảo⁽¹⁰¹⁾,

旗竿石上跡猶存

Kỳ can thạch thượng tích do tồn.

野牛戲浴埋錢窟

Dã ngưu hý dục mai tiền quật,

官馬閒遊砌壁門

Quan mã nhàn du xê bích môn.

Nghĩa là: Đê`n ma lưng núi không xét được tên họ, đô`ng đá cắ`m cò dấ`u vế`t hẫ`y còn. Trâu đô`ng đùa tắ`m ở vũng chôn tiê`n, ngựa quan chơi nhón ở công gạch xây.

Các câu khác không câ`n chép đủ ra đây, vì đã có trong *Nghệ An tập* của ông Bùi.

ÔNG VŨ DUỆ

Tùng Niên

Ông Trọng nguyên Vũ Duệ người làng Trình Xá, huyện Sơn Vi, vốn con nhà làm ruộng. Thuở nhỏ, cha mẹ ra đồng, ông cùng lũ trẻ lầy đất nặn một con voi con, gấn bướm vào làm tai, ghim đĩa vào làm vòi, bắt bốn con cua đội bốn chân cho nó đi. Có người khách đòi nợ đến cổng, hỏi cha đi đâu, ông nói:

- Cha tôi đi giết người.

Hỏi mẹ đi đâu, ông nói:

- Mẹ tôi đi làm số ng người.

Khách lầy làm lạ hỏi; ông đòi có thưởng mới nói.

Khách bảo:

- Mày không giàu ta, ta sẽ xóa nợ cho nhà mày.

Ông đưa nắm đất nát, bắt phải in tay vào làm tin. Khách cũng gượng in. Ông mới cười mà nói:

- Cha tôi đi nhổ mạ, còn mẹ tôi đi cấy lúa.

Khách rất khen ngợi ông có khiêu tinh quái. Sau khách lại đến đòi nợ, ông giơ nắm đất ra làm tin. Khách không nói sao được nữa, khuyên người cha nên cho ông đi học, và xin lầy món tiền nợ ấy để đỡ dẫu dền.

Niên hiệu Hồ`ng Đức năm thứ 21 (1490) ông đỗ đầ`u thiên hạ, làm quan đế`n Ngự sử đài Đô ngự sử.

Gặp khi trong nước có nhiê`u biê`n cô`, ông theo vua Chiêu Tông chạy vào Thanh Hóa. Quyê`n thầ`n Mạc Đăng Dung đem quân đón về, ông mắ`ng chửi tàn nhẫn, rô`i mang cả quả á`n ngự sử gieo mình xuô`ng cửa bể Thầ`n Phù, tự tử.

Khi tiên triê`u trung hưng, á`n Ngự sử đức mãi không thành, bèn sai phòng chài lặn xuô`ng cửa bê` á`y mò tìm. Người lặn xuô`ng thắ`y ông vẫn đội mũ mặc áo như sô`ng. Tính từ khi ông mắ`t, đã hơn sáu mươi năm. Bắ`y giờ mới đưa về` huyện Sơn Vi táng.

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI (102)

Quan Thượng Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh Mỗ, người cùng làng. Nhà vốn nghèo, nhân có sức khỏe, thường phải đi gánh thuê lấy tiền mua sắm đồ dùng, giấy bút. Một hôm gánh thuê về, giờ nóng bức, ông lội xuống tắm ở cái ao trước cửa nhà thầy học.

Trong lúc đang bơi lội, quần áo trên bờ bị đưa vô lại nào lấy mất, ông phải ngâm mình dưới nước mãi không dám ngoi lên. Bên kia ao là nhà một ông giám sinh; có cô con gái ra ao định giặt, nhưng thấy ông đang tắm đành phải quay vào. Một lúc nữa, trở ra lại thấy như vậy. Rồi một lúc nữa, cô kia ra, loay quanh ở bờ ao, bỏ lại trên bờ mấy chục thước vải. Ông cảm lòng cô gái, lấy trộm vải đóng gói rồi đi về nhà. Sau khi thi đỗ, ông đến nói với ông giám sinh, hỏi cô gái ấy làm vợ thứ. Ông giám sinh nói:

- Con gái tôi vô duyên. Hôm qua, tôi đã trót nhận lời gả cho một người học trò của tôi, cũng là bạn đồng khoa của ông đây. Xin ông đừng lấy làm lạ sao tôi lại từ chối.

Ông đồng khoa kia đến, hai bên tranh biện mãi, không giải quyết xong. Ông nói:

- Tôi vốn đã có vợ từ lâu, không phải dám tham sắc đẹp để mua cười với bạn. Chỉ vì hồ i trẻ, hàn vi, từng được đội ơn người khuê các để mắt xanh đến, nên đã dốt lòng mê n yêu từ đây. Giờ đây t quý thân hẳn đều soi xét, lòng này có dám man muội đâu.

Nhân kể rõ câu chuyện ngày xưa. Ông giám sinh vào trong nhà, hỏi chuyện con gái thì con nói cũng đúng như vậy. Bèn gả cho ông

Giai. Đó là bà phu nhân thứ ba, ông yêu quý bà như bà cả vậy.

MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SƯ

Tùng Niên

Ngõ Hàng Nghiên ở thành Thăng Long, có miếu Thuần Dương tổ sư, không biết lập từ bao giờ. Chân nhân Phạm Viên thường gặp ông Thuần Dương ở đây.

Họ Trương ở làng Như Kinh đời trước vốn nghèo lắm, mở cửa hàng bán nước ở cạnh đường, sớm chiều chỉ kiếm được đủ sống. Một hôm, thấy vị đạo nhân, râu ria tốt đẹp, đi qua đi lại rồi vào nghỉ. Trước rước mời rất cung kính. Đạo nhân cảm lòng tốt, bèn đặt cho một ngôi âm phàn. Việc xong, hỏi tên họ thì đạo nhân nói:

- Ta họ Lã, nhà ở đầu ngõ Hàng Nghiên.

Trương ghi nhớ lấy. Sau cử người đến tạ lễ, hỏi thăm khắp cả, chẳng có ai họ Lã, chỉ có tòa miếu Thuần Dương. Từ cuộc binh hỏa năm Bính Ngọ (1786) trở về sau, các bậc già cả qua đời, những người cúng vái nhận làm là miếu thờ bà chúa Liễu Hạnh, hoa vàng hài vóc bày đầy trước án. Những cái làm lẫn như thế thật rất đáng phàn nàn.

NGƯỜI KHỔNG LỒ

Tùng Niên

Các động, các trại ở Tuyên Quang, phần nhiều ở xen vào tận hang núi, dân bản thổ thường làm nhà sàn để tránh thú dữ. Hồ i quan Đô c đô ng Nguyễn Đình Thạc ở trấ n, có một người khổng lồ vào nhà trong xóm bắt người mà ăn. Nhà có mười người, ăn mấ t chín. Một người chạy trốn được lên báo quan; quan cho xe súng lớn đến bắn bừa vào. Người ấy ngồ i chấ t trên nhà sàn, chân thõng xuống tận đấ t. Lôi ra thì thấ y thân thể trấ n truồ ng, dài ước hơn hai trượng, tóc ngắ n đế n vai. Ông lấ y làm lạ, về thuật chuyện với quan Bình chương Phan Trọng Phiên. Ông Phan nói:

- Đó là giồ ng người ở biên cảnh tây nam. Năm Giáp Ngọ (1774), tôi đi đánh phương nam, có thấ y trong kho vũ khố của họ Nguyễn một bộ da người, cũng suýt soát như thế , chứa đầ y trầ u. Hỏi người coi giữ, họ nói bắt được trong rừng. Chính người này thuộc về giồ ng ấy.

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Kính Phủ

Quan Thượng Phạm Đình Trọng người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn (Hải Dương) gồm cả tài văn võ. Thuở nhỏ đi học, ông làm bài phú *Bắc môn tỏa thước* có những câu thơ này:

嗚呼華夷望重

Ô hô! Hoa di vọng trọng,

社稷功高

Xã tắc công cao.

枚數宋朝巨俊

Mai số Tô ng triêu cự tuấn,

幾如寇老時髦

Kỷ như Khâu lão thời mao.

何故不在中書，調鼎任商衡之重

Hà cô bát tại trung thư, điêu đỉnh nhiệm Thương hành chi trọng.

却乃遠臨沙塞，折衝當漢閫之勞

Khước nãi viễn lâm sa tái, chiết xung đương Hán khố chi lao.

畢竟見忌于人

Tâ't cánh kiê'n kị vu nhân,

難平者事

Nan bình giả sự.

要盟恥甚於眞宗

Yêu minh sỉ thậm ư Chân Tông,

沮約仇深於王子

Tự ước cừ thâm ư vương tử.

澶淵下閉門束手，彼既膠宿怨之未舒

Thiên Uyên hạ bế môn thúc thủ, bỉ ký giao túc oán chi vị thư,

泰山巔牒玉泥金，茲更慮奸謀之見沮

Thái Sơn diên điệp ngọc nê kim, tư cánh lự gian mưu chi kiê'n tự.

故久淹河上之翱翔

Cô' cửu yêm hà thượng chi cao trường,

豈特爲朔方之捍禦

Khởi đặc vị sóc phương chi hãn ngữ.

Nghĩa là: “Than ôi, có vị danh vọng cao trọng đố'i với Trung Hoa và ngoại di, có công lớn đố'i với xã tắ'c, thử tính những nhân vật xuất sắ'c trong triề'u đình nhà Tô'ng, mắ'y ai được như ông già Khắ'u Chuẩn. Vậy mà có sao không ở trong tòa Trung thư điề'u hòa nô'i vạc, câ'm vững cán cân nhà Thương, lại phải ra ngoài ải cát xa xăm, chồ'ng chọi giặc mạnh, giữ gìn cửa ngõ nhà Hán.

Chẳng qua, vì bị người ghen ghét, gặp việc khắ t khe. Vua Chân Tông lắ y làm xắ u hổ việc cùng giặc giảng hòa, Vương Khâm Nhược lắ y làm tức tắ i việc cản trở ý muố n của hắ n. Dưới thành Thiề n Uyên đóng cửa bó tay, Khâm Nhược chưa quên mắ i hờn sai hắ n ra chồ ng giữ ở đầ y; trên đỉnh Thái Sơn sắ p bày bàn tắ , nay hắ n lại sợ ngăn trở mưu gian. Vì thế mà ông lừng lơ mắ i ở trên sông, há phải cắ t vì việc chồ ng giữ phương bắ c”.⁽¹⁰³⁾

Xem xong bài phú này của ông, ai cũng lắ y làm lạ. Sau, ông thi đỗ tiề n sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) niên hiệu Vĩnh Hựu. Rồ i nhân nhà có tang, phải nghỉ quan về . Bắ y giờ giặc Ninh Xá⁽¹⁰⁴⁾ nổi lên, vùng đông nam rắ i loạn. Ông thường nói với những người quen biế t rắ ng:

- Dẹp yên giặc á y, phi tay tôi không xong.

Không bao lâu, vì có công lừa bắ t được tướng giặc Nguyễn Cừ, được thăng Công bộ Hữu thị lang, tước bá.

Trước đây, dư đảng giặc Ninh Xá bày người làng Lôi Động, huyện Thanh Hà là Nguyễn Hữu Cầ u⁽¹⁰⁵⁾ lên làm thủ lĩnh, lui ra giữ Đầ Sơn, tựa núi cách bề làm thế cắ thủ. Triề u đình đem quân đánh mắ y năm không được, sai ông làm chức Hiệp thố ng lĩnh, cùng Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc chia đường cùng tiề n, lập trại ở trên núi nhòm xuố ng. Đánh mãi không phá được giặc, ông sai chặt mắ y trăm cây thông, đục rỗng ruột, nhắ i đá sỏi và thuố c súng vào, bên ngoài đánh đắ sắ t, từ trên cao ném vào trại giặc, giế t chề t vô số . Giặc dùng ván gỗ thông để che. Ông lắ y nhựa thông tắ m vào vải to, cát vụn, trộn với sỏi và thuố c súng, lại ném xuố ng như trước. Những miế ng vải á y thành ra nhữn mắ i lửa đắ t cháy ván, giặc phải vỡ chạy về phía bắ c. Đầ Sơn được yên, vì công á y, ông được phong phó đô ngự sử, chánh thố ng lĩnh.

Chưa bao lâu, Cầ u lại tập hợp đồ đảng, vào cướp vùng đông bắc, hoành hành không ai kiề m chề nổi, thời bắ y giờ gọi là “giặc ma chơi”. Cầ u có tài dùng ít đánh nhiề u, cùng quan quân giao chiế n, phóng ngựa xông bừa vào trận, làm cho quân nào cũng phải bỏ chạy. Duy có ông và quận Việp ra trận nghiêm chỉnh, nên chưa từng bị thắ t bại. Giặc phải sợ, gọi ông là con thắ n lắ n, gọi quận Việp là thắ ng quạ đen, ý bảo khó lòng trêu ghẹo được. Một lầ n, ông dẫn hơn mười quân kỵ, gặp giặc đế n, ai nắ y đầ u sợ, muố n đi cho mau. Nhưng ông ngăn lại, đi vòng xuố ng một con đường nhỏ trong đồ ng. Con đường á y kề một cái giề ng, cỏ mọc nham nhở, bùn đục ngầ u, người đi vô tình không nhận ra, ông ngồ i cạnh giề ng chờ quân giặc. Giặc đuổi đế n, còn cách một quãng, hô to:

- Con thắ n lắ n! Hôm nay, chúng tao phải bắ t được mày!

Ông cũng quát:

- Thắ ng giặc nhãi ranh kia! Hôm nay ta không chém được đầ u mày sao!

Giặc tức giận, đồ xô xuố ng đuổi, người và ngựa lẫn cả xuố ng giề ng. Những quân đi theo muố n xuố ng bắ t, nhưng ông không cho, bảo chạy đi. Khi giặc ra khỏi giề ng, ông đã về đế n huyện Giáp Sơn rô i.

Ông hành quân cẩn thận, không cầ u lợi nhỏ. Hễ thành linh gặp giặc thì rung chuông dàn quân bao vây bên ngoài; nế u giặc đi thì dõi theo ở đầ ng xa. Thường thả những quân kỵ đi rào để ngăn cản chuyện cướp bóc. Vì thế , giặc phải lén lút ứng phó một cách khó nhọc, cùng túng phải xin đầ u hàng. Triề u đình ban cho tướng giặc Nguyễn Hữu Cầ u lĩnh á n Ninh Đông tướng quân, phong tước Hướng Nghĩa hầ u. Ông hế t sức can ngăn, nói:

- Giở ng lang sói ấy rồi thế nào cũng không để cho mình dùng đâu.

Bèn lại dẫn quân đuổi đánh. Giặc vỡ chạy. Cậu phải chạy vào Bào Giang ở Nghệ An. Bộ tướng của ông là tướng quân Phạm Đình Hãn bắt được. Từ đấy giặc mới yên. Triều đình luận công, ông được sắc phong làm Tuyên lực Dương võ công thần, thăng Binh bộ thượng thư, tước Hải quận công, lại được bổ làm Đô đốc suất trấn Nghệ An.

Khi trước, ông cùng viên Thự phủ Luyện quận công là Đỗ Thế Giai có mưu hiềm khích⁽¹⁰⁶⁾. Gặp ngày trừ tịch, ông ở Nghệ An thấy trung sứ đem đến ban cho rượu thuốc. Viên tướng thân yếu ở dưới cờ là Thanh Kỳ toan rút dao giết sứ giả, rồi xin ông cất quân kéo về kinh đô để trừ bọn gian bên cạnh chúa. Ông gạt đi. Sáng hôm sau, ông mặc triều phục vọng bái về kinh rồi vào tư thất, rót rượu ngụm ra uống, mặt viết thư vội quan Đô đốc đông Trần Danh Lâm đến dặn dò việc sau. Ông Trần đến thì ông đã đổ máu ra cả bảy khiêu⁽¹⁰⁷⁾ mà chết. Bây giờ Thanh Kỳ nghe tin ông mất, sợ sửa binh mã định đem cả châu Hoan theo về họ Nguyễn (chúa Nguyễn ở phương Nam). Ông Trần được thư của ông Phạm, đánh lừa Thanh Kỳ lên một cái gác, rồi phục quân giáp sĩ bắt chém chết. Tin buồn đưa về đến kinh, ông được truy tặng làm phúc thần, lập miếu thờ ở núi Càn Hương, phong cho con là Đình Nghi tước Đông Ngạn hầu. Đời Cảnh Hưng, Đình Nghi làm đến Phó đề lĩnh. Khi có thái tử bị phế, giam ở dinh ông Nghi, ông Nghi lấy lễ trừ quân⁽¹⁰⁸⁾ mà thờ phụng. Chúa giân, bãi chức đề lĩnh, vì thế ông Nghi lặn lội, không làm nên to được. Niên hiệu Chiêu Thống, năm Đinh Mùi (1787) truy lục công ấy, trao cho ông Nghi chức Trấn thủ Hải Dương. Năm Mậu Thân (1788), ông mất ở nhà.

Thanh Kỳ cũng người làng Khinh Dao, họ tên không tra xét. Lúc trẻ, khỏe mạnh, theo ông Phạm Đình Trọng đi đánh giặc, cai quản đám nghĩa sĩ Thanh Hà, Tứ Kỳ. Khi ông Trọng làm Thố ng lĩnh, thường ngò i trong một chiế c thuyê n, chỉ có người nàng hâu yêu và Thanh Kỳ hâu bên. Một hôm sáng sớm, người nàng hâu ra rửa tay, kêu lớn lên là có giặc. Ông cứ ngò i yên không nhúc nhích. Thanh Kỳ chạy ra thì Câ u đã búi được vào thuyê n sắ p sửa trèo lên. Hai bên đánh nhau một lúc, Câ u phải lặn xuô ng nước, đi mấ t. Ông Phạm vì the ́ yêu hắ n lắ m. Nhưng hắ n kiêu ngạo, hay làm những việc trái phép, ông đã nhiê u lâ n muô n giế t, rô i lại thôi. Đế n nay hắ n chề t.

Đời truyê n rắ ng khi ông chưa đỗ, ở huyện Nghi Dương có một viên giám sinh già họ Đỗ, chơi với một viên giám sinh trẻ là Mỗ, người cùng huyện. Mỗ chề t, họ Đỗ đế n lo liệu giùm mọi công việc tang. Năm Kỷ Mùi (1739), gặp khoa thi hội, họ Đỗ lên kinh thi. Đường đi qua hạt Thượng Hô ng, trời tồ i, họ Đỗ thắ y Mỗ hiện lên mời mình về nhà, cửa nhà lộng lẫy, kẻ hâu người hạ rắ t oai vệ. Mỗ sai mỗ trâu đặt tiệc the ́ t đấ i. Họ Đỗ hỏi về tiê n trình của mình, Mỗ chau mày nói:

- Bác thì rô i đế n nhà tan, mệnh cùng, còn hỏi chuyện công danh làm gì!

Họ Đỗ van nài xin cứu cho, Mỗ nói:

- Khoa này, đầ u bài phú ra rắ t hiểm hóc, hế gặp người thí sinh nào tên là Phạm Đình Trọng thì bảo giúp cho người ta, đó cũng là một vị cứu tinh.

Một lát thì đi ngủ. Sáng sớm hôm sau trở dậy, từ biệt ra đi, ngoảnh lại trông thì thắ y là đê n Phạm Ngũ Lão, làng Phù Ủng. Hỏi thăm dân làng, thắ y nói ban đêm có một con trâu vô cớ ngã lặn ra chề t.

Họ Đỗ ghi chuyện ấy vào lòng. Khoa ấy đi thi vào trường thứ ba, đầu bài phú ra là “Tuyên hiên nhậm năng” (Kén người hiên, dùng người tài). Có một thí sinh cùng thi hỏi họ Đỗ có nhớ bốn chữ ấy xuất xứ ở đâu, làm ơn bảo giúp.

Họ Đỗ hỏi, biết thí sinh ấy chính tên là Phạm Đình Trọng, bèn nói cho biết. Khoa ấy, ông Phạm đỗ tiến sĩ. Chưa bao lâu, giặc đông nổi dậy, vợ con họ Đỗ đều bị nạn cả, chỉ còn trơ một mình đến nương nhờ ông Phạm. Ông thường cấp giúp cho, đủ sống. Mấy lần dâng sổ quân công, ông định biên tên họ Đỗ vào, nhưng rồi lại thôi. Thành ra, họ Đỗ trọn đời chỉ là một viên giám sinh.

CHÙA THIÊN MỤ

Kính Phủ

Chùa ở huyện Hương Trà, xứ Thuận Hóa, dựng trên một trái đồi phẳng, có cái vẻ đẹp của khe núi. Tục truyền khi xưa, nhà phong thủy khai đào sông núi, thấy có một bà cụ già bảo người làng ở đây dựng chùa để đón các thiên thần về, nhân đặt tên là chùa Thiên Mụ (bà cụ già nhà Giời).

Đoan quốc công Nguyễn Hoàng xưa có trùng tu, về sau cũng sửa chữa nhiều lần. Chùa có một cái khánh đá, tiếng lớn và trong, ghi là “Chính lịch nhị niên tạo”⁽¹⁰⁹⁾, hội chủ là Thế Tổ Minh Khang thái vương. Bên cạnh Phật tọa có bài vị tổ khảo bảy đời của họ Nguyễn. Khi chúa Nguyễn mất, có người bề tôi là Mỗ đến chùa bái yết, đề thơ ở vách, có hai câu:

可憐二百年基業

Khả liên nhị bách niên cơ nghiệp,

不及山僧一夢長

Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.

Nghĩa là: Thương thay cơ nghiệp hai trăm năm, không dài bằng một giấc mộng của nhà sư trên núi.

Khoảng năm Cảnh Hưng, chùa hơi đổ nát, quan Đô đốc đô ng Hoan Châu là Bùi Huy Bích phụng chỉ vào Huế tuyên dụ, thường cùng quan đô đốc thị là Trương Đăng Quỳ đi thuyên lên chơi xem, có làm những câu thơ như:

阮家七世牌空在

Nguyễn gia thất thế bài không tại,

僧舍千間瓦半零

Tăng xá thiên gian ngõa bán linh.

Nghĩa là: Bảy đời họ Nguyễn bài vị còn đây, bao nhiêu gian của nhà sư ở, ngôi đã trụt mất đến nửa.

Lại có câu:

輕帆一片登臨處

Khinh phàm nhâ t phiê n đăng lâm xứ,

閒拂苔階閱磬銘

Nhàn phâ t đài giai duyệt khánh minh.

Nghĩa là: Giương một cánh buồm nhẹ lên thăm phong cảnh, phẩy cái thềm rêu để đứng nhìn bài minh khắc trên tấm khánh.

HỒ HOÀN KIẾM

Kính Phủ

Hồ Hoàn Kiếm thành Thăng Long ở bên cạnh phường Báo Thiên, thông với nước ngoài sông, hình thế rất to rộng. Ấy là nơi đức Thái Tổ hoàng đế tiên triều đánh rơi kiếm. Hồ i Thái Tổ khởi nghĩa, ngài bắt được một thanh kiếm cổ, sau khi lên làm vua, thường vẫn đeo ở bên mình. Một hôm chơi thuyền ở trong hồ, bỗng thấy một con rùa rất lớn nổi lên mặt nước, bắn nó không trúng, ngài lấy thanh kiếm mà chỉ. Bấy giờ, thanh kiếm rơi xuống nước, con rùa cũng lặn theo. Ngài giận, sai lấp cửa hồ lại, đắp cái bờ ngang, tát hết nước để tìm. Nhưng chẳng thấy đâu cả. Đời sau, nhân cái bờ ấy, chia ra làm hai hồ Tả Vọng, Hữu Vọng. Cuối đời Cảnh Hưng, có một vật gì mọc lên từ cái đảo trong hồ, sáng rực rồi tắt. Người ta cho là thanh bảo kiếm bay đi.

CỬA KINH THÀNH

Kính Phủ

Bôn cửa kinh thành đều xây từ đời vua Lý Thái Tổ. Năm gâ`n đây, phá bớt tường ngoài cửa Đại Hưng. Phá được nửa vò, thấy một con rắn to bằng đòn tay, mình đen, vắ`n trắng, từ trong gạch đá chui ra, bò sang nóc nhà hàng phớ` rồi vùn vụt đi đằng nào mắ`t. Bắ`t được ba con con, đều giết chết.

Tục truyền năm Cảnh Hưng, phá cửa Bạch Hồ, bắ`t được ở trong khe gạch một con rùa nhỏ như đồng tiền, đầ`u và chân vẫn còn cựa quậy. Vậy cũng phụ chép vào đây.

ÔNG HOÀNG SÂM

Ông Hoàng Sâm, ở Thù Sơn, đời đời làm nghề cày ruộng. Cha mất sớm, để lại cho mấy sào ruộng, mẹ con nương tựa nhau mà sống; năm 24 tuổi, vẫn chưa biết một chữ nào cả. Cùng huyện có quan Thượng Nguyễn Công Doãn trí sĩ về làng. Quan huyện bắt dân ra đón rước. Ông cũng ở trong số ấy, sung vào chân khiêng kiệu của tiểu thư. Khi khiêng, ông liếc mắt nhìn trộm, thấy tiểu thư là một người tư sắc tuyệt vời, bất giác lòng rung động.

Về nhà, ông nói với mẹ muốn được lấy cô con gái ấy. Mẹ cười và bảo đừng mơ ước hão huyền. Ông không nghe, mua một buồng cau, cô bắt mẹ phải đi đàm, lại đi theo sau mẹ, sợ mẹ dỗi mình. Bà mẹ không nỡ trái ý con, đến đứng loanh quanh mãi ở cửa nhà quan Thượng. Quan Thượng lấy làm lạ hỏi. Bà mẹ kêu xin tha tội và kể việc con giai thúc bách. Quan Thượng cười mà rằng:

- Không hề gì!

Rồi sau gọi ông đến để xem người ra sao. Ông đóng một chiếc khố, đến phục lạy trước thềm. Quan Thượng nói:

- Con gái nhà quan không lẽ gả cho người bạch ốc. Anh sau này làm nên sự nghiệp như ta mới có thể lấy con ta được.

Ông lạy hai lạy nói:

- Xin vâng theo mệnh. Nhưng mong quan lớn đừng sai lời.

Về nhà, ông không nói gì với mẹ, đi bán trộm một sào ruộng được 30 quan tiền, tới kinh tìm đến một bậc danh nhân xin học. Học ba năm đã giỏi lắm, đi khảo trúng ở huyện Hiệp Hòa (nay thuộc Bắc

Giang), rồi đi thi hương đỗ Giải nguyên. Đỗ khoa hương rồi, ông nhờ một người làng đến nói với quan Thượng xin đừng sai ước cũ, rồi lại tới kinh. Bây giờ con gái quan Thượng tuy có mấy đám hỏi, nhưng chưa thành đám nào, vẫn còn ở nhà. Khoa Mậu Tuất (1538) niên hiệu Đại Chính đời nhà Mạc, ông 27 tuổi, thi đậu Thám hoa. Hôm vinh quy, làm lễ cưới ngay ở sân nhà quan Thượng. Người làng đều cho là một sự vẻ vang. Ông làm quan đến Lễ bộ Tả thị lang, tước Hoành Phúc bá.

ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN

Tùng Niên

Ông người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, bạn của đấng tiên quân tôi xưa. Tính thích rượu, đềnh đoàng phóng túng. Trong khoảng trường ốc, văn chương ông tiếng lừng thiên hạ. Bây giờ, chúa Uy Vương⁽¹¹⁰⁾ phải dời đến ở cung Thường Liên. Kinh thành tôi đến căm lửa rất ngặt. Ông đào hầm ở dưới đất đọc sách, không bỏ bề lúc nào. Thường đề tranh Tiêu Tương bát cảnh⁽¹¹¹⁾. Cảnh Tiêu tương dạ vũ (Mưa đêm ở sông Tiêu Tương), ông đề bài thơ như sau:

菰蒲澤國四滄滄

Cô bồ` trạch quốc tứ thương thương,

誰把琳瑯滴夜長

Thùy bả lâm lang trích dạ trường.

乍過幽蘭啼楚客

Sạ quá u lan đề` Sở khách,

忽來暗竹泣娥皇

Hô`t lai ám trúc khấp Nga Hoàng.

蘋洲冷逼漁燈細

Tâ`n châu lãnh bức ngư đăng tế,

蓬底秋驚旅鬢黃

Bồ`ng để thu kinh lữ mấ`n hoàng.

拂掠數峯猿樹外

Phấ`t lược số phong viên thụ ngoại,

滄歌聲斷水茫茫

Thương ca thanh đoạn thủy mang mang.

Nghĩa là: Cỏ cao nước cả bồ`n bê` xanh xanh, ai đem gieo hạt ngọc trong lúc đêm dài? Trận mưa chợt qua, cụm lan tô`i tằm để than người khách Sở<sup>(112)</sup> vụt đế`n bụi trúc âm thầ`m để khóc nàng Nga Hoàng<sup>(113)</sup>. Bãi rau bị khí lạnh đè ép làm cho đèn chài nhỏ tí, gồ`c cỏ bồ`ng hơi thu ghê rợn làm cho mái tóc lữ thứ điểm vàng. Chợt qua ngoài lùm cây vượn leo trên mấ`y ngọn núi cao, khúc ca Thương Lương dứt tiế`ng⁽¹¹⁴⁾, mặt nước sông man mác.

Cảnh *Sơn thị tình lam* (Chợ núi quang tịnh hơi lam) có những câu:

人家麓外湮光靜

Nhân gia lộc ngoại yên quang tĩnh,

酒店林間樹色明

Tửu điếm lâm gian thụ sắ`c minh.

Nghĩa là: Nhà dân ở ngoài núi hơi khói quang tịnh, quán rượu ở trong rừng màu cây tỏ rõ.

Và:

換米樵夫穿洞去

Hoán mễ tiê`u phu xuyên động khứ,

賣鮮魚子傍溪行

Mại tiên ngư tử bàng kê hành.

Nghĩa là: Chú tiê`u đổi gạo xuyên động mà đi, anh chài bán cá men khe mà bước.

Cảnh Viễn phồ` quy phàm (Bê`n xa buồ`m về`) có những câu:

日暮無人迎掉問

Nhật mộ vô nhân nghinh trạo vâ`n,

五湖多少水湮秋

Ngũ hồ` đa thiếu thủy yên thu.

Nghĩa là: Ngày đã tồ`i không ai chờ thuyê`n để hỏi, năm hồ` khói nước màu thu có ít hay nhiê`u.

Cảnh Giang thiên mộ tuyê`t (Buổi tồ`i trên sông tuyê`t xuồ`ng) có những câu:

混沌千山埋草樹

Hỗn độn thiên sơn mai thảo thụ,

朦朧萬頃失烟波

Mông lung vạn khoảnh thâ`t yên ba.

Nghĩa là: Man mác nghìn ngọn núi lấ`p cả cây cỏ, mịt mù muôn khoảnh nước mấ`t cả khói sóng.

Và:

漁翁迷却蘆花渚

Ngư ông mê khước lô hoa chử,

向夜歸來玉滿簑

Hướng dạ quy lai ngọc mãn xoa.

Nghĩa là: Ông chài lạc cả đường về` bên hoa lau, đêm về` đến nơi thì ngọc (tuyết) giã t đầy tằm áo lá.

Cảnh *Bình sa lạc* nhận có những câu:

細雨簾葭簫瑟裏

Tê vũ liêm hà tiêu sắ t lý,

又添秋色滿南江

Hựu thêm thu sắ c mãn nam giang.

Nghĩa là: Trong cảnh tiêu sắ c của một giờ mưa phùn tưới lên những khóm cỏ liêm hà, lại thêm vẻ thu đầy trên sông nam.

Những thơ này phong cách cao trội, kể từ đời Trung hưng đến giờ, thi phái mới nhân đó chắ n khởi lên được.

Các bài phú bát vận liên châu của ông, những người học đi thi, thường giữ gìn một cách quý báu. Bài phú *Trương Hàn nhớ rau rút cá mè* có những câu:

冷淡村穀，半餉了八王之成敗

Lãnh đạm thôn hào, bán xướng liễu bát vương chi thành bại,

尋常野品，數盃殘兩晉之是非

Tầm thường đã phẩm, số bôi tàn lương Tân chi thị phi.

Nghĩa là: Món quẻ nhật nhẽo, nửa bữa xong cuộc thành bại của tám vị vương, vị đồ ng tầm thường, mấy chén tàn chuyện thị phi của hai triêu u Tân.

Bài phú *Trương Lương mặc áo vải* có những câu:

副車盈恨一襟博浪之沙痕暗濕

Phó xa doanh hận nhât khâm, Bắc Lãng chi sa ngân ám thâ p,

黃石祕傳半袖圯橋之露點初稀

Hoàng Thạch bí truyền bán tỵ, Di Kiêu chi lộ điểm sơ hy.

Nghĩa là: Một vạt áo chứa đầy tức giận bởi nỗi đánh lầm phải người phó xa mà không đánh trúng Tân Thủy Hoàng, vạt áo ấy còn dâm dấp ướt vì ngấn cát ở đất Bắc Lãng, nửa ống tay giã u quyền sách bí truyền của ông Hoàng Thạch, vừa khô vết sương ở cầ u Di Kiêu.

Bài phú *Tiếng gõ cửa*⁽¹¹⁵⁾ có những câu:

門邱幾聲，手報無言之綸綍

Môn khâu kỷ thanh, thủ báo vô ngôn chi luân phât,

規恢一字，喉通未到之關河

Quy khôi nhât vũ, hâu thông vị đáo chi quan hà.

Nghĩa là: Cửa gõ mấy tiếng, tay báo cái ý chỉ nói không ra nhời, (nghĩa câu dưới chưa rõ, tạm để khuyết t nghi)⁽¹¹⁶⁾.

Và:

乾坤盃裡經營，鼾睡之山河欲動

Càn khôn bôi lý kinh doanh, hãn thụỵ chi sơn hà dục động.

Nghĩa là: Xoay sở càn khôn trong chén rượu, làm cho một cõi non sông ngủ ngày bên cạnh như muố n giặt mình⁽¹¹⁷⁾.

Đó đề u là những câu văn sang sảng đáng đọc.

Khi ông mới được trao chức Huấ n đạo, bài văn yế t miế u đức Thánh (Không Tử) có hai câu:

無位勛華

Vô vị Huân Hoa

能言天地

Năng ngôn thiên địa

Nghĩa là: Ngài như Nghiêu Thuấ n không ngôi và như trời đấ t biế t nói⁽¹¹⁸⁾. Hai câu này càng được người đời khen ngợi lắ m.

Khoảng năm về` già, ông làm ra khúc *Chinh phụ ngâm*, cả thầy đề`n mấ y nghìn lời. Làm xong đưa ông Ngô Thì Sĩ xem, ông Ngô thán phục mà rằ`ng:

- Văn này đánh đổ cả lão Ngô già này chứ còn gì nữa.

Khúc ngâm â y người ta sao chép, truyề n sang đề`n hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây nước Tàu, có người thức giả nói:

“Tinh thầ n trút cả vào đây, tác giả bài này chẳng qua chỉ ba năm thì chề t”.

Sau ông làm đến chức quan Ngự sử rồi mất đúng như nhời trên
ấy. Ông có tập tiểu thuyết *Bích câu kỳ ngộ* lưu hành ở đời.

MẸ RANH CÀN SÁT

Tùng Niên

Ở khoảng làng Hạ Lôi và Thượng Cát thuộc huyện Từ Liêm, có một thắ`ng bé con nhà làm ruộng, tuổi ước lên 5 lên 6, thường nói với cha, xin sang ngủ ở nhà ông ngoại thôn bên, tô`i đi sớm về`, trải mấ`y tháng đã quen lệ thường như vậy. Người chú thương cháu phải đi lại vắ`t vả, một hôm gặp ông bà ngoại nó ở đường, bèn nói bảo cho cháu nó ngủ ở nhà. Người bà ngoại giật mình nói:

- Đã lâu cháu nó có sang ngủ nhà tôi nữa đâu, sao lại có câu chuyện ấy.

Người chú bắ`y giờ mới biế`t, không giả nhời sao. Đế`n tô`i, ngắ`m đi theo sau thắ`ng bé. Ra khỏi cổng làng, gắ`n đế`n một cái gò cây cô`i rậm rạp, thắ`ng bé gọi với ră`ng:

- Mẹ ời! Con đã đế`n đây.

Người chú ngồ`i núp ở một cái gò bên rình xem, thắ`y trong bụi cây có mấ`y chục đứa trẻ, đứa cười đứa khóc, một người đàn bà hai vú đẽ`u dài đế`n một thước, ôm lắ`y thắ`ng bé cho nó bú. Thắ`ng bé nói:

- Sớm đi tô`i đế`n, chỉ sợ rô`i họ biế`t, sao mẹ chẳng đem con đi luôn có được không?

Người đàn bà an ủi.

- Hạn nợ chưa hế`t, con hãy phải đợi vài năm nữa. Nế`u họ cho con ăn cá chép ba ba thì con chó`c có ăn, nế`u không thì mẹ sẽ không

thể gâ`n con được nữa.

Thă`ng bé vâng nhời, rô`i hai mẹ con lại nói chuyện với nhau ào ào. Người chú im lặng trở về`. Đến sáng, mua hai thứ kia nấu chung làm một, gọi thă`ng bé bảo ăn. Thă`ng bé quả chớ`i từ không ăn. Nhưng người chú cô` đề ra đồ cho ăn và đồ tóe cả ra mình nó. Buổi tồ`i lại đi dò theo thă`ng bé á`y, thấ`y thă`ng bé đế`n cách cái gò độ mấ`y chục bước, con mẹ ranh cả kinh mà rắ`ng:

- Mày không nghe lời dặn của tao, lại còn đế`n đây làm gì!

Rô`i đuổi, không cho đế`n. Thă`ng bé đứng lùì lại, khóc. Người chú liề`n quát lớn thì con mẹ kia phút biế`n đi. Người chú lại lầ`y xương ba ba, cá chép vớt khắ`p bụi cây. Đêm hôm á`y, thấ`y con mẹ kia đế`n gõ cửa van xin bỏ hai vật kia cho, nê`u không sẽ làm yêu quái. Người chú bấ`t đắ`c dĩ phải bắ`ng lòng. Sớm hôm sau, dậy ra nhặt vớt hai vật kia xuồ`ng nước. Thă`ng bé từ đầ`y cũng không hê` gì.

ĐÈN TRẦN VÕ

Tùng Niên

Miêu Ma ở huyện Yên Phong, trấn Kinh Bắc, nay đổi là miếu Xuân, đời thượng cổ có con hồ chín đuôi, vẫn làm hại dân gian. Một khoảng xa hơn bốn mươi dặm, vắng tanh không ai dám ở. Nhờ có đức Huyền Thiên thượng đế, giáng xuống bắt con hồ ấy. Từ đây, trải các triều vua, đều có thờ vọng và ghi vào lễ điển, dựng đền Trấn Võ ở phía tây bắc thành Thăng Long để trấn át linh khí của Hồ Tây. Đời chúa Định Vương tiên triều mới đúc đồng làm tượng, cao mấy chục thước, xoắn tóc đi chân không, chố ng gươm đứng giẫm lên con rùa, con rắn. Lại có bốn viên nguyên súy đứng ở phía trước, tượng Hồ tinh đứng một bên, uy dũng nghiêm chỉnh.

Đạo sĩ vô n quê Thanh Hóa, đời cha đời ông vẫn làm nghề phù thủy. Một lần, từ làng bên cạnh về nhà, gặp ông địa lý Tả Ao giữa đường kêu đói, bèn lấy cả oản chuôi trong bọc ra biếu. Ông Tả Ao cảm bụng tốt, tặng cho một ngôi mộ tổ, nói cái ân một bữa, xin lấy việc ấy báo đền. Chưa bao lâu, Thành Tổ Triết Vương đem quân nghĩa kéo ra mặt đông, ngài bị cầm ở chỗ đóng quân, kíp triệu đạo sĩ đến cúng trừ. Đạo sĩ vừa phát bùa dẫu thì bệnh vương đã khỏi, ngài sai ghi lấy công. Khoảng năm Quang Hưng (1573-1600) xa giá ngự ra Trung bộ, cho đạo sĩ được coi giữ đền Trấn Võ. Đạo sĩ đến đền, từ người trụ trì đến người coi việc đèn hương đều dùng con cháu trong nhà cả.

Quan Thượng Mỗ người làng Hoàng Xá, khi đi sứ Trung Hoa, có rước pho tượng Tử Đô ng đế quân về nước tạm đặt ở tiền đường đền Trấn Võ sau lại thiên lên đỉnh núi Hoàng Xá. Rồi thấy đức Tử Đô ng giáng bút nói rằng:

- An Nam là nước văn hiến, ta sẽ lấy những ngày 1 ngày 6 ứng mộng cho các học trò. Nguyên tượng thì phải trả về Trung Hoa, đừng đem ta đi vợ vật như vậy.

Chợt có thuyền của người bên Trung Hoa sang, đi tìm hỏi pho tượng ấy. Quan thượng thư tuân mệnh giả về, rồi ở chỗ di tích, tạc pho tượng mới để thờ phụng, nay ở trước đền Trấn Võ, về bên phía tả, pho tượng đội mũ phước đầu, mặc áo bổ phục chính là đó vậy. Gặp năm có khoa thi hội, sĩ tử bốn phương nhiều người tấp m gọi chay sạch đến đền làm lễ cầu mộng, báo ứng rất nghiệm. Tại chùa núi Hoàng Xá cũng vậy.

NÚI DỤC THÚY

Tùng Niên

Núi ở đất Tràng An xứ Thanh Hóa (nay thuộc Ninh Bình), kê bên cạnh sông Vân Sàng. Trên cây có cây tháp gọi là tháp Linh Tế, dựng lên từ năm Quảng Hựu thứ 7 nhà Lý, năm Khai Hựu nhà Trần có tu bổ lại, ông Trương Hán Siêu làm bài ký. Trong năm Cảnh Hưng có dựng ly cung để phòng khi vua chúa đi tuân hạnh. Nhân thế núi mà xây dựng, cũng chen lẫn nhân công vào, quy chế rất lộng lẫy. Thơ ngự chế của chúa và thơ ứng chế của các quan theo hầu đều khắc đá cả. Hồ i đi bình nam, xa giá dừng lại ở đây. Sau khi vạc đổi, cung bỏ làm trường lương Tràng An, tháp cũng đổ nát, duy tấm bia đến nay hãy còn. Bài văn bia rằng:

Làng ta có nhiều cảnh đẹp, thuở nhỏ chơi xem, bước này chân đã hầu trải khắp. Thường có lân bỏ thuyền trèo lên núi này, lân bìa cạo râu, nhận đọc thì biết cái tháp cũ dựng năm Tân Mùi niên hiệu Quảng Hựu thứ 7 triều nhà Lý. Đến lúc trèo lên trên đỉnh, thấy nên đổ gạch vỡ, bừa bộn ở trong khoảng cây đá hoang rậm, bất giác buồn ngủ buồn thương cho cuộc hưng vong thành bại, sao mới có hai trăm mấy chục năm, cây tháp đã trở nên dấu cũ và hầu đến tiêu mòn mất hết thế ru! Sau này không biết còn có làm lại nữa không? Từ khi có vũ trụ thì có núi này, những người lên chơi núi rồi đi mất vào dĩ vãng, không biết là đã bao nhiêu rồi! Sau đó ta đi làm khách bốn phương, rồi làm quan ở trong triều, bị vị ở nơi đài sảnh, thú cữu ẩn bên giới xa cách, chỉ thường được về thăm ở trong giấc mộng mà thôi. Đức Kim thượng lên ngôi đến năm thứ hai, mùa đông tôi ở kinh sư, nhà sư trong núi là Tri Nhu tìm đến nói với tôi rằng:

“Cuộc xây dựng lại cây bảo tháp, khởi từ tháng Chạp năm Khai Hựu Đinh Sửu, đến nay trải sáu năm mới xong; xin ngài làm cho bài bi ký, công đức cao cả sẽ không biếm chường nào, mà sự báo ứng cũng sẽ như vậy. Khi chúng tôi mới định ngày khởi công, nhà sư Đức Văn chiêm bao thấy có hơn nghìn người họp trên đỉnh núi, trong đó có ba người sang trọng, tướng mạo khác thường bảo rằng: “Các người nên biếm việc dựng tháp là việc hay nhất”. Hôm bắt tay làm, sư Đức Uyên lại chiêm bao thấy ông Trúc lâm Phổ Tuệ tôn giả kết ấn để trị. Lại sư Đức Tĩnh, Đức Minh, trước và sau vì việc xây con đường cửa tháp, nhân tảng đá lớn trượt lở, người và đá đều lăn từ trên cao xuống đến mấy chục thước, ai trông thấy cũng sợ hãi, cho là phải vụn xương ra cám. Thế mà đến lúc xuống đỡ lên, sư không hề bị chỗ nào tổn thương cả. Tháp xây lên được bốn tầng, một đêm tỏa ánh sáng ra rực rỡ, xa gần đều trông thấy cả. Những việc như thế, đều là cái sức thần thông của đức Phật ta cả. Vả Nhu này nghe nói, ngày xưa vua A Dục⁽¹¹⁹⁾ sai quý thần dựng lên tám vạn bốn nghìn cây tháp, người xem lễ như thực được thân tiếp với Phật; đều gây khắc tháp cũng trừ được yêu khí; tòa phù đồ (tháp) trên bề phút theo sương mù biến đi. Việc không phải là quái đản, nay và xưa cũng như nhau cả. Xin khắc những việc ấy vào đá, truyền lại đời sau, làm những câu chuyện hay ở cửa nhà Phật, và làm bờ bên cho những người tin tưởng, há chẳng nên ư?”

Ta nghĩ ông Thích Ca lấy lẽ tam không mà chứng đạo, sau khi tịch diệt, nhiều người thờ phụng Phật giáo để cổ hoặc chúng sinh, thiên hạ chia năm thì chùa chiền chiếm một, làm cho hư nát đạo thường, hao phí tiền của; dắt dẫn bao người ngu tối nhấm mẫm hòa theo, bảo rằng không hóa thành yêu ma gian trá sao được. Những việc của bọn ấy họ làm thật rất không phải. Tuy nhiên, sư Tri Nhu đây là người theo hâu sư Phổ Tuệ, hiểu sâu đạo pháp của Trúc Lâm, gìn mình giữ nề nếp, thật là khắc khổ. Vả giờ hai bàn không, thành thủ đoạn lớn. Nghĩ đến việc đề gôc mây, xếp hòn

đá, từ tâ'c mà thước, mà trượng, bước tiế'n lên một bước, từng cao thêm một từng, cho đế'n lúc vời vọi đứng sững, the' lầ'n trời xanh, thêm sự tráng quan cho non sông, tranh công xây dựng cùng tạo hóa, thì há phải bao nhiêu kẻ tu hành tâ'm thường khác có thể so ví được. Ôi! Sau này lại mấ'y trăm năm, nê'u có kẻ cũng như ta phải buồ'n rầ'u trước cuộc biế'n di, biế't đâu lại chẳng có người như bọn nhà sư Tri Nhu này. Đế'n như nước xanh dọn sóng, bóng tháp in dòng, thuyề'n nhỏ trời chiề'u, lênh đênh bên dưới, đẩy mũi thuyề'n ra mà xem ngắ'm, gõ bờ chèo hát khúc Thương Lương, tìm cái gió trong cửa ông Tử Lăng trong một sợi dây câu, hỏi cái ước cũ của ông Đào Chu trong năm hồ' khói sóng, cảnh â'y lòng â'y, chỉ duy có ta cùng với non sông â'y biế't nhau mà thôi.

Niên hiệu Thiệu Phong thứ 3 năm Quý Mùi (1343),

Nhập nội Hành khiển Tả ty Thị lang, kiêm Lạng Sơn lộ

Kinh lược sứ, Đồn tầu Trương Hán Siêu Thăng phủ ký.

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ổ

Kính Phủ

Họ Nguyễn ở Quế Ổ vốn là một họ danh tiếng về đời Lê Trung hưng. Tiên tổ khi xưa nhà nghèo, dựng lên ngoài đồng để làm nghề chăn vịt. Một hôm con ra thăm cha, không thấy đâu cả, có phong thư, mở xem mới biết cha mình đã bị những người Tàu đến đào hố của giết mất, moi ruột tế thần giữ của, chôn ở cái gò đất bên lên, và dặn đó là cát địa, đừng nên cất nhà đi đâu cả, người con kêu khóc rồi đắp nấm mồ mà về.

Sau nhà ấy thường sinh ra những bậc danh tướng, có tiếng khỏe mạnh, nhưng phần nhiều về sau không được trọn vẹn, người ta cho là vì mồ mả xui nên. Khoảng năm Vĩnh Hựu, có người cháu là Đức Tô do chức tướng quân đi đánh giặc, lúc lâm hành, trao cờ ấn cho kẻ bộ hạ mà bảo:

- Giữ lấy rồi đem về nộp với triều đình, ta tất không thể trở về được.

Rồi tướng quân gặp giặc Diên đến, hăm hở một ngựa xông ra, đánh nhau mê mải hồi lâu, rồi ngựa vấp ngã bị giặc giết chết.

Giặc Diên là người làng Ninh Xá huyện Chí Linh, dòng sau của ông Nguyễn Mai, sức khỏe tuyệt vời, mỗi bữa ăn hết nồi cơm, thuở nhỏ tập nghề võ, vẫn cùng tướng quân có tiếng giỏi ngang nhau. Nay Diên mừng mà rằng:

- Thế là từ nay ta không còn có người đối thủ nữa.

Tin buồm đưa về, triều đình khen Đức tướng quân là tiết nghĩa, truy phong làm Phúc thần, và cất dùng con là Đức Thân, Đức Ánh làm quan. Trận đánh ở Nhã Nam (ở Yên Thế, đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầm), Đức Ánh cưỡi voi đốc chiến, bị thương ở cánh tay hữu gần gãy, xé vạt áo băng bó rồi lại xua binh tiến vào, tiếp đó bị giặc bắn chết, được truy tặng Quận tước. Bây giờ Đức Thân đương làm Hữu tướng quân, tiến áp đến bên trại giặc, bị tin phải đạn bay mà mất. Con là Đức Vượng lại lĩnh quân của cha, đánh nhau rất hăng, được phong Bắc Ngạn hầu. Cuối đời Cảnh Hưng, lệ thuộc vào đạo quân Thuận Quảng. Tháng Năm năm Bính Ngọ, thành hãm, cũng vì đánh trận mà chết.

ÔNG SẮM

Kính Phủ

Người nhà giàu Mỗ ở làng Như Phụng, huyện Văn Giang, thường đi buôn bán ngoài bể khơi, bị sóng gió đánh đắm thuyền, dạt đến một cái đảo, thấy trên đảo toàn là những người đen xâu, ăn mặc cày cấy cũng giống như người đời. Mỗ ở đấy làm mướn mấy năm. Một hôm người trong đảo bảo rằng:

- Anh có muốn về thì đi theo ta.

Hắn trao cho năm một đầu thùng bảo nhấc mắt lại, rồi hắn bay tung lên trời, bên tai Mỗ nghe thấy tiếng sấm ầm ầm, một lúc thùng đứt mình lăn xuống đất, nhìn ra thì đã là cổng làng. Mỗ về đến nhà hình trạng biến đổi khác cả, người nhà không thể nhận được nữa, thuật chuyện lại rồi họ mới tin. Ngày nay con cháu đầu đen, người ta bảo là họ ông Sấm.

ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO

Kính Phủ

Ông người làng Hà Lỗ huyện Đông Ngàn. Hò'i chưa đỗ, thường đến đến Chân Võ ở huyện Yên Phong cầu mộng. Thằng bảo rằng: “Suốt đời làm dân hạng”. Tỉnh dậy buồn rầu, ngội lạnh cả lòng trường ốc. Khoa thi hội năm Mậu Thìn, theo một ông thầy học ở làng là viên giám sinh Mỗ đến kinh, mới vào đến tam trường thì viên giám sinh mất, ông bèn mạo tên vào trường làm văn. Các công tử đều dậy lên, nói có người mạo tên vào thi, trong trường rất rối loạn. Một thí sinh người làng Tỵ Xá là Nguyễn Duy Hiệu, con quan Thượng thư Nguyễn Duy Thì, đứng dậy bảo các công tử rằng:

- Ba năm mới có một khoa thi, đó là một điển lễ lớn chọn tài, phải trái đã có công luận, ai nấy chỉ nên gắng lo về tiến trình của mình là hơn.

Các công tử bấy giờ mới im lặng. Khi ra bảng, ông được hợp cách. Việc đến tại triều, đình thần muốn tước bỏ, nhưng còn bàn bạc chưa xong. Bấy giờ ông Nguyễn Duy Hiệu trúng cách, bạn khách đến mừng nhưng ông Hiệu không tiếp. Cha là ông Thượng thư hỏi vì có sao, ông Hiệu thưa:

- Vì nghĩ Dương Mỗ có kỳ tài mà bị truất cho nên con buồn, không muốn nhận lời mừng của ai.

Ông Thượng thư cố bắt phải ra tiếp khách rồi vào phủ nói với chúa rằng:

- Dương Công Cao thi hội trúng cách, há rằng thi hương lại không trúng cách ư? Khoa mục cốt ở chọn được người, không nên câu nệ

những lễ` luật có sẵn.

Chúa nghe theo, cho vào thi đình, ông đỗ nhị giáp. Sau bia đề` tên ông, chưa là dân hạng. Thâ`n mộng quả là ứng nghiệm.

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO

Tùng Niên

Ông người làng Hoài Bảo huyện Tiên Du, tính nết bừa bãi, ngoài thịt chó và rượu ngon không còn ham thích cái gì, nông ngạo không coi ai vào đâu cả. Ngày vào diện thí, đáng nhẽ đỗ đầu mới phải, nhưng triều đình đề nén, đặt xuống thứ ba. Đứng trong triều nói năng không kiêng sợ gì, nên mấy lần bị biếm truất. Sứ Tàu sang sách phong, đi đến trạm Xương Giang dừng lại, đưa cho một tờ một vuông giấy, viết lớn một chữ Càn 乾. Cả triều không ai giải đoán được, phải đặc chỉ triệu ông vào. Ông thưa rằng:

- Cái trò đánh đố nhỏ nhất ấy, bổ gì chúa thượng phải bận lòng suy nghĩ.

Ông bèn cầm bút chấm mực viết một nét xỏ để trả lời, sứ Tàu liền đến ngay. Chúa hỏi duyên cớ, ông nói:

- Tượng của quẻ càn có ba nét ngang 三, thêm vào một nét sổ | thì thành chữ vương 王, có thể thôi.

Khi ông sung làm chánh sứ sang công Tầu, qua một cái quán giường cột lộng lẫy. Người bạn đồng hành xin ông đề cho mấy chữ biển ngạch, ông liền viết hai chữ *trùng nhị* 虫二. Người Tầu hỏi nghĩa là thế nào, ông cười mà rằng:

- Thế nghĩa là *Phong nguyệt vô biên* 風月無邊⁽¹²⁰⁾.

Ai nghe thấy cũng phải kính phục.

Việc đi sứ xong, ông xin về hưu, thường đội cái nón, chôn cây gậy, xách bầu nước, lê đôi dép, qua lại thẩn thờ ở trong khoảng suối đá, ham vui quên về. Có khi nhân đêm trăng lên chơi núi Lạn Kha, canh một đã hết, bốn bề im lặng không có một người nào. Bỗng thấy trên núi có hai cây gậy cắm, giữa căng một sợi dây nhỏ, một đạo nhân nằm lên trên sợi dây ấy, ngủ ngáy khò khò. Ông lấy làm lạ quỳ dài ở dưới đất để đợi. Ước một tro'ng canh đạo nhân ngỏ'ng dậy nói:

- Ông có phải là ông Thám hoa người làng Hoài Bảo không?

Ông đáp đầu vâng nhận, xin bỏ việc cõi đời theo đi tu tiên. Đạo nhân vung ngón tay trở một vòng rồi nói:

- Ông có số nhưng không có mệnh, đừng nên tự khổ.

Ông cười nài xin thì đạo nhân nói:

- Tu tiên phải ăn kiêng nhiều thứ mà thịt chó là một, vậy ông có thể kiêng được không?

Ông nói kiêng được. Đạo nhân bèn cuốn dây buộc gậy, đưa cho ông vác đi theo. Trải qua các núi sông, đều thấy khác phong cảnh ngày trước. Đến một cái chợ, mùi thịt chó ở trong hàng cơm thơm sực đưa vào lỗ mũi, ông thèm quá không thể nén được, xin cho ăn một bữa rồi từ rầy thôi hẳn. Đạo nhân bẻng lòng căm hộ gậy và dây để cho ông vào. Ông ăn no rồi đi ra, đạo nhân bảo:

- Ta là Trầ'n Đô' Nam đây. Ông có số không mệnh, thôi đừng nên tự khổ nữa.

Bèn trao cho ông một phương thuốc chữa trâu bò rồi vụt biể'n đi không trông thấy đâu nữa. Ông chùi mắt nhận kỹ, té ra đây là

chợ Cầ u Lim ở làng Nội Duệ, cách núi Lạn Kha mới độ chừng một dặm, ngân ngơ buồ n tiế c một hồ i lâu.

ÔNG BÙI HUY BÍCH

Tùng Niên

Năm Canh Hưng Nhâm Dần (1782), chúa Điện Đô trẻ thơ lên câ`m quyề`n chính, xa gầ`n đê`u nôn nao. Ngày 25 tháng Mười, quân Tam phủ làm loạn, phù lập con nhón của chúa cũ là Tông lên ngôi, đó là Đoan Nam Vương. Ông Bùi Huy Bích ở trong chính phủ, hế`t sức chèo chồ`ng, trong ngoài mới được tạm yên ổn.

Bấ`y giờ dưới lầ`n trên suy, rường mớ`i trong triề`u ngày càng nát nót, ông lo lắ`ng, thường vẫn thở ngắ`n than dài. Bài văn khóc ông Quyề`n phủ Hồ` Sĩ Đố`ng, ông có những câu:

“Trên triề`u đình chính sự bừa bãi, lại thêm mùa màng bị nước lụt sâu cắ`n, đương mong ông hoặc có cứu chữa được tình thế` chẳng. Nay ông từ trầ`n thì tôi lại chưa được tránh bước người hiề`n để lui về` nuôi giữ cái ngu của mình”.

Coi đó thấ`y tầ`m lòng của ông tỏ bày ra ở lời nói.

Một hôm ông chiêm bao thấ`y chúa Nghị Tổ Ân Vương ngự đi chơi núi, ông quỳ khải rắ`ng:

- Việc nước đê`n cơ hỏng mấ`t, còn mong ở đầ`ng Tiên thánh vương sẽ tính kế` cho xã tắ`c.

Chúa thở dài không nói gì, chỉ trở tay xuồ`ng dưới núi thì thấ`y ở giữa đám núi thịt bẻ máu, mũ xiêm xe kiệu bê` bộn ngổn ngang không biế`t bao nhiêu mà kể. Rồ`i đó mấ`y lầ`n ông xin thoái chức nhưng không được. Chưa bao lâu nước mấ`t.

THÁP BÁO THIÊN

Tùng Niên

Cây tháp Đại Thắ'ng Tư Thiên ở chùa Báo Thiên dựng từ đời vua Lý Thánh Tông. Tháp xây mười hai tầ'ng, cao mắ'y chục trượng. Đời vẫn nói *An Nam tứ khí* 安南四器, nghĩa là nước An Nam có bốn cái công trình lớn thì tháp này là một⁽¹²¹⁾. Khoảng năm Tuyên Đức nhà Minh, đức Thái Tổ hoàng đế' Tiên triề'u tiế'n binh vây Đông Đô, viên quan giữ thành là Thành Sơn hầ'u Vương Thông phá hủy cây tháp để chế' súng đá làm kế' giữ thành.

Tiên triề'u nhân nề'n cũ, đắ'p cái núi đắ't phủ lên trên. Sau hồ'i vạc đổi, chùa bỏ hoang làm chợ Báo Thiên, núi làm chỗ xử tử người tội. Năm Giáp Dầ'n (1791), đắ'p lắ'y những gạch đá nề'n tháp để tu bổ thành Thăng Long. Nề'n tháp mở ra, thắ'y có 8 pho tượng Kim Cương chia đứng bốn cửa, ngoài ra còn những tượng người tiên, chim muông, cho đế'n những giường ghế' chén bát không thể kể xiế't, toàn bắ'ng đá cả. Những hòn gạch hoa, hòn nào cũng khắ'c những chữ 李家第三帝龍瑞太平四年造, nghĩa là niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ tư đời vua thứ ba triề'u nhà Lý đức nên. Tôi bắ'y giờ có câu thơ rắ'ng:

李氏故基成茂草

Lý thị cô' cơ thành mậu thảo,

太平遺號委殘磚

Thái Bình di hiệu ủy tàn chuyên.

Nghĩa là:

Lý thị nề`n xưa vâ`ng cỏ tồ`t,
Thái Bình hiệu cũ đố`ng sành hoang.
Đó là lời kỷ thực⁽¹²²⁾ vậy.

TIÊN QUẬN CHÚA

Tùng Niên

Cô gái yêu của bà chính phi chúa Minh Vương (Trịnh Doanh) là Tiên quận chúa, đã đính hôn với Hoàng thái tử Duy Vĩ.

Chưa thành hôn thì bà tạ thế, sau khi khâm liệm, truy sách làm Hoàng thái tử phi, lễ thành phục làm ở dinh bà Liêu công phu nhân là bảo mẫu của quận chúa.

Trước đó một ngày, Thái tử túc trực ở nhà tang, chiêm bao thấy kẻ Yết giả áo vàng dẫn vào vương phủ, trông thấy lâu đài cùng kẻ hầu người hạ, sang trọng gấp mười lần ngày thường.

Thái tử cùng quận chúa ngồi uống trà xong, nhà bếp dọn một mâm cỗ lên để hai người ăn, đàn sáo nổi lên riu rít. Ăn xong, trò chuyện lúc lâu rồi quận chúa sai buồng màn cùng nhau âu yếm. Trong khi nằm trên gối, quận chúa bảo với Thái tử rằng:

- Thiếp chịu mệnh Thượng đế, xuống trần cùng Điện hạ kết mối duyên nợ kiếp xưa. Mới đây vì bà phi mẫu của thiếp đức mỏng, nên thiếp phải về, không được ở lại để hầu khăn túi cho trọn vẹn. Nhưng cái ngày sum họp sau đây cũng chẳng xa xôi là mấy, xin đừng nên bận nghĩ đến thiếp cho lắm.

Lúc tỉnh dậy hơi rượu chưa phai, hương thừa hấy còn ngan ngát ở áo, bèn gọi bà Bảo mẫu nói chuyện cho nghe. Trông phong nghi phục của Quận chúa trong giấc chiêm bao, y như lúc ngày thường không khác gì cả.

Không bao lâu Thái tử phải nạn.

NGƯỜI BÁN THAN

Kính Phủ

Hồ i họ Nguyễn cũ⁽¹²³⁾ mấ t, có kẻ di thân ở ần không chịu ra làm quan, lấ y nghề bán than làm kế số ng. Một hôm giữa đường gặp đám quan quân, ông họ Hoàng trông thấy lấ y làm lạ, bảo làm bài thơ bán than bằ ng quốc ngữ. Mỗ liề n làm ngay rằ ng:

Một gánh kiề n khôn ruối xuô ng ngàn,

Hỏi chi bán đầ y gửi rằ ng than.

Chuô c mua miễn đượ c đô ng tiề n tô t,

Hơn thiệt nài bao gồ c củi tàn.

Ở với lửa hương cho vẹn tiề t,

Thử xem sắ t đá có bê n gan.

Hận vì nhem nhuô c mong nghề khác,

Song lệ giới kia lắ m kẻ hàn.

Ông Hoàng rấ t tán thưởng, tặng cho năm quan tiề n. Nhưng Mỗ không nhận, liề n quảy gánh củi đi.

Xét người di thân của họ Nguyễn cũ này có làm ra thơ rấ t nhiề u, không thể chép hế t ra đây đượ c. Hãy xin lục ra một vài bài:

誰分誰合末之何

Thùy phân thùy hợp mạt chi hà,

南北從來是一家

Nam bắ'c tòng lai thị nhấ't gia.

盪襲官軍歌鼓角

Đãng tập quan quân ca cổ giồ'c,

奔逋臣主泣山河

Bôn bô thầ'n chúa khấ'p sơn hà.

皤皤白髮歸何所

Ba Ba bạch phát quy hà sở,

耿耿丹心矢靡他

Cảnh cảnh đan tâm thĩ mĩ tha.

寄語皇天如悔禍

Ký ngữ hoàng thiên như hô'ì họa,

肯教蒼赤陷兵戈

Khẩng giáo thương xích hãm binh qua.

Nghĩa là: Ai chia ra và hợp lại, chẳng biế't làm sao, miề'n nam miề'n bắ'c nguyên xưa nay vẫn là một nhà. Quan quân miề'n bắ'c đi đánh chác xong, thối còi giống trồ'ng hát khúc khải hoàn, trong khi á'y thì chúa tôi miề'n nam chạy trồ'n long đong mà khóc nỗi nước non tan vỡ. Tóc bạc phơi phới biế't về' nơi nào? Lòng son lòi lòi thê' không đổi chác. Nhắ'n với ông Hoàng thiên nế'u có lòng bần khoản về' những tai nạn, há nỡ để cho dân chúng phải hãm vòng binh qua.

II

... (mấ't câu đầ'u)

二百年來席久安

Nhị bách niên lai tịch cửu an.

逋隸有情顯聖武

Bô lệ hữu tình ngung thánh vũ,

具臣無口罵權奸

Cụ thầ'n vô khẩu mạ quyề'n gian.

不能絕嶺夷齊鬼

Bâ't năng tuyệt đỉnh Di Tê` quỷ,

何忍新階溥質官

Hà nhẫn tân giai Phổ Châ't quan.

尚有先公遺澤想

Thượng hữu Tiên công di trạch tưởng,

故寧殷義似周頑

Cô' ninh Ân nghĩa tự Chu ngoan.

Nghĩa là: ... Hai trăm năm nay chiề'u giường yên ổn. Những kẻ hèn hạ còn có lòng cảm đội ơn chúa, đáng thương kẻ bê` tôi đủ đầ'u này không có miệng để mắ'ng đũa gian thầ'n. Đã không lên được đỉnh núi để chề't làm con mà Di, Tê`⁽¹²⁴⁾, sao nữ còn đứng ở thề'm

triều mới để lĩnh chức quan như Phò Châ t⁽¹²⁵⁾. Vì còn tưởng nhớ đến những ơn xưa của các đấng Tiên công (chúa cũ), cho nên thà làm con người có nghĩa của nhà Ân tuy có giông như tên dân cứng cổ của nhà Chu.

III

當初恨不死忠貞

Đương sơ hận bất tử trung trinh,

千里羈臣趕王京

Thiên lý cơ thân sấn ngọc kinh.

箕子西行悲麥秀

Cơ Tử tây hành bi mạch tú,

文山北渡嘆佯零

Văn Sơn bắc độ thán dương linh.

關河舉目鄉情重

Quan hà cử mục hương tình trọng,

鍾鼎擡頭世味輕

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.

遙望宋山何處是

Dao vọng Tô ng Sơn hà xứ thị,

吾先烈祖舊墳塋

Ngô tiên liệt tổ cự phầ n đình.

Nghĩa là: Năm xưa giận mình chẳng ché t theo với chữ trung trinh, nghìn dặm long đong đi đế n chố n ngọc kinh này. Ông Cơ Tử trở về quê hương miề n tây, buồ n trông thấ y kinh đô chúa cũ thành ra cánh đô ng lúa tô t⁽¹²⁶⁾. Ông Văn Sơn vượt bể đi lên mạn bắ c khi nước mắ t và thân mình bị bắ t, than thở về cảnh trên mặt bể linh đình⁽¹²⁷⁾. Nước mắ t trông núi sông, lòng quê nặng trĩu, ngẩng đầ u ngó chung đình, mùi đời coi khinh. Xa trông đầ t Tô ng Sơn ở về nơi nao, tại đầ y có những phầ n mộ của tổ tiên nhà chúa.

Một người con gái của Mỗ lưu lạc ở kinh, vào trong đình người anh của tước hầ u Kiề u Nhạc họ Nguyễn, có làm hai câu thơ rằ ng:

來可亡吳傷浣婦

Lai khả vong Ngô thương cán phụ,

去能存楚愧包胥

Khứ năng tô n Sở quý Bao Tư.

Nghĩa là: Đế n có thể làm mắ t nước Ngô, thương cho người đàn bà giặt sợi (trở Tây Thi), đi có thể giữ còn nước Sở, thẹn thay mình chẳng bằ ng Bao Tư. Hầ u nghe thấ y bèn đuổi đi.

Lời phụ xét của người dịch:

Thường đọc sách *Nam Hà tiếp lục*, cũng có thấ y nói về vị đị thầ n này. Sách đó nói:

“Sau khi chúa Nguyễn ở Nam Hà mắ t, có vị hàn lâm chạy ra bắ c ở thành Thăng Long, người ta khuyên làm quan nhưng không chịu làm, nhân làm thơ để tỏ ý”.

Về thơ chữ Hán của vị di thần này, sách đó chép hơn đây một bài; tựu trung lại có những chữ không giống với ở đây, và một câu thơ thiếu mất trong bài thứ hai ở đây thì sách ấy có đủ. Vậy xin sao lục cả mấy bài ấy ra để tiện tham khảo.

I

北風攜手與誰俱

Bắc phong huê thủ dữ thùỵ câu,

月色天山影共孤

Nguyệt sắc thiên sơn ảnh cộng cô.

一日十時思故國

Nhật nhật thập thời tư cố quốc,

五更九夢到南州

Ngũ canh cửu mộng đáo nam châu.

不能白水旋車力

Bất năng Bạch Thủy toàn xa lực,

空作長安浪渡夫

Không tác Trường An lãng độ phu.

尚有同猓公子在

Thượng hữu Đổng Nại công tử tại,

何堪垂淚嘆羸輸

Hà kham thùỵ lệ thán doanh thâu.

||

當初恨不子忠貞

Đương sơ hận bất tử trung trinh,

千里崎嶇赴玉京

Thiên lý khi khu phó ngọc kinh.

箕子西行悲麥秀

Cơ Tử tây hành bi mạch tú,

文山北渡嘆丁冷

Văn Sơn bắc độ thán đình linh.

山河舉目鄉情重

Sơn hà cử mục hương tình trọng,

鍾鼎擡頭世味輕

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.

遙望愛州何處是

Đao vọng Ái Châu hà xứ thị,

吾先列聖舊墳塋

Ngô tiên liệt thánh cựu phả n đình.

III

天將一帶阻江山

Thiên tương nhâ't dải trở giang san,

二百餘年席九安

Nhị bách dư niên tịch cửu an.

逋隸有懷顯聖澤

Bô lệ hữu hoài ngung thánh trạch,

具臣無口罵權奸

Cụ thâ'n vô khẩu mạ quyê'n gian.

不能絕嶺夷齊鬼

Bâ't năng tuyệt đỉnh Di Tê' quỷ,

何忍新朝溥質官

Hà nhẫn tân triê' u Phổ Châ't quan.

回想先王遺澤在

Hô'ì tưởng tiên vương di trạch tại,

故寧殷義作周頑

Cô' ninh Ân nghĩa tác Chu ngoan.

IV

時分時合未之何

Thời phân thời hợp mạt chi hà,

南北從來是一家

Nam bắc tông lai thị nhât gia.

蕩定官軍歌鼓角

Đãng định quan quân ca cổ giớ c,

逋奔臣子哭山河

Bô bôn thâ n tử khô c sơn hà.

遙遙白鬢歸何處

Dao dao bạch mấn quy hà xứ,

耿耿丹心矢靡他

Cánh cánh đân tâm thỉ mĩ tha.

何幸天心早悔禍

Hà hạnh thiên tâm tảo hô i họa,

免教蒼赤陷干戈

Miễn giao thương xích hãm can qua.

PHẠM TÁU

Kính Phủ

Phạm Tá u người làng Hoàng Xá huyện Đông Quan, con bé của quan Đông các Phạm. Thừa nhỏ thông minh, đọc rộng các sách, văn chương rộng rãi mạnh mẽ. Khi đi khảo, đầ u bài phú là 遇合眞君臣 *Ngộ hợp chân quân thân*⁽¹²⁸⁾, bài Phạm làm trong đó có một liên⁽¹²⁹⁾ rằ ng:

白帝灰興復之心，創業之功未半

Bạch đê ́ hời hưng phục chí tâm, sáng nghiệp chí công vị bán,

五丈洒英雄之淚，復讎之志難伸

Ngũ trượng sái anh hùng chí lệ, phục thù chí chí nan thân.

Nghĩa là: Thành Bạch Đê ́ nguội lòng hưng phục, công phu sáng nghiệp chưa được nửa vời; gò Ngũ Trượng rơi lệ anh hùng, chí nguyện phục thù khôn bẽ ́ thỏa mãn.

Khảo quan khen là có tài lạ, lắ y lên đồ đầ u.

Khoảng năm Vĩnh Hựu, ông Đông các vì có ông cậu là Nguyễn Công Hãng bị tội, phải trồ ́ n lên Trầ ́ n Ninh, theo các ông Duy Chúc, Duy Mật dắ y quân; ra trận bị bắ t, triề u đình kẻ tội rằ ng:

- Nhà nguoi là người trong khoa giáp, làm sao lại đi theo đảng nghịch?

Ông cười:

- Đã lâu nay danh phận không rõ, còn ai biết đâu mà phân biệt thuận nghịch.

Nói rồi i vươn cổ ra chịu hình.

Phạm Tâu vì thế đắm ra bừa bãi, rượu uống hết nhè, đuổi cả vợ con, chẳng thiết gì xây dựng sản nghiệp, thường đi chơi khắp nơi sơn thủy, gặp lúc đắc ý thì uống rượu hát ngao, mãi miết quên về. Bây giờ Quốc lão Hoàn quận công Nguyễn Hoãn ham đọc những sách về đạo gia, ngờ là Phạm có tiên thuật, mời đến chơi để hỏi. Phạm cười mà rằng:

- Ông là người nổi chìm trong bể hoạn, dạy làm sao được?

Quốc lão im lặng rồi mời đi. Cuối đời Cảnh Hưng, có người gặp ở chợ Thanh Hà, áo rách chân không, thân nhiên ngâm vịnh, cho rượu không từ chối, cho tiền cũng lấy nhưng ném tung cho lũ trẻ con tranh nhau nhặt làm vui. Quan huyện nghe nói mời đến nhà, thiết cơm không ăn, chỉ uống rượu vô hạn; ngủ thì cứ để cả chân lấm, mời đi rửa nhất định không nghe. Ở mấy ngày rồi đi. Sau khi vạc đôi, chẳng rõ ra đời thế nào.

ÔNG VÕ CÔNG TRẦN

Kính Phủ

Quan Thượng thư Võ Công Trầ́n, người làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai, thuở trẻ buông tuồ́ng, không chịu ở trong vòng câu thúc. Khi ông đứ́n trọ học ở làng Thiế́t Ứng, huyện Đông Ngàn, cổng làng có cái miế́u yêu tinh rấ́t thiêng, ông vẫn thường đùa nghịch. Một đêm ngồ́i học, thấ́y một người con gái áo trắ́ng quầ́n đen, ren rén đi đứ́n, ngồ́i ở bên cạnh bàn học. Ông cho là một cô con gái lẳng lơ, cầ́m bút viế́t đùa ở khoảng không hai chữ “tróc phọc”⁽¹³⁰⁾ rồ́i ôm lắ́y. Vừa ôm thì thoắ́t chồ́c đã không thấ́y gì, nhưng buông tay ra thì nàng vẫn ngồ́i đắ́y, bắ́y giờ mới biế́t nàng là một yêu nữ. Nàng ngồ́i lặng lúc lâu không thể đi được, kêu van ông tha cho. Ông nhắ́t định không nghe. Gà đã gáy nàng kêu van rắ́ng:

- U mình khác nẻo, sao lại bức bách nhau như vậy, há không nghe chuyện đố́t soi sừng tê ở hòn Ngưu Chử⁽¹³¹⁾ ư?

Ông hứa tha cho, và hỏi về tiề́n trình của mình. Nàng nói:

- Tiế́t lộ cơ giới, tội lỗi không nhỏ, nhưng đố́i với ông thì tôi không dám giấ́u. Ông sau sẽ đỗ Đông các cả hai nước, mong đừng quên tôi.

Ông nhận nhời rồ́i viế́t vào khoảng không một chữ “giải”⁽¹³²⁾. Nàng thoắ́t chồ́c đã biế́n đi mắ́t. Sau đó một lát thì sắ́m mưa ùng ùng rồ́i nghe thấ́y người ta nói là cái miế́u yêu tinh đã bị sét đánh tan nát.

Sau ông thi đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn niên hiệu Bảo Thái. Thi Đông các cũng trúng cách. Phụng mệnh đi sứ Tàu, gặp kỳ thi Đông các, cũng lại trúng cách. Cảm vì lời nói linh nghiệm, mỗi bữa ăn thường đặt đĩa bát khấn mời. Ông làm quan trong triều, cứng thẳng không kiêng tránh người quyền yếu. Khoảng năm Cảnh Hưng, quan đến Ngự sử. Bà y giờ chức Thự phủ là Luyện quân công Đỗ Thế Giai, vì là bà y tôi cũ ở nơi tiếm để, nên được chúa rất tin yêu, cả m quyền chính có vẻ chuyên quyền. Ông xin chúa chém đầu viên ấy, chúa rất khen là người thẳng. Khi về trí sĩ, được tặng chức Thượng thư. Con gái ông gả cho con giai ông Tô Thế Huy ở làng Bình Đặng. Mới ăn hỏi xong thì người con giai chết. Người con gái về nhà họ Tô chịu tang. Sau bà mẹ là Mỗ phu nhân thương vì trẻ trung, ép đi tái giá. Nàng nói:

- Chính chuyên một tiết là đạo người đàn bà, đâu còn nghĩ đến sự gì nữa.

Mẹ chồng là Mỗ phu nhân cũng khuyên, nhưng nàng thế không lấy ai cả rồi già đời ở nhà chồng.

ÔNG NGUYỄN TRẬT

Kính Phủ

Ông Nguyễn Trật người làng Nguyệt Viên huyện Hoả`ng Hóa (Thanh Hóa). Tuổi trẻ thi đỗ khoa hương rồi bỏ học đã lâu, không nhìn đến sách vở nữa. Bây giờ có viên trúng thức Mỗ ở làng Bọt Thái trong cùng huyện, học rộng văn hay, tự cậy tài mình lắm y khoa bằng dễ như giở bàn tay vậy. Có ông cụ già đến chơi trong hạt, giỏi nghề địa lý, thường đến nhà Mỗ bảo rằng:

- Lão mê n tài học của thầy, nay có ngôi đất phát tiến sĩ khoa này, nếu thầy muốn để mà thì lão xin biếu.

Mỗ nói:

- Khoa bằng tự tay tôi sẽ làm ra được, hà tất phải nhờ đến thuật phong thủy.

Ông cụ già im lặng rồi đi. Đến làng Nguyệt Viên tìm vào nhà ông Trật, cụ già cũng bảo như vậy. Ông Trật cảm tạ mà rằng:

- Giàu sang ai là người chẳng muốn, nhưng tôi bỏ học đã lâu, đâu còn dám mong điều ư ầy nữa.

Cụ già cười:

- Tiến sĩ phải học mới được thì có gì là lạ.

Cụ già ở đấy mấy tháng, ông tiếp đãi rất là kính cẩn. Rồi ông cụ cho ông ngôi đất ấy, và bảo lắm y sách vở ra đốt hết đi. Ai thầy thế cũng cười là nhảm.

Đến khoa thi hội ấy, ông miễn cưỡng sửa hành trang tới kinh. Cùng với các người quen cùng trọ một nhà, rồi trường thứ nhất, trường thứ hai, nhờ sức giúp đỡ được trúng. Trường thứ ba nhật được mảnh giấy, theo đúng mà chép cũng trúng. Đến trường thứ tư trước khi vào mấy ngày, các bạn cùng trọ đều đi ra ngoài xoay lây tiền nhu dụng vào trường, ông lại ở nhà trọ ngủ ngày, chiêm bao thấy có vị thần bảo:

- Khương! Khương!

Tỉnh dậy ông nghĩ:

- Khương chắc là gừng rồi!

Hôm vào trường, ông bèn đem theo gừng vào. Bây giờ tiết xuân giá rét, ông ở trong trường thì đốt lửa đun nước để sưởi ấm. Chiều tối, bên cạnh có một thí sinh vật vã kêu rên vì đau bụng lạnh, nghe ra thì chính là viên trúng thức Mỗ ở làng Bột Thái. Ông đun nước gừng đổ cho uống. Một lát, người ấy lấy ra một quyển văn mà bảo:

- Đó là bài văn rất đặc ý của tôi, may chưa đề tên, xin đề đến báo. Mong ông anh công ra khỏi trường, dù chết cũng không bán khoản gì nữa.

Ông y theo lời. Ra khỏi trường, Mỗ lại phát bệnh mà chết.

Rồi đó ông trúng cách, ở kinh đô người ta huyền truyền cả lên. Việc tiết lộ ra. Triều đình bãi kỳ thi đình. Lâu lâu mới trao cho chức quan tiền sĩ trút áo vải. Từ đây bèn thành lệ⁽¹³³⁾.

ÔNG VÕ SỬNG

Tùng Niên

Trong năm Cảnh Hưng, Hoàng thái tử bị phê, giam ở dinh viên nội thất Thiệu quận công. Trúng thức Võ Sùng là cháu táng của cụ Thám hoa Võ Thành, hăm hực đầu đón, bèn cử hợp nghĩa sĩ, mưu việc phản chính. Việc tiết lộ ra, bị đem hành hình ở bên Đông. Những người thân cận và bè bạn, đều nín hơi không ai dám nhìn đoái đến. Có viên giám sinh Nguyễn Liên người làng Phan Khê huyện Lương Tài, đem rượu đến để cùng ông Sùng quyết biệt. Ông uống rượu say, làm bài thơ để tặng Nguyễn Liên trong có câu:

一身自任綱常重

Nhất thân tự nhiệm cương thường trọng.

Nghĩa là: Một thân gánh lấy cương thường nặng; rồi vươn cổ ra chịu chết.

Nguyễn Liên lo liệu việc tang cho chu tất. Năm Đinh Mùi niên hiệu Chiêu Thống, ông được truy tặng tước vương và người con nuôi của ông là Hiệu được phong quan. Triều đình lại bàn dựng đền để tinh biểu. Năm Kỷ Dậu vạc đổi, Hiệu theo vua sang Yên Kinh rồi mất tại đất khách, có người dầy tớ đem tang về.

CHUYẾT CÔNG THIÊN SƯ

Tùng Niên

Chùa Phật Tích ở núi Lạn Kha, do vua Anh Tông nhà Lý dựng lên, cung son điện vẽ, san sát trong núi. Có người can, vua cười mà bảo:

- Đó là cái duyên xưa của trẫm.

Hồ i tiên triề u trung hưng, có người thầ y tu ở bên Tàu là Chuyế t Công thiề n sư, đi thuyề n bẻ chở hơn ba vạn quyển kinh *Tam Tạng* sang nam, lên núi Lạn Kha, hoảng nhiên như có hiểu ra một điề u gì, nhân làm nhà trụ trì ở đấ y. Ở được hơn một năm, kinh *Tam Tạng* bị chuột gặm mấ t đê n một nửa, sư lại về Tàu lấ y kinh đem sang. Sau đời Lý Trầ n, đạo Phật lại hưng thịnh lên đê u là công sức của sư cả.

Ông Trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo người làng Hoài Bảo thuở nhỏ đi học qua chùa á y, sư thường lấ y giầ u cau ra thề t. Một hôm ông đùa: viế t một chữ 獻 *hiề n* ở dưới đáy hộp giầ u rô i đi. Sư đón đường lúc ông về rô i mời vào bảo rằ ng:

- Đó là hai chữ 南犬 *nam khuyển* hợp lại. Ta vô n biế t nhà thầ y là trạng nguyên nước Nam, nhưng thầ y có muố n nổi tiế ng ở tận triề u đình Trung Quố c không?

Ông giật mình sụp lạy xin dạy bảo cho. Sư trao cho một quyển sách mà bảo:

- Đó là một quyển sách bí mật, khoảng năm Sùng Trinh, Thuận Trị bản in bị cháy; nhà thầ y nên ghi nhớ lấ y.

Rồi sau ông thi đỗ và phụng mệnh đi sứ Tàu. Trong khi nhàn rỗi ở quán khách thường được vua Tàu vời vào hỏi han, ông viện dẫn cổ kim nhiều điều ra ngoài ý nghĩ của người ta, được vua Tàu rất là khen ngợi, ban cấp rất hậu. Như vậy đã đúng như lời của sư nói.

Sư nguyên họ Lý tên là Thiên Tô, cùng tên với vua Lý Anh Tông. Chân thân đến nay hãy còn. Có người ngờ sư là hậu thân của vua Anh Tông.

ĐỀN LINH LANG

Tùng Niên

Hồ Tây thuộc huyện Quảng Đức, là một nơi phong cảnh đẹp ở kinh sư. Khói sóng mơ hồ trông rất bát ngát. Các vua đời nhà Lý thường ngự giá ra chơi ở đây. Một hôm có một cô gái quê giặt lụa ở bên bờ hồ, vua trông thấy đem lòng yêu, vờ vào hành cung cột ghẹo. Người con gái về nhà có chữa, sinh ra được một con giai, mặt mũi vuông tượng. Năm đứa trẻ lên 8 tuổi, các người kỳ cựu trong làng đem việc ấy tâu lên. Vua vờ vào cung, cho dự vào hàng cuối trong các hoàng tử. Không bao lâu cậu hoàng tử ấy lên đậu, mỗi hạt đậu to như hạt ngô, liền xin xít không hở chỗ nào, đến ba tháng giời mà vẫn chẳng khỏi; các thầy thuốc nhà nước đều phải bó tay, không còn xoay xỏa kế gì được. Vua đến thăm thử dài, thương hại. Chợt hoàng tử tâu với vua rằng:

- Con bị đầy xuống có kỳ, xin vua cha bắt tất phải buồn phiền lắm, con sắp sửa đi đây. Nếu vua cha có lòng rủ thương, thì xin sai lập cho con máy gian đến thờ ở chỗ nào con đi máy.

Vua bả lòng. Hoàng tử liền bảo buông màn, đuổi hết những người hầu hạ ra. Chừng một trống canh, mở màn xem, thấy có một con thuồng luồng từ trên nệm bò xuống dưới đất rồi quây quây đi, đến bờ hồ Linh Lang ngóng cổ nhìn những cây cỏ thụ và trái núi đất rồi bò xuống nước biến mất. Người đi dò theo về tâu với vua, vua truyền chỉ lập đền⁽¹³⁴⁾; thường phong cho đến Thượng đẳng thần, cùng đến Bạch Mã đều là vị Đại thành hoàng ở Kinh đô. Mỗi năm cứ ngày lập xuân, quan coi việc đem trâu đất đến dưới đền làm lễ nghênh xuân, các triều sau đều theo lệ ấy.

CHÙA KIM LIÊN

Tùng Niên

Mùa thu năm Đinh Tỵ (1797), tôi cùng các ông Nguyễn Thạch Hiên, Nguyễn Kính Phủ, Hoàng Hy Đỗ, đến chơi chùa Kim Liên ở làng Nghi Tàm, nơi trụ trì cũ của hòa thượng Huệ là nội thị của chúa Uy Vương. Chùa xoay lưng ra sông Nhị Hà, Hồ Tây diễm quanh ở trước mặt, khói sóng man mác, trời nước một màu. Lợp trong lợp ngoài đều năm gian, trong năm Cảnh Hưng lạy gỗ ở chùa Quán Sứ mà dựng nên, làm rất tỉ mỉ và kiên cố. Đàng phía tả có mấy cái gò, xen lẫn vào trong khoảng nước hồ, tháp gạch xây ở trên, khóm trúc cội tùng phơ phất. Đàng hậu đường có một pho tượng, đội mũ cầ m hốt và mặc áo văn lĩnh, hai chân đứng không, mày râu như vẽ, truyền rằng đó là ngự dung của chúa Uy Vương. Bấy giờ chú tiểu trong chùa đương bẻ hoa đồng về tiến cúng, đón mời khách vào ngồi chơi. Sân thêm xen lẫn cỏ và đá. Cúc giậu mới vàng, cùng nhau ra xem ngắm lúc lâu rồi về.

Chao ôi, mây trắng chó xanh, biếc đôi đi trong chớp mắt. Người xem đây cũng nên tỉnh ngộ ra vậy.

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tùng Niên

Đức Quang Thục hoàng thái hậu tiên triều u thừa còn là người thường, ở ngụ tại phía tây nam nhà Quốc tử giám. Nước hồ bao bọc chỗ nhà ở, các thầy tướng số cho là có khí thiên tử. Bà thường vì họ hàng mà đi lại với các bà phi tần ở trong cung, vua Thái Tông trông thấy bà yêu thương đến, về nhà bên có mang. Đúng kỳ sinh ra được một người con giai, thiên tư tuyệt lạ. Thừa nhỏ người con giai theo mẹ ở lẫn trong đám dân chúng, nổi tiếng về văn học. Vua Thái Tông nghe tiếng vời vào, phong cho tước vương. Đến sau nhân khi Lệ Đức hậu bị phế, các đại thần đón vị vương này lập lên làm vua, đó là vua Thánh Tông. Vua tự chỗ ngôi nhà ở cũ của Thái hậu, dựng ra tòa điện Huy Văn, bên cạnh dựng ngôi chùa Dục Khánh.

Khi trước Thái hậu có mang, chiêm bao đến chỗ Thượng đế, thầy Thượng đế sai một vị tiên đồ ngáng thế, làm vua nước Nam, và sai một ngọc nữ xuống để sánh đôi. Tiên đồ không vâng chỉ ngay, Thượng đế giận, ném hòn ngọc khuê làm xây xát ở trán. Tiên đồ dập đầu lạy tạ, xin ban cho một người giúp việc. Thượng đế trở một viên trong ban sai theo đi giúp. Viên ấy có từ. Ngài hãy vào vai không cho từ. Lúc bưng tỉnh giấc thì sinh ra vua Thánh Tông, về t ngọc khuê ở trên trán hãy còn rõ rệt.

Khi đã lên ngôi đại bảo, vua tôn bà mẹ lên làm Hoàng thái hậu. Thường dò tìm người trong chiêm bao không gặp, lòng vẫn không vui. Khoảng đầu niên hiệu Thái Hòa, Tể Văn hậu Nguyễn Trãi phải tội, có người con gái bị bắt vào quan sung vào hàng gái nữ nhạc. Người con gái ấy tư sắc tuyệt đẹp, tuổi đã 17, 18 mà vẫn không biết nói.

Đế'n nay theo đô'ng bạn vào cung hậ'u yế'n, vì câ'm nên chỉ ngô'ì gổ phách. Khi vua bước lên ngự tọa, người con gái bỗng câ'm phách hát, tiế'ng vang lanh lảnh, phảng phấ't như khúc điệu Quân thiên. Vua lấ'y làm lạ hỏi, thì thấ'y người con gái nói năng đi đứng, giồ'ng hệt người ngọc nữ trên chỗ Thượng đế', bèn thu nạp vào hậu cung, sách lập làm Trường Lạc hoàng hậu.

Khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận thứ tư, ngày truyề'n loa về' kỳ thi đình, Trạng nguyên Lương Thê' Vinh vào bá'c yế't, hai vai hơi lệch không được bắ'ng phẳng. Vua kinh dị, sai vào bá'c yế't Hoàng thái hậu, Thái hậu nhớ lại mộng cũ thì thấ'y hình mạo Lương rấ't đúng. Hai cung đê'u rấ't vui vẻ. Vua bèn trao cho Lương làm chức Hàn lâm Thị độc, dự vào hàng 28 ngôi sao ở trên Tao Đàn. Những thơ văn xướng họa, có chép ở trong các tập *Thiên Nam dư hạ* và bức đô' *Bình Nam chi chương*.

Chùa Dục Khánh sau lầ'm ra là chùa Hoa Văn. Điện ở phía tả, thờ thầ'n khâm đức Quang Thục hoàng thái hậu. Khoảng năm Dương Đức đời Trung hưng, Tây cung hoàng thái hậu chữa lại chùa Khán Sơn, phía hữu chính điện thờ ngự dung đức Thầ'n Tông Uyên hoàng đế'. Hồ'ì vạc đổi trở về' sau, chùa Khán Sơn đổ nát, ngự dung thiên đế'n chùa Dục Khánh, nay ở gian hữu nế'p tiề'n đường; có người lầ'm bảo là tượng đức Thánh Tông.

(Người con gái hát có câu: Hẹn nhau từ thừa Thiên đình, lòng nào nữ phụ tâm tình thê' ru?)

THƠ ĐỀ SAU

坐策興亡一愴然

Tọa sách hưng vong nhấ't thẳng nhiên,

無窮人世奈何天

Vô cùng nhân thế' nại hà thiên.

鄭黎自作離膏蟹

Trịnh Lê tự tác ly cao giải,

岳惠爭誇得腐鳶

Nhạc Huệ tranh khoa đắ'c hủ diên.

切齒烏南鵬郡劍

Thiế't xỉ Ô nam Bắ'ng quận Kiế'm,

傷心燕北馬僮甄

Thương tâm Yên bắ'c mã đô'ng chuyên.

那堪讀竟桑滄傳

Na kham đọ'c cánh Tang thương truyện,

此日還今又百年

Thử nhật hoàn kim hựu bách niên.

Tháng Trọng thu năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái⁽¹³⁵⁾

*Kẻ hậu học Phó bảng khoa Canh Thìn,
Quang Lộc tự Thiêu Khanh, Đô`ng Giang Phạm Văn Tâm*

Bái đề`

Dịch:

Nghĩ cuộc hưng vong luô`ng ngậm ngùi,

Khôn đem thế` sự hỏi ông giời.

Trịnh Lê của đề` lìa mai cứng,

Nhạc Huệ diê`u khoe được miê`ng hôi.

Tím ruột quận Bắ`ng gươm Huê` sắc,

Đau lòng bồ`i ngựa gạch Yên toi.

Tang thương truyện đọc buô`n sao xiê`t,

Lại một trăm năm cách đầ`y rô`i.

--- HÊ`T ---

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Sách đã xuất bản:

1. *Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) - Nhặt Tâm*
2. *Giai thoại và sưu tầm ký Trạng Trình* - Phạm Đan Quế
3. *Gia Định Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt* - Ngô Tất Tồ
4. *Lương Ngọc Quyến* - Đào Trinh Nhất
5. *Phan Đình Phùng* - Đào Trinh Nhất
6. *Nam Bộ với triều Nguyễn và Huế xưa* - Nguyễn Đức Xuân

7. *Bắ c cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân thời ở Huế* - Nguyễn Đắ c Xuân
8. *Vua bà Triệu Ẩu* - Nguyễn Tử Siêu
9. *Ngô Vương Quyê`n* - Trâ`n Thanh Mại
10. *Việt Nam anh kiệt* - Phạm Minh Kiên
11. *Bánh xe khứ quô`c* - Phan Trâ`n Chúc
12. *Việt Nam Lê Thái Tổ* - Nguyễn Chánh Sắ t

Sách gốc ghi Phạm Đình Hồ mất năm 1840, nhưng chúng tôi theo Trần Văn Giáp, trong Lược truyện các tác gia Việt Nam (tập 1) thì Phạm Đình Hồ mất năm 1839. (BT)

Huyện này do phủ Bình Giang kiêm lý.

Vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò.

Ban Cố và Tư Mã Thiên là hai nhà làm sử đời Hán.

Bính Thân (1896).

Tiểu xuân là tháng Mười, thượng cán là thượng tuần.

Tiếng xưng cha mình đối với người khác. (BT) Toàn bộ những chú thích có đề (BT) là của người biên tập

Ông Nguyễn Hoàn.

Chưa rõ tên.

Ông trạng Vũ Duệ.

Đời nhà Chu bên Tàu, trong triều đặt ra hai chức Tả sử và Hữu sử; Tả sử chép việc vua làm, Hữu sử chép việc vua nói.

Câu này ở thiên Lễ vận trong Kinh Lễ.

Phần nhiều chuyện ghi rõ tên của một trong hai tác giả, nhưng thỉnh thoảng cũng có những chuyện bỏ trống, vậy xin cứ để khuyết nghi.

Chợ này ở phía Tây Nam hồ Gươm bấy giờ.

Nơi vua tạm trú (BT).

Núi Thầy.

Quân tử chỉ nhà Nho chân chính.

Phủ Phụng Thiên bấy giờ lĩnh hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc vào trấn nào. Cũng như phủ Thừa Thiên ở Trung kỳ sau này thống hạt sáu huyện, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc tỉnh nào.

Quảng Đức đến năm Gia Long thứ tư đổi là Vĩnh Thuận.

Nguyễn Công Hãng (1679-1732) người làng Phù Chấn, huyện Đông Ngạn, trấn Kinh Bắc, làm tể tướng về triều các vua Dụ Tông và Vĩnh Khánh, rồi bị chúa Trịnh Giang biếm chức và bắt phải tự tử từ năm Long Đức nguyên niên (1732). Ở đây phải là Nguyễn Hoãn (1731-1791), người làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đậu tiến sĩ năm 1743, đời Trịnh Sâm,

làm đến chức Thái phó quốc lão phong tước Hoãn quận công chứ không phải Nguyễn Công Hãng.

Niên hiệu của vua Hy Tông (1680-1705).

Mỗi kỷ là 12 năm. Bấy giờ vua Hiến Tông trị vì năm thứ 46.

Cái vạc để thờ ở trước miếu nhà vua. Vạc đổi là nói sự thay triều đổi họ, nhà Lê mất. Tây Sơn lên, tức năm 1788.

Tức Trịnh Sâm (1767-1782)

Quảng hàn là cung trăng.

Quân thiên là khúc nhạc trên trời.

Khải nghĩa như tàu. (BT)

Thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Phủ tức là nhà ở của những ông quan to. (BT)

Nghị việc quốc chính.

Năm này Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc diệt Trịnh (1786).

Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Văn Giai người làng Phù Lưu trong huyện này.

Con rể chúa. Chúa ở đây là Trịnh Tùng (1570-1623).

Phó mẫu là người giữ việc trông nom dạy bảo quận chúa lúc nhỏ.

Vì ông nghĩ cá không có đuôi, tức là không có hậu.

Chỗ này có hai dòng hình như mất chữ nên thiếu nghĩa, tạm lược.

Nay là làng Côi Tri. (BT)

Tục gọi khăn mào gà.

Lúc trước, bác nông phu còn đội cái khăn ma, nên không ai trông thấy; mất cái khăn, bác mới hiện chân hình.

Mũ phốc đầu tức là mũ cánh chuồn. Hai cánh nguyên xưa là hai cánh đai buộc ở đằng sau, sau mới làm bằng sắt để giương ra như vậy.

1709-1729. (BT)

Thuộc Lạng Sơn.

Hặc cũng như bắt bẻ. (BT)

Chỉ nhà Thanh. (BT)

Tương truyền, nước giếng ở thành Cổ Loa mà đem rửa ngọc thì viên ngọc sáng ngời. (BT)

Áo có miếng thêu đính vào đằng trước và đằng sau, gọi là bổ phục. Dùng các hình thêu chim muông để chia định văn võ và cao thấp.

Đời Lê, giấy tờ của các quan đệ lên chúa Trịnh gọi là tờ khải; nói với chúa cũng gọi là khải.

Ông tổ năm đời Trung Liệt công là người nước ta, theo quân Minh sang Trung Hoa, nổi đời ở lại thành Ứng Sơn (Hồ Bắc). Trung Liệt công tên là Liễn, đỗ tiến sĩ nhà Minh, làm quan đến Tả đô ngự sử, vì hặc Ngụy Trung Hiền mà bị hại. Sau được truy phong và lập đền thờ. Nhà cũ hãy còn. Khi ông Công Hăng đi sứ, con cháu có đem những đạo số cũ ra cho xem.

Xem chữ viết, đếm nét mà bói. (BT)

Cấp lưu là dòng nước chảy xiết; dũng thoái là mạnh dạn rút lui. Ý nói làm quan đương lúc đắc ý nên cáo về.

Chữ cảnh trên có chữ nhật là mặt trời, dưới có chữ kinh là kinh đô.

Chú sinh là việc sinh tử. (BT)

Một kỷ là mười hai năm.

Nhà riêng. (BT)

Tức Trịnh Sâm (1767-1782). (BT)

Tình hình gần đây. (BT)

Là đất của chúa Nguyễn thời kỳ đó, nay là Quảng Nam và Thừa Thiên.

Tức sông Gianh. (BT)

Chàng Năm ở trong chuyện này là ông Đào Duy Từ.

Tiền đế: Ngôi nhà của vị vua lúc chưa lên làm vua. (BT)

Chuyện Ngư phủ vào Đào nguyên.

Tục gọi làng Gia, thuộc huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội bây giờ.

Thông là làng Đoàn Tùng. Thượng Thông trở ông Đỗ Uông, Thượng Nhữ trở ông Nhữ Công Tòng.

Đông Luân là làng ông Bùi Thế Vinh.

Thuộc Sơn Tây, Hà Nội.

Bích Cơ là tên một người đàn bà. Chưa rõ việc này là việc gì.

Hồi lang: hành lang uốn khúc. (BT)

Nơi được người ta thờ cúng đời đời. (BT)

Phù lục: Bùa phép, bùa chú. (BT)

Tình biểu: ban khen, khen ngợi. (BT)

Tình nguyên là đồ đầu tình. (BT)

Nghĩa là: Soi gương vẽ mày, một nét hóa thành hai nét. Song chữ điểm ở đây là tên bà Điểm, thành ra nghĩa là một bà Điểm hóa hai bà Điểm.

Nghĩa là: Kề ao ngắm nguyệt, một vầng hóa thành hai vầng. Song chữ luân ở đây lại là tên ông Luân, thành ra nghĩa là một ông Luân thành hai ông Luân.

Tức ngày giỗ. (BT)

Tức Hà Nội ngày nay. (BT)

Bà này không phải sinh mẫu vua Thái Tông, nhưng có công nuôi dạy, nên vua cũng coi như mẹ.

Hán Cao Tổ khi còn hàn vi, hay vào ẩn nấu ở núi Mang Đường; sách nói là khi ấy, thường có đám mây ngũ sắc che ở trên.

Hán Cao Tổ bị quân Sở vây ở Tuy Thủy, nhờ có một trận gió bão tung cát mù mịt, mới được giải vây mà thoát nạn.

Khi vua Quang Vũ hết lương ở sông Hồ Đà, có Phùng Dị dâng cơm chiêm để vua xơi, lại khi vua bị đói ở Vu Lân đình, Phùng Dị dâng cháo đậu.

Tôn kính sau khi đã chết. (BT)

Chỉ côi âm phủ. (BT)

Tức Lê Trãi

Công lao to lớn. (BT)

Đời xưa, cúng tế thường tết chó cỏ, nặn rồng đất để cúng, cúng xong thì vất đi. Vì thế, người ta thường lấy chó cỏ rồng đất để nói ví người hay vật, khi không được người ta cần dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng ví những công thần khi đã đánh dẹp cho nhà vua xong rồi, bị nhà vua rẻ bỏ.

Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. (BT)

Nghệ An. (BT)

Tề chỉnh, ngay ngắn, nghiêm túc. (BT)

Giường nghĩa là mối (tức quân, sư, phụ). (BT)

Đào Khản là một vị danh tướng đời Tấn (265-420) ở Trung Quốc.

Chuyện này nhiều chi tiết giống chuyện Mạnh Khương nữ. Nàng Mạnh Khương đời Tần Thủy Hoàng khóc đổ Trường Thành, chuyện có từ đời

Đường.

Tức tháng Sáu. (BT)

Tháng chạp. (BT)

Chữ sẵn trong Kinh dịch. (BT)

Một danh mục về khoa cử, suýt soát với tú tài.

Lấy tên làng gọi thay tên người tức ông Nguyễn Công Phong. (BT)

Công dư tiếp ký là sách của Vũ Phương Đề, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ, làm quan đến Đông các học sĩ. (BT)

Dài dòng, nhiều lời. (BT)

Trạm đặt quan tài khi nghỉ ở dọc đường và bày lễ cúng tế. (BT)

Gần Rú Thành (Nghệ An).

Huyết thực là được người ta cúng tế. Vì cúng tế có giết trâu bò, nên gọi là huyết thực.

Phan Huy Chú nói Tả Ao tiên sinh tên là Hoàng Chiêm.

Có bản viết Quỷ miếu nham yêu sơn bất cải, nghĩa là miếu ma ở trên núi không thay đổi.

Trong sách này, có hai chuyện về Nguyễn Văn Giai, chắc do hai tác giả viết về một người.

Khấu Chuẩn là người đời Tống, đỗ tiến sĩ, làm đến Tể tướng đời Tống Chân Tông. Giặc Khiết Đan vào cướp, Tham tri chính sự là Vương Khâm Nhược khuyên vua chạy xuống Kim Lăng, nhưng Khấu Chuẩn khuyên vua lên bắc thân chinh cho vững lòng quân sĩ. Sau đó, vua Tống đánh lui được quân Khiết Đan, cùng nghị hòa ở Thiên Uyên, đất nước được yên ổn.

Nhưng vua Tống lấy việc nghị hòa ấy làm xấu hổ, lại nhân Vương Khâm Nhược vốn thù ghét Khấu Chuẩn, hết sức đặt lời gièm pha, vì thế Khấu Chuẩn bị bãi chức Tể tướng lên trấn thủ miền Bắc. Khi sai ông đi, vua có nói: “Then khóa cửa bắc (bắc môn tỏa thước) phi Khấu Chuẩn không xong”. Đóng cửa bó tay chỉ việc Khâm Nhược giữ Thiên Uyên gặp quân giặc đến. Đoàn tế trên đỉnh Thái Sơn là việc phong thiện do Khâm Nhược bày ra cho vua Chân Tông. 104. Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741).

Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741).

Nguyễn Hữu Cầu tục gọi là Quận He, người Hải Dương, tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Cừ, hoạt động ở vùng Đồ Sơn, Vân Đồn, từng đem quân đánh thành Kinh Bắc. Mất năm Tân Mùi (1751).

Phạm Đình Trọng có mộ người tỉnh Hải Dương làm một đạo quân riêng. Đỗ Thế Giai lấy chuyện ấy nói gièm với Trịnh Doanh, vì thế mà hai người hiềm khích.

Bảy khiếu là mắt, tai, mũi và miệng. (BT)

Lễ đối với một vị thái tử sắp được nối ngôi vua.

Nghĩa là niên hiệu Chính Lịch thứ hai tạo ra. Nhưng ở nước ta không có niên hiệu ấy. Chỉ có ở bên Tàu, về đời nhà Đường, Tung Lân là vua nước Bột Hải ở miền đông bắc nước Tàu, và ở bên Nhật đời Cao Thương Viên Thiên hoàng xưng niên hiệu này. Không hiểu cái khánh ấy từ đâu mà lại có niên hiệu như thế? Hay là hai chữ Chính Lịch, sách chép lầm chăng? Hiện giờ ở chùa Thiên Mụ có cái khánh, nhưng không đúng như cái khánh chép ở đây.

Uy Vương tức Trịnh Giang (1729-1740). (BT)

Nghĩa là tám cảnh ở miền sông Tiêu Tương nước Tàu, do Tống Dịch đời Tống vẽ.

Sông Tiêu Tương thuộc về đất Sở đời xưa. Khách Sở chỉ Khuất Nguyên. Ông là người tội trung bị gièm rồi bị đuổi, phần uất tự trầm ở sông Mịch La. Trong khúc Ly tao của ông có câu: “Hộ phục ngải dĩ doanh yêu hề, vị u lan kỳ bất bội”. Có ý than thở kẻ dở thì được tiến dụng mà người hay thì bị ghét bỏ.

Nga Hoàng, Nữ Anh là hai vợ vua Ngu Thuấn. Tục truyền vua Thuấn băng ở đất Thương Ngô, hai bà này theo xuống đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, nước mắt vấy vào những khóm trúc thành ra vằn ngấn. Từ đấy vùng này riêng sinh ra một giống trúc có vằn.

Trong bài Ngư phủ từ của Khuất Nguyên, có nói khi ông bị đuổi, chơi ở bên sông, gặp lão phường chài, cùng nhau nói chuyện. Sau đó lão phường chài

vừa chở thuyền đi vừa hát: “Nước sông Thương Lương trong chừ, để rửa dãi mũ ta. Nước sông Thương Lương đục chừ, để rửa bàn chân ta”.

Vua Tống Thái Tổ đêm tuyết đến nhà Tể tướng Triệu Phổ, gõ cửa vào chơi, hỏi ý kiến về việc nên đánh Bắc Hán hay không.

Có thể tạm hiểu 2 câu này như sau: “Cửa ngoài gõ mấy tiếng, ngón tay truyền báo tờ chiếu chỉ không lời; Quy mơ rộng một trời, cổ họng thông tới nơi quan hà chưa đến”. Ý nói vua vào nhà tể tướng để bàn việc Bắc Hán (theo Trương Chính).

Đêm hôm ấy Tống Tổ cùng Triệu Phổ uống rượu, bàn tính việc nước; non sông ngủ ngày bên cạnh trở nước Bắc Hán.

Trong Kinh Thư gọi ông Nghiêu là Phóng Huân, gọi ông Thuấn là Trùng Hoa. Hai câu này nói đức của thánh Khổng, như hai vua Nghiêu Thuấn, chỉ khác Nghiêu Thuấn có ngôi làm vua mà ngài thì không ngôi; như giới đất, nhưng giới đất, mà giới im lặng không nói gì mà ngài thì lại nói ra mọi nhời để dạy bảo thiên hạ.

Vua A Dục là vua nước Ấn Độ đời xưa, mới đây người ta dịch là Du Du Già, nghĩa là không lo lắng gì cả. Sau khi Phật Thích Già tịch diệt được một trăm năm (266 trước Tây lịch), vua lên trị vì xứ Trung Ấn Độ. Khi trước theo đạo Bà La Môn, làm nhiều sự tàn bạo, giết hại cả anh em. Sau khi lên ngôi vua, đổi thờ đạo Phật thi hành nhân chính, hết sức ủng hộ cho đạo Phật. Đạo Phật truyền rộng ra nước ngoài, phần nhiều nhờ sức nhà vua. Mất trước Tây lịch 3 năm.

Phong nguyệt vô biên là chữ sẵn trong sách nghĩa là gió lặng rất nhiều không có bờ bến nào. Đây ông Cảo viết hai chữ 虫二, tức là chỉ viết phần ruột của hai chữ 風月, ý bảo phong nguyệt không có những nét ngoài biên, tức thành ra ý nghĩa bốn chữ phong nguyệt vô biên.

Bốn công trình lớn là tượng Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh, chuông Quy Điền và tháp Báo Thiên.

Kỷ thực: Ghi chép sự thực. (BT)

Họ Nguyễn cũ tức là chúa Nguyễn ở phương Nam, tiên tổ của bản triều, gọi thế để phân biệt với họ Nguyễn mới là nhà Tây Sơn.

Bá Di, Thúc Tề là người đời nhà Ân, nổi đời chịu tước phong của nhà Ân. Nhà Ân mất, nhà Chu lên, hai ông lên ẩn ở trên đỉnh núi Thủ Dương, ăn rau trừ bữa rồi chết đói chứ không chịu xuống ăn thóc nhà Chu.

Triệu Phổ, Vương Chất là hai vị đại thần nhà Hậu Chu. Tống Thái Tổ chiếm ngôi nhà Hậu Chu, hai người trước còn trừ trừ, sau cũng sụp lạy ở dưới thềm rồi nhận quan chức.

Ông Cơ Tử là bầy tôi nhà Ân, sau khi mất nước về thăm cố đô, trông thấy những dinh tòa cũ thành ra cánh đồng lúa, buồn rầu cảm động, có làm bài ca Mịch tú.

Ông Văn Thiên Tường đời Tống, sau khi nước mất bị bắt giải lên miền bắc, lúc đi qua bể Linh Đình, ông làm bài thơ trong có câu: 零丁洋裡嘆零丁
Linh đình dương lý thán linh đình, nghĩa là trong bể Linh Đình than nỗi mình linh đình.

Nghĩa là vua tôi chân chính gặp gỡ nhau, nói Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Hai vế đối nhau gọi là một liên.

Bắt trối.

Ôn Kiện đời Tấn qua hòn Ngưu Chử đốt cái sừng tê soi xuống vực, thấy các hình yêu quái hiện ra. Về nhà, đêm mộng thấy người đến trách và ra vẻ thù oán.

Nghĩa là cười.

Chỗ này nói thành lệ thế nào, dịch giả chưa hiểu. Theo sử và sách ngoài thì khoa này (Vĩnh Tộ, Quý Hợi - 1623) vì việc giả mạo ấy tiết lộ ra, triều đình bãi kỳ thi đình. Sau lâu mới cho các người trúng cách cứ theo bảng hội về vinh quy, không được yết tên lên bảng vàng.

Đền Voi Phục ở Thủ Lệ, Hà Nội bây giờ.

Tức năm 1896.

The expansion, approved by the National Assembly in late May, 2008, makes Hanoi the 17th largest capital in the world with a total area of more than 3,300 sq.km. The new capital also sees in its fold Vinh Phuc province's Me Linh district and four communes of Hoa Binh province's Luong Son district.

Abraham Maslow's hierarchy of needs is a theory in psychology:
Physiological (breathing, food, water, sleep, sex...); Safety (security of body, of employment, of health, of property...); Love/Belonging (friendship, family...); Esteem (achievement, respect of others or by others...); Self-actualization (morality, creativity, spontaneity...)

Hunchbacked Liu was a famous character in Chinese history, under Qianlong Dynasty. He was hunchbacked and ugly but talented. A princess fell in love with him because of his intelligence. He was also appointed Prime Minister by King Qianlong.

Hai Thuong Lan Ong was a talented physician working under King Le and Lord Trinh.

Giao Chi: Former place name of a part of Vietnam, known since about 250 BC.

According to legend, Lac Long Quan and Au Co were the first ancestors of Vietnamese people.

In Xuan Dieu's novel "Toa Nhi Kieu", the author named the two insipid female characters "Grain of Rice"

Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam

Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam

Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam

Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam

Names of the famous pedagogisms

Jan Amot Comenski: Pedagogics theorist that was called "The father of pedagogism of modern times"

November 20th: National Teacher's Day

Tứ Ngô Thời Sỹ

Kéo. (BT)

Bấp đùi. (BT)

Khoảng giữa thế kỷ. (BT)

Trịnh Bồng là con cả Uy Nam vương, thuộc về ngành trưởng.

Tướng của Nguyễn Hữu Chỉnh.

Trịnh Bồng.

Chỗ mọi người đều nghe, thấy. (BT)

Khóm. (BT)

Dòng chữ viết nhỏ đề tên họ và ngày tháng ở trên các bức họa hay các bức đối trướng. (BT)

Bầu rượu khi về nên gượng uống. Tờ mây lúc rảnh chớ năng coi Bông hoa trong động còn tươi mãi, Dòng nước vòng trần luống chảy xuôi!

Bài này nguyên có tên là Tiên tử tống Lưu Nguyễn xuất động. (BT)

Trong động cát xanh trời đất lạ, Bên cây lá thắm, tháng ngày dài. Dưới hoa ước có ai ra đó, Để chó nhà tiên khỏi sủa người.

Tiên tử tống Lưu Nguyễn xuất động. (BT)

Ở đây ý nhắc đến bài Lưu Nguyễn động trung ngộ tiên tử. (BT)

Lấy vợ khác, sau khi vợ trước chết.

Nhất.

Nhị.

Tháng thứ hai của mùa xuân. (BT)

Tức “cửa thành bị cháy, tai họa lây cả cá”, ý nói tới những tai họa do bên ngoài đưa đến một cách oan uổng. (BT)

Lòi ra, trời ra. (BT)

Dịch: Tựa thuyền giữa mặt trời rộng. Lạnh lẽo sao mờ ba bốn ngôi.

Không ăn khớp, không hòa nhập.

Ba năm đạo hiếu đã đầy đủ. Một nghĩa vua tôi chưa hết nào.

1. dịch văn: Gào khóc trời khôn hỏi. Buồn thảm có còn chi? Sống thẹn cùng Học sĩ, Một chết chỉ như về.

Ý nói bệnh nặng, sắp mất.

Thuộc quán hạt.

Tức Biển Đông.

Theo truyền thuyết cổ phương Đông có cây dâu rồng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang, là nơi thần Mặt trời nghỉ ngơi trước khi cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, do đó Phù Tang hàm nghĩa văn chương chỉ nơi Mặt trời mọc. Chính vì vậy Nhật Bản còn được gọi là Phù Tang.

Ai Lao: Đất nước Lào ngày nay. Bồn Man: Còn gọi là Mường Bồn hay Muang Phuan, và sau là Trấn Ninh, là một quốc gia cổ, nay không còn, từng tồn tại trên bán đảo Đông Dương, tại vị trí ngày nay thuộc tỉnh Xiêng Khoảng, một phần các tỉnh Hòa Phấn đến Khăm Muộn, ở phía Đông nước Lào, và một phần các tỉnh miền Bắc Trung bộ Việt Nam (khoảng Nghệ An đến Quảng Bình).

Có tài liệu chép là Lê Thì Hiến.

Con gái Triệt Khanh công Nguyễn Đình Tư

Nay thuộc Hà Nội.

Tục gọi Bà Chúa Vang.

Mẫu vị tử quý.

Trích Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.29A.

Trịnh Căn.

Còn gọi là Quốc sư Quận công.

Những địa danh thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Nội) ngày nay. Năm 1516, vua Lê Chiêu Tông đã cho dựng hành cung rồi sai đào sông, khai suối quanh núi để du ngoạn mỗi khi nhàn rỗi.

Còn gọi là Lê Hiến Tông.

Trừ Trịnh Doanh.

Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

Tục gọi là Bà Chúa Đổ.

Còn gọi là lễ Cầu đảo.

Có tài liệu chép là Lê Duy Cận.

Thái tử Lê Duy Vỹ.

Trịnh Cương (1709 - 1729).

Con Trịnh Bính.

Chức võ quan cao cấp chỉ huy một đạo quân thời xưa.

Tài liệu khác chép là Hoàng Công Chất, thủ lĩnh một cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng ngoài lớn vào giữa thế kỷ XVIII, chống lại triều đình vua Lê chúa Trịnh trong 30 năm.

Đứng đầu Quốc Tử Giám là các chức quan Tế tửu (tương đương Hiệu trưởng đại học), Tư nghiệp (tương đương với Hiệu phó đại học)

Tháng giữa mùa.

Trích Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.12.

Giám đốc Quốc Tử Giám.

Chức quan to nhất trong triều đình phong kiến thời Lê - Trịnh.

Chức quan đại thần đứng hàng thứ 2 trong phủ chúa.

1. Trích Vũ trung tùy bút.

Trâm hốt: Trâm cài và hốt cầm (một dụng cụ cài tóc của người xưa); Hoa bào (áo có thêu hoặc vẽ hoa văn trang trí).

Con, cháu quan lại được cấp danh vị ấm sinh để thừa hưởng danh vọng của cha, ông.

Con trai Lê Quý Đôn.

Vợ Trịnh Doanh.

Hoàng Ngũ Phúc (1713-1776) là danh tướng thời Lê Trung Hưng. Ông quê ở Yên Dũng (Bắc Giang). Hoàng Ngũ Phúc có công lớn trong việc đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài và là tổng chỉ huy cuộc “Nam tiến” đánh Đàng Trong, mở mang đất đai Bắc Hà tới Quảng Nam. Có sách chép là Ái Vân quan.

Còn có tên là núi Đá Bia, ngọn núi cao nhất trong khối núi Đại Lãnh thuộc dãy núi Đèo Cả, hiện ở xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, phía Nam tỉnh Phú Yên.

Tương ứng với hai chữ “Đàng Trong” và khu vực của chúa Nguyễn.

Về đời Lê, tỉnh Hà Tĩnh thuộc về đất Nghệ An.

Thượng kinh ký sự của Hải Thượng Lãn Ông.

Kẻ Chợ.

Còn gọi là sông Hồng.

Ngày mùng một và ngày rằm.

Suy giảm.

Ở vào địa phận hai làng Kim Liên và Trung Tự (Hà Nội) bây giờ.

Trịnh Tùng.

500 người.

Trích Vũ trung tùy bút.

Nghĩa là phụng mệnh canh giữ. Ý ở đây là lấy để dâng lên chúa.

Đêm các nội giám phải ở luôn trong phủ như học sinh lưu trú ngày nay vậy.
(từ cũ) những người cùng một lớp, ngang hàng.

Giấu giếm một cách phi pháp.

Trích Tang thương ngẫu lục.

Thái phi Vũ Thị Ngọc Nguyên, còn gọi là bà Chúa Me, người Bình Giang (Hải Dương).

Những cuộc họp mặt quan trọng giữa vua và bá quan văn võ, mỗi tháng hai lần vào mùng một và ngày rằm.

Descriptine du ruyanme de Tonquin.

Phiên ở phủ cũng như các bộ bên triều đường vua Lê.

Bùi Sĩ Lâm người Quảng Xương (Thanh Hóa) là nhà chính trị quân sự đầu thế kỷ XVII. Ông đóng vai trò to lớn trong công cuộc phục hưng nhà Lê (Lê Trung Hưng). Ông cũng là người có công lớn đối với họ Trịnh, đặc biệt là chúa Trịnh Tùng

Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép là Nguyễn Quốc Trinh.

Trích Đại Việt sử ký toàn thư.

Vương quốc Anh.

Nghìn lẻ một đêm.

Loại súng mồi bằng lửa.

Võ học

Võ kinh.

Tôn Võ đời Chiến Quốc.

Văn là Hương thí.

Lục Thao (Khương Thái công), Tam lược (Hoàng Thạch Công), Tư Mã pháp (Tư Mã Nhương Thư), Tôn Tử binh pháp (Tôn Vũ), Ngô Tử (Ngô Khởi), Úy Liêu Tử (Úy Liêu), Đường Thái Tông Lý Vệ công văn đối (Vệ Cảnh Vũ công Lý Tĩnh).

Quận He: Tức Nguyễn Hữu Cầu, người huyện Thanh Hà (Hải Dương), trước vì nghèo nên đi làm cướp, sau theo Nguyễn Cừ khởi nghĩa. Khi Nguyễn Cừ bị bắt, Nguyễn Hữu Cầu đem thủ hạ về giữ núi Đồ Sơn và đất Vân Đồn. Năm 1743, Quận He giết được Thủy Đạo đốc binh là Trịnh Bảng, tự xưng làm Đông Đạo Thống Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân, thanh thế

lừng lẫy. Quận Hảo: Tức Nguyễn Danh Phương, người xã Tiên Sơn, huyện Yên Lạc nay là xón Tiên Sơn, phường Hội Hạp, thị xã Vĩnh Yên, trước làm thủ hạ của các thủ lĩnh Tế và Bồng khởi nghĩa ở Sơn Tây. .sup

Chỉ Lê Duy Mật động.

Là những đại công thần của chúa Nguyễn tại Đàng. Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. có công phò tá nhiều đời chúa. Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc “Nam tiến” của chúa Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, Tài năng ở mức trung bình.

Hoàng Ngũ Phúc: Sdd Phạm Đình Trọng: Tướng thời Lê Mạt, có công dẹp khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài.

Vì nhà Lê với nhà Hán bên Trung Hoa.

Nguyễn Kiệm.

Trở tổ tiên họ Nguyễn.

Trích Đại Nam thực lục tiền biên.

Hoàng Ngũ Phúc tuổi già, đã về hưu, vì việc này lại được ra làm quan.

Trở Ngũ Phúc.

Sau khi mưa tạnh nên đi chơi thuyền.

Cây cỏ sợ không phải cây cỏ nhà Chu. Nghĩa bóng chỉ chúa Trịnh cướp quyền vua Lê.

Trịnh Sâm.

Trọng Tế đỗ tiến sĩ, trước đã làm quan, vì có tội bị bãi.

Triều vi Việt khô nữ, mộ tác Ngô cung phi.

Thượng quan tương sư (chỉ Nguyễn Hoàn vì ông được phong là Quốc sư) mà nàng tiên nga (Đặng Thị Huệ) khéo cắt.

公每得蓮茶即走馬上進盛王即命烹召宣妃同賞宣妃最好蓮蕊

Cửa nhỏ thông sang buồng hoặc nhà bên cạnh.

Lao, phong, cổ, lại gọi là tứ chứng nan y.

Hàng chấn song bao quanh bao lơn (phần nhô ra ngoài hiên có lan can).

Nến trắng.

Phần nhiều tài liệu khác chép là Điện Đô vương Trịnh Cán chỉ sống đến năm 6 tuổi.

Còn gọi là “giắc Hoàng Lương” hoặc “giắc Hòe An”, ý nói công danh phú quý là hư ảo, đời người chẳng qua chỉ ngắn ngủi như một giấc mộng.

Một thứ lễ nghi khi nhà vừa có tang, ở đây ý chỉ một buổi lễ sau khi Tĩnh Đô vương qua đời.

Khi Tĩnh Đô vương mới mất, Dương Thái phi ngỡ là sinh thời vương đã bị Tuyên phi bùa thuốc nên cho mở quan tài ra mà đổi cả các đồ khâm liệm.

Tức giỗ 2 năm 3 tháng sau ngày mất.

Canh Tý.

Phổ Phan Bội Châu.

Phổ Hai Bà Trưng.

Phổ Lê Duẩn.

Tác giả.

Năm Cảnh Hưng 41, Canh Tý (1780).

Chồng của vú em, tiếng Bắc gọi là bố

Tuyên Phi Đặng Thị Huệ.

Trẻ con đại tiểu tiện gọi là bĩnh.

Để cho người khác gặp mặt hoặc tiếp xúc trực tiếp.

Thiện phu: Người đầu bếp.

Chọc tức, chọc giận.

Nén chịu, nín nhịn trong lòng.

Ý nói sau khi mọi người đã ăn xong.

Cướp ngôi.

Âm thầm câu kết.

Chức giữ việc viết lách sách vở. Hà Như Sơn là điển thư riêng cho Vương tử Khải.

Lúc ấy Khải còn là Tông.

Nghĩa như bất pháp

Tức Huy Quận công.

Thầy dạy học cho Vương tử

Bạn của cha.

Sau vì kiêng hai tên vua Tự Đức (Phúc Thì, Hồng Nhậm) nên gọi tránh là Ngô Thời Nhiệm

Ý chỉ con người sống hai mặt.
Thao thủ: Đức hạnh hằng ngày, cách xử thế lập thân ở đời.
Những chức quan trong bộ máy nhà chúa.
Tang vật làm chứng cho sự tham nhũng.
Ý chỉ người cha.
Tức là phủ chúa Trịnh.
Tức là chúa Trịnh Sâm
Tức là Đặng Thị Huệ, Bà chúa Chè.
Sở Mục Vương và Tùy Dương Quảng đều giết bố để cướp ngôi.
Sắp nguy đến nơi.
Chữ trong Tả truyện. Dịch tạm là: Áo cừ lung tung, một nhà ba ông, theo ai cho xong?
Chỉ Hoàng Đình Bảo vì y là phò mã. Tục ngữ có câu: Tốt áo như ông phò mã.
Chỉ Đặng Thị Huệ: Tuyên phi của Tĩnh Vương, mẹ đẻ ra Vương tử Cán.
Về sau.
Ra mắt Chúa thượng.
Sau đổi là Nguyễn Khả
Ý chỉ Chúa thượng chết, giống như “băng hà”.
Tự hợp làm điều bất chính.
Thế tử Thương Thần nước Sở giết cha mà cướp ngôi.
Tự nhiên, bỗng nhiên
Đương làm quan mà cha mẹ chết, thôi làm quan về chịu tang, gọi là đình gian
Tham tụng bấy giờ quyền như Tể tướng.
Chỉ Dương Trọng Tế.
Giường của vua, chúa.
Thuật để mả, đặt hướng nhà. Thường gọi lầm là địa lý.
Không là vua, không là bá mà quyền nghiêng thiên hạ. Hơn hai trăm năm rồi thì vạ xảy ra ngay bên cạnh nách.
Đem ra tra tấn ở giữa triều đình.
Lên mặt ta đây hơn người (BT).

Khi đó Vương tử Tông đã bị truất xuống làm Quý tử và đổi tên là Khải. Tạ Danh Thùy dùng chữ trong Tả truyện: “Vô hữu phế giả, quân hà dĩ hưng?” Chữ sách vẫn có ảnh hưởng to làm cho lời nói có uy thanh hơn. Thứ tự vợ chúa trong cung: Chính phi hoặc nguyên phi, tần, tiệp dư, tu dung.

Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh, em Trịnh Sâm, chú Trịnh Khải.

Con gái Trịnh Doanh, vợ Hoàng Đình Bảo.

Làng Hoàng Mai nằm trên đất Kẻ Mơ. Kẻ Mơ xưa bao gồm cả ba làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động ngày nay. Người ta vẫn quen gọi làng Hoàng Mai là Mơ rượu – vì ở đây nấu được rượu ngon nổi tiếng, Mai Động là Mơ táo còn Tương Mai là Mơ xôi. Rượu Mơ đã đi vào phương ngôn, ca dao: “Rượu Kẻ Mơ, cờ Mộ Trạch”. Nghề nấu rượu ở Kẻ Mơ đến nay không còn nữa

Equinoxe d’automne: Hôm ngày đêm đều nhau.

Rục rịch tiến hành hoạt động.

Khu vực trước cửa ga Hà Nội ngày nay.

Ô Đồng Lầm nằm trên làng cổ Đồng Lầm nay là ngã tư Kim Liên - Đại Cồ Việt.

Bạn cùng đọc sách.

Bói bằng cỏ thi là một hình thức bói Dịch, lập quẻ bằng cách sắp các cọng cỏ thi theo một quy tắc riêng.

Lòng giận của chúng nhân không thể xúc phạm được.

Năm 1674 lính Tam phủ giết Tham tụng Nguyễn Quốc Trinh và phá nhà Phạm Công Trứ; năm 1741 họ lại phá nhà và chức giết Tham tụng Nguyễn Quý Cảnh. Lính Tam phủ nói câu ấy để dọa Nguyễn Trọng Viêm.

Không thể dừng, cực chẳng đã.

Nguyễn Hoãn, Tiến sĩ (1743), tước Hoàn Quận công

Trịnh Doanh

Trịnh Giang, anh ruột Doanh.

Trường Albert Sarraut (tiếng Pháp: Lycée Albert Sarraut) là một trong những trường trung học nổi tiếng nhất ở Đông Dương, được thành lập từ năm 1919 tại Hà Nội, giải thể năm 1965.

Bài thơ ấy, xin tạm dịch ra quốc âm: Khuya khoắt nghe tin đã sớn lòng, Mở thư đập án xiết kinh hoàng! Các ông đến thế, mong gì nữa! Thiên đạo ngày nay có nữa không?

Sắc viết để trống tên để người được hưởng tha hồ muốn điền tên ai thì điền.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47, lịch Tây 1786.

Chúa Trịnh đối với những vị lão thần nhiều khi gọi là tiên sinh (đối với quan văn) hoặc công (đối với quan võ).

Một dạng văn bản của chúa truyền tới các quan đầu trấn, phủ.

Ấn riêng của chúa Trịnh, việc quan trọng lắm mới dùng đến.

Nước nhà còn mất ở một trận này, ông gắng sức nhé.

Hoạn quan hầu gần nhà chúa.

Tức Trịnh Tùng.

Trung thành, ngay thẳng, trong sạch.

Tức là Tiến sĩ Nguyễn Thường, người làng Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc.

Mất ngôi, mất chức.

Lên ngôi trị vì.

Mưu việc lanh lẹ, lo việc chu đáo, thật là khí tượng một vị lão thành.

Tập khai tấu (báo cáo).

Một loại mũ có gấn móng rồng.

Xướng tên các ông Tiến sĩ.

Thì là coi, sư là quân.

Chăm chỉ, lanh lẹ.

Bùi Huy Bích làm Hành tham tụng.

Hy sinh vì tổ quốc.

Khu Quảng Bá ngày nay.

Tham quan ô lại.

Người Mông Cổ đến năm Tân Mùi (năm 1271) niên hiệu Thiệu Long thứ 14 đời vua Trần Thánh Tông (1258-1278) thì đổi quốc hiệu làm Đại Nguyên.

Còn Thát Đát vốn là tên gọi biệt bộ giống Mạt Hạt; sau bèn là tên gọi Mông Cổ (đời Trần ta, quân sĩ thích hai chữ “sát Thát” nghĩa là giết rợ Thát Đát).

Đến khi nhà Nguyên mất (1367), tông giống Mông Cổ chạy về Mạt Bắc, bỏ

quốc hiệu Nguyên, xưng là Thát Đát. Vì vậy, sách này tùy tiện, hoặc gọi Mông Cổ hoặc gọi Nguyên, đều là một cả. * Trần Thánh Tôn (1258-1278): Đây là thời gian tại vị. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập.

Thời gian tại vị. (BT)

Tuy có mấy sách chép ngày sinh của ngài, nhưng thiết tưởng không đủ căn cứ. Cuốn Trần triều thế phả hành trạng (sách viết trường Bác Cổ, số A 663, tờ 22a) chép ngài sinh ngày mồng mười, tháng chạp, năm Nhâm Tý, niên hiệu Nguyên Phong thứ hai. Thế tức là năm 1252. Nếu ngài sinh vào năm ấy, mà đến năm Đinh Tỵ (1257), Nguyên Phong thứ bảy, theo sử Toàn thư (quyển 5 tờ 22a) thì ngài đã làm Tiết chế, coi quản hết các tướng trong các quân thủy, bộ chống giữ biên giới, chẳng hóa ra bấy giờ ngài mới lên 5 tuổi mà đã làm Tiết chế như một vị Tổng Tư lệnh thủy lục quân ngày nay ư? Trong cuốn Hưng Đạo đại vương của Lam Sơn (xuất bản năm 1946) dựa tài liệu trong Đào khê dã sử cũng chép ngài “sinh ngày 10 tháng chạp (không chép năm ta mà chỉ chưa 1228) thọ 72 tuổi”. Nay xét ngày ngài sinh ấy nếu không có xuất xứ từ chính sử thì đều là do người sau ước đoán cả.

Thời gian tại vị. (BT)

Sau bà được truy tôn là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu.

Sau bà được sắc phong là Trang chính từ thực nghi phạm trình thuận u nhân trình nhất.

Một nhánh thuộc sông Thái Bình ở giáp giới hai tỉnh Kiến An và Thái Bình.

Thời gian tại vị. (BT)

Nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. * Một số địa danh phân định ranh giới hành chính (huyện, tỉnh...) được tác giả cước chú trong sách này nay đã đổi khác. Việc khảo cứu cho rõ ràng xin được hoàn thiện trong lần xuất bản sau. (BT)

Xưa ta nói “thiên hạ” là theo nghĩa hẹp, tức cũng như nay nói “nước” hoặc “quốc gia”.

Tướng của Hưng Đạo vương, ngoài mấy người có tên trong sử như Dã Tượng, Yết Kiêu và Nguyễn Địa Lô, còn có những tướng này mà chính sử không thấy chép: Cao Mang, Đại Hành, Hùng Thắng, Nghĩa Xuyên, Tào

Bân, Huyền Du... (theo Trần triều thể phả hành trạng và Trần gia điển tích thống biên).

Ngoại xâm. (BT)

Thượng tướng cũng như Thủ tướng ngày nay.

Nay là Kiếp Bạc ở Lục Đầu giang thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương.

Chỉ đức Trần Quốc Tuấn.

Nguyên sử, An Nam chí lược và Toàn thư... đều in “mộc bằng chữ xuân” (椿). Có nhiều sách, báo quốc ngữ chép là Sài Thung, vì “Xuân” (椿) và “Thung” (椿) mặt chữ gần giống nhau.

Nay là huyện Phụ Dực, tỉnh Thái Bình.

Toàn thư, quyển 6, tờ 10b-11a chép là “hoàn khí”(環器), có lẽ sử thần muốn nói là cái chĩnh hay cái vại chăng? Sách Trần gia tự điển thống biên, tờ 84b chép là táng vào một thứ đồ bằng đồng.

Ở phần rùng, ấp An Sinh, thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương.

Trong sử Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a chép là “thả yêu tốc hủ” (旦要速朽).

Sử cũ giải thích về việc ngài di chúc ấy: “Chừng vì từ khi thống lĩnh quân đội phòng ngự ở Lạng Giang, giặc Nguyên hai lần sang xâm, đều bị đánh bại, nên ngài lo rằng sau này hoặc gia có nạn bị giặc khai quật mồ mả lên chăng”. Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a.

Năm 1245 nhằm năm Ất Tỵ. Trong sách này, đôi chỗ tác giả có sự nhầm lẫn về niên can, niên chi, chúng tôi xin cước chú thêm. (BT)

Năm 1247 nhằm năm Đinh Mùi. (BT)

Các quân này đều là Túc vệ binh, gồm quân Thiên thuộc, quân Thánh dực và quân Thần sách. Số bốn (Tứ thiên, Tứ Thánh, Tứ thần), chắc là mỗi quân chia làm bốn vệ, nên mới gọi là “tứ” nhưng sử cũ không chép rõ.

Thiên Trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) là quê nhà Trần, nên lấy binh Thiên Trường và các lộ xung quanh làm quân Túc vệ.

Nguyên văn chữ Hán chép là: “Kỳ dư sung Cấm vệ, Cấm binh tam đẳng sung trạo nhi đoàn đội” (其餘充禁衛禁兵三等充掉兒團隊).

Nguyên văn trong An Nam chí lược chép là: “Hựu quyền tiếp tuần giả nhị, chương tập vũ nghệ” (又權捷俊者二掌習武藝).

Nghĩa là bốn đô và một lang ấy đều có tả và hữu. Ví dụ: Tả Thánh dực đô, Hữu Thánh dực đô...

會稽舊事,君須記; 驩,演猶存十萬兵。 Hoan, Diễn tức Hoan châu và Diễn châu nay là Nghệ An.

Đình Mùi. (BT)

Chế độ này còn thi hành đến mãi năm Mậu Ngọ (1378) đời Trần Phế Đế (1377-1388). Đơn binh ở các lộ đời đời phải đi lính, không được làm quan (Toàn thư, quyển 8, tờ 2a-b; Cương mục, quyển 10, tờ 44b). * Trần Phế Đế (1377-1388): Đây là thời gian tại vị. (BT)

Tức là đảo “De la table”, một hòn đảo hình dài, hướng đông bắc – tây nam, lớn và ở ngoài hơn hết đám quần đảo (gần Hòn Gai) trong vịnh Bắc Bộ. (Xem bản đồ ở cuối sách).

Thứ nón đan bằng nan dương (thanh bì trúc), do làng Ma Lô ở Hồng Lô (nay là Hải Dương) chế tạo, nên mới gọi theo tên làng ấy. Nhưng vì lâu ngày, tên riêng của nón đã chuyển thành tên chung, nên chữ “nón ma lô” không phải viết hoa.

Hồi Minh thuộc đổi làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Nay thuộc Lạng Sơn.

Đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhãn (hoặc Phượng Nhỡn), nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Kho bạc nhà nước. (BT)

Đời Trần đặt làng Tức Mặc (quê các vua Trần, nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định) làm làng Thiên Thuộc; phàm binh lính tuyển ở làng ấy thì gọi là “Thiên thuộc quân”.

Nguyên văn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 41a chép: “Khủng khí lực nổi dã” (恐氣力餒也)

Nguyên văn trong Cương mục, quyển 7, tờ 23b chép: “Vũ dũng lực dã” (務勇力也)

Biết sơ qua, không sâu. (BT)

Nhà thiện xạ ở Trung Hoa xưa.

Nhà thiện xạ ở Trung Hoa xưa.

Xin coi toàn văn bài Hịch qua bản dịch ở chương chín.

Căn cứ vào lời Đỗ Khắc Chung nói: “Do lòng trung phần, họ tự thích chữ đấy thôi”. (Toàn thư, quyển 5, tờ 46b).

Giết rợ Thát Đát, tức là Mông Cổ.

Bến Đông sông Cái nay là Hồng Hà ở địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông).

Toàn thư, quyển 5, tờ 45b-46b; Cương mục, quyển 7, tờ 33a-34b.

Tức là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hoa, Hoàng Giang và Diễn Châu.

Lộ ở đời Trần cũng như thừa tuyên ở đời Lê và tỉnh ở đời Nguyễn.

Như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên và Lạng Giang.

Như trại Quy Hóa, trại An Bang...

Cương mục giải nghĩa “sách” là “thôn”, e chưa được đúng. Tưởng phải nên nói: “sách là làng mọi tức là những làng trình độ hãy còn chưa tiến hóa”.

“Hoành” là hạng người phải tội đồ, bị liệt làm nô lệ.

Ba xã này thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương.

Tên một trại, thuộc huyện Yên Hưng, Quảng Yên.

Nay là Bàn Than thuộc huyện Quế Dương (giáp Lục Đầu) tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên văn: Giai viết: “Chiến!” Vạn nhân đồng từ, như xuất nhất khẩu (皆曰: “戰”萬人同許, 如出一口).

Toàn thư chép là: “Mễ tam thăng trị tiền nhất cường”. Cương mục chép là: “Mễ nhất thăng trị tiền nhất cường”. Đây theo Toàn thư – Mỗi thăng là 316 tấc khối, ăn 10,354688 công thăng.

Người trưởng họ trong tông thất.

An Nam chí lược chỉ chép như thế, chứ không cắt nghĩa. Vậy nay tưởng nên giải thích cho rõ: Đó là một việc ngụ ý khuyến nông. Nhân tiết lập xuân, bắt đầu ấm áp, có thể khởi sự canh nông, cho nên quốc quân cử một người trong họ đứng thay má, dùng roi hối trâu cày ruộng. Làm lễ xong thì dự tiệc ăn mừng.

Năm 1244 nhằm năm Giáp Thìn. (BT)

Nguyên văn chép là “tiến tân” (dâng của mới).

Nguyên văn là “bộ liệt”.

Người bị hình phạt giam cầm nhiều năm. (BT)

Hạng nô lệ (hoành) phải làm ruộng “cảo điền”.

Đơn vị đo lường ngày xưa. Nguyên văn là “thăng” (升). “Thăng” của Trung Hoa xưa: 10 hợp là 1 thăng. Mỗi thăng bằng 316 tấc khối, tức là 10,354688 công thăng. Theo An Nam chí lược thì lối đo lường của ta xưa cũng như của Trung Hoa, vậy có thể nói: “thưng” ta với “thăng” tàu là một. Câu này rất khó hiểu. Tra Từ nguyên thì “lương” có nghĩa là “thuế ruộng, thuế đất”; “thuế” theo Hán thư có nghĩa là thuê một phần mười về ruộng công và thuế do những hạng công (thợ), thương (buôn bán), ngu (quan coi nút và chằm), hành (quan coi rừng núi) góp vào. Vậy ý chừng câu trong An Nam chí lược ấy muốn nói: nông không phải đóng thuế ruộng, thương không phải góp thuế buôn bán.

Có lẽ tức là thứ tiền “thân dịch” như An Nam chí lược đã chép.

Năm 1248 nhằm năm Mậu Thân. (BT)

Trần Phế Đế. (BT)

Đời Trần, mỗi quan 10 tiền, mỗi tiền 70 hoặc 69 đồng kẽm.

Quyên góp để làm việc thiện. (BT)

Có điều nên nhớ: đời Trần tuy có công nghiệp sinh hoạt rồi, nhưng người thợ bấy giờ chỉ là hạng người làm việc thủ công theo lối công nghệ gia đình, chứ không giống như công nhân là hạng thợ thuyền bán sức lao động ngày nay.

Bấy giờ gọi “mẫu” là “diện”; mỗi “diện” tức một “mẫu”.

Phạm tội trộm, cướp.

Nguyên văn: “nhất thường cửu phần” (一償九分).

Nguyên văn “Cùng dân bất cấp giả hứa điển thực ư nhân” (窮民不給者許典贖於人).

Phiêu bạt. (BT)

Đời Trần Thuận Tông mới đặt phép hạn chế ruộng, chỉ trừ đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không phải hạn chế, còn thứ dân thì ruộng không được quá 10 mẫu.

Thời gian tại vị. (BT)

Đời Lê gọi là đài “khán xuân”.

Theo lịch thì Hàn thực vào hai ngày trước tiết Thanh minh. Tục ta thường ăn tết Hàn thực vào ngày mồng ba tháng ba.

Thục Bà là chị vua Trần Thái và là cô đức Hưng Đạo. Trong An Nam chí lược, có chỗ cũng nói đến một công chúa hồi đầu Trần tên là Thục Tư. Có lẽ cùng là một người mà mỗi sách in một khác, vì chữ “bà” (婆) và chữ “tư” (姿) gần giống nhau.

Coi bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo.

Coi phần “Phong tục” trong An Nam chí lược.

Toàn thư, quyển 5, tờ 7a; Cương mục, quyển 6, tờ 11b.

Nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

An Nam chí lược, quyển 1, tờ 12a.

An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a.

An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a.

Căn cứ vào lời của sử thần Ngô Sĩ Liên (người thế kỷ mười lăm) bàn ở sử Toàn thư, quyển 5, tờ 18a: “... Không với người khác họ mà với người cùng họ, kết hôn nhân: chỉ có nhà Trần làm thế...” (Dịch theo nguyên văn chữ Hán).

Người huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương.

Toàn thư, quyển 5, tờ 41 chép về việc này rằng: bấy giờ có cá sấu đến sông Lô. Vua (Trần Nhân Tông) sai Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên làm văn ném vào trong sông: cá sấu tự rời đi. Vua cho việc đó giống chuyện Hàn Dũ (đời Đường) bèn cho đổi họ làm họ Hàn. Thuyên lại giỏi phú thi quốc ngữ (nôm). Nước ta phú thi hay dùng quốc ngữ thực bắt đầu từ đây.

Đến đời Trần Anh Tông (1293-1314) có Thiên chương Học sĩ Nguyễn Sĩ Cỗ cũng giỏi thơ phú nôm. * Trần Anh Tông (1293-1314): Đây là thời gian tại vị. (BT)

Nguyên văn câu này: “... Hoặc dụng thổ ngữ vi thi phú, nhạc phả, tiện ư ca ngâm”. Đó vì tác giả An Nam chí lược, tuy là người Việt nhưng khi viết sách ấy, lại tự đứng vào địa vị như một người Mông Cổ mà viết, nên mới gọi tiếng ta là “thổ ngữ” (土語).

Trong An Nam chí lược chép Trần Tấn “thường tác Việt chí” và “Lê Hữu” (không có chữ “văn” đệm giữa) “tu Việt chí”. Như vậy rất có thể là cùng

một bộ Đại Việt sử ký mà Trần Tấn là người làm trước (tác), còn Lê Văn Hưu là người sửa lại (tu). Về vấn đề này, xin coi thêm bài Nước ta có sử từ đời nào của Hoa Bằng, đăng Tri Tân số 6, trang 2.

Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo. (BT)

Giáp thứ nhất, giáp thứ ba.

Việc giảng này đến đời Trần Anh Tông vẫn cứ tiến hành. Sử chép: năm Hưng Long thứ 14 (1306), Nguyễn Sĩ Cố do chức Thiên chương Học sĩ làm việc giảng Ngũ kinh.

Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức là chỉ về hạng người nho sĩ và thầy thuốc,...

Nguyên văn có chép trong Nguyên sử, quyển 209. Sẽ dẫn và dịch ở chương năm.

Xin đơn cử một việc như: tháng giêng, năm Mậu Thìn (1268), vua Trần Thánh Tông bảo các vương hầu trong họ tông thất, tan châu, vào trong điện nội và nhà Lan đình, cùng nhau ăn uống, có khi tối đến, không về được thì đặt gối dài, chăn rộng, liên giường ngủ chung để tỏ tình hữu ái. Đó là thực hành lời ngài thường nói cùng các anh em bà con trong họ: “... Chỗ đồng bào máu mủ, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui” (Toàn thư, quyển 5, tờ 31b). Tuy cũng có một vài tên phản quốc như Trần Ích Tắc và Trần Kiện, nhưng đó là con số rất nhỏ.

Điều nhận thức được sau một quá trình. (BT)

Giác ngộ người khác, tế độ người khác.

Phần lớn sử liệu ghi 618-907. (BT)

Có sách chép là A Loa Đài và chua là Agôtai.

Có sách chép là: “Koubilai”.

Triều Tiên. (BT)

Nga. (BT)

Tiếng Mông Cổ, có ý nghĩa là những kẻ “được nhờ ân sủng của Thiên tử”.

Quân các vệ như năm vệ: Tả, Hữu, Trung, Tiền, Hậu và Đường Ngột vệ, Quý Xích vệ, Vũ vệ Tả hữu đô úy vệ...

2. Trần Bạch Đằng năm Mậu Tý (1288), ta bắt được nhiều tướng Mông Cổ trong có Vạn hộ, Thiên hộ, tức là hạng võ quan cao cấp cầm đầu quân đội

trong Vạn hộ phủ ở lộ hoặc trong Thiên hộ sở ở huyện bên Nguyên đấy.
“Quân Mông Cổ” (danh từ quân sự) là quân trong bản tộc Mông Cổ, quân thám mã xích là quân trong các bộ tộc. Thám mã xích nghĩa là quân trấn thú.

Sau khi diệt được Kim, Mông Cổ tuyển người bắc bộ Trung Quốc làm lính, gọi là Hán quân; sau khi diệt được Tống, lại tuyển những người nam bộ Trung Quốc làm lính, gọi là tân phụ quân.

Tức là Ngột Lương Hợp Thai (Wouleangotai).

Toàn thư, chép là “năm mươi vạn quân”.

Theo Tân biên cao trung bản quốc sử, quyển giữa, trang 139.

Coi Les Mongots et la Papauté của Paul Pelliot, chương nhất, trang 4.

Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ nhất”.

Tức năm Đinh Tỵ (1257).

Hai sứ giả này đều bị ta giam giữ ở trong ngục, đến khi thả ra thì một người chết.

Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức chỉ những hạng nho sĩ, thầy thuốc,... nói trên.

Tức là “Đạt lỗ Hoa xích”. Tiếng Mông Cổ, mà đời Thanh dịch lại, nghĩa là Quan trưởng Mông Cổ. Theo chế độ nhà Nguyên thì các cấp hành chính và quân sự, trên từ lộ, dưới đến huyện, ở các hành sảnh, đều dùng người Mông Cổ làm “Đạt lỗ Hoa xích” hoặc gọi “Đạt lỗ Cát tề”.

Tháng một ở đây chỉ tháng 11 âm lịch. (BT)

Chỉ triều đình Mông Cổ.

Chỉ triều đình Mông Cổ.

Tháng chạp, năm Canh Thân (1260), Mông Cổ đưa chiếu thư sang bảo ta: Đối với quan liêu, sĩ, thứ trong nước, phạm mũ áo, điển lễ, phong tục, nhất nhất cứ để y theo pháp chế có sẵn của Bản quốc.

Tức năm Quý Hợi (1263) đời Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt.

Chỉ viên đứng đầu Trung thư sảnh bên Mông Cổ.

Chỉ nước Mông Cổ.

Chỉ vua Mông Cổ.

Có sách phiên âm lầm là Sài Thung.

Tức là những khoản đòi Quốc vương phải sang châu và con em nhà vua phải sang làm con tin,... như trên đã nói.

Chỉ vua Trần Thái Tông.

Bọn Trịnh Quốc Toàn và một người họ Phạm tước Minh tự sang sứ Mông Cổ từ năm Kỷ Mão (1279).

Có lẽ là sánh Bình Chương như dinh thủ tướng ngày nay.

Chỉ cuộc Mông Cổ sang xâm lấn thứ nhất (Đinh Tỵ, 1257).

Chỉ vua Trần Thái Tông.

Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ hai”.

Do Sứ bộ Trung lượng Đại phu Trần Đức Quân và Tán lang Trần Tự Tông đem quốc thư sang.

Xem bản đồ số 1 ở cuối sách.

Nay là huyện Ung Ninh, tỉnh Quảng Tây.

Nay là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây.

Nay là tỉnh Hồ Bắc.

Khúc sông Cái (nay gọi Hồng Hà) từ mạn Lào Cai xuống Ngã Ba Hạc gọi là sông Thao.

Không rõ ở đâu bây giờ.

Trong An Nam chí lược chép là Lê Tần. Có lẽ Tần là tên cũ, sau được vua Trần khen thưởng vì có công lớn trong cuộc kháng chiến Mông Cổ lần thứ nhất này, nên Tần được đổi tên là Phụ Trần, lấy nghĩa rằng họ Lê giúp nhà Trần chăng?

Sử cũ chép là sông Phú Lương. Thế là nhận nhầm sông Hồng Hà làm sông Phú Lương, tức sông Cầu, ở địa phận huyện Phúc Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Trong An Nam chí lược chỗ thì in là “Kỳ Trích”, chỗ thì in là “Cụ Trích”, vì chữ “kỳ” và chữ “cụ” gần giống nhau.

Bến Đông (Đông Tân) sông Cái ở địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông).

Cũng gọi Thiên Mạc, tức là khúc sông Cái bên bãi Mản Trù thuộc tỉnh Hưng Yên.

Tức như chức Kinh doãn đời sau.

Theo Nguyên sử. quyển 209, tờ 5b.

Có lẽ trói bằng thứ thừng bện bằng lạt tre?

Cũng theo Nguyên sử.

Nay thuộc Hưng Hóa, Phú Thọ.

Xem bản đồ số 2 ở cuối sách.

Nay thuộc làng Bàn Than, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Nay là Vân Hải thuộc tỉnh Quảng Yên, tức là hòn đảo “De La Table” (xem bản đồ).

Một nhánh sông Thái Bình (xem bản đồ).

Bến Đông (Đông Tân) sông Cái nay gọi là Hồng Hà thuộc địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông).

Chẳng hạn các cửa ải ở miền Lạng Sơn và mạn Thanh, Nghệ...

Bấy giờ được vua Mông Cổ phong làm Trấn Nam vương.

Đây dựa tài liệu trong An Nam chí lược, nhưng chưa rõ là tên một người hay hai người. Đợi khảo sau.

Thuộc Lạng Sơn (xem bản đồ).

Trong An Nam chí lược chép là Cấp Lĩnh. Thế tức là Khưu Cấp Lĩnh mà sử Cương mục chưa là phố Kỳ Lừa thuộc Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

Cũng đọc là Khả Lị, có sách chép là Khả Ly, thuộc Lạng Sơn.

Cũng thuộc Lạng Sơn, trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”; còn Toàn thư, và Cương mục đều chép là “Nữ Nhi”.

Thuộc Lạng Sơn.

Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285).

Nguyên văn: “Phạm quốc nội quận huyện, giả hữu ngoại khẩu chí, đương tử chiến, hoặc lực bất địch, hứa ư sơn trạch đào thoán, bất đắc nghinh hàng”. (Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b).

Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 1b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 44b chép: ngày 26 tháng chạp năm Giáp Thân (1284), giặc Nguyên xâm phạm các cửa ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết Lược, Chi Lăng.

Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5.

Thuộc miền Quảng Yên ngày nay.

Tục gọi là bầu Chi Lăng. Nay thuộc tổng Chi Lăng gần ga Tuần Muội ở châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn. An Nam chí lược chép Chi Lăng tức là “Lão thử

quan” (nghĩa là cửa chuột già).

Đền hồi Minh thuộc đổi làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Đến đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhãn (hoặc Nhỡn). Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Đây theo An Nam chí lược. Nay không rõ Bài Than ở vào đâu. Nhưng có lẽ là Bình Than. Vì “Bài” và “Bình” âm gần nhau.

Sử Toàn thư, chép là “dục thủy trận”.

Nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Khoảng 5-7 giờ sáng.

Tức là Thiên Mạc ở bên sông Cái thuộc Hưng Yên. Trong An Nam chí lược chép là “ải Thiên Hán” và chỉ chép tước của Trần Bình Trọng là Bảo Nghĩa hầu chứ không chép tên.

Nay là ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bồ Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình.

Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285), tức là sau khi Trần Bình Trọng đã tử quốc được bảy hôm, vậy mà cuốn Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928, trang 121), tác giả Trần Trọng Kim chép: “... Sai Thượng tướng Trần Quang Khải đưa binh vào đóng mặt Nghệ An... và Trần Bình Trọng ở lại giữ Thiên Trường...”.

Con của Tinh quốc Đại vương Trần Quốc Khang.

Thuộc địa phận Thanh Hóa.

Khúc sông Cái thuộc huyện Nam Xang tỉnh Hà Nam.

Trong An Nam chí lược in là Trần Tú Tuấn.

An Nam chí lược chép ngày ấy (mồng sáu tháng hai) Thanh Hóa và Nghệ An đều hàng.

Đây theo An Nam chí lược. Còn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 47a chép: “sai người (không nói rõ sai ai), đưa công chúa An Tư (em út của Trần Thánh Tông) cho Thoát Hoan để thư nghị nước”.

Không rõ ngày nay ở đâu.

Thuộc địa phận xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương.

Thuộc xã Tam Trĩ châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 2b in lầm là “Tam Thì”.

Thuộc miền biển Thanh Hóa.

Con thứ vua Trần Thái Tông, vẫn ngầm có ý muốn cướp ngôi nên đã từng viết thư bí mật gửi khách buôn ở Vân Đồn “rước” Mông Cổ đem quân sang xâm lược. Sau khi hàng giặc, Tắc được giặc phong An Nam quốc vương. Kịp khi Mông Cổ thua trận, Tắc xấu hổ, chết già ở bên Nguyên.

Thuộc xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông.

Việc khắc phục kinh đô này, An Nam chí lược chép vào tháng tư, còn sử Toàn thư, và sử Cương mục đều đặt vào việc ở tháng năm, là vì mãi đến mồng mười tháng năm ấy hai vua Trần mới biết tin.

Nay là Thuận Hóa, tức Huế.

Xem bản đồ số 2.

Đây là lời vua Trần Nhân Tông, vậy mà trong Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, 1928), tác giả Trần Trọng Kim lại chép là lời tâu của Hưng Đạo vương, và đoạn dưới dịch khác đi rằng: “... Vậy nay nên sai một tướng đem quân ra đón đường mà đánh thì chắc phá được” (trang 123).

Khúc sông Cái thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên.

An Nam chí lược, quyển 4, tờ 3a chép “Tướng Toa Đô là Lễ Cước Trương làm phản”. Có lẽ Lễ Cước Trương tức là Trương Hiến, mà “làm phản” là chỉ về việc đầu hàng bên ta.

Trong trận này ta bắt được cả bọn Tế thần (như Thủ tướng ngày nay) Chiêm Thành là Ba Lậu Kê, Na Liên 30 người vì theo Toa Đô. Đến tháng sáu năm Ất Dậu (1285), ta sai người đưa chúng về nước.

Tức là Ôn Châu, thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 2).

Theo Toàn thư, quyển 5, tờ 46b-47a; An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3a-b.

Xưa ở miền thượng du tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Phú Thọ.

Như chức Thổ tri châu.

Không rõ bây giờ ở vào đâu.

Theo Toàn thư, quyển 5 và An Nam chí lược quyển 4.

Đây theo đúng nguyên văn in trong sử Toàn thư là bản ra trước hơn cả.

Trong Hoàng Việt văn tuyển, quyển 2, tờ 2b, đặt bài thơ này của Trần Quang Khải vào dưới đầu đề là Tòng giá hoàn kinh sư (theo ngự giá về

kinh đô), có in khác một chữ “đương” trong câu ba: “Thái bình đương trí lực”. Nếu cần phải dịch cả bài thơ này ra văn vần thì dịch thế này: Cướp giáo bến Chương Dương, Bắt Hồ cửa Hàm Tử. Thái bình, gắng sức lên! Non nước này muôn thuở..

Xem bản đồ số 3 ở cuối sách.

Theo binh chế Mông Cổ, thì Mông Cổ quân là quân lính tuyển ở những người trong Mông Cổ tộc; Hán quân là quân lính tuyển ở những người tại Bắc bộ Trung Quốc, sau khi Mông Cổ đã diệt được Kim; Vân Nam binh là những quân lính tuyển ở tỉnh Vân Nam.

Quân lính tuyển ở các đông mán như Lê Man động ở Quảng Đông gọi là Lê binh. Binh chế Mông Cổ có đặt 12 cánh (dực) Lê binh.

Đều thuộc Quảng Đông.

An Nam chí lược quyển 4, tờ 3a chép có mười vạn; sử Toàn thư, chép năm mươi vạn; sử Cương mục theo Nguyên sử chép ba mươi vạn.

Là Khâm huyện thuộc tỉnh Quảng Đông.

Vạn Ninh nay là Hải Ninh Móng Cái. Trần Da chắc là một tướng trong tông thất nhà Trần, đóng giữ mặt biển. Sử Toàn thư, và sử Khâm định không chép việc Trần Da này. Đây theo An Nam chí lược.

Có lẽ là một núi ở gần miền Móng Cái ngày nay.

Đây là chuyến vận lương thứ nhất bị ta đánh đắm. Còn chuyến thứ hai vào ngày 11 tháng giêng, năm Mậu Tý (1288) lương thuyền Trương Văn Hổ bị phó tướng Trần Khánh Dư đánh: đắm ở cửa Lục.

An Nam chí lược chép là Trình Bằng; Cương mục chép là Trình Bằng Phi. Thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Sau đổi là Kinh Bắc, nay gồm Bắc Giang và Bắc Ninh.

Thuộc tỉnh Quảng Tây.

Thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

Thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng ngày nay. Trong An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3b chép là Bình Giang.

Nay thuộc huyện Hưng Nhân tỉnh Thái Bình.

Quan tài nhà vua làm bằng gỗ tử, gọi là “tử cung” (梓宮).

Các tỉnh duyên hải bên Trung Quốc bấy giờ đều có tiểu thuyền để thao luyện thủy binh ra biển, đi tuần, bắt giặc cướp.

Trong An Nam chí lược chép: “Trương Văn Hồ thoát tiên đặng phải quân ta ở cửa An Bang” (thuộc Quảng Yên).

Ở phần biển gần Hòn Gai ngày nay. Hán văn trong Toàn thư, và Cương mục chép là “Lục thủy dương”.

An Nam chí lược chép: “Thuyền lương bị hãm, Văn Hồ cướp một chiếc thuyền cô, chạy về Khâm Châu”. (Là Khâm huyện, thuộc tỉnh Quảng Đông).

Đây theo Cương mục, quyển 8, tờ 4a-5b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Trương Văn Hồ bị bại vào trận Bạch Đằng, chứ không phải vào trận Vân Đồn: “... Kịp Văn Hồ đến, phụ binh ở hai bên bờ (sông Bạch Đằng) hăng hái đánh: Văn Hồ lại bị thua. Nước thủy triều rút xuống rất gấp. Thuyền lương Trương Văn Hồ mắc vào cọc, đắm chìm gần hết. Người Nguyên chết đuối rất nhiều...” (Quyển 5, tờ 54a-b).

Theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b, thì nhờ có tả hữu can ngăn, Thoát Hoan mới thôi việc đốt thành; nhưng sử Toàn thư, chép Thượng hoàng Thánh Tôn phải ngự ở Thị vệ lang, là vì cung điện giặc đốt cả.

Theo Trung Hoa thông sử, trang 125.

Thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Thuộc Lạng Sơn.

Đây thuộc Lạng Sơn.

Đây theo sử Cương mục, quyển 8, tờ 8a-b. Còn An Nam chí lược chép: Hữu thừa Trình Bằng bèn hỏi dò những bô lão bị chúng bắt được và đang đem bắt ép phải dẫn chúng dò đường khác chạy trốn. Khi đại quân Mông Cổ ra khỏi ải Nội Bàng quân ta lại đánh chặn, cắt đứt toán sau của giặc. Vạn hộ Đáp Thích Xích và Lưu Thế Anh đánh lại: quân ta phải chạy...

Thuộc Lạng Sơn. Trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”.

Xưa thuộc châu Tư Minh bên Trung Quốc. Đến năm 1426 mới thuộc về ta. Đời Lê, gộp cả Lộc Châu với châu Tây Bình, đặt làm châu Lộc Bình. Nay thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 3).

Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b-5a; Cương mục, quyển 8, tờ 9a.
Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54b chép Thoát Hoan và A Thai đem quân về Tư Minh, bị thổ quan Hoàng Nghệ bắt được, đem dâng vua Trần.

Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Nguyễn Khoái trong trận này, có bắt được Bình chương Mông Cổ Áo Lỗ Xích.

Một tước phong đời Trần.

Tên một tướng Mông Cổ. Nhiều sách báo quốc ngữ lầm làm hai người.

Toàn thư, quyển 5, tờ 54b.

Một vua Trần Thái Tông, ở phủ Long Hưng (nay ở làng Thái Dương thuộc huyện Hưng Nhân, Thái Bình, còn một vua Trần và đền thờ những bậc vĩ nhân đời Trần).

Toàn thư, quyển 5, tờ 54b.

Hán Cao Tổ (206-195 TCN) bị Hạng Vũ vây, gấp quá, Tín bèn giả là Hán Cao, thay ra hàng Sở: vì thế, Hán Cao trốn thoát còn Tín bị Hạng Vũ thiêu chết.

Sách Tả truyện chép Sở Chiêu vương bị giặc lấy giáo đâm, Do Vu chìa lưng mình ra che đỡ cho Sở Chiêu.

Dự Nhượng người nước Tấn, đời Chiến Quốc (481-221 TCN); thờ Trí Bá. Khi Triệu Tương Tử và Hàn Ngụy diệt Trí Bá, Nhượng bèn sơn mình như quỷ, nuốt than làm câm, mưu giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá; nhưng hai lần cùng bị Tương Tử bắt được. Lần trước, được Tương Tử thả ra; lần sau, Nhượng đòi xin cái áo của Tương Tử mà đánh để tỏ ý trả thù cho Trí Bá rồi tự sát.

Đường Thái Tông (627-649) tên là Lý Thế Dân, khi còn làm Tần vương, có đánh nhau với Vương Thế Sung, bị Thế Sung vây khốn, nhờ có Kính Đức cứu giúp mới thoát được vòng vây. * Đường Thái Tông (627-649): Đây là thời gian tại vị. (BT)

Đời Đường Huyền Tông (713-755), An Lộc Sơn nổi loạn, Kiêu Khanh giữ lòng trung nghĩa, không chịu theo giặc. * Đường Huyền Tông (713-755): Đây là thời gian tại vị. (BT)

Người đời Tống.

Hoặc Nguyễn Sơn Lập.

Tức là thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điều Ngư, nên mới đặt tên như thế. Nay thuộc phủ Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa. Khi Mông Kha bên Nguyên xâm nhà Tống, vây thành này, viên Tri châu thành Điều Ngư bên Tống là Vương Kiên (Nguyên sử chép là Vương Kiên, không có chữ đệm là “Công”), cố sức chống giữ được hàng năm tháng, khiến quân địch không hạ nổi thành. Quân Nguyên phải giải vây, rút về.

Tức Mông Ké, vua Mông Cổ, miếu hiệu là Hiến Tôn, anh Hốt Tất Liệt.

Tức Wouleangotai mà Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai (hoặc Ngột Lương Cáp Thai). Thông giáp tập lãm chép là Ô Đặc Lý Cáp Đạt.

Toàn thư, và Cương mục đều chép là Cân Tu Tư, còn Hoàng Việt văn tuyển in là Xích Tu Tư vì “Cân”(斤) và “Xích”(斥) mặt chữ gần giống nhau.

Sau là Đại Lễ, hoặc Đại Lý, nay là Vân Nam.

Tức Mông Cổ.

Tức Nguyên Thế Tổ.

Sau khi lấy được Đại Lý (nay là Vân Nam) Nguyên Thế Tổ bèn phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để cai trị.

Theo Cương mục có hai chữ “bất năng”, Toàn thư, không có.

Theo Toàn thư, chép là “thường” (嘗). Còn Cương mục và Hoàng Việt văn tuyển đều in là “đương” (當).

Đây theo Toàn thư, quyển 6, tờ 11b-14a chép là “trung quốc”, nên dịch là “nước trung ương”. Chừng đức Trần Hưng Đạo, tác giả bài hịch, bấy giờ, muốn nâng cao địa vị quốc gia lên để khích lệ tướng sĩ, nên mới nói nước mình là “trung quốc”, mà mặt sát Mông Cổ là di địch (gọi trùm Mông Cổ là “di tù”). Bùi Tồn Am, khi soạn bộ Hoàng Việt văn tuyển có lẽ không thấu rõ cái thâm ý ấy của đức Trần Hưng Đạo, nên tưởng sử cũ in lầm bèn dám tự tiện đổi hai chữ “trung quốc” làm “bang quốc”. (Xem Hoàng Việt văn tuyển, quyển 7, tờ 1b-4b).

Theo Từ nguyên, thì “thái thường” chỉ có hai nghĩa: cờ thái thường và chức quan đời Hán giữ lễ nghi nơi tôn miếu. Đây nói “nhạc thái thường” có lẽ là một thứ nhạc thờ đời Trần dùng để tế tự nơi tông miếu chăng?

Đời phong kiến, phàm đất mà khanh, đại phu được phong để thu lấy thuế má làm bổng lộc, gọi là “thái ấp” hoặc “thực ấp”.

Lỗi xưa, khi ai đã chết, sắp đem chôn, thì người ta xét theo đức tính bình sinh của nấy mà đặt cho tên hiệu để thay cho tên húy. Sau theo chế độ phong kiến, xã hội chia nhiều giai cấp: vua quan mới được gọi là “tên thụ” người thường gọi là “tên hiệu”. Tên thụ xấu như “U vương” (vua Tối tăm) và “Lệ vương” (vua Hung dữ) đời Chu.

Nguyên văn là “thổ hỏa tích tân”, chữ trong Hán thư, đem lửa để ở dưới chỗ chứa củi mà nằm lên trên; thấy lửa chưa kịp bốc cháy, đã vội gọi là yên ổn. Ý nói phải lo cái vạ ngầm ngầm.

Nguyên văn là “trường canh suy tề”, chữ trong Sở từ. Ý nói phải kiêng răn quá lắm.

Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa.

Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa.

Đời Tống, chỗ nhà để cho mán mọi ở. Khi họ vào triều cận gọi là “cảo nhai”.

Do điển trong Thế thuyết (Vương Tử Kính đem nằm trong nhà, có bọn trộm vào nhà, vợ vét hết cả đồ đạc. Vương thùng thẳng bảo: “Chiếc chiếu xanh là đồ lâu đời của nhà ta, các anh phải bớt lại đây”.)

Xưa dùng huyết con sinh để cúng tế, nên gọi sự được hưởng cúng tế là “huyết thực”.

Theo lời chua trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, thì triều Lý có đào sông Bình Lỗ để tiện đi lại ở miền Thái Nguyên. Vậy thành Bình Lỗ chắc ở địa phận Thái Nguyên

Chỉ đức Trần Hưng Đạo.

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Cửu cung qui thân là: Thái nhất, Nhiếp đề, Quyền chủ, Chiêu đao, Thiên phù, Thanh long, Hàm trì, Thái âm và Thiên nhất. Nếu tính theo phép lịch, thì Cửu cung gồm chín vì sao này: Thiên bình, Thiên nhũ, Thiên hành, Thiên phụ, Thiên cầm, Thiên tâm, Thiên trụ, Thiên nhậm và Thiên anh.

Giết chết.

Phương hướng thuận lợi.

Sao lành.

Thần dữ.

Ông tướng hung ác.

Ba điều lành.

Năm điều dữ.

Nguyên văn: “Cử quốc nghênh địch” (舉國迎敵).

Nguyên văn: “Cử quốc cự địch” (舉國拒敵).

Dọn sạch đồng nội, không để thóc lúa cho quân địch được lợi.

Ở Hòn Gai bây giờ.

An Nam chí lược, quyển 13, tờ 4a chép: “Quan quân (chỉ quân Mông Cổ) dục chiến bất đắc”.

Chẳng hạn: trận Tây Kết có nhiều đạo quân như quân Trần Nhật Duật, quân Trần Quang Khải, quân Trần Quốc Toản, quân Nguyễn Khoái và quân hai vua Trần cùng đến dự chiến.

Làm trước để chế trị người.

Theo tài liệu trong An Nam chí lược như trong chương tám đã thuật.

Nặng nóng. (BT)

Xem thêm “Bảng kê những tên phản quốc, hàng giặc Nguyên” ở cuối sách.

Về điểm địa lý này, tác giả Trần Trọng Kim có viết ở Việt Nam văn học sử, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928) trang 140 rằng: “... Triệu Võ

Vương đóng đô ở Phiên Ngung, tức là gần thành Quảng Châu bây giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước ta. Lẽ nào đi đánh Trường Sa ở tỉnh Hồ Nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm... Có lẽ rằng Hưng Đạo vương lúc nói chuyện đó tưởng rằng kinh đô của Triệu Võ Vương ở đâu bên nước ta bây giờ, cho nên mới nói như thế chẳng”.

Cũng như ngày nay gọi là “quốc tế”.

(德威遠暢) nghĩa là “công đức và oai danh truyền rộng ra trận nơi xa”.

Hưng Đạo đại vương.

Theo báo Kiến quốc, số 1, ngày 11, tháng 10, năm 1949.

Câu đối ấy thế này: “Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí – Lục Đầu vô thủy bất thu thanh”.

Với tất cả mọi sự dè dặt, kẻ viết chỉ xin thuật bài thơ của nhà báo Nhật này theo như ông Lam Sơn đã kể lại trong cuốn Hưng Đạo đại vương, trang 11.

Lại theo ông Lam Sơn, thì dưới bài thơ này, nhà báo Nhật ấy có viết thêm

mấy câu, đại ý: “Cũng hồi thế kỷ mười hai (có lẽ in lầm hoặc nhớ lầm; thực ra bấy giờ là thế kỷ mười ba, chứ không phải mười hai), hơn hai mươi vạn quân Mông Cổ cũng dầm dộ (rầm rộ) chực kéo sang đánh chiếm nước Nhật, nhưng chưa tới nơi đã bị trận sóng gió gó ghê, dao (bao) nhiêu chiến thuyền đều bị chìm đắm, quân địch chết đuối gần hết, sống sót trở về không còn được vạn người...” (Về việc nước Nhật gặp cái may này mà thoát vạ Mông Cổ xâm lược, nhiều bộ sử ta và sử Trung Hoa cũng đã nói đến).

1. Ruộng ở nơi đầm lầy, dưới là bùn loãng, nước ở mặt trên cùng cỏ dại mọc thành tầng, thành lớp. Ruộng rộc thường rất sâu, đến thắt lưng thậm chí còn đến ngực người. Do đó, canh tác trên đất ruộng loại này thường khó khăn vì không thể cày bừa dễ dàng như ruộng bậc thang hay ruộng nước ở đồng bằng. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập.

2. Thánh Thiên không những là một đại công thần khai quốc mà còn là một tướng lĩnh cao cấp đã được Hai Bà Trưng giao phó những trọng trách trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mã Viện. Truyền thuyết dân gian cho biết chính Thánh Thiên đã đánh tan quân Mã Viện ở Hợp Phố và sau đó đã dự trận Lãng Bạc với Hai Bà Trưng. Cũng có truyền thuyết nói Thánh Thiên đã chặn đánh quân Mã Viện ngay ở Quỷ Môn Quan (Lạng Sơn) khiến Mã Viện phải lui lại và tìm đường khác vào Âu Lạc.

Nhân dân thời xưa đã dựng đền Nghè ở An Biên (Hải Phòng) để mãi mãi tưởng nhớ Lê Chân, người nữ anh hùng.

Truyện trên soạn theo thần tích miếu thờ Thục nương ở xã Phụng Lâu, huyện Phù Ninh, Vĩnh Phú. Thục nương được thờ ở Tiên La (Thái Bình), ở Phụng Lâu và ở Đức Bác (tức Lập Trang, huyện Lập Thạch). Ngày sinh thần là ngày mười lăm tháng tám năm Tân Sửu, ngày khánh hạ vào mồng mười tháng ba và ngày hóa thần là ngày mười tám tháng ba. Theo thần tích thời hậu Lê do Hàn Lâm Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn, và bản sao của dân Phụng Lâu, có phụ lục các triều vua bao phong cho Thục nương thì Thục nương được phong thần lần lượt như sau: Thời Trưng vương, sắc phong: Bát Nạn đại tướng quân Trinh Thục công chúa. Thời vua Lê Thánh Tôn, sắc phong: Ý đức đoan trang Trinh Thục công chúa. Thời

Minh Mạng nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù chi thần. Thời Khải Định nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù Thượng đẳng thần. Vào thời trước, trong các ngày lễ tưởng nhớ Thực nường tức Bát Nạn công chúa, ở Vĩnh Phú có bơi chải, hát Xoan, tức hát đúm, cỗ đều bày trên mâm đan lót lá.

Biến âm của Sưu. Việc nặng nhọc mà người dân phải làm trong thời phong kiến, thực dân. (BT)

Nàng Nội và cha mẹ đều được thờ ở xã Minh Nông và xã Minh Phương, huyện Hạc Trì nay là thành phố Việt Trì. Ở đây còn có một cánh đồng có tên là Đồng Cô, nhân dân nói rằng đó là ruộng của Nàng Nội giao cho dân làng để thu hoa lợi thờ cúng cha mẹ nàng.

Lê Thị Hoa người đạo Sơn Nam, huyện Thiên Bản (thuộc tỉnh Nam Hà), cha là Lê Thái và mẹ là Dương Thị Tạo. Nàng nổi lên chống giặc trả thù chồng ở quê mình. Sau khi thất bại, nàng không hề nản chí, lánh vào quận Cửu Chân, huyện Nga Sơn (Thanh Hóa) kiên trì xây dựng căn cứ, tập hợp lực lượng trong bảy năm để tiến theo Hai Bà Trưng đánh đổ ách thống trị ngoại tộc ngót hai trăm năm đè nặng lên dân Việt. Theo tài liệu Ty Văn hóa Thanh Hóa thì nơi mà Lê Thị Hoa tìm đến để khai khẩn đất hoang, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa ở Thanh Hóa là làng An Hội. Sau khi nhân dân ta giành lại được độc lập dân tộc và bà Trưng Trắc lên ngôi vua, bà Lê Thị Hoa cùng bốn con trở lại Nga Sơn để xây dựng vùng này thành một nơi dân cư đông đúc, trù phú và bà mất vào mùa xuân năm sau, ngày 25 tháng hai âm lịch.

“Thiên Sứ” nói trong truyện trên thuộc tỉnh Thái Nguyên. Hồ Đề và Hồ Hác đều được thờ ở đền Nhà Bà và đình thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú

Nơi Xuân nương gieo mình, theo truyền thuyết, hôm sau mới đùn lên thành gò, nhân dân gọi đấy là mộ Xuân nương. Năm ngày sau khi Xuân nương tử tiết, ngày hai mươi tháng hai, đồn trại Hương Nha bị giặc phá, các thần quan đều tử tiết. Châu Đại Man gồm các miền rừng núi đồng bãi thuộc các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Cẩm Khê. Dọc đường quốc lộ từ bến đò Ngọc Tháp (Phú Thọ) tới bến Trung Hà, các xã Hương Nha, Vực

Trường, Thanh Uyên, Tam Cường, Cổ Tiết, Hương Nộn đều có thờ Xuân nương. Theo các cụ ở địa phương thì các đền miếu này xây dựng trên dấu máu những nơi nàng Xuân đánh với Mã Viện trong trận cuối cùng của đời nàng. Chùa ở Hương Nộn nói trong truyền thuyết trên là chùa Khánh Long tự dựng ở mỏm cao bên sông Thao gọi là Phác Sơn, thuộc xã Hương Nộn trước gọi là hương Tuế Phong, cũng gọi là Kẻ Xoan. Các xã Thanh Uyên (gồm Tiền Áo, Giá Áo, Nam Cường), Tam Cường và Hương Nha là khu vực chiến trường Xuân nương và Thi Bằng đánh với quân Hán. Miếu thờ Xuân nương ở Hương Nha có hai đôi câu đối như sau: 1 - “Yếu điệu phù Trưng trung quán nhật Quật cường cự Hán tiết lãng sương” (Đại ý: Người yếu điệu phù vua Trưng, lòng trung tranh sáng với mặt trời. Quật cường cự với giặc Hán, khí tiết thắng cả thời gian). 2 - “Anh kiệt vô song, vạn cổ thanh danh lưu nữ sử Quân thần câu hóa, nhất không trung nghĩa tối thanh thiên” (Đại ý: Anh kiệt không hai, danh tiếng ngàn đời lưu vào sử sách những người con gái. Vua tôi cùng mất, lòng trung nghĩa làm trời xanh vắng vạc cũng không bằng). Nói riêng về tục lệ cầu tế ở xã Hương Nha: mọi lễ dâng Xuân nương đều làm cỗ chay, có bánh dày, mật mía và củ mài. Các lễ tế mười vị thần quan và quân sĩ đều mổ trâu, nôi da nấu thịt, cỗ bày trên mâm tre đan lót lá chuối, lá ngõa, lá ngô đồng. Ngày tiệc, mở hội ở bến Lão Châu tức bến Đông, có trò trình nghề (rước các nghề nghiệp), cày bừa, té nước vào nhau (diễn xướng lễ nghi nông nghiệp) hái dâu, bán kén, chọi gà, đánh vật, kéo quân, trai gái hát đối đáp.

Xã Quang Húc ở đầu con sông Bứa (còn có tên là sông Mỹ Giang) có miếu Cây Quân thờ nàng Quỳnh và miếu Cây Sấu thờ nàng Quế. Núi Bứa trong truyền thuyết trên, nay có tên là núi Nàng hời Nàng hời, có thuyết cho rằng vì hai nàng mất trên núi nên núi có tên như vậy, với ý nghĩa là nhân dân than khóc hai nàng.

Nguyệt Điện Đàm Ngọc Nga là người con gái bất khuất của sông Đà đã cùng với nhân dân khởi nghĩa ở hữu ngạn sông vùng huyện Thanh Thủy và một phần Thanh Sơn (thuộc tỉnh Vĩnh Phú) mà nơi căn cứ là các xã Tu Vũ, Yến Mao (Thanh Thủy) và Yên Sơn, Yên Lương (Thanh Sơn). Các hang động nói trong chuyện kể trên nay là Hang Pheo ở Yên Sơn chứa được hàng

trăm người và các hang Tôm, hang Cá, hang Lợn, hang Gà, hang Trâu... ở xã Yên Lương. Nơi Nguyệt Điện xây dựng đồn trại ở đầu sông Chảy theo lệnh Hai Bà Trưng thuộc xã Tây Cốc và xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng (Vĩnh Phú) và xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Vĩnh Phú), ở những nơi này còn dấu vết đồn trại bằng đá tương truyền của Nguyệt Điện xây dựng. Ở Tây Cốc có mồ Nguyệt Điện thuộc xóm Ca Đình đắp bằng đá. Ở nơi đồn trại này hiện còn dấu tích của những giếng đá mà theo truyền thuyết là của quân bà Nguyệt Điện đào để lấy nước ăn. Trên sườn núi Đầu thuộc Ca Đình (Tây Cốc) giáp Ngọc Quan bây giờ còn một nền đất và các tảng đá kê, tục truyền là vọng gác của khu đồn trại. Đình làng Ca Đình được xây dựng ngay trên mảnh đất mà các cụ truyền rằng đó là nơi Nguyệt Điện đặt trung dinh. Thần tích cho biết vua Trưng phong Đàm Ngọc Nga là: “Nguyệt Điện Tế thế công chúa”, vậy Nguyệt Điện là tước hiệu của Đàm Ngọc Nga. Thời Trần Nhân Tông, Nguyệt Điện được phong “Nguyệt Điện Tiên Nga công chúa, Huệ hòa gia hạnh uyển mị phu nhân”. Vua Lê Thái Tổ phong: “Nguyệt Điện Nga hoàng công chúa, Anh linh sắc chỉ trinh nhất từ đường phu nhân”. Ngày sinh: tháng hai ngày mười lăm. Ngày hóa: tháng năm ngày mồng năm.

Trang Song Quan trong truyện Thiều Hoa này là xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, Vĩnh Phú, có đền và miếu thờ Thiều Hoa và chùa Phúc Khánh là chùa làng cũng có thờ. Miếu Thiều Hoa dựng ngay bên bờ sông, theo truyền thuyết là nơi thuở chăn trâu, Thiều Hoa thường ngồi vá quần áo. Trong miếu, trên bàn thờ có bày một cái mùng sơn son thếp vàng trong có vài mụn giẻ rách tượng trưng cho thời niên thiếu khổ cực của Thiều Hoa. Hàng năm, trong các ngày hội làng kỉ niệm Thiều Hoa, dân đều tổ chức đánh phết, diễu quân để tưởng nhớ vị nữ anh hùng.

Nhật Chiêu nơi Khâu Ni tu hành và khởi nghĩa nay là thôn Cự Ấp, xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, thời Hậu Lê tên là Nhật Chiêu trang, thời Nguyễn đổi là Nhật Chiêu. Ở đây có đền thờ Khâu Ni công chúa, còn đạo sắc phong từ thời Đinh Tiên Hoàng. Tục truyền rằng khi Đinh Tiên Hoàng đi đánh sứ quân Kiều Công Hãn ở Phong Châu - Bạch Hạc, có nghỉ ở Huyền cổ tự, mộng thấy Khâu Ni hiện đến, xin âm phù và tự xưng là “Chuyển phàm tử

Khâu Ni”. Sau khi dẹp xong các sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng phong cho Khâu Ni làm Thượng đẳng phúc thần, giao cho trang Nhật Chiêu làm hộ nhi giữ việc cúng tế. Lê Đại Hành năm Thiên Phúc phong “Công chúa huệ gia trình phục phu nhân”. Lê Thái Tổ cũng có sắc phong, cho kiêng bốn chữ “A nương Khâu Ni”. Khi vua Trần Thái Tông đánh giặc Nguyên ở sông Lô, nói là được Khâu Ni báo mộng âm phù nên sau cũng phong cho Khâu Ni. Cầu sinh ngày mười lăm tháng hai, bàn trên cỗ chay. Cầu hóa ngày mười tháng chạp, bàn trên cỗ chay. Kiêng mặc quần áo màu vàng đỏ khi hành lễ vì khi ra quân Khâu Ni mặc y phục vàng đỏ. Các ngày cầu tế nói trên có tiệc trâu thui cả con, dân làng và người qua đường không phân già trẻ, lớn bé, mỗi người một dao xẻo thịt ăn ngay tại chỗ. Ngày mồng sáu tháng giêng có tục cướp cầu, cướp cờ, bơi chải. Vĩnh Hoa công chúa được thờ ở đình Nghênh Tiên, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc. Tiên Nha trang nói trong truyền thuyết trên chính là Nghênh Tiên, có thể gồm thêm một số thôn lân cận. Vua Lê Đại Hành phong là “Vĩnh Hoa nương linh hiển nữ quốc công chúa”, lại phong là “Hằng Nga uyển mị trình thực phu nhân tôn thần”. Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong là “Đức hạnh đoan trang trình tiết phu nhân”.

Trang Lũng Ngòi, Gò May và Đàm Luân thuộc xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phú, có thể thời Lê Ngọc Trinh căn cứ Đàm Luân còn gồm cả xã Bồ Sao. Khu căn cứ này nằm ở gần cầu Việt Trì, ngã ba Bạch Hạc, mé Hà Nội về và đường quốc lộ 2 chạy qua xã ngày nay. Nhân dân địa phương thờ Lê Ngọc Trinh với lòng tưởng nhớ anh hùng ở miếu Lũng Ngòi, đình Lũng Ngòi và đình Hòa Loan. Trong các ngày cầu tế có tục hú đáo, kéo co mang tính chất kỷ niệm dựa theo truyền thuyết. Hú đáo thôn Lũng Ngòi (hay Lũng Ngoại): trai gái lấy đá ném vào một cái cọc chôn cách mười bước chân, cứ trúng cọc là được. Kéo co, trai gái chia làm hai phe thi nhau kéo co bằng một chiếc dây song. Các cụ nói rằng hú đáo và kéo co ở đây không phải là trò chơi hội làng mà là để nhắc lại kỳ tích anh hùng của Ngọc Trinh nương, khi nương bị vây hãm lấy dải yếm bọc đá để đánh giặc. Sau hòn đá rơi về địa phận Lũng Ngòi nên Lũng Ngòi hú đáo còn dải yếm bay về địa phận Hòa Loan nên Hòa Loan kéo co.

Thiết lĩnh (鐵領) là một binh khí cổ truyền, thuộc loại binh khí cán dài, phôi thai từ dụng cụ nông nghiệp để đập lúa. Đó là loại côn nhị khúc đặc thù của người Việt, có một khúc dài và một khúc ngắn nối liền nhau bằng dây thừng hoặc xích sắt. (BT)

Thần tích xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, Vĩnh Phú chép rằng sau trận hạ thành Luy Lâu, hai chị em Lê Thị Lan, Lê Anh Tuấn được phong ấp ở Đường Lâm và có trở lại trang Văn Lang rồi cả hai đều mất ở đó vào ngày hai mươi lăm tháng tám âm lịch. Núi non địa thế miêu tả trong trận trên, được kể lại theo truyền thuyết địa phương. Dãy núi này là nơi ba huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Yên Lập tiếp giáp nhau, và ngọn núi cao nhất có Ao Giời sau này được đặt tên là núi An. Theo lời các cụ, nàng Lê Thị Lan đã mất ở đó. Các địa hình và địa danh Ao Giời, Tiên mẹ Tiên con, khe Nước chồi, Đồng thóc, Đồng phì nhiều đều là có thật.

Ở đây chúng tôi ngờ rằng, chữ “Phật” (佛) trong tên “Phật Nguyệt” được ghép từ bộ “Nhân đứng” (亻) trong chữ “Đình” (汀) họ của ông và chữ “Phất” (弗) trong chữ “Phí” (費) (?) họ của bà. (BT)

Phật Nguyệt công chúa là một người con gái anh hùng của sông Thao, vì bất bình trước cảnh lầm than của nhân dân mà tuốt gươm đứng dậy, kiên trì mưu trí, thu phục được hào kiệt, tuổi trẻ gánh việc lớn, làm nên được công nghiệp hiển hách, nêu cao chủ nghĩa anh hùng của dân tộc ta hồi đầu Công nguyên. Phật Nguyệt được thờ ở các xã Thanh Vân, Phương Lĩnh thuộc huyện Thanh Ba, Vĩnh Phú. Đền thờ Phật Nguyệt ở Phương Lĩnh có đôi câu đối: “Tích trù Động Đình uy trấn Hán Phương lưu thanh sử lực phù Trưng”. Nghĩa: “Sự tích hiển hách còn lưu ở Động Đình, uy trấn nhà Hán. Danh thơm lưu truyền sử xanh, sức mạnh phù vua Trưng”.

Viết theo tài liệu của Vũ Tuấn Sán. Vũ Tuấn Sán có dịch thơ cổ và câu đối để vịnh Phương Dung, Đào Kỳ, xin được giới thiệu như sau: “Sinh vi tướng, tử vi thần Vạn cổ cương thường hệ thử thân Loa địa song đôi thu nguyệt ảnh Anh hùng liệt nữ tướng quân phần”. Dịch: “Sống làm tướng giỏi, chết làm thần Muôn thuở cương thường nặng tấm thân Đôi năm thành Loa trăng chiếu sáng Hào kiệt anh thư mộ tướng quân”. Câu đối: “Vĩ lý Phục Ba thi, loan giá lâm lưu không ẩm hận. Bất li Tiên Trấn giáp, Loa

thành quy mã thượng trì thanh”. Dịch: “Chưa bọc xác Phục Ba, sống cảnh xa loan còn vang uất hận. Chẳng rời giáp Tiên Trấn, ngựa về thành Ốc vẫn vọng âm thanh”.

Đôi vợ chồng anh hùng Hùng Bảo – Trần Nang được các triều đại trước kia phong là “thượng đẳng thần”, được thờ ở Toàn Liệt (xã Tự Lập, huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú), và ở Thái Lai (xã Tiến Thịnh, Yên Lãng). Thái Lai còn thờ cả ông Trần Hậu là cha nàng Trần Nang vì đây là nơi Trần Hậu được chôn cất tại Vườn Quàn.

Theo thần tích nàng Quốc ở đình Hoàng Xá, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội) thì mẹ nàng Quốc họ Đào, quê ở Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Hưng, tu ở núi Thiên Thai, trang Đông Cửu, huyện Gia Bình (huyện Gia Hưng, Hà Bắc). Cũng thần tích này nói rằng nàng Quốc sinh ra dưới một gốc đào khu Hoàng Xá, trang Hạ Tồn (thuộc xã Kiêu Ky).

Vật trang sức hình cái nắp có đính những tua màu đẹp hoặc chòm lông dài. (BT)

Tam nương, Tuấn công và An Bình Lý đều được thờ ở đình Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phú, các vị đầu mục cũng được thờ ở hạ ban. Đình Quất Lưu có câu đối ghi lại công đức các anh hùng như sau: “Hộ quốc tiêm cừ, tam noãn linh thần tam tác tướng. Xả sinh thủ nghĩa, lục trùng dũng sĩ lục thành nhân” (Giúp nước rửa thù, ba vị linh thần cùng sinh làm tướng. Quên mình giữ nghĩa, sáu trang tráng sĩ nay đã nên danh). Trên thượng ban có đôi câu đối: “Trương Vương tả quân tướng – Lê gia thứ phúc thần”. Hội đình Quất Lưu được tổ chức vào ngày mười tháng giêng, lệ có đánh vật và thi mười bốn thứ bánh nếp; ngày mười hai tháng mười một tiệc kỵ nhật, tục hèm có bún và cá kho. Theo các cụ, huyện Tam Dương trong truyện Tam nương gồm huyện Bình Xuyên và một phần đất đai các huyện Vĩnh Tường và Yên Lạc (Vĩnh Phú).

Quý Lan được thờ phụng hương khói với lòng tưởng nhớ anh hùng ở xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phú. Đó chính là trang Tinh Luyện, nơi nàng đã sinh ra và đã hy sinh oanh liệt. Quý Lan được thờ ở các miếu Khuôn, Đáp, Cầu, đình Thán Sơn. Nơi Quý Lan tắm trước khi lên núi, theo các cụ, là con suối Mả Mèo. Ngọn núi mà Quý Lan tử tiết sau được đặt tên

là núi Nái, cũng gọi là núi Mồ. Quý Lan cũng còn được nhân dân địa phương gọi là Nái Sơn công chúa. Theo thần tích, Quý Lan sinh ngày mồng mười tháng hai âm lịch và mất ngày mười bốn tháng bảy âm lịch. Ở xã Hương Nộn, ngày cầu Xuân nương, các phường xoan Kim Đức và An Thái (Phù Ninh) sang hát chầu theo tục tễ, hát từ chập tối tới gà gáy sáng và liền trong ba ngày. Trong các buổi hát thờ ấy, trước bàn thờ Xuân nương có sáu người con gái xinh đẹp chưa chồng, mặc quần áo xanh đỏ, chít khăn chéo hai bên sườn, cầm kiếm và hộp trầu, đứng nghiêm suốt buổi lễ. Miếu Hương Nộn cho tới kháng chiến chống Pháp còn một bức tranh thờ vẽ Xuân nương ngồi giữa, sau lưng có sáu nữ tốt cầm kiếm đứng hầu, xung quanh là cây cảnh và các nam binh nữ tốt. Tranh ấy nay đã mất. Dân địa phương kiêng tiếng Xuân, tiếng ả, tiếng nương, và các tiếng Hiên, Hoa là tên mẹ Xuân nương, tiếng Sát là tên cha Xuân nương. Theo thần tích ở Hương Nha, khi quan thái thú Lê Thiện là tướng của vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đem quân đánh giặc Minh có qua đây, đêm mộng thấy Xuân nương hiện lên cho biết sẽ âm phù cho nghĩa quân thắng giặc. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ có sắc phong cho Xuân nương là “Đệ bát vị Đông cung công chúa Xuân nương”, phong các thập bộ thần quan là đại vương, giao cho dân sở tại tu sửa đền miếu hương khói đời đời. Phong Xuân nương là “Đệ bát vị” vì nàng là con thứ tám.

Niên hiệu Thiệu Bảo. Các năm trong ngoặc đơn của sách này chỉ thời gian tại vị của các vị vua. Cuốn sách biên chép nhiều tư liệu lịch sử, tham khảo ở các nguồn khác nhau, nên có một số điểm chưa đồng nhất. Người biên tập sử dụng Khâm định việt sử thông giám cương mục (Quốc Sử Quán), Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú), Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim)... làm tư liệu đối chiếu. Về bản chữ Hán, do chất lượng bản gốc không thực sự tốt, chúng tôi đã hết sức cố gắng đảm bảo độ chính xác nhất có thể và có tham khảo đối chiếu với nhiều tài liệu khác. Tài sơ học lậu, khó tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa. Chú thích trong sách này là của người biên tập, ngoại trừ một vài chú thích có dấu (*) là của sách gốc.

Thô kệch.

Sách gốc chép là “Nam di”, đối chiếu với bản chữ Hán thì là “Man di”.

Nghe phong phanh, nghe đồn.

Sách gốc chép là “Vũ thị”, nhưng ở đây đang nói về Cù thị. Đối chiếu với bản chữ Hán thì chữ ở đây đúng là “Cù thị”.

Sách gốc chép là “Triệu Khuông Dận”.

Giao phó trọng trách quân sự.

Vốn, vẫn.

Nhậm chức.

Bảo vệ.

Đầu đuôi của sự việc.

Hay Phạm Cự Lượng

Sách gốc chép là “Lý Nhược Khuyết”, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là “Lý Nhược”.

Trao trả.

Sách gốc chép là 1018-1225

Sách gốc chép là 1034-1078.

Sách gốc chép là 1068-1078.

Sách gốc chép là Lưu Gi.

Người xem xét việc công tại địa phương, thời xưa.

Sách gốc chép là 1048.

Sách gốc chép 1133-1175.

Sách gốc chép là “Tổng Hiến Tông”. Trong sử sách Tàu, đời nhà Tống không có miếu hiệu Tổng Hiến Tông, trước đó có nói đến năm Giáp Thân (1164) thì phù hợp với đời Tống Hiếu Tông (1162-1189).

Sách gốc chép là 1040-1225.

Sách gốc chép là Ngột Lường Hợp Thai (Vouleangotai).

Hốt Tất Liệt

Sách gốc chép là “Bách lạc thiên”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Bạch lạc thiên”.

Sách gốc chép là “Giáng châu long”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Giang châu long”.

Ách tắc.

Sách gốc chép là “Nguyễn Hạnh Thông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Mạnh Thông”.

Sách gốc chép là “Nguyễn Đại Pháp”.

Sách gốc chép là 1364.

Sách gốc chép là Hồ Hán Thượng.

Sách gốc chép là “Lê Canh Tuân”, đối chiếu bản chữ Hán và một số tài liệu khác thì là “Lê Cảnh Tuân”.

Sách gốc chép là Thân Báo Tư.

Sách gốc chép là Trần Khoang, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là Trần Khang.

Sách gốc chép là “Yến Kinh”. Ở đây chính xác gọi là “Yên Kinh” là một tên phổ biến khác không chính thức của Bắc Kinh, Trung Quốc.

Về tên thật của Trần Thiêm Bình, sử sách đề cập khác nhau. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Thiêm Bình có tên là Nguyễn Khang, Khâm định Việt sử thông giám cương mục thì ghi Thiêm Bình vốn có tên là Trần Khang.

Sách gốc chép là “Lê Trân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Vận”.

Sách gốc chép là Lương Như Hốt.

Dung.

Năm Ất Tỵ (1425) vua Minh Nhân Tông mất. (*)

Quý thị là quan đại phu nước Lỗ đời Xuân thu. Chuyên Du là một nước phụ thuộc của nước Lỗ. Câu này là mượn lời của đức Khổng Tử, ý nói triều đình nhà Minh cứ để ý vào việc viễn chinh không lo nội trị, khéo mà họa biến lại xảy ra ngay bên kề vách như là việc Cao Hư làm phản cũng chưa biết chừng. (*)

Sử ký: Vương Thông lấy chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, hủy đi để đúc súng đạn, lại đắp cao thêm lũy thành Đông Quan, đào hào, đóng cọc. (*)

Đình Mùi.

Ải Nam quan, nay là Hữu Nghị Quan.

Thất phu.

Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô. (*)

Bấy giờ hậu chúa nhà Nguyên còn giữ ở phía Bắc, đặt niên hiệu là Thiên Nguyên. (*)

Lưu Bị Chiêu Liệt đế nhà Thục Hán.

Khi ấy vua Lê Lợi tạm lập Trần Cảo lên ngôi, tự xưng là con cháu nhà Trần.

(*)

Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú nói có một người vàng. (*)

Sách gốc chép là Chinh lược.

Nước Lào.

Bảng nhân.

Kỷ Mùi.

Cầu mưa.

Bản chữ Hán chép là 9 lạng.

Bản chữ Hán chép là một đôi hạc bằng bạc.

Sách gốc chép là 1570-1620.

Sách gốc chép là Nguyễn Nhân Thiêm.

Sách gốc chép là “Triều Khánh thuộc Quảng Tây”. Ở đây có sự nhầm lẫn về địa danh. Theo sử sách Tàu, năm 1644, quân Thanh tiến vào quan nội, triều thần nhà Minh dời xuống phía Nam. Minh Quế Vương Chu Do Lang cháu Minh Thần Tông xưng đế tại đất Triệu Khánh, Quảng Đông, lấy niên hiệu là Vĩnh Lịch, tại vị 16 năm (1646-1662). Sau này, nhà Thanh truy đuổi gắt gao, ông chạy sang Miến Điện, nhưng rồi vẫn bị Ngô Tam Quế bắt được và xử tử tại Côn Minh.

Sách gốc chép là “Trịnh Trang”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Trịnh Tráng”.

Sách gốc chép là 1781-1788.

Sách gốc chép là 1662-1622.

Loại vải trắng mịn, khổ rộng.

Hiện có nhiều tài liệu ghi chép khác nhau về thời gian vua Quang Trung lên ngôi. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện là ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788); Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Gia Văn Phái) là ngày ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).

Sách gốc chép là “Kiền Long”. Trong cuốn sách này sử dụng song song cả hai tên gọi Kiền Long và Càn Long, để thuận tiện cho tra cứu chúng tôi mạn phép được đổi thống nhất là “Càn Long”.

Có thể là Trịnh Bồng.

Vua Lê Hiến Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786).

(*)

Chuốc.

Hay Ngô Văn Sở, một danh tướng nhà Tây Sơn.

Sách gốc chép là “Hắc Thiệu Tông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hách Thiệu Tông”.

Nguyên văn chép là sông Phú Lương. (*)

Ra lệnh, răn đe.

Quá quắt.

Vùng biên giới.

Bản gốc chép là “Đặng Văn Chấn”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Đặng Văn Chân”.

Voi đực.

Nguyên nhân, lý do.

(Hay khúc nôi, khúc nhôi) nỗi niềm khó nói, đầu đuôi sự việc.

Gần gũi.

Sách gốc chép là “Vũ Văn Dung”.

Có tài liệu chép là Chương Chấn võ quân.

Sách gốc chép là “Hổ xá”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hộ xá”, nghĩa là nơi tiếp rước, hộ tống.

Sách gốc chép là “Lê Thân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Tuấn”.

Sách gốc chép là “Nguyễn Tử Giản”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Tư Giản”.

Có tài liệu chép là “Bùi Ân Niên”, tức Bùi Văn Dị (1833-1895), còn gọi là Bùi Dị, tự Ân Niên.

Jules Patenôtre - Sứ thần Cộng hoà Pháp.

Tài liệu khác chép là Trình Tuyên.

(1) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để chỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách

viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử).

(2) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là đế khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để hi cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử).

1. Là ăn cây trái, giống như cây xoài ở phía Nam nhưng trái nhỏ, khi chín thì chua hơn.

1. Thuyết nhà Phật gọi xá lợi là tinh túy do tinh khí tụ lại khi đốt xác, lửa không đốt cháy được nên gọi là bảo. Tương truyền người nào học Phật thành thì thân hóa như thế.

(1) Lời sấm truyền bao giờ cũng chứa đầy sự bí hiểm, vì thế mà rất khó dịch, thậm chí, rất khó mà hiểu nổi. Trên đây chỉ là lời dịch đại để về ý mà thôi.

(1) : Hòa – đao – mộc ghép lại, có âm Hán Việt là lê, đây chỉ họ Lê, chỉ ngôi vua của Lê Long Đĩnh. Rụng là rụng xuống, ý nói sẽ mất đi.

(2) : Thập – bát – tử ghép lại có âm Hán Việt là lý, chỉ họ Lý. Chữ thành ngụ ý được dựng lên. Cả câu nói triều Lý sẽ được dựng lên.

(3) : Đông – a ghép lại có âm Hán Việt là trần, chỉ họ Trần. Họ vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc nên mới có hai chữ nhập địa.

(4) : Cây lạ sẽ tái sinh ngụ ý rằng, sau cũng có triều Lê, song đó lại là một họ Lê hoàn toàn khác.

(5) : Ý chỉ rằng sẽ có Thiên Tử. Xưa, người ta vẫn coi Thanh Hóa là Tây còn Thăng Long là Đông.

(6) Xin vui lòng đọc thêm tập 51 giai thoại thời Lý (tập thứ hai của bộ Việt sử giai thoại) để rõ thêm những tích này.

Bất cộng đới thiên: không đội trời chung.

Ý nói đấm cho vài cú đấm.

Ý nói muốn chém đầu.

Người hải tần: (Những) người sống ven biển.

Tương Dực Đế làm vua từ 1510 đến 1516, ngang đời Võ Tôn nhà Minh.

Niên hiệu Hồng Thuận thứ 5, tây lịch 1514.

Chữ Pháp.

Bình khí xưa, mũi dài, cán nhọn, dùng để đâm.

Một loại vũ khí trong thập bát ban võ nghệ. Giản theo như gốc tích ban đầu là một cây roi bằng tre hoặc cành gỗ, có chiều dài khoảng 60–70 cm. Về sau thì người ta còn dùng giản làm bằng kim loại. Bản gốc dùng ngôn ngữ biểu đạt phần nhiều khác với văn phạm hiện nay, người biên tập mạn phép thống nhất từ ngữ cho gần gũi với bạn đọc hiện nay. Rất mong nhận được ý kiến tích cực của bạn đọc gần xa.

Búa, rìu to dùng để phá núi hoặc sử dụng như một loại bình khí cổ.

Dứt lời.

Cú vọ.

Xào xạc.

Lá cọ.

Người đứng đầu vùng dân tộc Mường thời trước.

Quay, xoay

Suy yếu trước tác động bên ngoài.

(từ cũ) người làm ruộng thuê.

Dao quắm hình lưỡi liềm, lắp vào cán dài, dùng để cắt những vật trên cao hoặc chữa cháy.

Đồ dùng kim loại, nhọn đầu, xuyên vào lòng vật gì để thăm dò.

Vật có đầu nhọn hình cung phía trên bằng sắt hoặc tre, cắm vào một tấm gỗ để đánh bầy.

Rên rầm.

Nhà thờ, bái đường.

Dồn vào thế bắt buộc, ép buộc.

Cách nhau.

Chồm dậy trên hai chân với một sức hăng đột ngột do quá hoảng sợ.

Gặp, đối diện.

Vũ khí cổ, cán dài, đầu nhọn và cong như con rắn.

Lạnh lẽ.

Mỗi một

Độc giả, bạn đọc.

Có tài liệu chép bà sinh tại miền núi Quân Yên (hay Quan Yên), quận Cửu Chân (nay thuộc làng Quan Yên hay còn gọi là Yên Thôn, xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa).

Lịch sử vua Trưng ở truyện Hai bà đánh giặc. (chú thích gốc)

Bản gốc chép là “Sơn Tây”, ở đây có một sự nhầm lẫn, vùng nước Lỗ khi xưa nay thuộc tỉnh Sơn Đông Trung Quốc.

Nay là huyện Thương Ngô tỉnh Quảng Tây Trung Quốc.

Có tài liệu chép là Vu Dương.

(từ cũ) Tài giỏi hơn người.

Trần trọc.

Phòng bên cạnh.

Nến, sáp nến.

Cất lên tiếng nhạc.

Lớn.

Lễ hai vợ chồng uống chung một chén rượu trong đêm tân hôn, theo phong tục thời trước.

Loài cá mực, trong có thứ nước đen, dùng thứ ấy viết thành chữ, chỉ để lâu thời phai hết – cổ nhân gọi là “Ô tặc mực” .

Chạm đến, cảm động đến.

Câu này vốn ở trong Kinh Thi, nghĩa là: Lòng tôi chẳng phải chiều, cuốn lại được nào? Lòng tôi chẳng phải đá, chuyển đi được nào?

Cái đánh, cái đình.

Giọt nước của đồng hồ thời xưa.

Đời Xuân Thu, Sở Tương vương đến núi Vu sơn du ngoạn. Một hôm nằm mơ gặp một thiếu nữ tuyệt sắc, rồi cùng chung chăn gối. Sau khi cùng giai nhân thoả tình ân ái, nhà vua hỏi thì nàng ấy thưa rằng: - Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, qua chơi đất Cao Đường, vốn cùng nhà vua có tiền duyên, nay

được gặp gỡ thật thoả lòng mong ước. Thiếp có nhiệm vụ buổi mai làm mây, chiều làm mưa ở Dương Đài. Nói xong đoạn biến mất.

Ngoảnh lại.

Rốt cuộc.

Tên đầy đủ là Sở Văn Vương, vua thứ 21 nước Sở, chư hầu của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc.

Ngây ngất.

Âm khác của an ủi.

Quan làm việc dưới quyền một quan lớn thời phong kiến.

Tên khác của chim hồng hoàng.

Biểu thị sự quý trọng.

Hầu hạ và ngủ cùng.

Kiệt kiệt, tài giỏi hơn người.

Công lao.

Giám sát, chỉ huy.

Đánh đuổi, xua đuổi.

Tên tự của Tào Tháo.

Đề phòng, ngăn chặn sự tranh giành.

Hay Tào A Man, tên hời hợt của Tào Tháo.

Bản đồ một vùng, một nước.

Âm khác của soái, tướng chỉ huy quân đội thời phong kiến.

(hay xảy) chột, bỗng.

Bằng lòng như thế.

Có quan hệ mật thiết.

Giả sử như.

Đổi lại.

Một trong những kế trong Tam thập lục kế, được hiểu nôm na là ra tay trước để chiếm ưu thế, để đoạt lợi, để giành lấy chiến thắng trước khi đối phương kịp hành động.

Đặt điều nói xấu.

Rửa sạch mọi giận lớn.

Phần mặt phẳng nhô ra ngoài hiên, xung quanh có lan can. Âm khác là bao lớn.

Áo giáp có một miếng cứng đệm ngực.

Tự hợp lại làm điều bất chính, nhưng ở đây là từ mang nghĩa tốt.

Nhân chỗ trống, thừa lúc sơ hở.

Duy trì cái cũ.

Chẳng biết phải làm sao.

Trần trọc.

Nhánh quân.

Quân do thám.

Năm 201 sau Kỷ nguyên, tra lịch pháp thì nhằm năm Tân Tỵ, năm 210 mới là năm Canh Dần.

Lông chim trả.

Ngà voi.

Lệ chi là quả vải.

Người cha đã khuất.

Lời tuyên thệ.

Viên chức sơ cấp thời phong kiến.

Đơn vị hành chính thời trước.

Tính kế lâu dài.

Cũng nói giở giời, bày vẽ thêm.

Công thần khai quốc nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc.

Chiếu theo sự thương lượng, bàn bạc.

Âm Hán Việt, ý nói kết thúc.

Lời khuyên bảo.

Nằm sóng sượt.

Xuất xử: kẻ sĩ ra làm quan hoặc lui về ở ẩn.

Thăng tiến nhanh.

Đề bạt, cất nhắc.

Chứng cứ thực.

Nơi giam hãm, ý ở đây là dùng kế để giam lỏng, giám sát.

Hay đầm đờ (một dạng kết cấu trong xây dựng).

Dụng cụ làm bằng ống tre nhỏ, dẻo nhọn hai đầu để xóc lúa, rơm.

(từ cũ) Cha mẹ.

Chim cùng họ sáo, lông đen mượt, hai tai có vệt trắng, sau mắt có hai mấu thịt vàng, bắt chước được tiếng người.

Đồ đựng bằng sành, hình trụ, thân hơi phình, đáy lõm.

Dụng cụ thời cũ dùng để đo lường chất hạt rời, phần mười của đấu, khoảng bằng một lít.

Cách nói tắt, ý nói con cá sấu.

(hay giày) giảm đi giảm lại.

Đằm.

Ký thác, gửi gắm.

(từ cũ) biểu thị ý nghi ngờ.

Dòm ngó, nghe trộm.

Thời kỳ xa xưa nhất trong lịch sử loài người.

Từng đông.

Cân nhắc, đắn đo.

Thông báo.

Khuyên.

Ý nói đảng thuộc địa phương đứng ra khởi binh.

Vậy nên.

Lợi dụng việc công để mưu lợi.

Người đầy tớ già.

Nắm thật chặt, không buông.

Cởi.

Hai thích khách nổi tiếng bậc nhất thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Chặt bằng vật có lưỡi sắc.

Hiệp.

Vươn dài để với.

Lấy nhàn để đối phó với mỗi mệt.

Ngay thẳng, đứng đắn.

Vật trước áo.

Lầm bầm.

Hưởng ứng.

Hay ro ró, ru rú.

Cờ xí.

Nói rõ quyết định, ý nghĩa của việc cần làm.

Mưu sâu lo xa.

Tụ tập đông đảo.

Quay lại.

Có thù với nhau.

Để lại, lưu lại lâu.

Gậy lớn, hai đầu bằng nhau dùng làm khí giới.

Nhô ra, thò ra.

Dao quắm.

Nơi canh gác đầu làng.

Cây cùng họ dâu tằm, lá có răng cưa, cứng và sắc, thường trồng làm hàng rào.

Phương ngữ, ý nói kém.

Thieu chấy đen thui.

Người ở.

Một loại vũ khí, dùng để bắn tên, gần giống nỏ.

Nhẫn nhui.

Ôi! Hiền thê! ...Hiền thê hay ác phụ?!

Ý nói quyên góp, ủng hộ.

Trận pháp trong binh pháp cổ đại Trung Quốc, còn có tên gọi là Ngũ hành trận. Nó dựa theo thể trận biến hóa của Ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).

Trận pháp dùng để tu luyện Bộ Liên Hoa. Chia làm hai loại lớn nhỏ. Tiểu Liên Hoa trận do 16 mộc nhân tạo thành, đại Liên Hoa Trận có 64 cái, sắp xếp theo bố cục bát quái.

Cởi.

Âm khác của trình.

Dân binh miền núi.

Thu nhận, nạp dụng.

Chuyển giao lương thực.
(từ cũ) người phụ nữ có tài.
Đường dẫn nước hẹp và nông hoặc chỗ sâu nhất của dòng sông.
Rúc vào.
Cầu treo.
Bình đựng rượu bằng sành, thân phình to, cổ dài.
Đi chơi không có mục đích.
Tức một khiên.
Cầu phao.
Tin báo thắng trận.
Quân tuần tra để giữ gìn an ninh.
Âm khác của bao vây.
Đi một cách nhanh chóng.
Dùng, sử dụng.
Vua Bà Lệ Hải.
Tức Mê Linh.
Đem gông cổ rồi áp giải đi.
Ý là nên dùng mưu, không thể dùng sức.
Khởi hành ngay trong ngày.
Sấm nhanh không kịp bịt tai, xuất kỳ bất ý, hành động bất ngờ khiến đối
phương không kịp trở tay.
Quản Trọng, Nhạc Phi hai nhà quân sự nổi tiếng Trung Quốc.
Lượm lúa nhỏ được buộc gọn lại.
Con đỏ.
Chết do giặc giết.
Lấy yếu thắng mạnh, lấy nhu khắc cương, thật thật giả giả.
Đi theo, theo về.
Đường lui.
Rầy rà, phiền phức.
Lo lắng.
Chận đánh.
Chạy trốn tìm đường thoát chết.

Do dự, chưa quyết định dứt khoát.

Đánh chặn ngang.

Nay là làng Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa

Table of Contents

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TIỂU DẪN

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỒ

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

TỰA

I.

II.

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ(13)

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

HỒ GƯƠM

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

MA ĐỒNG XUÂN

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

THÀNH ĐẠO TỬ

ÔNG LÊ THÌ HIỂN

ÔNG ĐỖ THỂ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

CHÙA TIÊN TÍCH

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

NGƯỜI LÀM MƯƠN Ở KINH THÀNH

ÔNG LÊ ANH TUẤN

ÔNG BÙI THẾ VINH

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TẾ

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

HÓA HỔ

ĐỨA CON ĐEN

HANG NÚI

ANH KẼ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

ÔNG ĐỖ UÔNG

TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

SÔNG DỪNG

NÚI ĐÔNG LIỆT

NÚI RẾT

NỘI ĐẠO TRÀNG

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

PHẦN II. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

ÔNG LÊ TRÃI

ÔNG BÙI CẦM HỔ

THƠ MA

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

THI HỘI

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

BIA NÚI THÀNH NAM
CỤ THÁI TẾ TÔI
SÔNG ĐỘC
MẢ TỔ QUẬN BẮNG
MIẾU THANH CẨM
DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM.
ÔNG ĐẶNG CHẤT
ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ
QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG
TẢ AO TIÊN SINH.
THÀNH CỬ TRIỀU KHẨU
ÔNG VŨ DUỆ
ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI(102)
MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SỰ
NGƯỜI KHỔNG LỒ
ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG
CHÙA THIÊN MỤ
HỒ HOÀN KIẾM
CỬA KINH THÀNH
ÔNG HOÀNG SẦM
ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN
MẸ RANH CÀN SÁT
ĐỀN TRẦN VÕ
NÚI DỤC THÚY
MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ô
ÔNG SẦM
ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO
ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO
ÔNG BÙI HUY BÍCH
THÁP BÁO THIÊN
TIÊN QUẬN CHÚA
NGƯỜI BÁN THAN

II

III

I

II

III

IV

PHẠM TẤU

ÔNG VÕ CÔNG TRẦN

ÔNG NGUYỄN TRẬT

ÔNG VÕ SỬỞNG

CHUYẾT CÔNG THIỀN SƯ

ĐỀN LINH LANG

CHÙA KIM LIÊN

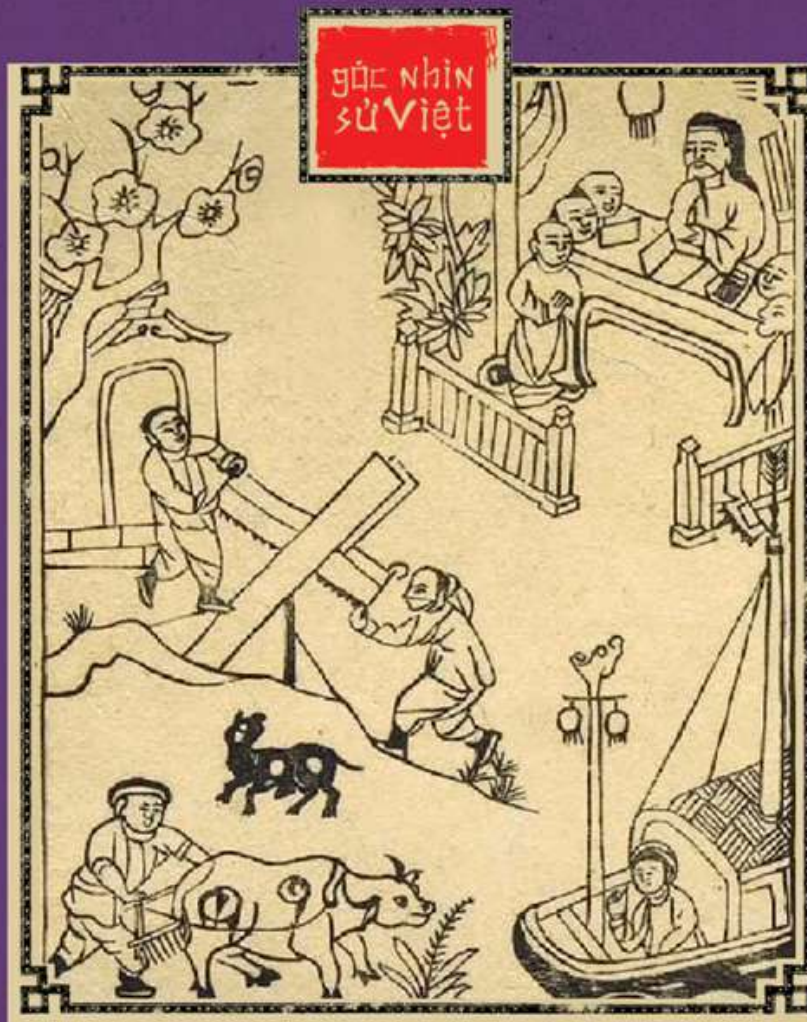
THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

THƠ ĐỀ SAU

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Phạm Đình Hồ & Nguyễn Ân

TANG THƯƠNG NGÃU LỤC



*Những câu chuyện quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép.
Tài liệu quý dùng để khảo cứu lịch sử, địa lý, điển lễ,
phong tục vào cuối đời Lê.*

alphabooks®
ALPHABOOKS PUBLISHING



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI